

HARRY REICHENBACH
DAVID FREEDMAN

BÔNG MA DANH VỌNG

Những chiêu trò tinh quái của

huyền thoại truyền thông **HARRY REICHENBACH**

Nguyễn Hạo Nhiên dịch

UEP NXB KINH TẾ
TP. HỒ CHÍ MINH
PUBLISHING HOUSE



Ngành công nghiệp điện ảnh Mỹ thuở sơ khai là một trong những ngành bị ruồng bỏ: kỹ thuật quay phim thời ấy còn quá tệ để giúp điện ảnh vượt lên trên các nhà hát nguy nga tráng lệ. Những người tiên phong ngành điện ảnh như các hãng Metro, Goldwyn, Paramount, Fox hay Warner Bros lúc ấy cũng chỉ mò mẫm trong bóng tối. Nếu như không có những chiêu trò truyền thông nửa chính nửa tà của những chuyên gia như Harry Reichenbach, có lẽ ngành điện ảnh sẽ không bao giờ được như ngày hôm nay.

Xuất thân là dân gánh xiếc nay đây mai đó với đủ loại chiêu trò tinh quái, Harry Reichenbach đã nâng ngành truyền thông lên một tầm cao mới, với những kỹ thuật sáng tạo vượt ra ngoài mọi khuôn khổ. Đường phố đã dạy cho ông cách phản ứng nhanh cùng với tư duy linh hoạt trong mọi tình huống. Và đó chính là thứ mà Reichenbach sẽ truyền lại cho các thế hệ sau trong quyển sách này...



Giá: 120.000 VND

Harry Reichenbach & David Freedman

BÓNG MA DANH VỌNG

Những chiêu trò tinh quái của huyền thoại truyền thông
Harry Reichenbach

Nguyễn Hạo Nhiên *dịch*

Tái bản lần thứ nhất

NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh

BÓNG MA DANH VỌNG

Dịch từ bản gốc tiếng Anh: PHANTOM FAME: THE ANATOMY OF BALLYHOO

Tác giả: Harry Reichenbach & David Freedman.

Dịch giả: Nguyễn Hạo Nhiên.

Xuất bản lần đầu năm 2017 theo hợp đồng liên kết của Công ty TNHH Ecoblader và Nhà xuất bản Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

Không sử dụng hoặc in lại bất kỳ phần nào của quyển sách này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của người/công ty giữ bản quyền.

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ contact@ecoblader.com hoặc <http://ecoblader.com>.

Hình ảnh bìa được mua bởi Hạo Nhiên từ Eugene Sergeev tại http://vn.123rf.com/photo_28914950_portrait-of-invisible-man-in-the-hood-isolated-on-black-background.html.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	4
Giới thiệu	7
Chương I.....	18
Frostburg	
Chương II	29
Dạy nhà.....	
Chương III.....	44
Gánh xiếc của Swanson	
Chương IV.....	56
Sự tử và vệt	
Chương V	71
Reynard Vĩ Đại	
Chương VI.....	90
Phiêu lưu cùng nhà ảo thuật.....	
Chương VII.....	101
New York.....	

Chương VIII.....	118
Những cuộc chơi chính trị	
Chương IX	127
William Fox	
Chương X.....	141
Thuở ban sơ của ngành điện ảnh.....	
Chương XI	156
Điện ảnh: con sói vàng	
Chương XII.....	169
Những kẻ tạo trào lưu	
Chương XIII	178
Lucinda	
Chương XIV	188
Tuần trăng mật ở London	
Chương XV	199
Danh vọng hư ảo	
Chương XVI	207
Bên kia đỉnh dốc	
Chương XVII.....	215
Bệnh ngôi sao	
Chương XVIII.....	227
Cái chết của phim câm.....	
Chương XIX.....	234
Thế chiến.....	

Chương XX.....	244
Chiến trường không tiếng súng	
Kết – viết bởi David Freedman.....	254

LỜI NÓI ĐẦU

Tôi không bao giờ nghĩ có một ngày tôi sẽ trở thành đại diện truyền thông của người đại diện truyền thông giỏi nhất show-biz.¹

Thế nhưng, đây cũng là một nhiệm vụ chứa đựng vô vàn niềm vui theo cách riêng của nó. Giá như Harry Reichenbach còn đây để đọc những dòng chữ này thì sẽ còn vui hơn nữa.

Nghĩ lại thì nhiệm vụ này có lẽ không vui lắm cho Reichenbach, bởi tay chuyên gia lãnh nghề này sẽ nhìn thấy lỗi trong những gì tôi đã làm—và dĩ nhiên là *chém gió* qua lại ăn miếng trả miếng để tranh luận với tuyệt đại cao thủ là một việc quá ư là nguy hiểm cho tôi.

Reichenbach biết hết tất cả những câu trả lời, đối đáp nhanh nhạy đến nỗi hiểm khi gặp ai trên cơ. Tôi nhớ lại thì chỉ duy nhất một lần anh ấy *chém* không lại mà thôi.

Lần đó anh ấy gặp Bugs Baer, một tay mồm miệng khá dẻo. Anh bảo: “Xin lỗi vì tôi trễ nha. Tôi vừa ở tiệm làm đẹp kia ra.”

¹ Ngành trình diễn-giải trí (show business).

Baer đáp ngay: “Thật á hả? Nhìn kỹ anh thì tôi rất lấy làm tiếc vì anh chưa kịp được người ta tân trang nhan sắc thì đã phải đi gặp tôi rồi!”

Harry Reichenbach thành công ở New York và ở Broadway vì nhiều lý do. Anh thông minh. Anh làm sếp mình giàu hơn. Anh không sợ tạo thêm kẻ thù, nhưng cũng không bao giờ đánh mất một người bạn nào mà anh đã cố tình muốn giữ.

Anh là ngôi sao trong nghề kích cho người khác phải bàn luận. Không cần biết sản phẩm là gì, người cần *bom* là ai, hay nơi cần quảng bá ở đâu, chỉ cần có Reichenbach thì sản phẩm, con người hay địa điểm ấy chắc chắn sẽ nổi tiếng—thường thì ở tầm quốc tế.

Anh có quyền năng làm bạc tóc trên đầu lẫn râu trên cằm của các tổng biên tập báo chỉ bằng những câu chuyện hoang đường về người và vật. Anh giỏi tới nỗi mỗi khi có cái gì đó nổi tiếng, hay có gì đó đáng nghi trên báo, là người ta lại bảo “chắc lại là trò của Reichenbach.” Ở thế mà cuối cùng những trò của anh vẫn lên báo, trở thành TIN TỨC hàng hoàng! Chắc mấy mẩu tin của anh ấy có bỏ bùa mê thuốc lú. Đọc thích lắm!

Và rồi anh ấy để lại sau lưng *Bóng ma danh vọng*.

Harry biết rõ thế giới này. Anh ấy hiểu người dân sống trong thế giới ấy, anh biết rõ cả những ông hoàng, những anh nhà thơ và những gã nông dân chân chất. Có thể Harry có đánh bóng bọn họ, tô điểm đôi chút trước khi bán cho báo chí, nhưng trong *Bóng ma danh vọng*, anh đã bỏ hết những lớp nguy trang, để bên cạnh những câu chuyện hấp dẫn, độc giả có thể thấy rõ, anh ấy đã làm mọi thứ như thế nào.

Tôi tin từng câu từng chữ mà anh viết. Có lẽ bởi vì tôi đã quen với những con người và quy cách làm việc ở Broadway.

Đồng tác giả của Harry—anh David Freedman—là một tay bút cao thủ (tôi xin ganh tị công nhận sự thật này). Hollywood, Broadway, Sioux City, và Wappinger Falls ở New York sẽ phải thức trắng mấy đêm ròng rã để nghiền ngẫm từng câu chữ trong *Bóng ma danh vọng*—để có thể khám phá tận đáy chiếc mũ cao của nhà ảo thuật và học hỏi theo—để họ có thể tự nâng cấp bản thân, khiến mình trở nên quyến rũ hơn ở các buổi tiệc, ở quầy bar, ở trong những toa tàu hay cổng vòm nguy nga tráng lệ.

Với tất cả những thông tin bấy lâu nay được giữ kín, Reichenbach rõ ràng không còn muốn che giấu, tung hỏa mù, tô điểm hay tân trang sự thực nữa. Cũng dễ hiểu, khi viết quyển sách này, anh đâu phải quảng bá cho ai, giải quyết sai lầm cho ai nữa. Những *con rối* trong tay anh từ trước đến nay sẽ được hít thở thông thả nhẹ nhàng hơn, để thoải mái cười cợt Reichenbach khi anh bắt đầu hứng chịu mũi dùi dư luận từ độc giả có ý kiến trái chiều.

Thay lời kết: “Tóc anh trắng như tuyết, Harry à—bởi vì chính con người anh cũng tinh khiết như băng!”

Walter Winchell

GIỚI THIỆU

Một gã đàn ông gầy gò, cao lêu nghêu đi dọc con đường lớn ở Frostburg, Maryland, một tay cầm theo một cuộn giấy, tay còn lại cầm theo hai viên gạch. Bỗng dừng gã ngừng lại, đặt một viên gạch trên vỉa hè, đi khoảng mười bước và đặt tiếp viên thứ hai. Rồi gã quay người lại, ngó ngó nghiêng nghiêng về như đang đo đạc gì đó với hai viên gạch này. Đám đông tò mò bu quanh. Gã cầm viên gạch đầu tiên lên, đến chỗ viên thứ hai rồi đi thêm mười bước nữa, rồi lại quay người ngăm ngăm, về như tính toán dữ lắm. Có người bảo: “Người ta đang đo để xây cái trung tâm mua sắm mới đó.” Người khác bảo: “Không có đâu. Họ đang đo xem mỏ than mới được tìm ra ở George’s Creek trải dài tới đâu đấy thôi.”

Gã đàn ông gầy của chúng ta chẳng thèm để ý tới những thứ mà mọi người đang suy đoán, cứ tiếp tục một cách vô cùng có hệ thống và phương pháp: gã cứ đặt viên này cách viên kia mười bước chân. Còn đám đông à? Đám ngày càng đông cứ đi từ từ theo xem gã đang làm gì.

Lúc đó tôi mới chín tuổi thôi, tóc tai như tổ quạ, giò dài tong teo, mắt to tròn ngây thơ. Khi ấy tôi len lỏi như con lươn trong vũng bùn, luôn tìm được cách đứng được ngay đầu hàng

dù đám đông có đặc kén cỡ nào đi nữa. Sau khi đi được khoảng bốn dãy nhà, gần như cả cái thị trấn Frostburg đã hành quân theo gã gầy xạm ấy. Thế rồi bỗng gã dừng ngay trước khu vui chơi của thị trấn. Ngay tại nơi ấy, gã nhẹ nhàng vứt mấy viên gạch sang một bên, mở cuộn giấy ra. Trên cuộn giấy có mấy dòng chữ, ghi là gánh hát Cleveland Minstrels sẽ đến diễn ở đây vào tuần tới, bà con nhớ đến xem.

Gã đàn ông với mấy viên gạch đã dạy tôi bài học đầu tiên trong việc thu hút sự chú ý của đám đông và kéo họ về phía mình. Thay vì đánh trống thổi kèn, gã chỉ cần yên lặng làm việc với hai viên gạch.

Tôi đã thử trò của gã với nhiều biến thể khác nhau. Tôi đã cho mấy cô gái đội mũ beret và mặc đồ kiểu nghệ sỹ leo lên dàn giáo để vẽ một bức tranh thật lớn ở đường số 42, khiến cho Quảng trường Thời Đại đặc quánh người bu đen bu đỏ. Ai ai cũng ngược nhìn đoán mò xem chúng tôi đang làm gì. Hay có dịp nọ, tôi cho bọc lưới thép xung quanh cái thùng phuy, ở ngoài đề biển: “Cẩn thận, có rắn!” Thế là hàng trăm người đi ngang qua dừng lại cách thùng khoảng hai mét, nhón chân cố đọc thông tin quảng cáo ở mặt thùng. Dù chiếc thùng phuy có ở Broadstreet ở Minonk, Illinois, hay ở Chicago, hiệu ứng vẫn không hề suy giảm.

Khi những con người thần thánh trong Kinh thánh thổi hồi tù và để gọi con chiên đến cầu nguyện, khi những vị chức sắc thủ lĩnh kêu gọi mọi người để bàn luận hay để khơi mào chiến tranh, họ không thể nào tưởng tượng được rằng chỉ một hồi tù và ấy có thể vang vọng và khuếch đại qua hàng triệu tiếng kèn, hàng triệu lời truyền miệng, qua những thằng mõ trong làng, qua báo in, phát thanh, điện thoại và điện tín đến khắp mọi nơi, mọi miền và mọi thời đại. Thu hút, kêu gọi và giữ đám

đồng là ngành kinh doanh vĩ đại nhất trái đất này — thậm chí cả trái đất cũng đang làm chính những nhiệm vụ ấy.

Lúc chín tuổi, tôi đã học được rằng ta có thể khiến mọi người đi theo, nhưng vào năm mười tuổi, tôi lại phát hiện ra thêm rằng con người ta quá dễ tin người. Ở một cửa hàng ở Frostburg, một nhà thôi miên đi ngang qua và ghé lại trước cửa kính lớn của cửa hàng. Ông tuyên bố có thể tiêu diệt mọi loại bệnh tật, và ngỏ ý rằng có thể nhận chút tiền để biểu diễn thôi miên một người dân ở thị trấn suốt sáu ngày liền. Đâu có ai trong thị trấn dám lên thử. Thế nhưng, một chàng trai trẻ hơi lạ lạ từ trong đám đông bước lên phía trước. Anh bảo rằng anh ghé nơi này để thăm bà dì, cảm thấy hơi chán nên sẵn lòng hy sinh cả tuần để thử ngủ trong cửa kiếng, thay vì phải nằm ở cái tiệm làm đẹp của bà dì.

Anh chàng bị thôi miên và cho nằm thẳng cẳng trên bàn trước mắt tất cả mọi người. Mỗi ngày qua đi, đám đông cứ đứng hàng giờ nhìn anh chàng nằm ngủ trong yên lặng, chả biết những gì xảy ra xung quanh mình. Ngay cả những kẻ đa nghi nhất ở Frostburg cũng đã tin tưởng hoàn toàn sau ngày thứ hai, và đổ xô đến xin được gặp vị đạo sỹ đắc đạo kia.

Thế nhưng, gã đàn ông cầm viên gạch lúc trước đã gieo trong tôi tinh thần nghi ngờ trước khi vội tin ai. Vào ngày thứ ba, tôi lên vào cửa hàng. Đứng bên kia tấm màn, tôi thì thầm với chàng trai vô hồn trên bàn: “Này, thầy của mình hỏi là anh có ổn không.”

“Nói với thầy là anh vẫn ổn nhé em.”

Ngay lúc đó, tôi thấy mình được khai sáng vượt bậc, lên hẳn hai cấp trong ngành lừa người. Đúng là khi mà thế giới còn người cả tin, thì vẫn sẽ còn chỗ cho những điều ảo diệu tồn tại.

Hồi đó, tôi hay đọc mấy quyển truyện ly kỳ, trinh thám giá năm xu (sau này lên một đô la), cũng như những câu chuyện tuyệt vời về Frank Reade, Jr. Tuy tôi không bao giờ mơ sẽ trở thành tay kỹ sư có thể một bước đi năm dặm, nhưng tôi cũng to tưởng trở thành vị anh hùng Frank Merriwell, người luôn hiên ngang đứng trước họng súng quân thù, hay một chân cheo leo bên bờ dốc thẳng đứng. Đó là cuộc đời của tôi! Aladdin kết hợp với Buffalo Bill! Khó khăn gian khổ đi kèm với ma thuật, những cuộc phiêu lưu và những điều kỳ lạ! Ở thị trấn quê tôi, trò vui duy nhất của tôi là ngồi trước quán cà phê Hammersmith's với mấy thằng nhóc khác, vừa ăn bánh kem vừa nói chuyện cộc cằn kiểu đàn ông. Tôi cũng hay đứng ở nhà ga xe lửa, nhìn những đoàn tàu dài vô tận, tưởng tượng đó là hàng ngàn ngọn giáo. Đàng xa xa—khoảng ba dặm—những ngọn giáo ấy bất ngờ biến mất ở một khúc cua gấp. Ở ngay khúc cua ấy là cả thế giới rộng lớn—Baltimore—những thành phố lớn phía Đông, và cả New York—trung tâm vũ trụ. Hai năm sau, tôi có cơ hội đi dọc đường ray và cuối cùng cũng đến khúc cua ấy. Tôi leo nhanh qua sườn dốc, trông chờ được nhìn ngắm thế giới rộng lớn, để rồi thất vọng: chẳng có gì bên kia cả, chỉ lại là một khúc cua gấp khác mà thôi.

Nhưng rồi thế giới lại chìa tay ra với tôi. Một gánh xiếc ghé ngang thị trấn để biểu diễn. Nào là thầy bói Wanda, nào là Hồng Nhi Nữ, rồi nhà diễn thuyết Windy Ughes và chị em sinh đôi người Thái Millie-Christine. Có cả xà nhân Mlle. Sutro nữa. Theo bản năng, tôi như bị hút bởi nam châm, và gia nhập ngay gia đình đầy màu sắc ấy. Khi họ rời khỏi thị trấn, tôi đi theo. Tôi phát hiện ra rằng dân du mục chỉ bắt chước mấy gã trong gánh xiếc thôi. Những gã sống cùng gánh xiếc mới là những kẻ du mục thật sự—với họ, bốn bề là nhà. Không được ở trong lều, họ ăn không ngon ngủ không yên; họ tinh ranh đủ để lừa

những tay cao bồi ngay dưới họng súng đang chực chờ khè lửa.

Ở nơi đó, tôi được một đội ngũ “thầy giáo” tâm huyết dạy dỗ tận tình. Đội ngũ này có Queer, linh vật hoạt hình của gánh xiếc. Có ông bác sỹ Crosby, cựu giáo sư tiếng Anh ở Đại học Western. Ông chưa bao giờ say xỉn, có thói quen lấy cái ly thiếc làm gương soi, lấy đầu dây thừng làm bàn chải và cạnh sắc của tấm gương làm dao cạo. Có Murphy Do Thái, người đã dạy tôi rằng: “Thằng nào hay khoe súng sẽ không bao giờ dùng, vì không ai lấy đồ trang sức ra đánh nhau cả.” Có cả tiến sỹ Hawks. Ông hay bảo rằng: “Một hàng dài nông dân chính là máy nhà tiền cho dân xiếc chúng ta.” Rồi có Hiki Blitz nữa, anh luôn tâm niệm rằng lừa mấy gã nhà quê một chút cũng tương đương với làm việc tốt, bởi nó giúp cho mấy gã này thông minh hơn trong những phi vụ quan trọng hơn về sau này. Tất cả những đứa trẻ sinh ra bên chiếc tù và—những kẻ thối kèn với âm thanh đầy ma lực, thu hút tất cả những đôi tai và tâm trí mọi làng quê—đều trưởng thành từ đây. Chúng tôi tin rằng trực trái đất được tra dầu chuối, còn đất đai thì toàn sốt táo mà thôi.

Bác sỹ Crosby già hay dẫn tôi đi bộ vào buổi sáng ở mỗi thị trấn mà gánh xiếc trình diễn, rồi dạy tôi những triết lý của thế giới xung quanh tấm vải lều. Ông hay nói, giọng khào khào, khan đặc: “Này Harry, nghe mà nhớ lấy này, nếu mấy thằng cho thuê hay cầm đồ mà làm ăn được, thì có nghĩa là không ai khác trong thị trấn giàu cả. Ai cũng có chút máu me dân gánh xiếc. Mỗi khi gánh xiếc đến bất kỳ đâu, cũng sẽ có chín gánh đã đến trước đó rồi, thế nên muốn sống thì đầu óc phải nhanh nhạy.” Ông lấy thêm một mẫu thuốc lá đen bỏ vào miệng, quẹt hàm rìa bằng nắm tay sắt rồi nói tiếp: “Thế nên đừng cho mấy thằng gà có cơ hội ngồi nghỉ. Thế giới này luôn vận hành theo

kiểu cá lớn nuốt cá bé. Nếu có đứa nhóc sinh ra ở bên này đường với 50 đô la trong tay, sẽ ngay lập tức có một đứa khác ở bên kia đường đang tính kế lấy đi 50 đô la ấy! Thế nên, cách duy nhất để chúng ta hạ nốc ao lũ kia chính là ngay lập tức dựng rạp mở màn, đánh trống thổi kèn, kiếm tiền, không chờ đợi!”

Tôi luôn làm theo những lời ông dạy. Vì ông hay đóng vai nha sỹ ở hội chợ và thường quảng cáo rằng có thể nhổ răng không đau, nên mỗi lần ông kéo cái răng của bệnh nhân ra, tôi hay phải đánh trống thổi kèn thật to, gần như bằng với âm thanh chuông báo cháy để át đi tiếng thét của gã bệnh nhân xấu số.

Trong những cuộc ẩu đả với mấy tay cảnh sát trưởng, cao bồi, chần gia súc, với những bãi nước miếng nhầy nhụa và những kẻ nửa người nửa thú, trong cuộc hành trình đi xuyên qua những thị trấn rộng lớn đầy cờ bạc và mại dâm, tôi đã bước đầu hấp thu được triết lý giáo dục của thế giới đường phố. Tôi chưa bao giờ bước chân vào một ngôi trường nào cả. Tôi được dạy dỗ ở bên ngoài, trên lề đường, hè phố. Và nhờ những phản ứng kỳ dị với môi trường, nhờ những phép màu trong những quyển truyện năm xu và những quyển sách tuyệt diệu, kinh nghiệm về thực tế đầy màu sắc ngày càng được khuếch đại trong trí tưởng tượng trẻ thơ của tôi. Tôi bắt đầu thực sự sống cuộc đời của Frank Merriwell, thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, bước vào những cuộc phiêu lưu kỳ thú và tin rằng không gì là không thể xảy ra, kể cả những điều phi thường kỳ dị nhất.

Do vậy, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi sau này tôi bắt đầu làm nghề thao túng công chúng. Tôi có thể dặt mũi hàng trăm tay biên tập để họ đưa những thông tin hấp dẫn của tôi

lên trang nhất, để họ phải giật tit ở hàng trăm trang báo khác nhau và tường thuật những điều... chưa bao giờ xảy ra. Tôi dễ dàng biến một người trở thành vị hoàng đế ma thuật có khả năng tự mở còng tay, dù rằng chính hắn không thể nào tự cởi một chiếc áo sơ mi bình thường. Có lần, chỉ trong mười ngày tôi còn biến một cô gái trẻ vô danh, không có cả tài năng trở thành cái tên xuất hiện dày đặc trên mọi biển hiệu nhấp nháy ở Broadway với mức cát-xê hạng nhất. Chỉ cần một câu khẩu hiệu ổn ổn và một phiếu khuyến mãi trên báo, tôi đã làm thay đổi chính phủ Uruguay chỉ trong hai tuần. Tôi đã biến một tay trẻ tuổi từ một gã khù khờ hay mặc quần có nếp thành thần tượng buổi sáng của toàn dân Mỹ. Tôi đã đổi tên Đại lộ Michigan thành Con đường Giác Mơ thông qua trưng cầu dân ý. Tôi đã đưa một bộ tộc ăn thịt người đến Tarrytown, New York để quảng cáo cho một bức tranh, biến một sự thất bại thảm hại thành thành công tâm cỡ quốc gia chỉ bằng cách cho một con sư tử đứng trước một khách sạn hạng nhất. Tôi đã từng khiến râu của Rudolph Valentino¹ được nằm trang trọng ở viện bảo tàng ở California nữa. Thông qua những trò gây sốc này, ngành điện ảnh từ một trò hề đã biến thành ngành công nghiệp đứng thứ ba ở Mỹ.

Khi viết về chuyện đời tôi, tôi thấy rằng có lẽ là nên để chuyện về những gánh xiếc, về những trò ảo thuật được đặt ở một vị trí trang trọng trong lịch sử phát triển của ngành truyền thông—từ thời truyền thông chỉ mới tồn tại manh mún ở gánh xiếc đến lúc được bàn luận trong các hội đồng lớn. Tôi có thể

¹ Rodolfo Alfonso Raffaello Pierre Filibert Guglielmi di Valentina d'Antonguella, nghệ danh Rudolph Valentino (1895 – 1926), diễn viên nổi tiếng người Mỹ thời kỳ phim câm, được xem là hình mẫu đàn ông Mỹ lý tưởng thời bấy giờ.

thấy rõ ràng một cách khoa học rằng, ngành truyền thông về bản chất bắt nguồn từ những chiêu trò của những gánh xiếc rong.

Những quyển tự truyện thường viết về những con người đã thu hút được sự chú ý của toàn thế giới về phía mình. Riêng tôi, tôi chỉ thu hút sự chú ý của thế giới về phía người khác. Do vậy, quyển sách này đa phần chỉ kể chuyện về những người khác. Có thể bạn sẽ thích học hỏi từ những câu chuyện bên trong ngành công nghiệp nuôi trồng danh vọng này.

Danh vọng tựa như một người phụ nữ tuyệt trần với quá khứ sau lưng. Nhưng nàng là một tạo vật tuyệt mỹ đến nỗi, con mắt công chúng đã bị nhòa đi vì ngưỡng mộ mà quên mất bóng tối sau lưng nàng. Họ quên đi việc phải tìm hiểu rõ nàng là ai, nàng từ đâu đến và leo lên đỉnh vinh quang bằng cách nào. Danh vọng! Đối với họ, nàng là một tạo vật quyến rũ và hoàn hảo—chỉ thế mà thôi!

Thế nhưng, tôi đã làm ăn với nàng hơn 30 năm nay rồi, và tôi biết gần hết những bí mật của quý cô bí ẩn này. Có lẽ bạn sẽ muốn biết cách mà danh vọng được gây dựng từ thế giới đằng sau các ngôi sao màn bạc, hay làm thế nào mà một con người vô danh có thể trở thành sao rực rỡ cấp quốc gia chỉ trong một đêm nhờ những trò làm lóa mắt công chúng. Thế rồi danh vọng đi thẳng vào đầu óc họ, khiến những ngôi sao này bắt đầu sống với tôn chỉ “Danh vọng mà cao thì chẳng cũng không sao.” Những trò làm lóa mắt công chúng ấy kể ra quá nhỏ nhoi so với trò chơi mà định mệnh đã chơi với những tên tuổi như Clara Kimball Young, Charles Ray, Gloria Swanson, Rudolph Valentino, Wallace Reid, Barbara La Marr và Francis X. Bushman: họ bắt đầu phải chịu đau đớn như con thiêu thân bay quá gần ánh đèn cầy.

Từ màn bạc với những cái đầu đỉnh nạm kim cương sáng lóa như dải ngân hà, tôi bỗng được gọi vào phục vụ cho Hội đồng Truyền thông Công chúng¹ dưới quyền George Creel.² Truyền thông giờ đây là thứ sống còn, ảnh hưởng cả triệu dân cũng như toàn đất nước này ở mặt trận phía Tây. Khi đó, tôi chỉ mới là một anh nhân viên quen trong cỗ máy chiến tranh bằng tuyên truyền, nhưng ngay lúc đó tôi đã sớm nhận ra rằng, chiến tranh ngôn từ còn khốc liệt hơn cả chiến tranh bằng súng đạn. Tuyên truyền-truyền thông được giao nhiệm vụ giáo dục kẻ thù, giúp giảm thương vong và rút ngắn cuộc chiến. Cảm hóa được một anh lính cầm súng máy người Đức nghĩa là giúp cứu mạng cả ngàn người lính Hiệp ước.³ Tôi phục vụ ở phòng ban tuyên truyền đến kẻ thù. Những người ở đây làm nhiệm vụ củng cố nhuệ khí quân Hiệp ước ở mặt trận Ý. Chúng tôi đã rải 45 triệu truyền đơn đến chiến tuyến quân thù, nhiều đến nỗi mà Gia tộc Hapsburg và Gia tộc Hohenzollern⁴ nhận còn nhiều giấy hơn buổi diễn mở màn ở rạp Shubert.

Đây là một bước tiến dài so với những ngày đầu khi tôi còn làm nhiệm vụ truyền thông ở mấy gánh xiếc cũ. Đó cũng là một sự biến chuyển kỳ lạ và thú vị đối với riêng tôi. Tôi nhìn lại, thấy mình đang đứng trước những hình nộm kỳ dị ở gánh xiếc, với mọi người ở đó—from Bác sỹ Crosby, Windy Hughes,

¹ Một bộ phận tuyên truyền được thành lập bởi tổng thống Woodrow Wilson trong Thế chiến I.

² George Edward Creel (1876 – 1953), nhà báo phóng sự điều tra người Mỹ, sau này là người đứng đầu Hội đồng Truyền thông Công chúng.

³ Phe Hiệp ước trong Thế chiến I gồm các thành viên chủ chốt là Anh, Pháp, Ý, Nga, Mỹ. Phe đối đầu với họ là phe Liên minh, gồm Đức, đế quốc Áo-Hung, đế quốc Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ) và Bulgaria.

⁴ Hai gia tộc nổi tiếng ở Áo (gia tộc Hapsburg) và Đức (gia tộc Hohenzollern).

Murphy Do Thái, Hiki Blitz—đến cả những đứa trẻ như tôi, tay cầm chiếc tù và kêu gọi mọi người đến xem diễn. Thế rồi tôi chợt thấy mình đang cầm chiếc đèn lồng ma thuật trong thế giới màn bạc với hàng hà sa số minh tinh—những người đẹp màn ảnh đến thần tượng quốc gia—tất cả đứng dọc theo tấm bạt màu xanh như dải ngân hà. Thế rồi đây đó có tiếng trống trận. Sét rạch dọc bầu trời. Những hàng lính tráng và súng ống đồn dập hành quân ra trận. Hình ảnh màn bạc dần phai nhòa, và đòi giờ đây lại chân thực và ngật nghèo hơn bao giờ hết. Nay tôi là một phần nhỏ nhoi trong một đội quân hùng mạnh. Những trò truyền thông khi xưa tôi từng nghịch, giờ đây đã biến tôi thành một con người chuyên nghiệp. Tuyên truyền là một bộ phận hùng hậu, với tướng tá và lính tráng, hoạt động dọc khắp mọi miền. Chúng tôi tuyên truyền khắp mọi nơi, thổi những hồi tù và trước hòng pháo, thuyết phục kẻ thù ngay trước bộ mặt trắng phau của dãy Alps, thả hàng triệu truyền đơn xuống những bức tường đầy máu và lửa, được bao bọc bởi những tấm màn đầy khói xám. Đó là những vòng lặp không hồi kết, với những đợt thả truyền đơn từ máy bay tuyên truyền, lạng yên tấn công kẻ thù. Truyền đơn rơi như tuyết trắng, dần dần phủ đầy những lô cốt, cho tới khi tiếng súng cuối cùng chấm dứt: mặt trận phía Tây lại dần chìm vào khoảng không tĩnh mịch.

Quãng đường dài này là một sự chuyển mình kỳ diệu và khó lường của ngành truyền thông thời trước mà tôi từng được biết. Ngay khi nghĩ lại quãng thời gian này, tôi vẫn không thể tưởng tượng nổi rằng thằng nhóc ốm yếu, đầu bù xù hay ngồi vắt sứa bò dưới chân đồi khu Alleghenies ngày trước có thể ở đây kể lại cho các bạn nghe những câu chuyện thế này. Chắc chắn sẽ không thể, nếu hồi đó tôi không trèo qua cửa sổ trong đêm tối, với một tay nài đầy những quyển truyện năm xu, bỏ

nhà ra đi để đến với những chuyến phiêu lưu kỳ thú và khó đoán trên con đường của những danh vọng hư ảo, đầy ma lực và uy quyền, người người thêm khát...

CHƯƠNG I

Frostburg

Được mọi người xem là dân New York chính gốc, ở ngay tại Broadway, nhưng thật lạ là tôi được sinh ra trong một nông trang và chưa bao giờ nhìn thấy một tòa nhà chọc trời cho đến năm 18 tuổi. Nhưng nói đi cũng phải nói lại, ít có thứ gì trong đời tôi lại theo quy luật thông thường. Dù tôi cũng đồng ý với mười điều răn, nhưng tôi lại hay bất đồng với hàng ngàn câu ngạn ngữ cổ. Lý do tôi hay cãi với mấy câu đầy trí tuệ thế này cũng tự nhiên thôi, vì người hùng thuở ấu thơ của tôi—Frank Merriwell—kẻ-không-biết-sợ—chẳng bao giờ nghĩ ngợi trước khi nói chuyện với kẻ ác, hay cũng chẳng ngại ngần vượt bao chông gai để cứu người thương. Và rõ ràng mấy câu ngạn ngữ cổ kiểu như “hòn đá lăn sẽ chẳng mọc rêu” có đúng chỗ nào đâu. Tôi nghe xong thì nghĩ ngay tới gã “Red” Dutch Barrell, gã đá lăn mấy hòn đá là ngay lập tức đá đầy rêu bám xung quanh ngay. Gã có một cặp xí ngẫu đặc biệt—một viên thì bao giờ cũng ra năm nút, viên còn lại thì toàn hai nút. Gã chuyên đi quanh dụ mấy tay trông cửa hàng với một giọng vẻ “thể thao” lắm: “Này anh này! Đồ thử một phát xí ngẫu thôi! Xả láng luôn! Anh thắng tôi sẽ trả anh gấp đôi, thua thì tôi ăn hết! Chơi

không?" Mấy tay trông cửa hàng khoái đỏ đen, và Dutch Barrell bao giờ cũng ra đi với đầy chiến lợi phẩm.

Một câu ngạn ngữ khác tôi thấy rất chướng tai đó là: "Ngủ sớm, dậy sớm, thành công sớm." Tôi bao giờ cũng thấy mấy con gà trống dậy từ chớm bình minh kia, rồi đi loanh quanh, lò dò, chán chường cả ngày. Tội nó có làm được cái giống gì đâu! Rồi nghe nói con chim đến sớm thì bắt được sâu nữa. Thế mà tôi đã phải cứu biết bao nhiêu con gà mái ngu ngốc khỏi chết nghẹn bằng cách gấp con sâu kẹt giữa cổ họng tội nó. Còn mẹ tôi thì hay bảo là "lời nói chẳng mất tiền mua," thế mà trong gánh xiếc thì tôi lại thấy không đúng lắm, bởi nói năng nhẹ nhàng thì mấy *thằng gà* chả bao giờ chịu rút hầu bao. Phải cứng, chứ hiền lành không ích gì. Tôi đã phải tự tạo cho mình một cái lõi thép đầy uy lực, cứng cáp với ba lớp thép siêu xịn để bảo vệ châm ngôn sống đầu tiên tôi thấy đúng (mà tôi thu thập được từ mấy quyển tiểu thuyết năm xu): "Không gì là không thể."

Đúng là như vậy thật. Năm tôi bốn tuổi, một cơn bão có lốc xoáy đánh ngang qua Frostburg.¹ Đó là lốc xoáy duy nhất đi ngang Alleghenies từ trước tới giờ, và nó chẻ cả thị trấn ra làm đôi. Dãy nhà đối diện chỗ tôi ở bị đập bẹp dí, vô số người bị thương, thế mà nhà tôi chả hề hấn gì. Vài năm sau, anh tôi khi đang làm việc ở một xưởng thép gần nhà, đã bị phồng từ đầu tới chân do tiếp xúc với acid sulphuric dùng trong quá trình luyện kim. May mà nhanh nhạy nên anh không chết: Anh tôi nhảy ngay vào thùng soda trung hòa. Năm tháng dài đằng đẳng nằm treo cơ thể lơ lửng với mấy cọng dây mắc trên trần nhà, cuối cùng thì anh tôi cũng lành lại. Ngay từ tuổi ấy, tôi đã

¹ Quê hương tác giả, ở bang Maryland, bờ Đông nước Mỹ.

học được rằng phải tin vào những phép màu. Phép màu sẽ xuất hiện trong đời ta ngay vào những thời khắc khó tin nhất.

Tôi còn nhớ một chuyện ở Opelika, Alabama. Lúc đó tôi mới 16 tuổi, và đang làm truyền thông cho Công ty Dixie Amusement. Công ty giới thiệu với công chúng Samson, một con rắn dài hơn bảy mét rưỡi. Samson thường bị bỏ đói hai tháng trước khi biểu diễn, để khi tới màn ăn uống thì nó sẽ điên cuồng ăn trước mắt khán giả. Tôi sẽ cho nó ăn một con thỏ hay gà gò đó, còn nó thì một cú một, táp nguyên con, môi nó chạm tay tôi, khiến cả đám đông run lên, vừa thích vừa sợ. Dĩ nhiên là tôi không hề hấn gì, bởi đã mang một đôi găng tay sắt được sơn màu da người.

Vào tối thứ bảy nọ, khi chúng tôi đang chuẩn bị biểu diễn như thường lệ thì một người ở Opelika mang áo choàng, đội mũ cao bồi gạt đám đông đến chỗ tôi chỉ với hai cú khoát tay mạnh mẽ.

Hắn nhướn mày hỏi: “Anh là chủ phải không?” Lúc đó tôi định ừ rồi, vì thường tôi rất hay khoe mình là chủ để hưởng thụ cảm giác quyền lực trước những gã nhà quê. Thế nhưng chả hiểu vì sao lần đó tôi lại không nói như thế. Lát sau ông chủ đi lên sàn diễn. Tôi mừng thầm, vì suýt nữa tôi phạm tội mạo danh sếp và bị tổng cổ khởi công ty.

Tôi chỉ vào ông chủ và nói: “Ông McHenry là chủ chỗ này.” Bỗng một tia lửa lòe, có tiếng súng. McHenry đổ gục lên người tôi: một viên đạn xuyên tim! Tay nông dân Opelika ấy vừa hạ sát McHenry để bảo vệ danh dự cho người yêu: cô nàng vừa bị tay soát vé từ chối cho vào cổng vì vé miễn phí của cô nàng không dùng được vào ngày thứ Bảy. Suốt mấy hôm sau tôi vẫn còn run: nếu đêm hôm đó tôi thích ra oai và nhận vợ thì chắc tôi đã thế chỗ McHenry nằm trong quan tài rồi.

Tôi không thể nào giải thích nhờ thứ gì mà tôi có thể thoát chết không chỉ ở Opelika mà còn ở nhiều nơi khác. Rất lâu sau đó, bá tước Northcliffe¹ đã giúp tôi hiểu rõ hơn bí ẩn này. Trong lúc hướng dẫn tôi trước khi rời mặt trận phía Tây, ông nói: “Harry này, đừng bao giờ nấp ngay những chỗ né đạn nhé. Mỗi viên đạn ngay từ khi được sản xuất ra đã khắc tên kẻ mà nó phải giết rồi, và nó sẽ tìm tới hắn ta dù hắn có nấp ở chỗ kín đến thế nào đi nữa.”

Tôi trả lời: “Tôi không sợ, vì muốn khắc chính xác cái tên ‘Reichenbach’ cũng khá là khó. Tôi chỉ sợ những viên đạn khắc là ‘muốn trúng ai thì trúng’ mà thôi.”

Đời tôi không hề bình bình, lãnh đạm và yên ả như cha tôi muốn. Ở thị trấn nhỏ Frostburg, ông là một trong những thương gia giàu có nhất, suốt đời chỉ vận hành một tuyến buôn duy nhất. Hệ thống saloon, nhà hàng và quán ăn của gia đình tôi là nơi tụ tập và cung cấp nhu yếu phẩm cho các anh thợ mỏ làm việc trong mỏ than khu vực. Họ hay đến đây ăn nhậu vào ngày lãnh lương, sau đó tính đường kiếm thêm khi khoản lương ít ỏi đã bay khỏi túi. Họ luôn tôn trọng tính khí êm dịu và trí thông minh hơn hắn họ một cái đầu của cha tôi. Mỗi khi xảy ra tranh cãi, họ luôn lôi cha vào làm quan tòa phân xử.

Ngay cả khi ở nhà, cha cũng vẫn rất hài hước, lạc quan, luôn muốn làm hài lòng tất cả mọi người. Mỗi khi tôi cãi cò kịch liệt với mấy ông anh hay ông em, cha luôn nhẹ nhàng tách hai đứa ra, lắng nghe rõ ràng quan điểm mỗi bên rồi quyết định rất công bằng. Khi tôi méc hết tội lỗi của ông em của tôi,

¹ Alfred Charles William Harmsworth, bá tước Northcliffe (1865 – 1922), nhà ông trùm ngành báo chí và xuất bản người Anh, chủ sở hữu tờ *Daily Mail* và tờ *Daily Mirror*, được xem là cha đẻ của báo lá cải.

cha xoa cằm rồi bảo: “Harry, con đúng đó!” Thế rồi ông em của tôi lại méc tôi tôi. Cha ngồi, về suy nghĩ rồi bảo: “Joe, cha nghĩ là con nói đúng rồi!”

Mẹ tôi ngồi kế bên, nhìn cha về rất thắc mắc: “Nhưng mà anh Charles ơi, sao cả hai đứa đều đúng được chứ?”

“À, anh nghĩ là em cũng đúng luôn!” Cha trả lời với một nụ cười đáng mến. Bao nhiêu sát khí của cuộc cãi vã tan biến nhanh bởi giải pháp thiên tài này.

Mẹ tôi thì lại thuộc kiểu người năng động hơn. Dù mẹ chưa bao giờ xuống cửa hàng, quán ăn của gia đình hay tham gia vào công việc kinh doanh, nhưng mẹ lại là người quản lý mọi sự ở nông trang, nhà cửa. Dưới tay mẹ là hai ngàn con gà, hai con bò, một con ngựa và chín đứa nhóc. Mẹ thuộc dòng dõi những người tiên phong khai phá vùng này, và dãy núi Bear ở vùng ấy có ghi tên tổ tiên của mẹ. Mẹ đơn giản là rất tự hào về dòng dõi của mình, và luôn luôn nhắc đến nó mỗi khi có cơ hội, đặc biệt là khi cha chỉ biết gốc gác tổ tiên mình trong khoảng một trăm năm trở lại đây mà thôi. Mẹ làm thế để cho cha thấy, cha chỉ là dân nhập cư chứ không phải dân gốc như mẹ. Mỗi lần như thế, hai người lại tranh luận không ngừng nghỉ. Thế rồi bao giờ mẹ cũng kể một danh sách dài những nhà tiên phong trong dòng họ, còn cha thì cố chứng minh là thác Reichenbach ở Thụy Sĩ được đặt tên theo dòng họ Reichenbach thần thánh.

Mẹ nói: “Nhưng cái thác đó được đặt tên ấy cả ngàn năm nay rồi.”

Cha cãi lại: “Chưa là gì đâu, em yên mà nghe đây này: Khi tổ tiên anh đến gần thác Reichenbach lập nghiệp, họ đã lấy Reichenbach làm họ của mình. Từ đó, thác Reichenbach được

đặt tên bắt chước theo dòng họ Reichenbach thần thánh.” Đồi khi cha làm rồi trí người khác giỏi đến nỗi họ thấy... thuyết phục thật.

Dù gì đi nữa, tôi phát hiện ra rằng, với một người mẹ gốc gác ở vùng núi Alleghenies và một người cha dòng dõi bắt nguồn tận dãy Alps, thì tôi chính là một đứa con của núi cao, tức là số phận buộc tôi phải đứng trên đỉnh vinh quang. Lúc đó, tôi hoàn toàn không nghĩ là giữa núi còn có thung lũng.

Rồi những thung lũng ấy bắt đầu lên tiếng. Những tay thợ mỏ than ở George's Creek quyết định đình công. Họ bắt đầu dựa dẫm vào ông già Charlie Reichenbach để tính để có thức ăn, tiền bạc để duy trì trong quá trình nổi loạn này. Và họ đã chọn đúng người. Cha tôi bắt đầu khóa ngăn đựng tiền, mở sổ ghi nợ, và thay vì đòi tiền nợ thì cha cho họ ký sổ nhiều hơn. Thợ mỏ không làm việc, nghĩa là có thêm thời gian để ăn. Càng ăn họ càng thấy ngon miệng, sự ngon miệng tỷ lệ thuận với sự lười biếng. Rượu bia hay dùng trong những ngày lãnh lương xa hoa giờ đây trở thành thứ không thể thiếu trong bữa ăn hàng ngày. Một cuộc đình công của thợ mỏ không giống như những buổi biểu tình trường học ngày Chủ Nhật. Đình công là anh em bà con của chiến tranh. Thế nhưng ông già Charlie tội nghiệp của họ lại đổ hết tiền bạc ra nuôi đội quân giày đây bồ hóng này, và những anh thợ mỏ bắt đầu trượt dài trên chuối ngày vinh quang. Thợ mỏ bắt đầu lấy về hàng thùng nhu yếu phẩm, không chỉ đủ cho gia đình mình, mà còn đủ để có của ăn của để, dư dả giàu sang trên chính từng đồng tiền mồ hôi xương máu của cha tôi. Giờ đây, những cửa hàng, quán ăn của cha thành trụ sở hoạt động của hội thợ mỏ. Cha bắt đầu thấy mình là thợ cá, ông không biết rằng ông đang tự đào hố chôn chính mình.

Nhiều đêm, cha hay bàn luận về tình hình với mẹ: “Mấy cậu trai đó có tương lai lắm đây. Câu hỏi duy nhất là, liệu tụi nó có tiếp tục được hay không mà thôi.”

Mẹ tôi trả lời với quan điểm thực tế hơn: “Câu hỏi là liệu anh có tiếp tục được hay không.”

Cha trả lời kiểu rất thoải mái: “Đừng lo về anh. Dù sao thì tình hình của gia đình mình cũng đâu quá tệ đâu phải không. Mình đâu có ham muốn thứ gì mình không thể có đâu chứ. Và gia đình mình vẫn ở trong căn nhà ngon lành nhất thị trấn rồi còn gì.”

“Ngon lành thứ nhì thôi,” mẹ tôi chỉnh lại.

“Ừ thì ngon lành thứ nhì. Nhưng so với mấy cái lều tạm bợ của những cậu trai kia thì còn tốt chán. Nghĩ thử coi, tụi nó bị trả lương thấp, phải làm nặng, rồi còn bị chèn ép nữa. Giờ thì cuối cùng tụi nó đã có cơ hội lấy lại công bằng rồi! Và anh tin là tụi nó sẽ giành lại được! Câu hỏi duy nhất là, liệu tụi nó có tiếp tục được hay không!”

Đến tận bây giờ tôi vẫn còn nghe giọng cha tôi nói to những câu hỏi ấy với đầy sự chân thành ngây thơ và sự quan tâm sâu sắc đến những tay thợ mỏ đang tranh đấu kia—những kẻ đã biến một ông thương gia hiền lành trở thành thủ lĩnh chiến tranh. Câu hỏi ấy đã tạo một ấn tượng không thể xóa nhòa trong đầu tôi. 25 năm sau, nó đã trở thành câu khẩu hiệu hiệu quả nhất trong cuộc đời làm truyền thông của tôi. Trong trường hợp của tôi thì nó mang ý nghĩa hài hước, nhẹ nhàng hơn. Nó được dùng trong lĩnh vực phim ảnh thay vì ở mỏ than, và những gã mà tôi dùng câu này để tác động là những con người đang đấu tranh không phải để giành lấy bánh mì, mà để giành vàng, vàng thật.

Công ty Metro Pictures¹ được thành lập, đã tuyển dụng không ít nhân viên nhưng không cho họ sản xuất bộ phim nào cả. Nhân viên bắt đầu thắc mắc liệu công ty có định sản xuất phim hay không. Thế rồi giám đốc công ty, Richard Rowland,² muốn phải có đôi dòng để đăng báo cho tình hình đỡ căng. Thế là hàng tháng trời, chúng tôi đăng quảng cáo trên báo dòng chữ “Hãy chờ đợi thông báo quan trọng từ chúng tôi!” Vấn đề là chúng tôi chả có gì để thông báo cả. Ngày nọ, Rowland bảo tôi: “Harry à, anh viết được bao nhiêu trang là tối đa, với yêu cầu là chả có nội dung gì cả, nhưng ở mỗi trang phải có thứ gì đó đáng để đọc?”

Tôi trả lời ngay không cần nghĩ: “Chắc khoảng 30 trang.”

“OK, xúc tiến đi!”

Để viết 30 trang về Metro, tôi bắt đầu bằng thuở sơ khai của châu Mỹ. Tôi mô tả những hạt ngọc trai trên vương miệng Nữ hoàng Isabella, rồi tới bộ râu của Vua Ferdinand, rồi lại tới niềm đam mê với những quả trứng của Columbus. Rồi tôi kể về cuộc chiến giữa Pháp và người da đỏ, về những chiếc cầu chạy bằng hơi nước và hàng loạt sự kiện dài lê thê dẫn tới sự hình thành công ty Metro. Nhưng ở cuối mỗi trang, tôi lại thêm vào câu hỏi đầy suy nghiệm và bí ẩn của cha tôi: “Nhưng liệu họ có tiếp tục được hay không?”

“Tôi thích câu này!” Rowland hô lên hào hứng, tay đập bàn vẻ vô cùng phấn khởi. “Cứ dùng nó nhé Harry! Slogan ngon đấy!”

¹ Metro Pictures thành lập năm 1915 bởi Richard Rowland và Louis B. Mayer, tiền thân của hãng Metro-Goldwyn-Mayer (MGM) ngày nay.

² Richard Rowland (1880 – 1947), người sáng lập hãng Metro Pictures, và sau này trở thành quản trị viên của hãng Fox.

Người ta bắt đầu thắc mắc: “Nhưng mà tiếp tục cái gì mới được?”

“Cứ chờ mà xem.” Tôi trả lời, mắt nhìn xa vời vợi.

Rồi nhân viên công ty cũng thắc mắc: “Vậy Metro sẽ làm gì nhỉ?”

Chúng tôi dựng một cột cờ ở Quảng trường Thời Đại và đổi tên thành Quảng trường Metro. Nhưng công ty vẫn không sản xuất được bộ phim nào. Trong khi đó, mọi người bắt đầu hào hứng hỏi theo: “Nhưng liệu họ có tiếp tục được hay không?” Chúng tôi cần hành động hấp dẫn và bắt ngờ theo như kỳ vọng của họ. Chúng tôi cần hoàn thành một cái gì đó. Tôi đến hội chợ triển lãm quốc tế ở Los Angeles và thuyết phục được ba ông giám khảo đạo mạo trao tặng Công ty Metro Pictures huy chương vàng cho phim hay nhất năm, dù rằng chúng tôi vẫn chưa có phim nào cả. Tin này rất ấn tượng, và nhân viên công ty rất hài lòng vì công ty đã tiếp tục được. Chúng tôi tiếp tục cái gì thì chả ai biết, kể cả tôi và anh giám đốc.

Vậy mà slogan đó cũng giúp chúng tôi vượt qua được thời gian dài lúng cúng và thiếu quyết đoán ấy. Cuối cùng chúng tôi đã ổn định và Metro trả lời câu hỏi “Nhưng liệu họ có tiếp tục được hay không?” bằng Olga Petrova, Francis X. Bushman, Ethel Barrymore, tạo nền tảng thành lập công ty Metro-Goldwyn-Mayer ngày nay.

Nhưng với trường hợp của cha tôi thì câu hỏi ấy được trả lời theo cách khác. Thống đốc bang Maryland lệnh cho quân đội bang tiến về George’s Creek. Thiết quân luật được ban hành. Những người thợ mỏ đình công bị đuổi sạch, còn mỏ thì tuyển thợ mới. Cha tôi đã dùng mọi thứ ông có để hỗ trợ cho những người đình công, nên lẽ dĩ nhiên ông mất hết. Cổ phần,

nhà cửa, trang trại ra đi, chỉ một thứ duy nhất ở lại: tờ giấy thông báo phá sản.

Giá mà lúc đó gia đình tôi có vài ý tưởng quảng bá thì chắc cha đã gầy dựng lại được mấy nhà hàng, ít nhất là tìm được lối thoát khỏi tình hình bi thảm ấy. Mấy năm sau, tôi đã cứu một cửa hàng ăn đang xuống dốc của một bà già vốn xuất thân là dân gánh xiếc. Tất cả chỉ bằng chút trò gọi sự tò mò. Tôi bảo bà đặt một cái chậu lớn trong suốt, bên trong chứa đầy nước, ở ngay cửa kiếng quán ăn. Bên cạnh cái chậu, tôi đặt một tấm bảng ghi: "Con cá vô hình Brazil duy nhất còn sống sót."

Người ta bắt đầu bu quanh kỳ quan này. Một số người còn thề độc là họ có thấy con cá đang bơi. Thế là tôi có ý tưởng cải tiến: Tôi đặt một cái quạt máy nhỏ ở góc khuất tầm mắt mọi người, thổi nhẹ nhẹ vài gợn nước. Thế là đám đông bắt đầu sượng run: "Nhìn kìa! Thấy chưa! Nó bơi kìa! Không, đằng kia kìa!" Người ta chỉ nhau con cá vô hình, còn cửa hàng ăn thì bắt đầu có khách trở lại. Thế nhưng cái gì tốt đẹp thì qua nhanh, tất cả là do bà già của chúng ta bắt đầu muốn... làm thịt con cá vô hình để đãi khách.

Khi cha tôi cần ý tưởng của tôi để vực dậy công việc kinh doanh thì tôi chỉ mới tám tuổi, và dĩ nhiên chưa thể có ý tưởng nào. Không chỉ thế, tôi còn có vẻ như là gánh nặng hơn là hy vọng. Sáu năm ròng rã, tôi cứ bệnh tật liên miên, chết lên chết xuống. Khi mới hai tuổi, tôi bị sỏi nặng, phần vì không được quan tâm đúng mức, phần vì kiến thức y khoa thời đó có hạn, nên tôi bị biến chứng và suy giảm sức đề kháng nghiêm trọng. Từ đó, tôi chuyển từ bệnh này sang bệnh khác. Ngay lúc cha tôi phá sản, tôi lại ở vực sâu về thể chất.

Lúc đó, chỉ vài tháng nữa là mẹ lại sinh em bé. Cha tôi thì phá sản, tinh thần không khá nổi. Mẹ tôi còng lưng nuôi năm

đứa nhóc và chuẩn bị sinh đứa thứ sáu. Tôi rơi vào trạng thái gần như sống thực vật, còn bác sỹ thì bảo bệnh tôi là do sốt ở não. Theo ông bác sỹ, thì tôi bị viêm màng não lan đến tủy, nhiều khả năng không qua khỏi. Mẹ trông tôi suốt những ngày u ám ấy, giữa căn nhà trống không, dần dần như muốn quy vờn lũ con.

Tôi bắt đầu có triệu chứng đáng báo động: cơn đau đến không ngừng, kèm động kinh. Bác sỹ lại đến. Mẹ tôi lo lắng nhìn mặt bác sỹ. Ông lắc đầu:

“Cơ hội sống sót thấp lắm,” bác sỹ nói như thờ. “Trung ương thần kinh não bị ảnh hưởng. Ngay cả dù có khỏe lại thì bé cũng không thể đi lại nói năng bình thường nữa.”

Bác sỹ đi, còn mẹ tôi ngồi cạnh tôi, nắm tay tôi trong yên lặng, lặng lẽ khóc. Mẹ không dám gây tiếng động. Từng giọt nước mắt nóng hổi lăn dài trên má, nhẹ nhàng chạm tay tôi. Cha đến bên cạnh, thì thầm vào tai mẹ điều gì đó. Mẹ từ từ đứng dậy, gạt nước mắt và cẩn thận bọc tôi trong một cái chăn len. Rồi mẹ bế tôi dậy, nhọc nhằn nâng tôi vì còn phải bế em tôi ở tay kia. Chúng tôi phải bỏ nhà đi—căn nhà ngon lành như nhà Frostburg. Chúng tôi bị siết tài sản, và phải chuyển đến sống ở một cái lán nhỏ như những anh thợ mỏ than ngày xưa...

CHƯƠNG II

Dạt nhà

Vào năm chín tuổi, tôi không thể nói cười hay đi lại bình thường. Tôi nằm bất động, dính chặt với tấm nệm, không phát ra tiếng được, và mọi hy vọng dường như chấm dứt. Nếu có người nhìn tôi vào năm 1893 và đoán thử tương lai tôi sẽ như thế nào, chắc chắn họ không thể nghĩ rằng năm 1915 tôi đã đi vòng quanh thế giới hai lần với vai trò đại diện truyền thông của một nhà ảo thuật, rằng trong suốt quãng đường này tôi thường phải đi bộ, và rằng tôi nói nhiều đến nỗi người ta phong tôi làm diễn giả hàng đầu trong mỗi buổi tiệc hay diễn thuyết tôi tham gia. Bất kỳ ai đoán được những điều này hẳn sẽ có khả năng tiên tri, biết trước những bí mật của số phận. Hẳn chắc chắn có thể đoán sẽ có ngày tóc ngắn lại thịnh hành ở phụ nữ, và rằng thị trường thế giới sẽ sa lầy vào năm 1929. Hẳn sẽ có khả năng dự đoán trước những vụ mưu sát trong tương lai, và có thể tránh cho bị cáo phải vào vòng lao lý vì những hành động ngu dại bốc đồng của mình.

Làm sao tôi có thể đi lại và nói năng như thường sẽ mãi là một bí mật giữa mẹ tôi và tạo hóa. Trong gần bảy năm kể từ

năm tôi hai tuổi, mẹ đã chăm sóc tôi từ bệnh này đến bệnh khác, dù rằng tình hình tài chính của gia đình ngày càng đen tối; mẹ luôn chăm nuôi tôi như tôi là con một vậy. Những đứa nhóc ở George's Creek thường phải chờ đến lượt để mẹ chăm sóc cho, đa số còn phải tự lo lấy ngay khi bắt đầu có vẻ đủ lông đủ cánh. Mấy thằng nhóc khác cỡ tuổi tôi đã phải làm trong mỏ than hay nhà máy rồi. Tôi chợt nghĩ, chả có nhẽ do không khoái cuộc sống "lành mạnh" ở mỏ than mà tôi lâu khỏe lại đến thế...

Lúc đó, tôi tìm lẽ sống trong những tờ tạp chí và sách mà mẹ đặt cạnh giường. Cơ thể tôi nằm như không còn năng lượng, bù lại trí óc tôi lại phát triển nhanh chóng và sống động nhờ những câu chuyện kỳ thú trong truyện, kết hợp với trí tưởng tượng vô biên. Kỳ lạ thay, đó là thứ duy nhất tác động được đến tôi. Những câu chuyện hấp dẫn về Frank Reade, Jr. và Frank Merriwell là cốt lõi hình thành nên cuộc đời tôi sau này.

Tôi còn nhớ một câu chuyện về một người vườn ở rừng rậm châu Phi. Nó được cho sống ở một xã hội văn minh, học ngôn ngữ và văn hóa loài người. Nó cố gắng hết mình cho ông chủ--người đang gặp rắc rối to. Rồi ngay đoạn hấp dẫn nhất thì... hết tập. Tôi hồi hả, cau có lục hết tất cả những số báo sau xem chuyện tiếp diễn thế nào. Mẹ tôi thì không có tiền để đăng ký mua tạp chí, nên thường chỉ mượn các số báo cũ từ hàng xóm. Thế nhưng, khi thấy việc đọc sách báo ảnh hưởng đến tôi nhiều như vậy, mẹ bỏ hẳn không lấy báo nữa. Cho đến 24 năm sau, tận năm 1917 tôi mới biết phần kết. Câu chuyện này bất ngờ đóng vai trò quan trọng trong đời tôi, và ý tưởng về câu chuyện đã mang lại cho tôi hơn 50 ngàn đô la sau khi giúp khách hàng kiếm cả triệu rưỡi đô. Ngoài ra, ông khách của tôi còn thoát khỏi bị bắn chết nữa.

Lúc đó là chớm đông năm 1917. Tôi gặp Parsons “Billy Mặt Cười,” một gã dân miền Tây vui vẻ, to con. Anh Billy này chính là người đã thuyết phục mấy anh cao bồi và mấy gã chăn gia súc ở Wyoming và Montana chịu mọi hết từng đồng từng cắc trong túi tiền mình và đầu tư làm một bộ phim. Chi phí của bộ phim đủ để khiến tất cả các trang trại ở cả hai bang này phải đem đi thế chấp hết. Anh chàng đốt sạch 250 ngàn đô la để làm phim (với tỉ giá lúc đó thì không phải ít đâu, dù bây giờ chỉ đủ để ăn tối một bữa sang sang bàn chuyện sáp nhập công ty). Anh đặt tên bộ phim là *Tarzan xít khi*, đơn giản vì ở trong phim có khi, nhưng sau đó vào buổi chiếu sớm, có người đề nghị nên đổi thành *Tarzan xít Crepes*. Bộ phim đã được nhất trí bình chọn là tạp nham và vớ vẩn nhất trong thế giới phim ảnh. Khi nghe tên bộ phim, ngay cả mấy con bò ở Wyoming và Montana cũng lồng lên. Bỗng mấy gã cao bồi chợt nhận ra rằng, với kích thước cơ thể của Billy, mấy gã sẽ rất dễ bắn trúng. Thế là cứ nghe tin Billy đang ở gần khu vực là người ta bắt đầu thấy dân cao bồi ở đó xách súng đi “chào mừng” Billy. Chắc 21 phát súng “chào” là đúng lễ rồi, có khác gì khui sâm panh ăn mừng đâu.

Billy Mặt Cười cười hết nôi, run như cây sậy, nghiêng rằng kể cho tôi nghe vụ này. Anh chàng cố nài tôi đi xem phim, và nghĩ cách cứu vãn tình hình. Cả 15 tháng nay, anh đã giấu phim ở nhà không dám chiếu nữa, nhưng giờ thì tiền sạch trơn rồi, và cả thành phố New York cũng quá nhỏ bé để trốn mấy tay cao bồi. Khi ngồi trong phòng riêng xem bộ phim Tarzan này, một cảm giác phấn khích kỳ lạ bỗng dâng trào. Theo nguyên tắc riêng, tôi ít khi xem những bộ phim tôi phải làm truyền thông, vì sợ rằng xem xong tôi sẽ không còn đủ sự hứng thú thật tâm để viết về những bộ phim ấy nữa. Nhưng lần này, bỗng dưng tôi lại bị xao động bởi những ký ức sâu lắng ngày

trước, về câu chuyện mà tôi chưa bao giờ có thể đọc phần kết khi còn bé. Giấc mơ đang dở ngày trước nay chợt tiếp tục xuất hiện trước mắt tôi.

“Billy ơi, phim anh hay quá!” Tôi thốt lên sau khi xem xong.

“Ủm hửm!” Anh chàng gật gật vẻ buồn buồn.

Tôi hào hứng: “Để anh thấy nó hay cỡ nào, tôi sẽ lấy phí truyền thông vụ này theo hoa hồng trên doanh số, thay vì lấy nguyên cục.”

Anh chàng từ chối: “Tôi đâu lợi dụng anh vậy được. Để tôi nói rõ tình hình cho anh. Phim này đã bị tất cả các nhà phân phối từ chối. Nếu bán được 50 ngàn đô là tôi đã sướng lắm rồi.”

Giọng anh có vẻ buồn buồn và vô vọng. Tôi có thể tưởng tượng luôn hình ảnh anh chàng Billy của chúng ta, tay cầm bao tiền 50 ngàn đô la, nhảy lên thuyền dong buồm ra hòn đảo ở tận cùng trái đất để trốn mấy tay cao bồi.

“Tôi sẽ lấy 15% số tiền kiếm được *vượt mức* 50 ngàn đô la! Vậy được chứ?”

“15% được thôi. Nhưng tôi vẫn muốn trả thêm anh 100 đô la mỗi tuần nữa, vì tôi e rằng 100 đô la đó là thứ duy nhất anh bỏ túi được ở vụ này.”

Cơ bản đã xong, và tôi bắt tay vào việc. Không nhà phân phối nào chịu mua hay thuê phim, nên tôi thuê rạp Broadway từ Carl Laemmle¹ và tự phân phối. Tôi cho chuyển cây rừng,

¹ Carl Laemmle (1867 – 1939), một trong những nhà tiên phong ngành điện ảnh, đồng sáng lập hãng Universal Studios.

dây leo có xuất hiện trong phim từ California về, trang hoàng đại sảnh và cả bên trong rạp để tạo cảm giác hoang dã kiểu châu Phi. Giữa hai cây cọ, tôi cho đặt một con sư tử nhồi bông, vẻ dữ tợn đến rợn tóc gáy. Trong mấy cái lồng, người ta thấy khỉ đang đung đưa trên đọt dừa âm âm loạn cả lên. Tôi đã thả bốn con khỉ thật vào trong “khu rừng” ở ngay đại sảnh. Thế rồi bộ phim *Tarzan xừ khỉ* công chiếu chính thức, hoàn thành giấc mơ 24 năm về trước của tôi.

Trên trang nhất tất cả các tờ báo, tôi cho chạy một câu chuyện đặc biệt, kể về những chuyện thần tiên của Frank Reade, Jr. Ở bài nào tôi cũng giật tít kiểu như *Sau tất cả, hoàng tộc hầu quốc cũng đã xuất hiện*, hay *Hoàng tử rừng xanh lần đầu xuất hiện trước công chúng*. Nội dung kể về Hoàng tử Charley, một con khỉ to mặc áo đuôi tôm, đội mũ lụa cao. Hoàng tử bắt ngờ xuất hiện cùng với những con người danh giá khác ở sảnh khách sạn Knickerbocker nguy nga tráng lệ vào đêm thứ Bảy. Hoàng tử Charley hơi ngại ngùng một chút, và khi ngài đang chuẩn bị tự giới thiệu bản thân với tất cả mọi người thì bỗng dưng ngài phát hiện ra một cánh cửa xoay ở đường số 42 và bắt đầu... chạy vòng quanh cửa. Sau hoạt động thú vị giúp giảm áp lực này, ngài khi của chúng ta quay trở lại đại sảnh với sự tự tin dâng trào, và bắt đầu hú thật lớn với những vị đại gia đội mũ cao khác để làm quen. Nhưng thật không may cho ngài, những tay danh gia vọng tộc khác đã né xa ngài trong thời gian kỷ lục.

Cách duy nhất để mọi người có thể quay lại gặp hoàng tử khỉ là phải có cảnh sát hộ tống. Một hội 12 cảnh sát vây quanh hoàng tử, dĩ nhiên là giữ khoảng cách để thể hiện sự tôn trọng, để hộ tống ngài ra xe tham quan thành phố. Chúa tể rừng xanh thể hiện sự tôn kính với thành phố bằng cách làm một tràng hú đủ để tất cả nhà cửa rung rinh. Khi đã đến đồn cảnh sát, ngài

bắt đầu thấy thích cuộc phiêu lưu của mình, và thể hiện sự vui thú với viên sỹ quan bằng cách nhảy qua bàn và ngồi lên đùi anh này. Viên sỹ quan trong chớp mắt đã phản ứng kịp, né đi và thoát bằng cách chui xuống gầm bàn, rồi ra lệnh phạt hoàng tử phải ngồi trong đồn một đêm vì tội gây rối trật tự công cộng. Anh cảnh sát Frederick Groehl bắt đầu tra hỏi hoàng tử, nhưng hoàng tử giữ quyền im lặng và không trả lời. Groehl cuối cùng phạt hoàng tử để cảnh cáo làm gương cho tất cả những con khi đang mặc áo đuôi tôm, nhưng cho hưởng án treo nếu hoàng tử chịu dọn ra khỏi khách sạn và ở trên đọt cây dừa. Hoàng tử Charley gặt đầu về hối hận và bắt đầu gặm cái mũ. Ngày đầu tiên và cũng là cuối cùng của hoàng tử ở xã hội văn minh kết thúc, và ngài buồn bã trở về khu rừng trong đại sảnh của rạp Broadway.

Ngài chính là con khi đã biến phim Tarzan trở thành bộ phim thành công cấp thế giới, đem về hơn một triệu rưỡi đô la cho Bill Parsons, cứu mạng anh chàng, và cũng giúp tôi bỏ túi hơn 50 ngàn đô la hoa hồng. Nhưng với tôi, nó luôn là người khi trong câu chuyện về Frank Reade, Jr. ngày trước, và đã được hóa thành sự thật nhờ vài chiêu trò kỳ dị. Khi đó, ý tưởng về một con khi mặc đồ hàng hiệu, sống trong xã hội loài người là một ý tưởng khó tin, kỳ quái; thế nên khi nó xảy ra thật, ngay lập tức nó lên trang nhất. Thành công trong việc lên kế hoạch truyền thông và quảng bá cho phim Tarzan đã khẳng định vững chắc một điều trong tâm trí tôi: ước mơ và hiện thực về cơ bản không khác gì sự hằn bóng (như trong quá trình chiếu hay chụp ảnh bằng phim). Sau này, nhiều chiêu trò truyền thông của tôi cũng ứng dụng nguyên tắc này (tôi gọi là *hiệu ứng hằn bóng*). Một ý tưởng ban đầu có vẻ vớ vẩn, khó tin và phi thực tế, chỉ cần điều chỉnh thích hợp, sẽ có thể hằn bóng lên bức màn cuộc sống và trở thành một tin tức cực kỳ có giá trị

đối với báo chí.¹

Thế nhưng, 24 năm trước khi Hoàng tử Charley xuất hiện, khi tôi đang còn phải tập cử động chân và môi, thì trong đầu tôi không bao giờ nghĩ mình có thể làm được những điều ấy. Ở Cumberland, Maryland (nơi cả gia đình tôi phải dọn đến ở sau khi cha phá sản ở Frostburg), trò vui nhất của mấy đứa choai choai ở đây là cuộc thi ăn bánh hàng tuần. Vào năm 12 tuổi, tôi đã bắt đầu trở thành thí sinh quen mặt của cuộc thi này vào mỗi chiều thứ Bảy. Tôi thường là một trong tám đứa lọt vào vòng chung kết, tay trái phía sau rồi ụp mặt vào cái bánh thịt to tướng. Bao giờ tôi cũng là người chiến thắng, bởi tôi hay cắm mặt thẳng vào giữa cái bánh và ăn từ từ ra ngoài, trong khi những đứa khác lại ăn miếng bánh rìa giòn tan trước. Hiếm khi nào tụi nó ăn nổi đến phần nhân ngấy bên trong.

Thế nhưng, ngoài sự kiện gây khó tiêu hàng tuần này, thì Cumberland khá yên ả và ảm đạm, nhất là khi so sánh với những cuộc phiêu lưu đầy sắc màu trong những quyển sách tôi đã đọc.

¹ Do tác giả viết vào thời kỳ còn dùng phim để chụp ảnh và chiếu phim, nên ta cần áp kiến thức về chiếu bóng vào đây để hiểu ý tưởng: Theo tác giả, khi tráng phim chẳng hạn, hình ảnh mờ hồ trong cuộn phim (đại diện cho ý tưởng mờ hồ) sẽ có thể biến thành ảnh thực hoặc phim thật trên màn bạc (vật thể thực, đại diện cho thực tế) nếu được điều chỉnh đúng (bạn đọc nào đã tráng ảnh từ phim sẽ dễ hiểu ý tưởng này hơn). Chính ảnh thực hoặc phim thật trên màn bạc này có giá trị tinh thần rất lớn, và sẽ được mọi người quan tâm chú ý bàn luận về (thực tế sẽ có giá trị tin tức). Như vậy, quá trình hằn bóng và nguyên tắc truyền thông là như nhau: phim (ý tưởng) - ảnh thực (thực tế) - sự quan tâm (giá trị tin tức). Ý tưởng mờ hồ, mờ lung, càng “cổ tích” và khó đạt được, nếu hằn bóng (thể hiện) được vào thực tế sẽ càng có giá trị tin tức cao và được nhiều người chú ý.

Sau năm chín tuổi, khi lời nguyện thể xác đã được phá vỡ, tôi bỗng vượt lên rất nhanh một cách thần kỳ. Khi bắt đầu hồi phục, tôi hồi phục nhanh chóng và có sức khỏe phi thường. Lớn lên, tôi trở thành một gã trai vạm vỡ, cơ bắp, chơi ngon lành đủ trò thể thao, từ bóng chày đến nhảy tào. Tôi đạt luôn kỷ lục chạy nước rút ở khu nhà tôi, và giả như đang bị người hay chó rượt theo, chắc tôi còn phá sâu kỷ lục hơn nữa.

Mỗi chủ nhật, mấy thằng choai choai Cumberland thường đứng đầy cửa hàng thuốc lá Fister's hay trước quán bi da, vẩy tay huýt sáo ghẹo gái. Thằng nào có tóc rẽ ngôi đẹp nhất, giày bóng nhất và túi nhiều tiền nhất sẽ hốt được ngay những người đẹp Cumberland, hãnh diện dẫn nàng đến... quán kem. Còn mấy thằng rỗng túi thì dẫn gái đi ngắm xe lửa chạy từ mấy thành phố lớn ngang qua. Cumberland là thị trấn có nhà ga xe lửa quan trọng, nên có hàng vạn đường ray ken đặc, hứa hẹn bao chuyến phiêu lưu không ngày về. Còn những thằng vừa rỗng túi vừa không có bạn gái thì khoác vai nhau đến tiệm Hammersmith's ăn bánh kem.

Đôi khi thì vài đứa trong nhóm sẽ nhảy lên xe lửa, đi khoảng 20 dặm đến Piedmont, West Virginia rồi ngồi ở mấy quán xá, thăm mấy cô nàng quen ở đó, rồi thả qua thả lại mấy câu đối đáp nhảm nhảm kiểu như: "Bill không lên tàu lửa kịp, nên nó phải lên xe lửa." Hồi đó, bất cứ câu nào đạt tới đẳng cấp có vẻ chữ nghĩa là đủ được xem là hài hước rồi. Ngày đó, tụi tôi chẳng nghĩ gì nhiều, còn tán gái thì rất vụng về và... ngoan ngoãn. Sau tám tiếng đồng hồ rờn rã vui đến tận óc khi được ngồi bên cạnh nàng (dĩ nhiên là tay người nào để lên đùi người nấy), chúng tôi lại bắt tàu về lại Cumberland. Khi ấy, tôi có bảy gợn tóc dợn sóng tự nhiên, nên tối nào cũng ngồi kéo cho nó thẳng ra. Nếu có bất kỳ ai gọi tôi là "thằng ẻo lả" chắc tôi cạo trọc luôn.

Nhưng ở Cumberland không phải lúc nào cũng vui như hội. 40 tuổi, cha tôi phải bắt đầu lại từ đầu, không xu dính túi, khổ cực với bảy con. Ông mở lại quán ăn như ở Frostburg, nhưng lúc này vốn và mối quan hệ làm ăn không còn như xưa. Năm 12 tuổi, tôi đã phải tìm việc làm. Lúc đó thì sức khỏe tôi đã trở lại một cách đáng kinh ngạc, nên ông anh tôi đã cho tôi ăn mừng bằng cách vào nhà máy thép làm việc. Công việc của tôi đơn giản là in số sê-ri lên mấy tấm kim loại dưới nhiệt độ đủ làm nóng chảy tất cả mọi thứ. Chỉ hai hôm sau, tôi bắt đầu bị lột da ở tay và mặt. Thế là tôi bỏ việc luôn.

Công việc nhẹ nhàng tiếp theo là soát vé tàu. Ngay ngày đầu tiên, tôi thấy bốn gã bị chết chệt khi đang nổi toa. Tay quản đốc hứa hẹn thăng tiến: “Nếu em soát vé tốt, các chú các bác sẽ cho em lên chức nhân viên nổi toa nhé!” Thôi em cảm ơn thịnh tình của các chú các bác, nhưng ta nên chia tay nhau từ đây vậy nhé.

Tôi chuyển từ việc này sang việc khác liên tục vì bản năng sáng tạo trong đầu cứ mách bảo rằng đừng nên tự bóc lột chính mình làm gì. Thế là tôi thành thẳng ăn bám có hạng trong gia đình. Tôi đi sớm về khuya, và mỗi khi báo cáo cho mẹ thì luôn chả kiếm được cái gì về. Ít nhất thì anh chị em tôi còn có tác phong công nghiệp. Tôi thậm chí còn chả giả bộ là có tác phong công nghiệp được nữa kia.

Ông anh Leon của tôi chì chiết: “Tương lai mày chả đi về đâu đâu thẳng lười biếng vô dụng kia!”

Tôi cãi: “Khi em tìm được việc em thích, anh không ngăn cản em lao theo con đường thành đạt của em được đâu!”

“Ồ, làm việc em thích cơ à?” Ông anh tôi nổi quạu. Ông to con, mạnh khỏe và đang phải đi bán chiếu, thảm các loại. Ông

luôn than thở vô cùng cay đắng, rằng hàng mà mình phải kiêng nặng như chì. “Mày thấy tao có than thở lời nào không? Nghe đây, mai tao mà bán không được do cái mồm lươn lẹo của mày, tao nghĩ cho mày biết mặt!”

Tôi thì nghĩ là có khi ông anh tôi lười nên bảo thế, nên đề nghị ngày mai được đi theo phụ. Hôm sau, khi đến căn nhà đầu tiên, ông anh tôi dừng lại và gọi bà chủ nhà: “Bà La Rue ơi, bà không mua thảm à?”

“Dĩ nhiên là không!” Bà già trả lời, tay đóng sầm cửa.

“Mày thấy chưa thẳng đần?” Ông anh tôi quay sang nghiêng tôi. Lão thả hết đồng chiếu thảm lại cho tôi rồi đi một mình về nhà. Tôi phải tự tha về, và khi về tới nhà thì suất nữa tôi nằm đắp chiếu luôn rồi.

Vậy đó, tôi học được những bài học về tác phong công nghiệp từ tất cả mọi người. Ông hàng xóm của tôi có làm ăn với một người bạn. Hai người này có một cửa hàng đồ khô, và là tấm gương cần cù chịu khó của tôi. Tối nào hai gã cũng ngồi hút cần phía ngoài sân sau. Nếu nghe tiếng chuông cửa, ông hàng xóm bảo bạn: “Ngoài cửa có khách kìa Eph. Tao với mày nói nhỏ tiếng thôi, để bà tưởng không có ai rồi đi cho nhanh.”

Hồi đó tôi đã thấy cách marketing của hai lão này có gì đó không ổn. Mà kiểu này thì đâu có mời mấy cửa hàng trong xóm mua thảm chùi chân có chữ WELCOME trước cửa, khi mà chính mấy lão chủ quán cũng có thềm chào đón khách hàng đâu. Thế là vào năm 14 tuổi, tôi quay sang làm bảo hiểm. Ít nhất thì làm ngành này khỏi cần kiêng đồ nặng, chỉ cần vác cái mặt với nụ cười cầu tài đi theo là đủ rồi.

Tôi bắt đầu làm trợ lý của Blue Peter Norris, một đại lý bảo hiểm lớn của người da màu. Tiền lương tôi là 1% doanh số.

Nhưng thu phí bảo hiểm hàng tuần không đơn giản đâu. Tôi phải nhanh nhậy, tới chộp tiền của mấy người da màu ngay sau khi họ lãnh lương, và phải trước khi họ kịp tiêu. Hơn nữa, họ sẽ không bao giờ trả năm mươi xu phí bảo hiểm trừ khi được chào đón kiểu thượng khách. Tôi phát hiện ra rằng, gặp họ mà không gỡ mũ ra chào thì tôi sẽ về tay không. Nhưng khổ thay, mấy tay da trắng đã dọa tôi rằng, nếu thấy tôi gỡ mũ chào “mấy thằng nô lệ” da màu, băng da trắng sẽ treo cổ tôi ngay.

Một anh đồng nghiệp của tôi uyển chuyển phát minh ra trò chào tay. Nếu thu phí vài xu, anh sẽ chỉ giơ tay lên, nếu thu một đô la thì anh sẽ đưa thẳng lên trán kiểu quân đội. Nếu anh ra dấu (thì thầm câu: “Một đối tượng 25 xu sắp xuất hiện.”), thì cả đám sẽ đứng, đưa tay lên chỉ ngang mắt, nhìn chẳng khác nào đang... dụi mắt khóc.

Làm công việc này được một thời gian rồi, nhưng tôi vẫn rất gà. Mỗi tuần tôi chỉ kiếm được tám đô la, trong khi đồng nghiệp kiếm tới 16 đô. Tôi không thể dậy đủ sớm để chộp lấy tiền của khách hàng trước khi họ có cơ hội tiêu hết.

Tôi chuyển sang bán hàng rong trên xe lửa, chủ yếu là bán báo và tạp chí. Đây là một bước tiến đưa tôi đến gần hơn ước mơ được đi đây đi đó. Nếu không đến được vườn treo Babylon, thì ít nhất nhờ việc này tôi cũng đến được Pittsburgh. Tôi phát hiện ra ngay rằng hầu hết hành khách là dân nhập cư, đến đây làm thợ mỏ, chỉ quan tâm chủ yếu tới ăn uống chứ không phải sách báo. Tôi ngay lập tức mở rộng ngành kinh doanh sang đồ ăn vặt và trái cây. Dù miệng thì rao: “Báo mới, báo mới đề,” nhưng tay tôi thì bán đồ ăn, bánh kẹo và táo. Được ít lâu thì mấy tay thanh tra trên tàu phát hiện ra trò bợm của tôi và đuổi tôi luôn. Thế nhưng, đây là hạt giống thành công đầu tiên trong sự nghiệp của tôi.

Trong những chuyến đi hàng ngày từ Pittsburg đến Cumberland, tôi thấy có rất nhiều cặp đôi người Ba Lan tạm nghỉ việc ở mỏ, đến thị trấn chỗ tôi ở, cưới nhanh rồi về. Cumberland không chỉ là nơi nghỉ ngơi ở khu vực này, mà còn là sảnh cưới của cả vùng, bởi vì ở đây chẳng ai tra hỏi giấy tờ gì, chỉ cần một đô la là hoàn tất nghi lễ cưới hỏi linh thiêng luôn. Những thành phố gần đó thì luật lệ khá ngặt nghèo, còn chi phí cũng trên trời.

Khi bị dẹp gánh hàng rong, tôi bắt đầu chuyển qua làm môi giới hôn nhân. Tôi thì mới 15 tuổi, và chỉ biết một cách khách quan các hệ quả và hậu quả của hôn nhân. Tôi thấy mấy anh chị Ba Lan hay dạt vào thị trấn tôi quá dễ dãi, hoang dại và rất cần sự hướng dẫn chuẩn mực. Thế là tôi bắt đầu bán nhẫn, giấy phép, tiệc cưới, xe hoa, phòng khách sạn, và tính là sẽ lãi mỗi vụ khoảng năm đô la 75 xu. Một anh bán nữ trang ở khu đó để nhẫn lại cho tôi giá 75 xu. Tôi cũng tìm được một ông mục sư làm lễ giá 50 xu. Anh lái taxi chịu chở giá từ 25 đến 50 xu tùy theo tình hình thị trường. Khách sạn Olympic thì rất muốn gây dựng một “thuộc địa Ba Lan trên đất Mỹ” với giá 1,5 đô la một phòng, tặng luôn ăn trưa. Với ngành kinh doanh sự hạnh phúc này, mỗi tuần tôi bỏ túi đến cả trăm đô la. Sau đó, công việc ngày càng khấm khá, tôi mở thêm nhiều nhánh kinh doanh mới. Có khi tôi đi quanh Cumberland với cả tá cặp đôi mỗi lượt. Sau khi làm lễ xong, tôi sẽ dẫn họ đi mua sắm đồ với số lượng lớn. Tôi bắt mối với mấy tay bán đồ gia dụng hay trang trí nội thất. Một thời gian dài tôi rất thích công việc này, tiền túi thì rủng rinh. Nhưng nói thật thì đây không phải là lý tưởng mà tôi nhắm đến. Tôi bận thì bận thật, nhưng không hạnh phúc. Tôi vẫn muốn đến được khúc cua ba dặm, nơi những đường ray đến Baltimore và Ohio vụt mất sau chân trời xa thẳm.

Rồi một ngày nọ, gánh xiếc đến diễn ở thị trấn. Ngay lập tức tôi muốn tham gia. Một lực hút kỳ dị kéo tôi đến đấy. Tôi làm đủ mọi cách để được nhận. Tôi đi kiêng vòng cho diễn viên, tôi theo mấy tay em út dựng rạp, tôi đi xách nước, đồn củi, treo băng-rôn. Đôi lúc, tôi chăm chú đến mức lơ mồm ra lệnh này nọ cho người khác, cứ như tôi là đàn anh đàn chị rồi, cứ như là tôi là con ông chủ vậy.

Ở một góc gánh xiếc thường là một căn lều có mấy dấu hiệu cung hoàng đạo, cùng với các biểu tượng tiên tri. Đó là lều của cô đồng Wanda Lyons. Cô là một phụ nữ trẻ đẹp, mắt đen to luôn có cái nhìn thấu tương lai. Không cần lấy tiền tôi, cũng chả cần cầm bàn tay tôi, cô ngay lập tức xác định rõ sự nghiệp về sau này của tôi: “Con thuộc về chúng ta.” Đó có lẽ là lần duy nhất trong sự nghiệp tiên tri mà Wanda nói thật lòng. “Giờ thì con nghe đây: Hãy kiếm khách cho ta, mỗi khách con được năm xu.”

Cô đồng hay đọc chỉ tay trái của khách hàng với giá 25 xu. Sau khi xem xét kỹ, thì cô sẽ bảo rằng vị khách là người đặc biệt, nên tương lai của hắn lại nằm bên tay phải. Đọc tay phải dĩ nhiên là tốn thêm 25 xu. Sau khi cầm tay phải anh khách, cô sẽ luôn nói mấy thứ lặp đi lặp lại sau: rằng anh chàng là người rộng lượng, quá rộng lượng; rằng anh không nên phung phí tiền bạc; và rằng anh rồi sẽ gặp một người phụ nữ mắt đen to, người mà sau này sẽ dễ dàng rút tiền ngay từ túi anh ta. Và cô đồng của chúng ta biến những lời tiên tri đó thành sự thật ngay lập tức.

Sau khi anh chàng đi, cô đồng gật đầu với tôi, nói: “Não của thằng kia chắc đang nghĩ ngợi tới bầm dập rồi. Có khi nếu nó gật đầu một cái, não chảy ra từ đằng mũi luôn ấy chứ! Mà sao con lại có thể ở cái thị trấn vớ vẩn này chứ hả?”

Tôi la lên: “Đúng rồi trời ơi! Con muốn đi. Nhưng làm sao đây?”

“Hãy theo chúng ta.”

“Nhưng con làm được việc gì?”

“Mấy anh diễn viên xiếc sẽ ném con qua lại trên dây, hoặc con có thể ngồi bắt giun bỏ vào mấy cái lọ của tay thầy thuốc. Luôn có việc để làm. Ta sẽ nói chuyện với Big Bill Swanson nếu con muốn.”

Tôi nói giọng đầy hào hứng: “Con thích lắm luôn! Hay quá! Không ngờ thành hiện thực! Trời ơi! Con muốn đi với cô, cô Lyons ơi!”

Gánh xiếc ở lại thị trấn một tuần. Tuần đó, tôi sống rất trọn vẹn. Mọi giấc mơ hoang đường khi còn phải chiến đấu với bệnh tật giờ thành hiện thực. Mọi thứ lúc trước mờ mịt lối đi, giờ đã có định hướng rõ ràng. Đây là thế giới của tôi. Wanda Lyons, xinh đẹp, cộc cằn, xảo quyệt ngồi đây và vẫn thích công việc này. Rồi giờ thì tôi đã có cơ hội làm việc cùng Big Bill Swanson, ông chủ gánh xiếc, người xem sách là thứ chỉ dùng để chọi nhau, người trọn đời sống theo phương châm đơn giản này: “Đừng cho mấy thằng gà cơ hội nghỉ ngơi.”

Gánh xiếc rời thị trấn vào hôm sau, lúc năm giờ sáng. Đêm đó tôi không ngủ được. Ngay giữa đêm, tôi trèo qua cửa sổ khi cả nhà còn đang say ngủ. Tôi xách một tay nải, trong đó là mấy bộ đồ đã sờn. Để có vẻ trí thức, tôi cũng đem theo vài quyển truyện về Frank Merriwell và tuyển tập Frank Reade. Đây là một cuộc phiêu lưu. Tôi bắt đầu cuộc hành trình sống trọn những thứ mà tôi hằng mơ, với những cuộc phiêu lưu vốn chỉ gói gọn giữa những trang giấy vàng. Những dòng chữ mực đen vô hồn giờ sống động ngay trước mắt.

Tôi nhón chân qua cửa sổ, quay nhìn lần cuối, rồi dứt áo ra đi. Tim tôi đập mạnh hơn, và trong chốc lát khi nhìn lại, một cảm giác buồn rầu thăm thẳm chiếm trọn con người Thế nhưng rồi, tôi chợt nghĩ, trong một cái gia đình có tận chín người, thì có thêm hay bớt một thằng con chắc cũng chẳng ai để ý đâu. Lập tức tôi bước vào đêm tối, không khí mát lạnh thổi thẳng vào mặt. Vài ba bước, tôi đã đến trạm.

Tôi hỏi tìm Wanda Lyons, nhưng cô đồng đã ngồi trong toa với mẹ và những diễn viên khác. Big Bill Swanson đứng ngoài chờ những người cuối cùng lên tàu. Thấy tôi, ông bảo tôi ở khoang hành lý nằm với mấy cái túi xách. Ít phút sau, đoàn tàu hụ còi và bắt đầu chuyển bánh. Cả linh hồn tôi như vượt lên phía trước theo tiếng còi tàu. Tôi đang đi xa. Đi đâu, tôi cũng chẳng biết. Trong tôi là cảm giác hào hứng khó tả trước một chuyến phiêu lưu vô định. Đi giữa bình minh, mắt tôi nhắm chặt, nhưng tâm trí tôi không ngơi nghỉ. Tôi nghe tiếng bánh xe khoang hành lý xập xình, xập xình như muốn nói: “Tự lo lấy mình! Tự lo lấy mình!”

CHƯƠNG III

Gánh xiếc của Swanson

Kể từ khi đi theo gánh xiếc của Big Bill Swanson, tôi học được rất nhiều thứ. Ngay tuần đầu tiên, Swanson đã đập gãy hàm một gã. Khi cảnh sát đến, lão đổ hết tội cho tôi. Trước khi tôi biết chuyện gì đang xảy ra, thì tôi đã ở trong xà lim vì tội cố ý giết người, lòng quặn thắt ngồi tưởng tượng không biết gia đình sẽ nghĩ gì khi biết thằng con anh hùng đang xô khám. Ba tiếng sau, tôi được thả. Tôi cay đắng than trách Swanson, nhưng lão chỉ nghiêng răng:

“Đừng có gào như thế! Tao chỉ mất 20 đô la để lòi mày ra. Còn nếu tao ngồi đó thì tao tốn cả ngàn, hiểu không?”

“Lần sau nếu ông muốn tôi giúp đỡ ông bằng cách ngồi tù thay thì nhớ báo trước một tiếng!”

Lão quát: “Cái gì? Mày giúp đỡ tao hả? Lòng biết ơn sâu sắc với kẻ vừa bỏ 20 đô la lòi mày ra khỏi tù đâu rồi?”

“Nhưng đáng ra tôi có phải vô đó ngồi đâu?”

Lão ra vẻ thương cảm, tội nghiệp cho sự đơn giản đến ngây thơ của tôi:

“Mày thích thì cứ nghĩ vậy đi! Nhóc à, tốt hơn hết mày nên khôn ra đi! Mày sẽ còn ngồi trong xà lim nhiều lần nữa đấy.”

Cái khái niệm “bình thường” của dân gánh xiếc bắt đầu thu hút tôi. Bác sỹ Crosby, người chuyên lo thuốc thang cho gánh xiếc, cũng là nha sỹ nhổ răng không đau. Tôi đã từng thấy ông nhổ giỏi đến võ hàm người ta mà chả ai biết do ban nhạc chơi ồn quá. Còn người bị võ hàm thì không dám hé răng, bởi hấn hy vọng sẽ có thằng ngu khác bị giống mình cho đỡ nhục.

“Cẩn thận miệng mồm nhé.” Bác sỹ Crosby nói, mắt nhìn bệnh nhân tội nghiệp vừa ôm hàm vừa rên, nhưng trong lòng rất sắt son chung thủy giữ bí mật này: hấn sẽ không bao giờ hé răng nửa lời về những gì đã diễn ra.

Cứ mỗi sáng, bác sỹ Crosby sẽ dạy tôi một bài học về sự chân thực khi tôi giúp ông chuẩn bị mấy lọ thuốc chữa bá bệnh. “Harry, con trai à, nhớ rằng thành thực là tốt nhất. Thuốc chữa bá bệnh Crosby và nước uống trường sinh bất lão của ta đã trở thành sản phẩm chuẩn mực trong suốt hơn 20 năm nay rồi—con biết vì sao không? Vì ta chưa bao giờ sản xuất hàng giả. Ta luôn dùng một công thức duy nhất—từ 65% đến 90% nước, một ít hương long não, một giọt rượu whiskey bắp, một ít màu thực vật. Ta không bao giờ pha loãng ngoài công thức, chưa bao giờ ta pha thứ được liệu thần kỳ này với quá nhiều rượu hay quá ít nước cả!”

Mục đích sống của ông là nâng cấp thứ thần dược này đến mức độ nó chỉ chứa toàn là nước. Ông bác sỹ vừa nhấp một hơi rượu, vừa nói: “Vì không có gì tinh khiết hơn nước đâu. Nước là món quà từ thiên nhiên đấy!”

Nhưng vào suất diễn tối, ông bác sỹ của chúng ta luôn giúp đỡ thiên nhiên một chút, bằng cách cho một anh thanh niên

làm quân xanh, ngồi giữa đám đông khán giả. Anh thanh niên sẽ lên gặp bác sỹ Crosby, nói rằng anh từ Minonk, Illinois, lận lội đường xa đến đây để cảm ơn bác sỹ đã chữa khỏi bệnh nan y cho mẹ anh, rằng mẹ anh đã đi lại ăn uống bình thường, dù trước khi uống thuốc bà đã liệt giường suốt năm tháng ròng.

Nếu câu chuyện của anh quân xanh không đủ thuyết phục người ta mua thứ nước toa-lét đóng chai ấy, chúng tôi sẽ có trò khác vô cùng hiệu quả. Bác sỹ Crosby có một cái chai chứa con sán lãi dài nhất thế giới (dĩ nhiên là chả có số liệu nào chứng minh). Ông thuê nó từ mấy hiệu thuốc ở New York, nhưng lại tuyên bố rằng ông đã lấy nó ra từ người một bệnh nhân ở thị trấn chúng tôi vừa diễn lúc trước. Ông bác sỹ cầm nó cho mọi người xem như đang cầm cúp vàng vậy. Thế nhưng, ông không đủ tiền mua nhiều sán lãi, nên đôi khi chúng tôi phải lấy một cọng bún dẹp nhét vào một số chai lọ. Ở ngoài mỗi chai ghi mấy dòng kiểu như: "Sán lãi dài bốn mét, lấy từ ruột của thị trưởng thành phố Quincy, Illinois." Chai khác thì ghi: "Ký sinh trùng kỳ lạ, lấy ra từ người cảnh sát trưởng thành phố Venita, Oklahoma."

Bác sỹ Crosby sẽ đi khoe đồng thành tích y khoa này, và nói: "Tôi không đến đây để bảo bà con tự lo lấy sức khỏe mình. Bà con cứ sống sa đọa như giờ đi, rồi thấy mình nằm dưới ba tấc đất ngay! Tôi chỉ muốn nói, nếu thấy khô miệng vào buổi sáng, thì coi chừng bị sán lãi!" Khô miệng vào buổi sáng thì ai chả bị, thế nên trong chớp mắt mấy lọ nước toa-lét đã bán hết.

Trò tiếp theo là một cái ống thủy ngân, hai đầu bầu bầu. Với vai trò trợ lý của bác sĩ, tôi mời mấy anh cao bồi ở Joplin hay Tucson thử kiểm tra sinh lực và sức mạnh. Bất chợt, tôi chỉ vào một gã cao bồi to cao trong đám đông, hét lên: "Thầy ơi, xem mắt của anh kia kìa!"

Bác sỹ Crosby sẽ ngay lập tức lao đến, vẻ lo lắng, tay vạch mắt của anh chàng ra xem từng mạch máu. Giọng của ông chuyển sang tông lo lắng: “Anh bị nhiễm hemoglobin trong máu rồi!” Hemoglobin là thứ tạo nên màu đỏ trong máu của bất kỳ ai, dĩ nhiên, nhưng đối với mấy tay cao bồi thì nó là một thứ kỳ lạ và nguy hiểm.

“Tôi bị nhiễm rồi à?”

“Đúng, anh nhiễm rất nặng!” Bác sỹ Crosby buồn bã trả lời. “Harry, con mang cho anh cái gương để anh nhìn cho rõ.”

Vừa nói, bác sỹ Crosby vừa kéo mi mắt dưới của anh chàng xuống. Anh chàng nhìn vào gương thông qua cái kính phóng đại và thấy rõ từng mạch máu.

“Trời ơi, tôi phải làm sao đây bác sỹ?” Bệnh nhân giờ đã hoảng loạn.

Bác sỹ Crosby nhẹ nhàng bảo: “Anh đang ở giai đoạn cuối rồi. Nhưng may là tôi đã phát hiện kịp lúc. Tôi vẫn có thể cứu anh. Harry, đem cái ống thủy ngân ra đây. Chúng ta sẽ kiểm tra thần kinh.”

Tôi mang cái ống ra, cho tay cao bồi đang run rẩy cầm một đầu ống theo hướng dẫn của bác sỹ. Thủy tinh ở đầu ống bên phía tôi dày đến nỗi cần mười phút mới làm thủy ngân bên trong nóng lên. Còn đầu của anh cao bồi cầm thì thủy tinh mỏng, nên chỉ cần hơi ấm từ tay anh là đủ để thủy ngân vọt lên mức màu đỏ đáng sợ mà chúng tôi đã đánh dấu trước. Khi bệnh nhân thấy mình đã làm thủy ngân vọt lên mức báo động đỏ, nhìn sang thì thấy ông bác sỹ và thằng trợ lý kế bên im lặng như đang dự đám tang, thì chúng tôi biết giờ lạnh đã điểm:

“Vậy là tôi hết cứu nổi há bác sỹ?” Anh cao bồi nói như sắp tắt thở, mặt rớt từng giọt mồ hôi to như quả trứng gà.

“Thần kinh anh sắp đứt rồi.” Ông bác sỹ nhìn xa xăm, rồi nhìn anh cao bồi lực lưỡng. “Nhưng với liệu pháp điện trị, anh sẽ thấy mình khỏe hơn.”

Bệnh nhân sẽ cầm hai đầu cọng dây điện, trong khi bác sỹ Crosby sạc pin cho anh với giá năm xu một volt. Cái “bộ sạc” của bác sỹ sẽ nhảy kim lên mức 5000 volt nếu dòng điện thực tế là 150 volt. Khi bộ sạc chỉ mức một triệu volt, đủ để giết chết cả nước Mỹ, thì thực sự anh chàng mới chịu khoảng 300 volt. Nhưng 300 volt là đủ khiến anh chàng dính chặt với hai cọng dây không buông ra được. Trong lúc đó, bác sỹ Crosby sẽ lướt qua cái ví tiền. Với mức giá năm xu một volt, bệnh nhân bao giờ cũng nợ tiền. Nếu bệnh nhân bắt đầu thấy gì đó không ổn và buông mấy lời không hay, thì một nhân viên gánh xiếc mặc đồ giả dạng cảnh sát sẽ xuất hiện, dọa tổng giam “công dân gây rối” nếu hắn không chịu biến cho khuất mắt. Còn nếu bệnh nhân hiền hiền, thì sau khi sạc pin xong, hắn sẽ được cho cầm ống thủy ngân ở đầu ống dây, và thấy mức thủy ngân giờ đây ở dưới vạch đỏ, nghĩa là tình hình sức khỏe đã cải thiện rõ rệt. Mọi hy vọng và tiền bạc đã chi đều được đền đáp xứng đáng.

Trong cái trường học kỳ lạ mang hình dạng gánh xiếc này, tôi là một học trò sáng dạ. Sau đó, tôi đã tự thiết kế vài dụng cụ riêng. Mấy năm sau, khi tôi chuyển sang gánh xiếc của đại tá Mondy, tôi là người đầu tiên chơi trò phát đậu rang muối miễn phí cho khách. Sau khi đã ăn trọn lô đậu mặn chát, họ bắt đầu khát nước. Tôi bán mấy ly nước chanh nho nhỏ giá cao, và họ nốc cho tới giọt cuối cùng. Tôi cũng là người nghĩ ra việc thêm tiết mục cuối ở lều Koutch. Tay viết kịch bản Curtis Benton, gã người Mỹ Carlo, anh chàng Ấn Độ tên Bombay diễn trai cùng với tôi đi vòng vòng gánh xiếc, thì thầm với khách rằng hãy đến lều Koutch sau vở diễn chính, khi đèn sắp tắt. Tôi rí tai họ là chỉ bỏ thêm ít tiền là được “xem múa bụng mà không mặc

áo...” rồi nháy mắt về hiểu biết. Mấy tay dân địa phương khoái chí, bu đông đặc đến xem tiết mục cuối này.

Khi đã đông người xem (dĩ nhiên mỗi người bỏ 50 xu mua vé) khi nghe là nàng Molly Grady, vũ nữ múa bụng từ phương Đông xa xôi, sẽ ra biểu diễn tiết mục đặc biệt này. Rồi anh em rạp xiếc hô to: “Nào các chàng trai, cởi áo ra nào!” Mấy gã Tucson đỏ tận mang tai chờ màn biểu diễn hấp dẫn, ngay lập tức vừa lột áo quơ quơ trên đầu, vừa hú hét, về ngu ngốc vô cùng. Thế rồi nàng vũ nữ của chúng ta xuất hiện, múa như những màn múa bình thường. Khán giả bắt đầu ồ lên thất vọng, nóng nảy hết:

“Đây là sao? Bảo là múa không có mặc áo mà?”

“Đúng rồi! Giờ các anh đang xem múa bụng mà không mặc áo rồi còn gì!”

Ở bên dưới, những đứa con của thần Đền Độn phát hiện ra mình vừa bị lừa, vừa giận vừa nhục bỏ về. Trên đường về đi qua bãi đất trống của gánh xiếc, mấy gã bị mấy tay móc túi dạy thêm bài học thứ hai về quản lý tài chính cá nhân.

Thấy trò lừa đảo ngon ăn, chúng tôi tiếp tục làm. Một ngày trước khi nhổ trại, mỗi thành viên gánh xiếc sẽ thay phiên bán bộ đồ dụng lều cho mấy tay dân địa phương chỉ với mười đô la. Ngày hôm sau, sẽ có bốn năm gã khác nhau đến lấy hàng, gã nào cũng trưng hóa đơn mua hàng ra, nhưng dĩ nhiên anh em gánh xiếc đều đã dọn dẹp hết và leo lên tàu trốn mất rồi.

Những trò lừa đảo này dĩ nhiên là không có trong giáo dục chính tông rồi. Đối với chúng tôi, chúng tôi nghĩ mình đã góp phần giúp mấy tay nhà quê này thông minh lên một chút. Như Bill Swanson đã nói, “Thằng trộm tồi tệ nhất quả đất là thằng tuần nào cũng lừa đảo, trộm cắp của cùng một nhóm người

trong suốt cả năm. Còn dân gánh xiếc tinh tế và biết nghĩ hơn nhiều. Mỗi tuần chúng ta đều sẽ lừa những người mới, và nhờ đó ta giúp dạy dỗ những gã ngu kia với học phí rất rẻ.”

Tôi còn nhớ lần đầu tiên nghe triết lý giáo dục của Bill Swanson. Khi đó, tôi cảm thấy mình lừa một ít thôi thì thật nhân đạo chẳng khác gì đi từ thiện vậy, bởi vì một khi đã sống trong môi trường gánh xiếc, thì trong mắt bạn sẽ thấy chả có ai là thành thật hoàn toàn cả.

Những người duy nhất cố tạo cảm giác gia đình cho tôi trong cái trường đời điên loạn này là chị em Millie-Christine, cặp song sinh hay diễn mấy chương trình bên lề của gánh xiếc. Họ dính nhau ở phần eo từ khi mới sinh ra. Cả hai đều có bản năng làm chị. Millie dịu dàng và hay bảo vệ tôi, còn Christine thì vô cùng tâm lý. Millie khuyến khích tôi bớt thời gian đánh trống thổi kèn ở rạp và chăm đọc sách hơn. Christine đồng tình với Millie và thuyết phục tôi hoàn toàn. Theo Christine, thì phía cuối con đường của cuộc đời du mục vô ưu sẽ hóa thành tro bụi như vệt bồ hóng trên bánh xe, còn những người gắn liền với đời xiếc lâu dài rồi cũng sẽ bị đồng bọn bỏ rơi hay chết rục xương trong tù. Millie-Christine nói: “Em rất dễ thương, Harry. Chẳng lẽ em muốn sống cuộc đời như vậy sao?”

Bill Swanson cười khùng khục, trong khi tôi đứng sững người, lung lay ý chí suy nghĩ về những lời của Millie-Christine. Lão bảo: “Mày muốn đọc sách làm gì? Xưa giờ tao có đọc đâu, mà nhìn tao đây này! Ngon lành cảnh đào!”

Tôi nhìn lão, và quyết định rằng mình phải đọc sách ngay.

Sách vở mô tả một thế giới hoàn toàn khác với hiện thực đối lừa trước mắt tôi, nơi mà những tiếng trống kèn ồn ã hay được dùng để che giấu những trò lưu manh, lừa đảo. Đọc sách

thì tôi thấy anh hùng vẫn được vinh danh, nhưng thực tế là ở gánh xiếc thì mấy thằng móc túi được ưu ái hơn nhiều. Ngay cả một gánh xiếc cùi bắp, diễn rõ vớ vẫn cũng có thể hòa vốn chỉ bằng đội ngũ móc túi. Một tay trong gánh xiếc sẽ giả vờ cảnh báo: “Bà con cẩn thận móc túi!” Bà con sẽ theo bản năng lấy tay sờ vào chỗ họ để ví tiền, giúp mấy gã móc túi nhanh chóng định vị mục tiêu. Hoặc gánh xiếc có thể khuyên khán giả nên cất tiền cẩn thận ở đai đeo trên mũ chẳng hạn, và khi mọi người làm theo, băng đảng móc túi sẽ lập tức biết cần phải “chăm sóc” khán giả ở chỗ nào.

Có một lần, thi triển thuật móc túi hơi khó khăn chút. Lúc đó tôi là người giới thiệu chương trình cho anh diễn viên nhảy cầu Speedy, người hay nhảy từ trên cao hơn 30 mét xuống cái bể chỉ sâu hơn một mét. Thành tích của anh quá dữ dội, nên không cần giới thiệu dài dòng, tôi phang ngay: “Xin giới thiệu Speedy, vận động viên nhảy cầu số một thế giới!” Rồi anh nhảy luôn. Đám đông nhìn lên rồi nhìn xuống ngay, nên các anh bạn móc túi của tôi không có thời gian hành sự.

Tay quản lý đội móc túi phàn nàn ngay: “Mày không có khiếu gì cả. Mày cứ nói ngắn gọn kiểu ngu ngu vậy thì muốn đời không thành người giới thiệu chuyên nghiệp đâu con ạ!” Gã có vẻ quan tâm đến sự nghiệp làm người giới thiệu của tôi lắm, nên đã viết một đoạn giới thiệu dài thườn thượt, đọc phải năm phút mới xong cho tôi cầm học. Đại khái đoạn giới thiệu của hắn khuyến khích khán giả cứ phải ngược cổ lên nhìn tay nhảy cầu làm trò khi (làm tư thế đại bàng, sao băng đủ loại). Khi tôi cứ hút họ nhìn lên, các “nghệ sỹ đường phố” ở bên dưới sẽ lột sạch họ từ đầu đến chân, trừ đồ lót là không chạm tới mà thôi. Tới lúc Speedy đã sẵn sàng nhảy xuống, thì về cơ bản khán giả cũng đã bị lột trần trùng trục như anh diễn viên mà vẫn vô tư không hề hay biết.

Phần thiệt duy nhất trong sô diễn của Speedy là màn nhảy cầu biểu diễn, nhưng tiền công của Speedy trong cả mùa diễn chắc chưa nhiều bằng mấy chàng móc túi kiếm trong một tuần. Rồi một ngày nọ, Speedy đâm trúng một thanh gỗ ở đáy hồ và mù mắt ngay lập tức. Ngày nay, anh làm ăn xin ở Quảng trường Thời Đại. Lão sếp bằng móc túi giờ thành doanh nhân thành đạt, được mọi người trọng vọng.

Chúng tôi đi từ East St. Louis đến Joplin, rồi từ đó đến Venita, Oklahoma. Tôi học được bài học thối tiền đầu tiên ở đây. Gánh xiếc nâng quây vé lên hơn nửa mét để mấy thằng gà không nhìn rõ số tiền thối. Thế là “doanh thu” tăng 50%, còn tiếng khán giả la ó tăng 100%. Nhưng Bill Swanson có cách để cãi lại những lời phàn nàn của khán giả: “Các anh bao giờ cũng nghi ngờ những người làm gánh xiếc nghèo khổ tội tôi cả. Nếu ông đại gia Wanamaker mà sống và làm việc dưới mấy túp lều như tội tôi, các anh chắc cũng nghi ngờ luôn ấy chứ!”

Hồi đó, gánh xiếc đi quanh khu Đông Nam chuyên trồng bông, nên tôi có cơ hội nghiên cứu vô số thị trấn. Tôi bỏ hàng giờ liền ngồi ngắm các cửa hàng, tìm hiểu ngày trả lương của các công xưởng gần đó, từ đó suy ra ngày kinh doanh ngon lành nhất, và nên đặt rạp nơi đâu thì tốt. Tôi ghi chú lại hết, và cuối cùng đã có một cuốn sổ thông tin của khoảng hơn hai trăm thị trấn. Dần dần, tôi bán thông tin cho các gánh xiếc và công ty tổ chức sự kiện ngoài trời. Ngay cả Công ty Ringling Bros. cũng đã trả tôi năm đô la cho một bản sao quyển sổ của tôi. Dưới đây là ví dụ một trang trong sổ:

Johnstown, Pa.

Dân số—28,000.

Công ty Cambria Steel. Các xưởng cán thép khác.

Ngày trả lương—15 và 30 mỗi tháng.

Tổng lương tiền lương trả mỗi lần—\$400,000.

Ít quán ế. Cảnh sát tốt.

Hội đồng thành phố thân thiện. Thị trường dễ gặp.

Chi phí giấy phép \$25. Nhiều chỗ đặt rạp, nhiều khu vực.

Penn R.R.

Xe đẩy vùng ngoại ô ngon. Khu vực xung quanh giàu có.

Ba tờ báo.

Các nhà máy nhỏ trả lương hàng tuần vào thứ bảy.

Một rạp. Ngày mua sắm: thứ hai, thứ bảy.

Một công viên nhỏ.

Ngoài ra còn nhiều thông tin chi tiết đáng giá khác. Đó là bản hướng dẫn thực tế đầu tiên cho những người làm nghề biểu diễn. Trong trường hợp của tôi, đó không chỉ là một bản ghi chép hành trình, mà còn là nhật ký nữa.

Chúng tôi đến Douglas, Arizona, hướng lên El Paso. Ở đây đầy dân Mễ dơ dơ, có cả mấy tay da đỏ cao-to-đỏ-hôi nữa. Chúng tôi mở nhiều sô ở đây, và sau khi diễn xong thì cả gánh xiếc hành quân tới sàn giao dịch gia súc của Custer (thực ra là một trung tâm cò bạc). Tay liều mạng Hiki Blitz bắt đầu sa đà vào bài bạc. Rồi có cãi nhau, Blitz lên đi rồi quay lại với một khẩu súng trên tay. Mấy tên khác nhào vào đập lộn, cố giật súng khỏi tay Blitz. Đèn chột tắt. Khi đèn sáng trở lại, Blitz đã biến đi rồi. Một tay cao bồi nằm đó, một lỗ đạn trên đầu.

Sau vụ đó, người dân bắt đầu tỏ thái độ thù địch. Gánh xiếc làm ăn không được, và phải chuyển đi Safford. Thế nhưng mấy tay cao bồi đâu dễ yên, họ kéo một đoàn, cưỡi ngựa đuổi theo truy sát Blitz.

15 năm sau, tôi gặp lại Blitz ở Milwaukee. Hồi đó hắn rời Douglas bằng cách tự gói mình trong vài lều, đi gói vận chuyển nhanh đến New Orleans. Khi “bọc hàng” đã yên vị ở xe vận chuyển, hắn tự cắt dây và nhảy xuống San Antonio. Hắn bảo tôi rằng hắn đã nhúng ngập mặt, cổ và tay trong một dung dịch bạc nitrate, khiến da hắn đen đi, và quay trở về Chicago tham gia một gánh khác. Hắn bảo phải bốn tháng sau thì lớp xỉ bạc mới phai.

Lần đó, Blitz thoát hiểm ngoạn mục. 20 phút sau khi giết gã cao bồi, Blitz đã được đóng gói giao hàng nhanh. Anh diễn viên nhào lộn trên không Purcino đã giúp hắn thoát. Vài ngày sau, Purcino rơi từ trên cao xuống vì mấy sợi dây nhào lộn bị đứt, và mất mạng ngay tại chỗ. Hai gã cao bồi trong nhóm săn lùng Blitz đã góp ít tiền hương hỏa cho Purcino.

Gánh xiếc dần thay đổi. Tinh thần xả láng và tôn chỉ lừa đảo không còn nở rộ. Swanson bỗng dưng quyết định đăng ký kết hôn, và trở thành cặp đôi duy nhất có giấy tờ hôn thú chính thức. Bill bây giờ đã mệt mỏi với đời gánh xiếc, nên đã bán gánh xiếc để tham gia lĩnh vực khác. Sau đó, lão trở thành một tượng đài trong ngành phim ảnh ở Utah.

Cô đồng Wanda Lyons, người con gái xinh đẹp, quyến rũ đã đưa tôi vào thế giới đường phố này, giờ lại quan tâm hơn đến ham muốn vật chất trần tục. Cô đã tiết kiệm được năm ngàn đô la, và người ta đồn rằng cô sắp lấy một tay tài phiệt ngân hàng. Một tuần sau khi Swanson lấy vợ, cô đi Cincinnati. Thế nhưng, mấy người trong gánh xiếc bảo là sau khi nhìn thấu ví tiền vị hôn phu, cô sẽ quay trở lại gánh xiếc vào mùa sau.

Dần dần, gánh xiếc của tôi tan rã. Thầy phù thủy dạy rắn chết dưới tay Dutch Barrell. Dutch cuối cùng đạt được ước mơ: đánh được một viên kim cương ngay răng cửa. Bốn tháng sau,

gã cũng chết vì viêm phổi. Minnie-ha-ha, một trong số mấy người lùn trong gánh xiếc, cũng chết vì ăn không tiêu, trong khi cha mẹ của cô bỏ con để về nhà ở Baltimore, tập trung chăm sóc mấy thằng lùn khác ở nhà.

Ở Columbus, Georgia, gánh xiếc đổi chủ. Swanson quyết định tham gia vào ngành phim ảnh, và bán gánh xiếc cho K. G. Barkoot. Bạn bè chung gánh xiếc của tôi dẫn đường ai nấy đi, có người vào gánh xiếc mới. Một thời gian tôi lưỡng lự không biết nên đi theo họ hay tách ra riêng.

Tôi đang đứng ở nhà ga, tay xách hành lý thì một tay cảnh sát xuất hiện và bắt tôi. Tôi bị ném vào một cái xà lim đầy người da màu. Tôi hỏi ông cảnh sát lý do thì ông nói rằng thứ Tư tuần sau (ngày duy nhất tòa án hoạt động trong tuần) rồi biết. Tôi nhờ ông ta báo tin cho mấy anh bạn trong gánh xiếc, nhưng ông bảo rằng luật pháp không cho phép báo tin. Tôi bị quăng vào một cái nhà đá lạnh như băng. Đồ ăn thì toàn mấy thứ bột nhão nhão trông không ra hình dáng gì, đặt trên cái đĩa thiếc nhóp nhép, nên tôi không nuốt nổi. Sau "bữa ăn tối" thì tôi bị còng vào một hàng dài nối với nhau bằng xích sắt chẳng khác nào nô lệ. Tôi được vinh hạnh trở thành lao động không công, chuyên đập đá phá đường cho trại giam. Bỗng dưng mọi thứ tôi có bị cắt đứt hết, còn tôi thì vô vọng nằm trong ngục tối. Tệ nhất là đến lý do tôi cũng không được biết, và phải chờ đợi đến tận thứ Tư tuần sau...

CHƯƠNG IV

Sư tử và vịt

Động vật đã được con người sử dụng cho nhiều mục đích, từ cày bừa đến trang trí ghế nệm, nhưng tôi thì thích dùng động vật để nhảy lên trang nhất các tờ báo, giống như nhảy qua các vòng lửa trong gánh xiếc vậy. Một ưu điểm của việc sử dụng động vật để tạo sự kiện báo chí đó là động vật thì không biết nói, và cũng không bị nghi ngờ. Hơn thế nữa, từ ngày ở với gánh xiếc Mondy, tôi đã bị quyến rũ bởi những giống loài động vật. Nhớ lại, tôi đã học chiêu trò biến sư tử thành tíu báo từ chính đại tá Mondy. Ông đại tá chả biết sợ là gì, và đã từng mặt đối mặt với hai con sư tử hung dữ trong lồng sắt. Hai con sư tử này không hiểu bằng cách nào đã cắn gãy chấn song, và vào đánh nhau giành con sư tử cái đang nằm ngáp ngáp dài ở cung điện ngay lồng kế bên. Hai anh sư tử đực mặt theo quyết chí đánh nhau tới chết, còn sếp Mondy vừa dững cảm vừa thực tế của chúng ta thì muốn cứu cả hai sinh vật quý giá đáng tiền của gánh xiếc. Suýt nữa thì đến mạng của đại tá cũng không giữ được. Hai anh sư tử đang lồng lộn đánh nhau thì bỗng kẻ vai sát cánh đối mặt với đại tá, đồn ông đến góc chuồng. Ông đại tá đứng im như tượng, vì chỉ cần dịch chuyển

một cơ nhỏ là coi như xong phim. Anh em gánh xiếc chạy học tới tới sở cứu hỏa, kéo được mấy anh cứu hỏa cầm vòi nước tới xịt vào hai con sư tử. Vậy mà thay vì tìm cơ hội trốn đi, thì Mondy lại đến đóng cửa lồng ngăn hai con sư tử, rồi sau đó thành thoi bước từ từ ra khỏi đấu trường.

Tuy dũng cảm là thế, nhưng khi tổ chức sự kiện để được lên báo, ông đại tá lại quên mất rằng người bình thường không có hứng chơi với sư tử như mình. Ông tính tổ chức lễ cưới trong chuồng sư tử, nhưng khi đang tìm một cặp đôi dũng cảm để tổ chức đám cưới giữa những chấn song, xung quanh là 20 chúa tể sơn lâm làm phụ dâu, phụ rể, thì ông chợt phát hiện ra rằng toàn bộ thị trấn Galesburg, Ill. bỗng dưng rủ nhau thề sẽ sống độc thân suốt đời. Cuối cùng thì chúng tôi cũng dụ được một cặp đôi nghèo rớt mồng tơi, tồn tại chỉ bằng cách hít không khí và yêu nhau. Cặp đôi này tiết kiệm được hai đô la làm giấy hôn thú, lại được tặng một bộ nội thất phòng ngủ nữa (dĩ nhiên với điều kiện là họ bước ra khỏi lồng bình an). Bước tiếp theo là tìm một ông mục sư để làm lễ, và cuối cùng chúng tôi tuyển được một ông mục sư da màu. Người ta không thích dân da đen lắm, nhưng chả sao cả, chẳng nào thì bước vào lồng rồi thì hăn cũng trắng bệch thôi.

Vào lễ cưới, 20 con sư tử nhẹ bước vào lồng, ngồi xung quanh cặp đôi đang run lên vì hạnh phúc, cùng ông mục sư trắng toát vì hãnh diện. Chưa bao giờ người ta thấy cặp đôi ấy ôm nhau chặt đến thế. Đặt một chân ra cửa thoát hiểm phòng hờ xong, tôi giới thiệu đại tá Mondy với khán giả bằng giọng tung hô, từ ngữ thì có chút giật giật do thiếu hơi. Tôi chưa bao giờ nói chân thành và nhanh gọn đến thế. Xong, tôi lui ra ngoài ngay cho chắc ăn. Ông đại tá cúi chào, thông thả giới thiệu từng phụ dâu, phụ rể, còn các anh chị sư tử này thì đưa ngáp, đưa liếm vuốt ve có chút mất kiên nhẫn. Ông mục sư tội

nghiệp mấp máy môi, nhưng chả thốt nên lời. Mỗi lần ông mở miệng, 20 con sư tử sau lưng đồng thanh gầm vang, khiến ông cúi nhủi thẳng vào vòng tay của cặp đôi hạnh phúc. Khi lễ xong, ông thể hiện ngay tài năng nhảy xa, một bước tới thẳng cửa thoát hiểm và dần dần lấy lại màu da sẫm ban đầu.

Tuy trò cười hỏi trước mũi Tử Thần này khá hiệu quả, nhưng Mondy không có lãi, vì ngay sau đó lại gặp rắc rối với chính quyền địa phương. Cảnh sát trưởng tới tịch thu đồ của gánh xiếc. Mọi lời cáo buộc là nhắm tới “P. J. Mondy.” May là anh em gánh xiếc nhanh trí, đổi ngay các biển trên lồng sắt thành “Tài sản của Bà P. J. Mondy.”

Ông đại tá nói với tay cảnh sát trưởng: “Ừ đúng rồi, mấy con sư tử hổ báo này là của tôi. Anh có thể bắt tội nó về nếu muốn. Nhưng không được mang lồng đi!”

“Vậy sao tôi bắt thú đi được?”

“Dễ ẹc. Tôi mở cửa lồng, tội nó sẽ đi theo anh!” Mondy vừa nói vừa loay hoay mở khóa.

“Ê ê khoan, đừng!” Tay cảnh sát vội hét lớn. “Anh mà động tới tài sản của Bà Mondy, tôi sẽ bắt anh tội chiếm hữu tài sản trái phép!”

Rồi với vẻ nghiêm trang, đạo mạo, cảnh sát trưởng leo lên ngựa đi mất dạng, không ngoái lại lần nào.

Cái nhìn của tay cảnh sát trưởng hướng về mấy con sư tử đã tạo nên một ấn tượng khó phai trong đầu tôi. Hai thập kỷ sau, tôi lại tận mắt thấy cả một đội cảnh sát ở New York nhìn một con sư tử khác với đúng cái nhìn đó. Đó là con sư tử đã làm nên một bộ phim vô cùng thành công. Chuyện xảy ra sau khi con khỉ, à không, hoàng tử Charley của tôi xuất hiện ít lâu để quảng bá cho bộ phim Tarzan đầu tiên. Phim thứ hai trong

loạt này, *Chuyện tình Tarzan*, nhảy vào tấn công New York rồi ra đi mà chả ai để ý. Do không có hoạt động quảng bá rầm rộ, nên nó trở thành thứ bí mật chỉ có nhà sản xuất và nhà kho biết là có tồn tại. Samuel Goldwyn¹ lãnh đạo dự án phim thứ ba trong loạt phim này. Anh chàng đặt tên bộ phim là *Sự trở lại của Tarzan*. Sau khi xem phim trước khi tung ra, anh chàng thờ dài thườn thượt: “Các anh để hoàng tử Charley ở đâu?” Rõ ràng là tương lai của *Sự trở lại của Tarzan* chắc chắn khá khẩm gì hơn *Chuyện tình Tarzan*. Chuyện phim xoay quanh cuộc phiêu lưu của Tarzan và một con sư tử. Cả Broadway lẫn Goldwyn chẳng thể biết thời gian tôi ở cùng đại tá Mondy trong gánh xiếc lại quan trọng đến vận mệnh của họ đến vậy: chính đó là thứ biến bộ phim Tarzan dở nhất trong ba tập trở thành phim thành công nhất!

Vào sáng ngày thứ Bảy, 23/05/1920, tám ngày trước khi công chiếu, một vị giáo sư âm nhạc đến khách sạn Belleclaire, đặt một phòng ở tầng trệt vì không muốn cái piano của ông bị ịn dầu dây khi kéo lên tầng cao. Chiều hôm đó, một hộp đựng đàn piano lớn được chở đến bằng một hệ thống cần trục, ròng rọc cực to. Sáng hôm sau, ông giáo sư gọi phục vụ phòng. Một anh phục vụ da màu đến.

Người nghệ sỹ của chúng ta than nhẹ: “Bụng tôi nhảy cảm lắm. Tôi muốn hai cái trứng nấu chín vừa nấu đúng ba phút. Nếu các anh mà nấu quá một giây nào, thì bùng về, tôi không ăn đâu.”

“Hai *chúng* nấu *chính* đúng ba *phút*. Dâng thưa ngài.”

¹ Samuel Goldwyn (1879 – 1974), một trong những người sáng lập hãng Paramount ngày nay, và là sáng lập hãng phim Goldwyn Pictures (tiền thân của MGM).

“Anh phải hiểu là tôi kỹ tính vậy vì bụng tôi rất nhạy.”

“*Dâng* thừa ngài.”

Anh phục vụ cúi chào và định quay lưng đi thì ông giáo sư lại gọi:

“À nhân tiện, cho tôi bảy cân thịt sống.”

“*Xao* ạ? *Thịch* xống ạ?” Mắt anh chàng bắt đầu trợn ngược.

“Tôi bảo là thịt sống.”

“Nhưng... nhưng bụng ngài *nhại* cảm mà?”

Vị giáo sư cười nhẹ: “Anh chàng ngố này! Không phải cho tôi, mà cho thú cưng của tôi.”

“*Bài* *căng* *thịch* cho thú cưng của ngài ạ?” Anh phục vụ bắt đầu nuốt nước bọt.

Vị khách kỳ lạ cười rồi nói: “Thôi để tôi cho anh xem.”

Ông mở cửa căn phòng bên trong. Nằm giữa chiếc thảm là một con sư tử to lớn đang thư giãn. Khi thấy anh phục vụ, nó nằm ườn ra ngáp dài mời gọi. Trong chớp mắt, anh phục vụ đã bay đến văn phòng sếp lớn và mời sếp tới tận nơi. Quản lý khách sạn, ông Albert Flather, khi thấy anh phục vụ thờ không ra hơi trước mặt, liền hỏi:

“Gì vậy George?”

“*Tui* *chại* *hông* *thoi* *chết*! Có con *dzoi* ở phòng 117 đó ông Flather! *Tui* *hông* *lên* *lợi* *đó* *mình* *ên* *đâu*!”

Flather nghĩ, chắc thằng này lại lén uống rượu rồi. Nếu nó *hít* *cỏ* thì nó sẽ thấy rắn chứ không thấy voi đâu. Ông quản lý tự mình đi đến phòng 117 thử một lần coi sao. Và chỉ cần một lần thôi, ông quyết định phi ngay đến sở cảnh sát. Ở sở cảnh sát,

ông Flather kể loạn lên về ông giáo sư, bảo rằng ông giáo sư điên đã biến cây đàn piano thành con sư tử.

Một anh cảnh sát hộ tống Flather về khách sạn, vào phòng của giáo sư. Họ thấy ông giáo sư đang ngồi tâm sự vui vẻ cùng con sư tử. Khi ông giáo sư hỏi một câu, con sư tử sẽ trả lời bằng một cú gầm. Anh cảnh sát bỗng thấy trong lòng dâng lên một cảm xúc cô đơn, trống vắng, nên đã về sở mời đồng nghiệp đi theo. Một đoàn người cầm súng, dẫn theo một bầy phóng viên và thợ quay phim xuất phát từ sở cảnh sát đến thẳng khách sạn và rón rén vào phòng.

“Giơ tay lên!” Cảnh sát ra lệnh cho con sư tử. Con sư tử chẳng thèm quan tâm, nằm lẩn lẩn.

“Chuyện này là sao?” Một viên cảnh sát hỏi giáo sư. Vị giáo sư từ từ nhìn lên, sau khi thấy hàng lô súng ống đang chĩa vào mình, ông trả lời:

“Tôi mua Jim từ một gánh xiếc. Hồi đó nó mới năm ngày tuổi. Từ khi ấy nó thành bạn tôi. Đừng lo, nó chỉ là một đứa bé to xác thôi. Nhìn nè!”

Ông giáo sư bỏ đầu vào giữa hàm con sư tử. Cảnh sát nín khe, không dám thở, run run nhìn kỹ từng hành động cho tới khi ông giáo sư rút đầu ra an toàn. Ông giáo sư ra lệnh cho Jim ngồi, lăn, nhảy, bắt tay với cảnh sát, cứ y như một con chó vậy. Thế nhưng cảnh sát có vẻ không tin, và vẫn cứ giữ khoảng cách an toàn.

Ông giáo sư nói tiếp: “Tôi đã đọc nhiều câu chuyện về một cậu bé sinh ở Nam Phi, bị khi bắt cóc, lớn lên thì nuôi sư tử và hổ làm thú cưng. Tôi sẽ lên đường đến với rừng già, xem thử tôi có thua gì cậu bé này không. Tôi có công ty gỗ, và kiếm được quá nhiều tiền rồi, nên đi mạo hiểm kiểu này là chuyện

bình thường. Tôi sẽ đổi tên thành T. R. Zann cho giống tên nhân vật trong truyện. Tuần sau tôi sẽ đến bờ biển Union Castle, vùng đất của chúa tể muôn loài.”

Western Man and Big Lion Stir Exclusive N. Y. Hotel Policeman Summoned, Routed by Giant Nubian Cat



THOMAS R. ZANN and his household pet on a divan in a New York hotel suite, where he caused a near riot on the way to the tropical jungles to test out Darwin's theory of reversion to type.

T. R. Zann và con sư tử (Oakland Tribune, số 6/6/1920)

Sáng hôm sau, báo nào cũng kể về T. R. Zann. Mấy tờ báo tuần cũng không bỏ qua tin tức sốt dẻo này. Đó là một câu chuyện khơi gợi trí tưởng tượng, và lan như lửa cháy trên khắp các trang báo ở nước Mỹ. Vài ngày sau, chúng tôi cho chạy quảng cáo rằng phim *Sự trở lại của Tarzan* sẽ chiếu ở rạp Broadway. Khi đó, báo chí mới bắt đầu phát hiện ra, và viết bài kết nối sự kiện T. R. Zann ở khách sạn Belleclaire với bộ phim này.

Con sư tử Jim thực ra là tài sản của Walter Beckwith, một nhà luyện thú nổi tiếng, đã từng trình diễn ở Yonkers mùa xuân năm đó. Ông xuất hiện cùng Jim vào buổi ra mắt phim. Chưa bao giờ có một con thú nào hợp tác tạo sự kiện báo chí một cách ngon lành như thế, và trong suốt quá trình đó chưa bao giờ tôi gặp nguy hiểm với Jim. Chúng tôi đã cùng nhau tạo nên 25.000 bản tin trên báo, và biến bộ phim ấy thành bộ phim thành công nhất nước Mỹ.

Một lần khác, một con chó và một con khỉ đã cùng nhau biến một khách hàng của tôi—Grace Studiford—trở thành gương mặt trang bìa, đưa cô từ một diễn viên quèn thành người thủ vai Nữ thần Tự Do ở rạp Folies Bergère. Lần đầu tôi đến nhà cô để bàn công việc, cô ả bắt tôi phải ngồi quay lưng, mặt hướng vào tường. Cô ả đang mát-xa, và nói với tôi tiếng được tiếng mất xen lẫn với tiếng xương kêu răng rắc.

“Anh Reichenbach, đây là cô Svenson—ui da!”

“Hân hạnh gặp cô.” Tôi trả lời, không dám quay mặt lại. Đến bây giờ tôi vẫn chưa có cơ hội mặt đối mặt với cô nhân viên mát-xa này.

“Anh không phiền nếu—á!” Cô ả Studiford vừa la vừa nói tiếp: “Nếu cô Svenson tiếp tục—úi chà!”

“Không sao đâu.” Tôi trả lời, mắt chăm chú nhìn con chó đang nằm trên cái ghế bành trước mặt.

“Tôi sẽ trả anh 25 đô la mỗi tuần—á! Nếu anh có thể—hự! Cho tôi lên báo—trời ơi! Thưa anh—ui! Rất quan trọng tới sự nghiệp!—Đau quá trời ơi!”

“Tôi hiểu rõ, thưa cô!” Tôi trả lời, dù rằng khi nghe tới mức lương 25 đô la một tuần, lẽ ra tôi là người kêu trời mới đúng. Nhưng dù gì thì đây cũng là làm kiếm thêm thôi, và tôi thì bắt

đầu thích con chó rồi. Khi xong việc, tôi rời đi, không quên cúi chào, mừng rỡ vào hai quý cô. Tôi bắt đầu nghĩ cách làm sao cho con chó xù làm việc thay cho tôi, nhưng có vẻ con chó khó mà leo lên trang nhất được.

Vài ngày sau, Studiford hào hứng gọi tôi. Bên dưới căn hộ của cô ả là Addison Mizner, kiến trúc sư danh tiếng (sau này thiết kế đầy thị trấn Palm Beach). Ông kiến trúc sư có nuôi một con khi nhập từ Nam Mỹ cao khoảng gần một mét. Không biết bằng cách nào mà tối nọ, con khi leo lên tầng trên, vào phòng của Grace Studiford. Thế là một cuộc thảo luận đáng sợ diễn ra trong đêm, giữa con khi của Mizner và con chó xù của Grace. Hàng giờ liền, Grace nằm lặng trong nỗi sợ trên giường, lắng nghe những âm thanh kỳ lạ, nghĩ rằng có một bầy trộm say xỉn trong nhà. Trong nỗi kinh hoàng, nàng ta không thể phân biệt được tiếng khi, tiếng chó sủa với tiếng người, và nằm cứng đờ đến tận sáng. Sáng hôm sau, cô diễn viên của chúng ta phát hiện ra là chả có gì xảy ra cả. Con chó xù của nàng ta đứng bằng hai chân sau trên ghế bành như muốn nói là con khi vừa trốn khỏi nhà.

Tôi nghĩ đây là một câu chuyện kỳ quặc khá hay ho, nên đã nhả tin cho báo, mô tả sự hài hước của tình huống ấy. Mục đích của tôi là ăn theo tên tuổi của Mizner.

Anh phóng viên Martin Green ngồi nghe tôi kể với vẻ hoài nghi. Tôi thấy hơi ngại, vì trước hết phải thuyết phục rằng lần này tôi kể chuyện thật chứ không có chém gió.

“Cô Studiford nằm run cả đêm vì nghĩ là có tên trộm khát máu nào đột nhập, cuối cùng thì ra chỉ là con khi vô hại. Thấy hay chưa?”

Anh phóng viên quạu: “Tìm chuyện khác mà kể đi. Harry

à, càng ngày anh càng ngó ngẩn đấy.”

Không xong rồi. Họ chẳng thèm để ý tới chuyện thật. Thế là tôi bắt đầu chế biến thêm. Tôi mua năm đô la kính cửa ở tiệm Woolworth's rồi đập nát khắp nhà. Tôi xé tan tành mùng mền chiếu gối, biến căn hộ của Studiford thành bãi chiến trường, mấy cái bình hoa thì lăn lộn trong màn cửa sổ, còn sách thì trong tấm drap trải giường. Tôi bảo Grace Studiford nói nhảm tới mức loạn trí qua điện thoại, còn gặp tay nhà báo nào đến thì chửi để đuổi đi ngay. Sau đó tôi bắt đầu kiện Addison Mizner vì những thiệt hại mà con khi hung dữ của ông gây ra. Toàn bộ câu chuyện bắt đầu lên trang nhất các báo, với đầy đủ hình ảnh và diễn biến. Có báo còn kể lại rằng con chó xù sợ hãi đến mức bị tâm thần phân liệt.

Ngay cả 30 năm về trước ở Columbus, Georgia, khi tôi bỗng dưng vô cớ bị bắt ở nhà ga, thì cũng nhờ một con thú mà tôi cảm thấy thoải mái hơn sau khi được thả ra. Lần này là một con vịt. Sau một tuần ngồi nhà đá và được đeo gông, tôi được vinh hạnh ra toà. Thì ra tôi bị bắt vì tội đập một cái biển hiệu của một khách sạn. Cuối cùng, người ta phát hiện ra rằng tôi chưa bao giờ đến khách sạn đó, họ bắt nhầm người. Với một lời xin lỗi và hai đô la đền bù cho cả tuần lao động khổ sai, họ đá tôi ra khỏi thánh đường của sự công bằng.

Khi đó, tôi bị bỏ đói, không bạn bè thân thích. Thật dễ hiểu nếu hành động đầu tiên là bỏ hai đô mua bánh mì. Nhưng sự thôi thúc phải rời bỏ cái thị trấn diên khùng này còn mạnh hơn cả cái đói. Tôi quyết định không mua bánh mì nữa, mà dùng hai đô la cuối cùng theo cách khác. Tôi mua một con vịt. Tôi đã tìm ra cách đến New Orleans và vào lại gánh xiếc cũ nếu trò với con vịt thành công. Trò đó thành công thật, và tôi bỏ túi 50 đô la trong vòng mười ngày, đủ để ăn xài suốt đoạn đường dài.

Là thế này, tôi huấn luyện cho con vịt đi theo tôi bằng cách thả vụn bánh cho nó. Riêng tôi thì đeo biển ăn xin cả trước lẫn sau người. Với con vịt đi theo đuôi, tôi trở thành kẻ thu hút sự chú ý nhất thị trấn.

Bằng cách đó, tôi đến được New Orleans vào tuần diễn ra lễ hội hóa trang Mardi Gras. Ở đó, tôi gặp Bombay và King Carlos. Hai người này đã bị đuổi khỏi Công ty Dixie Amusement. Họ cũng lẻ loi, bơ vơ như tôi vậy. Khi lục lại túi, cả ba thằng còn tổng cộng 25 đô la để thay đổi thế giới.

Bombay thở dài: “Làm gì bây giờ?”

“Hay là mua thêm vịt?” Tôi nói với một niềm tin mù quáng vào sức mạnh của loài vịt.

“Để làm gì?” King Carlos bác bỏ.

Trước khi mua con vịt đầu tiên ở Columbus, tôi đã quan sát nó cùng bầy vịt trong tiệm gia cầm. Tôi để ý rằng vịt có thói quen giơ một chân lên gãi, rồi lại tới chân kia. Khi một số vịt cùng thực hiện hành động này, nó sẽ giống như một đoàn quân đang bước đều.

“Tao có ý này. Đợi mà xem! Mình sẽ đạt giải lớn ở lễ hội này cho coi!”

Chúng tôi mua một cái hộp ở cửa hàng tạp hóa, một tấm thiếc ở cửa hàng điện máy, và thuê một cái lều nhỏ màu đen, sau đó mua giấy phép biểu diễn với năm đô la rồi bước chân vào kinh doanh.

Lần đầu tiên ở lễ hội Mardi Gras, và có thể là lần đầu tiên ở các gánh xiếc, lễ hội đường phố, thậm chí lần đầu tiên trên trái đất này người ta thấy sự diệu kỳ của *Vũ Đoàn Vịt*. Mọi người đều có cơ hội chiêm ngưỡng tiết mục có một không hai này với

một mức giá tượng trưng nhỏ xíu xiu mười xu, tức là chỉ một phần mười của một đô la thôi!

Chúng tôi buộc ba con vịt theo một khung dây, nên là một tấm thiếc đặt trên cái hộp. Tôi lãnh nhiệm vụ làm người giới thiệu, và đã tung hết chiêu mô tả quá trình huấn luyện những thiên tài vịt này nghệ thuật nhảy múa trong suốt bao nhiêu năm ròng rã. Quá trình này thật không dễ dàng, vì phải chuẩn bị cho những con vịt về cả tâm thần lẫn cơ bắp, tất cả phải phù hợp để cả bọn có thể cảm thụ được âm nhạc và chuyển hóa thành cử động cơ thể. Suốt đoạn giới thiệu, mấy con vịt ngồi bệt trên sàn, cứ như chả thèm để tâm đến những lời tâng bốc của tôi. Nhưng có một thời điểm trong quá trình giới thiệu của tôi, mấy con vịt có vẻ như đã bắt đầu có cảm hứng nghệ sỹ và giơ một chân lên. Đúng lúc đó, tôi nói: “Vịt là một loại chim đặc biệt, thưa quý vị. Nó rất dễ thay đổi cảm hứng, và thường khởi động rất chậm trước khi biểu diễn.”

“Khởi động rất chậm” là trò của Bombay. Hẳn được giao nhiệm vụ núp ở dưới bàn, bật công tắt đèn mà chúng tôi giấu ở dưới tấm thiếc. Chỉ một thời gian ngắn, nhiệt độ tấm thiếc tăng lên, vịt bắt đầu nhấc chân. Khi tấm thiếc đã khá nóng, bầy vịt sẽ nhấc hết chân này đến chân kia như đang nhảy múa, trong khi King Carlos ôm vĩ cầm chơi bài *Turkey in the Straw*.

Vũ Đoàn Vịt là kỳ quan của cả lễ hội. Ba con vịt này trong một tuần đã mang lại cho chúng tôi hơn ngàn đô la, đồng thời được nhận vào đoàn của Johnny J. Jones. Từ đó, chúng tôi rong ruổi theo đoàn đến tận Needles, California. Ở đó, đoàn diễn nhiều ngày không có lợi nhuận nên đã đám ngay sa mạc miền viễn Tây. Lúc ấy, tôi chả còn một xu, và cũng chả còn lại con vịt nào cả. Cuối cùng thì lại một người một va-li đứng bơ vơ, cù bất cù bơ.

Khi đang ngần ngừ ở nhà ga, tôi gặp một tay cao to từ San Francisco đến tên là Jack Esternaut. Có vẻ như Jack cũng đang gặp vấn đề y hệt tôi, nên cả hai bắt đầu cùng nhau lên kế hoạch. Tôi bảo Jack là nếu đến được St. Louis, tôi sẽ đến làm cho Dan Fishel, vì tôi đoán là tay này cũng sẽ đến đó trú vào mùa đông. Jack cũng muốn đến St. Louis, thế là hă bắt đầu vẽ bản đồ chuyến hành trình của chúng tôi.

“Thay vì đi lụi tàu chở hành khách rồi bị soát vé đá ra khỏi cửa, tao có ý này hay hơn. Nếu mình leo lên được tàu lửa tên *The Cannon Ball* chở trái cây, mình sẽ tới St. Louis trong vòng bốn ngày.”

“Choi luôn.”

Chúng tôi dốc sạch túi mua vài miếng bánh sandwich. Vào đúng nửa đêm, cả hai lên vào một chỗ để chịu dưới một toa tàu chở cam. Một tiếng sau, khi đang nằm chật cứng ở toa, chúng tôi thấy tiếng người ta bốc hàng vào toa, đặt ngay phía trên đầu. Bỗng toa hàng bắt đầu lạnh dần. Lối thoát duy nhất đã bị chặn lại bởi một thùng nước đá to người ta dùng để bảo quản cam. Đoàn tàu lăn bánh, và nước lạnh bắt đầu nhỏ giọt xuống dưới, tức là ngay chỗ chúng tôi nấp. Chúng tôi chợt nhận ra rằng mình vừa lên vào nằm ngay thùng hứng nước xả của kho lạnh, và dự là khi tới nơi người ta sẽ phát hiện ra có hai thằng ngu đã chết công ở bên dưới.

Chúng tôi bắt đầu boi trong nước lạnh. Mấy cái sandwich thì ướt nhẹp, và dĩ nhiên là không ăn được nữa. Vội nước thì phun thẳng nước lạnh vào mặt, còn lưng lại dính sỏi từ đường ray bắn lên. Trong suốt hai ngày một đêm, chúng tôi được nhào nặn, quăng quật giữa nước đá và cát sỏi. Ở Tucson, Arizona, chiếc *The Cannon Ball* dừng lại để dỡ hàng và bốc hàng khác lên. Và lạy Chúa, họ bổ sung thêm nước đá. Hai gã

trai nằm dưới lạnh cóng, tím tái, vừa tê vừa đau. Khi nghe người ta bỏ thêm đá cục vào, cả hai rên lên trong đau đớn và tuyệt vọng. Nghe tiếng rên, mấy người nhân viên lôi hai tên ra, và tiếng chửi thề của họ ngay lập tức biến thành tiếng lầm bầm lo lắng khi thấy hai đứa đã gần hóa thành hai cái xác đóng băng.

Chúng tôi được đưa ngay tới bệnh viện, và nằm mê sảng suốt ba ngày liền. Tôi sụt hơn bảy ký, chỉ còn da bọc xương. Lưng thì đầy vết thương do sỏi bắn vào. Có lúc tưởng như tôi không qua khỏi. Vào ngày thứ ba, Jack Esternaul bị viêm phổi và mất ngay sau đó. Trước khi ra đi, Jack thú nhận với tôi là đang bị truy nã ở San Francisco vì cướp một cửa hàng quần áo. "Tên thật của tao là Jack Carter, nhưng đừng nói ai biết!" Hắn thì thầm về bí ẩn. Cứ như là lúc đó tên hắn còn quan trọng ấy.

Việc sống sót qua con hiểm nguy này là một trong những lý do tôi bắt đầu tin vào điều phi thường trong mấy quyển tiểu thuyết năm xu. Vào ngày thứ 11, tôi đã khỏe hơn và viết thư về nhà. Tôi đi hai năm rông rồi. Tôi đã lên kế hoạch sẽ không bao giờ về Cumberland trừ khi thành đại gia, có thể vừa đi vừa cầm xấp tiền quăng tung tóe. Thế mà giờ đây tôi vừa bệnh thập tử nhất sinh, túi rỗng tuếch, sống trôi nổi ở miền viễn Tây xa xăm. Tôi nhớ về những cái bánh kem ở tiệm Hammersmith's, tiệm xì gà Fister's và quán bi da. Tôi cũng nhớ những tiệm làm đẹp mà lũ con trai hay lui tới ngày chủ nhật. Tôi chợt nhận ra rằng tôi đã làm mẹ lo đến thế nào khi ra đi không lời từ biệt. Vậy mà giờ tôi chả có gì để khoe với cả nhà cả. Mọi thứ chả đến đâu.

Vài ngày sau, mẹ tôi gửi thư đến. Tôi có thêm một đứa em gái tên Edith. Cha thì bị thương hàn. Mấy quán xá của cha giờ tan tành rồi, cả nhà đang vào cảnh bần cùng. Có ngày còn chẳng có đồ gì ăn. Mẹ rất muốn giúp tôi, nhưng không thể. Mẹ

đã tha thứ cho tôi từ lâu rồi, nên tôi không cần lo. Mẹ rất buồn khi nghe rằng tình hình của tôi đang không được tốt. Mẹ chỉ hy vọng rằng tôi khỏe nhanh và chăm viết thư về cho nhà.

Trong bì thư có một tấm thiệp nhỏ. Trên đó có dán một đồng 25 xu.

CHƯƠNG V

Reynard Vĩ Đại

Có một dạo tôi là thành viên của Hội Đại Bàng, một tổ chức của những diễn viên đường phố. Dường như tất cả những tay cảnh sát trưởng đều là thành viên của Hội. Thành viên Hội Đại Bàng nào gặp nguy khốn thì chỉ cần trưng huy hiệu ra, đọc mật khẩu là sẽ nhận được hỗ trợ từ đồng bọn. Nhưng cũng có lúc tình thế hơi khác một chút: người trưng huy hiệu ra thậm chí còn phải bẻ đôi đồng xu cuối cùng, vì gã đồng bọn kia không may thay còn nguy khốn hơn. Thế nhưng, ông cảnh sát trưởng ở Tucson hồi đáp dấu hiệu kêu cứu của tôi khá hào phóng với một chiếc vé đến thẳng El Paso, cộng thêm năm đô la bỏ túi nữa.

Lần đầu tiên trong đời, tôi lên tàu đường hoàng và thoải mái. Tôi hãnh diện trưng tấm vé ra khiêu khích với tay soát vé, và ngồi thảnh thơi lên kế hoạch cuộc đời. 25 xu mẹ tôi cho sẽ là bùa phù hộ, một biểu tượng dẫn đường đến sự chính trực và tác phong công nghiệp. Dù gì đi nữa, thì suốt mấy năm ăn chơi vừa rồi, tôi có giữ lại được gì đâu! Tôi trịnh trọng nghĩ kế hoạch kiếm việc làm ổn định, có con đường thẳng tiến rõ ràng,

và không bao giờ phó mặc tương lai cho sự rủi may nữa. Tôi giữ tinh thần đó một thời gian dài. Đến tận một tuần.

Bước đi đầu tiên trên con đường sống có kế hoạch của tôi là mua một cái đồng hồ trị giá một đô la, và gắn vào đó đồng 25 xu của mẹ như bùa hộ mệnh. Đến El Paso, tôi tới nơi gánh xiếc đóng đô để chia tay thế giới đầy màu sắc ấy. Tôi đi qua bao nhiêu căn lều và không thể phân biệt được ai với ai nữa. Từ đây trở về sau, sự chính trực và cao thượng sẽ là vũ khí của tôi chống lại thế giới ma quỷ này. Tôi sẽ là một con người vui vẻ, cởi mở, không che giấu bất cứ điều gì. Có người hỏi tôi đường tới cửa hàng thuốc. Tôi đưa tay chỉ đường và phát hiện ra cái đồng hồ của tôi mất tiêu rồi. Lần sau có chỉ đường, tôi sẽ bỏ tay vào sâu trong áo khoác và chỉ bằng chân. Chắc chắn túi nó không chồm áo của tôi luôn được đâu.

Thành thật là cách sống tốt nhất. Đúng thì đúng, nhưng mấy người xung quanh tôi cứ sa lầy đi. Có lão thợ may kia quảng cáo rằng "Hãy gặp mặt trực tiếp tôi," thế mà hình quảng cáo thì lại là hình đằng sau gáy của lão. Tôi tới gặp mặt lão, và phát hiện ra rằng đằng trước mặt lão cũng đẹp ngang ngửa sau gáy. Lão đòi sáu đô la để may áo, nhưng tôi chỉ có ba đô.

Lão nói giọng đùa đùa: "Tôi không bao giờ trả giá. Ba đô thì ba. Nửa giá thì nửa bộ nhé."

Tôi đồng ý, tưởng lão đùa. Té ra không phải. Sau khi giặt nước đầu, bộ đồ co lại bằng phân nửa cỡ ban đầu. Tôi phải ăn diện đằng hoàng để đi xin việc. Ngay khi mặc bộ đồ bé tẹo ấy vào, bước vài bước tôi đã làm toạc chỉ. Khi đến được Gem Saloon xin việc, tôi phải lấy một tờ báo bịt đít quần lại.

Tôi được thuê làm nhân viên đứng bàn đánh bạc, chuyên lấy gạt thu hồi mấy viên xúc xắc và đưa lại cho người chơi. Tôi

làm ở đó vừa đủ lâu để có tiền mua bộ đồ mới. Lần này tôi rút kinh nghiệm và mua bộ co giãn được.

Tại căn hộ tồi tàn 15 xu mà tôi thuê ở, tôi may mắn gặp một tay chỉ cho tôi con đường đến với sự giàu sang. Mọi chuyện diễn ra rất bất ngờ. Ở đó chúng tôi ngủ trên giường treo, tựa tựa như võng vậy. Vào mỗi sáng, tay chủ nhà sẽ hạ dây treo xuống, khiến cho cả bọn đang ngủ rớt ngay xuống đất vào đúng bảy giờ. Trong lúc rơi, may mắn sao thằng bạn tôi tìm được cách đập đầu xuống nền đất đúng tư thế và nảy ra một sáng kiến thiên tài.

Thằng bạn tôi bảo rằng El Paso là tụ điểm ăn chơi, nơi mà có rất nhiều máy xổ số đỏ đen. Máy tay cao bồi và dân Mỹ hay đút đến đồng xu cuối cùng mong ngày vinh hiển, nhưng dĩ nhiên thường chả mấy khi trúng đủ bù tiền mua xèng. Mỗi tối, máy đỏ đen đẩy những tiền, cứ như vú bò căng sữa ấy. Chỉ cần ba đô la, chúng tôi có thể mua 100 đồng xèng bằng chì, công dụng y như đồng 25 xu. Bỏ chì ra lấy bạc thì sao mà lỗ được. Đêm đầu tiên chơi theo phương pháp khoa học tự nghĩ ra, hai thằng ăn được 22 đô la. Thấy ngon, cả hai mua 300 đồng xèng giả và thắng tiến đến sông bạc lớn nhất El Paso.

Hồi đó hai thằng còn quá ngây thơ, và không biết rằng xài xèng giả là tội nặng ở El Paso. Người vi phạm sẽ bị giết ba lần bằng ba phương pháp khác nhau: đâm chết, bắn cái xác lần nữa, sau đó đem cái xác đầy lỗ đi treo cổ. Một tay chơi ở sông bạc phát hiện ra trò gian lận của tụi tôi. Tôi bị đá một cú văng từ đầu này tới đầu kia sông bạc, và nhờ bản năng, tôi tiếp tục lăn cho tới khi ra được đường cái. Thằng bạn tôi còn ngoan cố ở lại nghiên cứu tình hình thêm, và sau khi dốc ngược nó để lấy hết cả xu thật lẫn xu giả, người ta cũng đá nó ra. Xui cho nó là nó tiếp đất bằng mặt. Vừa lúc đó, lão chủ sông bạc vừa biết

nguyên nhân mà sòng bạc của lão lộn xộn như vậy, nên đã nhanh chân chạy đuổi theo, tay mang súng để tặng thêm cho hai thằng tôi vài viên kẹo chì.

May mà lúc đó có một đoàn người đang diễu hành ở góc phố, nên tôi lén vào đó luôn. Tôi cởi nón ra, mượn đồ người ta để hòa hoàn toàn vào đám đông và trốn đi. Tôi nghe một tiếng súng khô khốc vang lên. Đến giờ tôi cũng chẳng biết thằng bạn tôi đã trốn thoát hay đã lên thiên đàng nữa. Tiếng súng nghe có vẻ rất quyết đoán.

Tôi lui ngay về giường ở nhà trọ, nằm cả ngày, chặn phủ kín mặt. Ngày hôm sau, ông cảnh sát trưởng triệu tập tôi. Tôi mang cho ông coi lá thư của cảnh sát trưởng ở Tucson. Thì ra ông cảnh sát trưởng El Paso cũng là thành viên Hội Đại Bàng. Thế là ông xúi tôi trốn lẹ lẹ không thì chết. Ông sắp xếp cho tôi rời đi ngay đêm đó ở tuyến tàu đi giữa Texas và bờ Thái Bình Dương. Tôi nằm ngay ở toa chở hàng, giữa đầu máy và toa hành khách thứ nhất. Lời nhấn nhủ cuối cùng của ông cảnh sát trưởng là: “Nhớ mà đừng phạm tội gì ở Weathersford, Texas. Người ở đó rất rắn với mấy thằng ma cà bông. Nếu bị bắt ở đó, chú mày sẽ được đeo xích sắt một năm để đi cày cho hội đồng thành phố nhé.”

Nằm lẫn lộn giữa mấy chiếc va-li, tôi là kiện hàng duy nhất không có điểm đến. Sau ít ngày quyết tâm sống chính trực, tôi lại phải trốn đi vào buổi đêm, không mục đích, không điểm đến.

Ở Toyah, Texas, tôi bò ra khỏi tàu, lòng mất động lực và buồn vô hạn. Kể từ chuyến đi định mệnh đến St. Louis trong khoang nước đá chở cam, tôi đã đi vòng vòng vô định. Có gì đó trong tôi bảo rằng ở St. Louis là sự cứu rỗi, nhưng cũng có thể chỉ vì tôi vẫn chưa thể tới được nơi đó. Tôi còn vài đô la

trong túi, và tìm được một phòng khách sạn 25 xu một ngày. Vừa đói vừa mệt, tôi cố gắng làm mình khỏi sắc hơn một chút với một bữa thịnh soạn: xa lát thịt gà, bánh mì, bơ, cà phê. Tôi đường hoàng trả tiền, rồi bỏ về cái giường trọ. Bên cạnh là bức tường ngăn phòng cao lơ lửng chưa chạm trần dính đầy mạng nhện. Vào buổi sáng hôm sau, quần tôi bị lộn sạch túi ra ngoài, còn dĩ nhiên tiền thì không cánh mà bay. Tôi xuống trình bày với tay chủ khách sạn rằng tôi vừa bị trộm. Lão nói sáng nào lão cũng nghe chuyện này suốt 20 năm nay rồi. Thế là tôi phải ngồi cửa gỗ cả ngày cho tới khi tay tôi bị xoắn cả lại, lòng bàn tay sưng cả lên. Để làm gì à? Dĩ nhiên là để trả nợ tiền phòng cho lão chủ.

Ngay đêm đó, tôi bỏ Toyah mà đi trên một chuyến tàu nhanh. Tôi nằm ở một chỗ trống gần đoạn nối toa. Xui rủi thay, tôi chọn trúng chỗ xả dầu và khói, và cái mặt của tôi chịu trận suốt đoạn đường. Sau sáu tiếng đồng hồ, khi đến Sweetwater, Texas, tôi suýt nữa thì trúng một vé tham quan thế giới bên kia vì ngộ độc khí carbon monoxide. St. Louis giờ đây trở thành ảo vọng, một thành phố trên mây đối với tôi. Một ngày nào đó, tôi sẽ leo lên tới nơi, râu trắng dài tới chân, tay cầm gậy, hét lớn: "Tới nơi rồi!" và phát hiện ra đó không phải là St. Louis, mà là cổng thiên đàng của thánh Peter.

Tôi lết vòng vòng Main Street ở Sweetwater, vừa đói vừa khát. Chợt tôi thấy một biển hiệu ghi: "Cần tuyển đầu bếp nấu ăn nhanh." Đó là một cửa hàng ăn lụp xụp, nên chỉ cần tay không bước vào hỏi là coi như đủ hồ sơ bằng cấp ứng tuyển luôn. Tôi thì lúc đó có thừa thời gian hỏi. Vừa vào bếp, mắt tôi sáng rõ: có một nải chuối nửa chín nửa xanh đang treo lủng lẳng. Tôi tọng hết sạch cho đến khi bụng phình to ra. Sau khi no kênh, tôi trốn luôn trước khi có người kịp gọi món. Tôi chạy ngay về ga tàu và ngủ luôn ở phòng đợi.

Khi thức dậy, tôi thấy một tay miền Tây cao to, coi bộ rất cứng đang nhìn tôi tò mò. Mắt nhắm mắt mở, tôi lẩm bẩm rằng tôi sẽ cưa cây để đèn nải chuối, xin đừng đưa tôi đi lao động khổ sai. Hắn cười to và phun một bãi thuốc lá vào chân tôi.

“Này nhóc, tao có việc cho mày làm.”

Nghe xong, tôi như muốn khóc vì sợ hãi.

“Có việc à? Tôi sẽ làm tất cả những gì anh bảo.”

Thấy tôi mừng, hắn vỗ vào lưng tôi khích lệ, suýt nữa thì làm tôi gãy ra làm đôi.

“Tao đang chờ một bầy gia súc đến St. Louis...”

“Ở đâu?”

“St. Louis.”

“Vậ đủ rồi! Tôi không cần biết anh chờ gì. Thuốc nổ cũng được! Tôi sẽ là người của anh!”

“Kayo! Mày được vào đoàn. Cho mày ở hẳn một khoang. Mày sẽ được hai đô la ở nơi đến, dĩ nhiên là nếu gia súc không bị thất thoát.”

Rồi hắn giải thích thêm:

“Khoang mày ở là chỗ tụi tao để gia súc và mấy thứ đồ ăn của nó.”

Tôi kêu lên, vẻ vô cùng yêu thích công việc:

“Tôi biết hết. Cả đời tôi toàn đi chung khoang với trâu bò thôi! Quen rồi!”

Hai tiếng sau, tôi lại lên tuyến tàu từ Texas đi bờ Thái Bình Dương, nhưng lần này là với chức vụ trưởng khoang gia súc. Đến mỗi ga, tôi lại lấy cây chích mấy con bò để cả bầy nằm yên.

Nếu có con nào gãy chân vì đứng khi tàu lặn bánh thì có nghĩa là hàng hóa bị thất thoát. Bò gãy chân sẽ không còn hy vọng được làm thịt. Lò mổ sẽ không chấp nhận đơn ứng tuyển của nó, và lựa chọn duy nhất của nó sẽ là chết bằng một phát đạn vào sọ.

Sau đó tôi phát hiện ra rằng, cả nhóm vận chuyển đã bán hết rom dùng để cho bò ăn với giá 25 xu một bó. Họ bảo: "Dù sao thì nó có đói vài ngày cũng có sao đâu. Đẳng nào chả chết." Thế là ở mỗi trạm dừng luôn có vài ba tay nông dân đến đấu giá mua rom. Rom được chất qua xe của họ, còn mấy con bò thì mắt to tròn long lanh, rom róm nhìn theo, không thốt nên lời. Mấy nhà sư chắc ăn kiêng còn thua xa tụi nó.

Đến ngày thứ năm mài đũng quần ở cái ghế ngồi nhám xẹt ở toa chở gia súc, quần tôi sòn bạc trắng. Đến St. Louis, tôi chả dám ngồi, còn dếp mang dưới chân thì cũng gần như cạo râu được. Tôi đến nơi vào lúc diễn ra hội chợ quốc tế, và tôi là khách ít tinh thần hội hè nhất mà hội chợ quốc tế được vinh dự đón từ khi nó mới xuất hiện đến nay. Với đũng quần bằng giấy, giày bằng da bàn chân, tôi lủi thẳng vô một khu vực thần tiên đầy trạm, tháp và đủ thứ kỳ quan người ta đã lôi từ miền Viễn Đông về trưng bày. Xung quanh tôi là một thành phố châu báu, cứ như thể vừa được ông thần đèn của Aladdin hóa phép ra vậy.

Tôi kiếm được một công việc, suốt ngày ngồi phun sơn trắng từ một cái vòi để giữ cho mấy cây cầu có màu như màu đá trắng. Ban đêm thì tôi ngủ ở căn nhà đang xây dở ở rìa của cái thành phố hoa lệ ấy. Vào ngày thứ hai, có một gã từ đâu đến yêu cầu tôi xuất trình thẻ nghiệp đoàn. Hắn muốn biết tôi là thợ phun sơn chuyên nghiệp, hay là tay mơ mới vào nghề. Tôi khẳng định với hắn rằng tôi sẽ hân hạnh tham gia nghiệp

đoàn sau khi xong việc. Hắn cũng khẳng định chắc chắn với tôi rằng tôi sẽ chẳng bao giờ còn sống để làm xong việc đâu. Kích cỡ nắm tay sắt của hắn nhìn có vẻ thuyết phục, nên tôi từ bỏ luận điểm của mình, bỏ luôn cái vôi rồi chạy một mạch về bưu điện, điểm tụ tập của mấy thằng lang thang như tôi.

Tôi rời Cumberland để tìm kiếm sự lãng mạn và những cuộc phiêu lưu kỳ thú, nhưng hóa ra tất cả chỉ toàn sự khó khăn và đau khổ. Tiếng kèn trumpet của gánh xiếc, những căn lều, những tấm biểu ngữ dụ dỗ tôi bỏ thị trấn nhỏ ra đi. Giờ thì ba bữa ăn nóng sốt hàng ngày ở nhà mới là ước mơ của một thằng chuyên nhảy tàu như tôi. Cứ mỗi lần tôi tìm cách lừa mấy tay nhà quê ở đó, thì số phận cũng tính kế lừa dối tôi. Mọi thứ tôi làm đều dẫn đến vực sâu cuộc đời, mà có vẻ như đó đúng hơn là một hố sâu không đáy. Cuộc phiêu lưu tìm kiếm sự lãng mạn giờ đã thực tế hóa thành cuộc chiến tranh giành thức ăn, chẳng khác nào tay không đập đá. Ở bưu điện, tôi gặp hai đứa khác cũng bỏ nhà ra đi từ Baltimore, và cả ba quyết định phải liên kết lại để chống chọi khỏi sức ép cuộc đời.

Hai thằng bạn mới của tôi, một đứa là Dave Politzer, trốn đi từ một gia đình giàu có. Đứa còn lại là một thằng to cao đẹp trai tên Frank Deer. Deer có thể lấy một cây đinh 15 phân, đặt giữa hai hàm răng rồi lấy tay bẻ cho cong. Mãi về sau này, hắn trở thành người quản lý mấy bộ phim Tarzan. Còn lúc ấy, hắn làm nhiệm vụ thu hút đám đông bằng trò bẻ đinh, trong khi Politzer và tôi bán thuốc ho tự làm. Dave đã nịnh mẹ và bòn được 20 đô la. Cả bọn dùng tiền đó mua bạc hà và kẹo kéo. Dave thuê một phòng đơn ở khách sạn, rồi dùng thang dây để lôi tôi cùng sáu đứa khác vào phòng qua cửa sổ đằng sau. Tám thằng tụi tôi ngồi làm thuốc ho, mỗi đứa có một công thức riêng, không đứa nào giống đứa nào. Ai mua thuốc của tụi tôi làm, uống vào sẽ thấy một vị khó tả giống kẹo vậy. Tôi là người

phát ngôn kiêm giới thiệu của công ty, và hứa với khách hàng tiềm năng rằng họ sẽ có cơ may tìm được từ năm xu đến năm đô la trong mỗi gói sản phẩm. Chúng tôi phân công vài đứa làm chim mồi, luôn hét lên vẻ hào hứng rằng tụi nó vừa mới tìm được một đồng 25 xu hoặc 50 xu trong hộp. Thế là công ty bán hàng không kịp thở. Nhưng rồi một ngày, có một khách hàng hấp tấp không chịu về nhà rồi mới uống thuốc, và đã ăn cây kẹo ngay trước mặt tụi tôi. Ngay lập tức, vị khách như dính thần chú ho, ho suốt không ngừng. Hẳn dọa xử cả bọn chúng tôi, nên cả bọn sợ quá đành ngưng làm ăn.

Lại một lần nữa, tôi đứng ở sân ga. Lúc đó, tôi đã có ý tưởng về nhà, chấp nhận thất bại. Bỗng tôi thấy một đám đông đứng bu quanh đường ray, xì xào xì xào gì đó không rõ. Tôi lên vào và biết rằng tàu tuyến Missouri-Thái Bình Dương đang bị lũ quét, và hành khách sẽ được sắp xếp ở khách sạn hạng nhất cho tới khi người ta xử lý xong sự cố. Tôi đi theo đám đông, đường hoàng đòi một phòng hạng cao cấp nhất. Tôi ở đó bốn ngày, ăn ba bữa ứ hự mỗi ngày, vừa ăn vừa suy nghĩ liệu có nên kiện hãng tàu vì làm mất hành lý của tôi không. Cùng lúc đó, tôi đã thoát khỏi vận xui đeo bám bấy lâu nay.

Gánh xiếc thú của đại tá Mondy đóng đô ở đường Olive trú đông đang sắp xếp khâu lại mấy tấm bạt cũ, sơn lại mấy lồng sắt chuẩn bị cho mùa diễn tới. Ông đại tá cần một tay đại diện truyền thông có kinh nghiệm, và kinh nghiệm làm việc ở gánh của Swanson với vai trò người giới thiệu và thu hút đám đông của tôi là đã đủ tiêu chuẩn. Đây là một bước tiến lớn từ cái lều xem bói đến sở thú. Chỉ cần một mùa diễn với cái gánh xiếc thú này là đủ để hàn kín những cái lỗ trong dạ dày, cũng như lấp đầy cái túi tiền. Tôi thậm chí còn có tiền gửi về nhà nữa. Có vẻ như cuối cùng tôi cũng đã thắng trận đầu tiên trong cuộc chiến chống giặc đói. Để khẳng định sự độc lập của mình, tôi mua

một bộ vét. Chưa bao giờ tôi có một bộ đồ sành hoàng, nên tôi rất hóng được có cơ hội lột bỏ bộ đồ rách rưới của mình, chui vào bộ vét ngon lành và đi ăn vào mỗi tối. Tôi còn nhớ cảm giác nhìn những thanh gỗ, những giàn giáo khô khốc của hội chợ quốc tế biến thành những khối kiến trúc diệu kỳ được mọi người ngưỡng mộ vào mỗi tối nhờ đèn chớp nháy xung quanh. Đó là sức mạnh lừa dối vô cùng vi diệu của vẻ bề ngoài. Bộ vét đối với tôi có vai trò cũng như đèn chớp nháy đối với giàn giáo vậy.

Ở Ronceverte, West Virginia, tôi gặp Heinrich Von Tietjen, chỉ đạo âm nhạc, làm việc cho một tay ảo thuật gia tên Reynard Vĩ Đại. Giờ Heinrich làm người quảng cáo cho một trò chơi bí ẩn ở lễ hội. Lúc ấy, Heinrich đang tổ chức thi hoa hậu, và tôi vào giúp đỡ. Người dân Ronceverte được mời bầu chọn cho hoa hậu lễ hội với giá một xu một phiếu. Chúng tôi cho bầu cử, bán phiếu bầu, và thông báo kết quả hàng ngày của mỗi ứng cử viên. Mười ngày trước khi kết thúc cuộc thi, chúng tôi cho sáu cô giàu nhất thị trấn lên các vị trí dẫn đầu, nhưng người hạng nhất lại là một cô nghèo khổ chả ai biết tới. Bạn bè và người hâm mộ của các tiểu thư bắt đầu nổi nóng khi biết một đứa con gái nhà nghèo làm công nhân ở nhà máy lại leo lên trên đầu tiểu thư mà ngồi, thế là mua phiếu bầu số lượng lớn bằng cả xấp tiền mặt. Nhưng vì một lý do bí ẩn nào đó, cô gái nghèo vẫn tiếp tục vươn lên phía trước. Cuộc thi đã đạt đến đỉnh điểm của sự ghen tị, đến nỗi các chàng trai trẻ có thể bỏ từ 1.000 đến 1.500 đô la mua phiếu để tiểu thư của mình vượt lên trên. Dần dần, không chỉ một mà hai cô tiểu thư vượt lên cô gái nghèo, thế là cuộc chiến giữa hai cô giàu bắt đầu nổ ra. Cô gái có bạn bè chịu chơi chịu chi hơn được trở thành hoa hậu, và ban tổ chức tặng cho nàng một cái nhẫn ba carat đính đá lỗi năm carat. Đôi khi chúng tôi cũng tặng nhẫn cho á hậu, dĩ

nhiên là viên đá nhỏ hơn và lỗi nhiều hơn. Chi phí tổ chức khoảng 300 đô la, mang về cho ban tổ chức 5.000 đô la. Trong một thị trấn 20.000 người thì không ứng viên nào có ít hơn 1.000.000 phiếu. Mỗi khi viết số phiếu lên bảng, chúng tôi phải viết đến khi viên phấn chỉ còn một mẫu nhỏ.

Nhờ ông bầu Heinrich, người đã ban phát cho dân gánh xiếc cái quyền cho cô này hay cô kia làm hoa hậu, mà tôi gặp Reynard Vĩ Đại. Đây là một ảo thuật gia tuyệt vời, ông vua của những chiếc còng, người có thể thoát ra khỏi chiếc hộp khóa kín, có thể mở khóa két sắt, lách qua chấn song hẹp của nhà tù và đi xuyên tường đá một cách dễ dàng. Vậy mà chả hiểu sao có lần tôi thử tài ông, khóa ông trong phòng khách sạn, chờ mãi ông chả thoát ra được. Tôi trở thành đại diện truyền thông của ông, kiêm quản lý và giải quyết những vụ bê bối với lương 25 đô la một tuần. Đó là mức lương chỉ dân ảo thuật gia mới có thể trả. Ông làm ra vẻ hào phóng và dễ dàng như đang lượm kim cương từ mũ của tôi vậy. Đó là người thầy giúp tôi lên một bậc trong thế giới úm ba la xì bùa. Theo chân ông, tôi được học mọi chiêu trò ảo thuật và nghệ thuật hắc ám dùng để *lừa gà* trong các lễ hội và rạp xiếc. Tất cả đối với tôi giờ dễ như ăn cháo.

Ông luôn là một diễn viên đẹp trai, lịch lãm, đeo đầy đá quý. Ông cùng gánh xiếc đi khắp các thị trấn, xuất hiện với vẻ hào nhoáng không lẫn vào đâu được. Mỗi khi đi ngủ, ông vẫn cứ đội mũ cao bằng lụa. Ông bắt tay còn nhiều hơn mấy tay ứng cử viên chính trị. Ông tham gia nhiều hội nhóm bí mật còn hơn mấy đứa sinh viên. Mấy cái mẽ đay, huân huy chương các loại mà ông mua về từ các cuộc đấu giá phải được đóng thùng gửi bằng tàu hỏa; hành lý, va-li đựng mũ sẽ khiến tú quần áo của các nữ diễn viên phải ghen tị. Ông quan tâm đến ăn mặc nhiều đến nỗi vào buổi sáng, ông phải mặc một bộ đồ màu nâu

cho tông-xuyệt-tông với món đồ nướng trên bàn. Ông không bước vào khách sạn trừ khi viên kim cương trên cà vạt to bằng cái ly uống nước; viên khác phải ở trên ngón tay; viên thứ ba phải nằm trên bút; viên thứ tư nằm ở hộp đựng thuốc lá; viên thứ năm phải nằm ở trên răng. Khi mua một hộp thuốc lá, ông sẽ lôi một xấp tiền màu bí đỏ, đòi thối cả ngàn đô la, trong khi phần giữa xấp tiền thực ra chỉ toàn tiền lẻ.

Sau khi chớp nhoáng khoe sự hoành tráng của mình để cả thị trấn xôn xao nghiêng ngửa, ông sẽ chạy ngay về phòng, giấu hết châu báu và tiền ở đáy cái rương to nhất, nặng nhất, rồi ngủ trong ác mộng. Trong giấc mơ của mình, ông đang bị cướp.

Ngược lại với cú xuất hiện của ông ảo thuật gia, tôi thường lên trong yên lặng vào thị trấn một tuần trước đó để các trò ma thuật của Reynard Vĩ Đại không trật đường ray. Nếu định biểu diễn vượt ngục, tôi trước hết phải làm thân với nhóm cảnh sát, thuyết phục họ cho Reynard nghiên cứu ổ khóa trước khi thực hiện. Khi đó, ông sẽ có cơ hội thử xem chìa khóa vạn năng nào vừa với ổ nào. Thường thì mỗi khi diễn vượt ngục, ông có khoảng 40 chiếc chìa lưng là lưng lằng, cái thì ở sau cổ áo, cái thì ở đuôi áo, cái thì ở trong tất, cái thì ở giữa áo khoác. Đó là những chiếc chìa thần kỳ có thể mở khoảng 37 loại còng và khóa ngục thông dụng. Nếu phải vượt ngục mà không mặc quần áo, ông sẽ chỉ cầm theo một chiếc chìa cần thiết. Khi đang được hội đồng kiểm tra cơ thể xem có giấu gì không, ông sẽ nhét chìa vào lưng áo một tay bảo vệ được sắp xếp đứng coi ngục. Nếu mà bị giam vào một cái xà lim không có cại ngục, chắc Reynard Vĩ Đại đã chết rục xương ở trong đó rồi. Nhưng thần kỳ làm sao, bao giờ cũng vậy, mỗi khi hội đồng xong việc và đi khuất, ông sẽ đơn giản giơ tay lấy lại chìa từ sau lưng tay cại ngục, mở cửa và thoát hiểm ngoạn mục.

Một trò ná thở khác của ảo thuật gia vĩ đại là bị quần kín người vào giường bằng vải dù ngâm nước để dây chằng đến nỗi không người nào có thể giải thoát cho ông, trừ khi lấy dao cắt dây. Nhưng các trợ lý ảo thuật đã nói lỏng ba thanh giường ở phía dưới, để khi xong việc ông chỉ cần nhún nhẹ là rơi xuống dưới giường. Thế là vấn đề quan trọng là làm sao giữ cho ông nằm trên giường cho tới khi quần dây xong. Có lần, nhà ảo thuật của chúng ta suýt rơi xuống dưới giường trước khi kịp quần dây.

Sau một thời gian, mấy thanh giường bắt đầu quá lỏng, khiến việc nằm trên giường giờ đây khá nguy hiểm. Thế là nhà ảo thuật đổi qua một trò an toàn hơn: thoát ra khỏi chiếc áo dài tay dùng cho bệnh nhân tâm thần. Bệnh viện tâm thần nào muốn thử thách thì chuyển áo của họ cho chúng tôi cũng được. Dĩ nhiên là chẳng có bệnh viện nào tâm thần đến nỗi tặng áo của họ cho chúng tôi, vì chẳng nào chúng tôi cũng lén đổi áo ấy thành áo của gánh xiếc chuẩn bị sẵn. Nếu ông ảo thuật gia mà có bị trói trong chiếc áo tâm thần hàng xịn nào thật, thì ông vẫn sẽ nằm yên ở đó thôi. Chiếc áo của chúng tôi thoát nhìn thì như mấy áo khác, các nút thắt có vẻ như không tài nào tự mở được. Tuy nhiên, chúng tôi đã lén cắt nó ra làm đôi, nối lại bằng một sợi dây nhỏ. Khi Reynard Vĩ Đại đang làm ra vẻ vùng vẫy cố thoát ra, thì thực ra ông đang vận hết công lực giữ cái áo lại cho nó khỏi bung quá sớm. Sau đó, ông chỉ việc kéo nhẹ sợi dây, chiếc áo tâm thần sẽ như tấm vải mực ngay.

Những lúc chiếc áo được đem giặt, Reynard sẽ diễn trò thoát khỏi một chiếc hộp gỗ thông màu trắng. Đó là một trò hấp dẫn và kỳ quái. Nhà ảo thuật sẽ nằm trong một cái hộp đóng đinh kỹ bởi những tay thợ mộc giỏi nhất thị trấn. Sau khi che chiếc hộp sau tấm màn, chỉ cần dưới năm phút, Reynard sẽ bước ra như một anh hùng, trong khi chiếc hộp không có dấu

hiện bị mở hay đục đẽo gì cả. Tuy hội thợ mộc có rất nhiều đinh dài, nhưng lần nào tôi cũng xúi họ đóng nhiều đến nỗi chỉ trong một thời gian ngắn, họ hết đinh. Thế là tấm ván cuối cùng được đóng bởi đinh của tôi, và dĩ nhiên là không đủ dài để gắn chặt tấm ván vào hộp. Hơn nữa, gỗ thông trắng mềm đến nỗi, chỉ dùng tay là đẩy được tấm ván ra, rồi lấy tay thay búa đóng lại đinh là được. Nhưng có một lần, hơn năm phút rồi mà Reynard vẫn chưa chui ra. Có một tay đóng đinh đầu đất đã đóng luôn đuôi áo choàng của ông vào hộp, và Reynard vĩ đại bị ghim luôn. May mà chúng tôi nhanh trí, nếu không Reynard chả biết giấu mặt vào đâu. Tôi lén vào sau tấm màn, nhỏ vài giọt nhỏ thuốc mê. Sau mười phút, hội đồng bắt đầu khó ỏ, và tôi đề xuất nên mở ra kiểm tra xem sao. Khi mở ra, chúng tôi phát hiện Reynard đang bất tỉnh. Rõ ràng là ông diễn rất sâu. Người ta thống nhất rằng có người chơi xấu, vì mùi thuốc mê bay nồng nặc. Thành viên hội đóng đinh bắt đầu nghi ngờ nhau rằng có người đã đánh thuốc mê nhà ảo thuật vĩ đại để ăn tiền cược của nhà ảo thuật. Reynard trở thành một anh hùng tử vì đạo, và cả thị trấn bắt đầu thần thánh hóa Reynard.

Nhưng trò thoát hiểm thường thấy nhất của Reynard Vĩ Đại là trò thoát còng tay. Ở mọi thị trấn, chúng tôi đều treo giá 1.000 đô la cho bất kỳ ai có thể còng tay Reynard để ông không mở ra được trong năm mươi phút. Chúng tôi cẩn thận quy định rằng còng tay phải là loại phổ biến được đăng ký chính thức, vì thực ra đó là loại duy nhất chúng tôi có chìa. Nhưng có nhiều nơi họ lại có loại còng thời trung cổ, luôn thít chặt hơn mỗi khi người bị còng cựa quậy. Chúng tôi giả vờ dụ cho mấy tay cảnh sát địa phương đừng bao giờ dùng mấy loại này với Reynard, vò châm chọc để họ cảm thấy mình quá cổ hủ, đi sau thời đại. Thế là họ tìm ngay một cái còng hiện đại, thứ mà Reynard có thể dễ dàng mở ra bằng một cái kẹp tóc nhỏ xíu.

Để ngăn bất cứ tay vó vắn nào lên sân khấu khi gọi người tình nguyện lên, tôi luôn đặt khoảng một tá còng tay ở gần những khán giả dễ mẫn, ngây thơ nhất. Tôi đặt 12 chiếc ghế trên sân khấu, và nhóm “khán giả” này luôn được ngồi ở hàng đầu để có thể chạy nhanh lên giành 12 chiếc ghế kia. Nếu không chiếm được ghế ở hàng đầu, khán giả đầu có ở lại sân khấu được. Thế là trên sân khấu toàn người “phe ta” mà thôi.

Khi Reynard gọi khán giả lên diễn, mấy tay trông cửa hàng, giao hàng hay làm bàn giấy ở địa phương bắt đầu tiến thẳng lên, với hàng lô xích sắt, còng tay mà chưa ai thấy bao giờ. Vậy mà chẳng có ai thắc mắc vì sao hàng xóm của mình lại có nhiều “đồ chơi” đến vậy. Họ làm như là người dễ thương hiền lành nhất thị trấn cũng phải có ít nhất đôi ba cặp còng tay nằm rải rác khắp nhà ấy. Trong đa số các trường hợp, vấn đề không phải là thoát khỏi còng tay, mà vấn đề là đừng để khán giả chòm còng tay mang về nhà.

Duy nhất một lần có một cặp còng lạ hoắc xuất hiện trên sàn diễn. Một tay thợ rèn rất hào hứng với đồng tiền thưởng, nên đã làm việc cật lực suốt cả mùa để chuẩn bị một cặp còng tự làm cực xịn. Muốn thoát chắc Reynard phải chặt hai bàn tay đi. Khi thấy cặp còng khủng không có lỗ khóa, cả đoàn ảo thuật không hẹn mà cùng nhau tái mặt.

Ngay lúc đó, vợ của Reynard, một người rất nhanh nhạy, chuyên đọc và xử lý tình huống bất trắc, lên đến gần tay thợ rèn rồi hét to lên. Reynard Vĩ Đại giật mình, và đám đông khán giả nhìn theo.

“Ông này dê em!” Cô vợ của Reynard—một diễn viên xinh đẹp giỏi giang—kêu to lên. Reynard sừng cồ lên, từ từ tiến về ông thợ rèn và hỏi khán giả: “Nếu có người dê vợ của các bạn, các bạn sẽ làm gì?”

“Giết nó!” Đám đông đồng thanh hô to.

Trước khi tay thợ rèn biết chuyện gì đang xảy ra và có cơ hội giải bày, thì Reynard to cao đã tung một cú đấm trời giáng vào mắt nạn nhân. Vài giây sau, tay thợ rèn chạy thục mạng, bỏ lại phía sau một đám đông đang tung hô người hùng. Mấy trò thoát còng tay giả chưa bao giờ mang lại cho Reynard nhiều tiếng vỗ tay bằng trò thoát còng tay thật như lần này.

Cô vợ của Reynard có trò đọc suy nghĩ người đối diện, và có vẻ thần bí hơn trò của chồng, nhưng lại dễ giải thích hơn. Bất kỳ câu hỏi nào cần giải đáp bởi sức mạnh thần bí của cô nàng đều phải được viết lên tờ giấy chúng tôi cung cấp, đặt trên một miếng bìa cứng làm chỗ kê giấy. Khán giả có thể viết và giữ lại tờ giấy, nhưng chúng tôi thu lại miếng bìa lót. Sau đó, chúng tôi dùng ít thủ thuật với sáp và khói là có thể làm hiện rõ chữ hằn trên tấm bìa. Cô đồng Reynard trong lúc diễn sẽ được mời khỏi sàn để ghi nhớ các câu hỏi in hằn trên tấm bìa; trong lúc đó ông Reynard sẽ ra giải thích với khán giả rằng vợ mình đang ở trong trạng thái luân hồi ngoại xác, rất cần thiết để xây dựng linh hồn phi thực để tiếp nhận những kiến thức tâm linh và xóa đi những ảo giác gây nhiễu không ổn định mà nhiều bà đồng khác hay mắc phải. Sau đó, cô đồng Reynard sẽ được đặt trên xe lăn, bịt mắt, đẩy lên sân khấu để trả lời một cách chung chung, có vẻ đúng cho những câu hỏi được mỗi người “bí mật” viết lên tờ giấy họ đang cầm trên tay.

Ở mỗi đợt diễn, cô Reynard sẽ trả lời một số câu hỏi rất chi tiết và cụ thể. Chúng tôi thường thu thập toàn bộ những danh bạ điện thoại, địa chỉ các kiểu ở các thị trấn sẽ diễn. Sau đó, chúng tôi yêu cầu người dân thị trấn viết tên họ hàng thân thích bị thất lạc lên để nhờ năng lực tâm linh của cô đồng Reynard tìm giúp. Nếu ai đó ghi tên của một người bạn lâu

năm, chúng tôi sẽ thông báo cho họ có thể tìm người này ở đâu. Chúng tôi không đảm bảo sẽ tìm ra người, nhưng ít nhất tên sẽ giống như tên họ viết, và dĩ nhiên trong đa số trường hợp, chúng tôi sẽ tìm ra một cái tên giống hệt trong danh bạ. Thường thì chúng tôi mời cảnh sát trưởng đến để trả lời câu hỏi và xác nhận những điều chúng tôi nói là đúng. Chiêu trò đơn giản này sẽ dẹp tan mọi nghi ngờ về năng lực tâm linh của cô đồng Reynard.

Tôi rất bất ngờ rằng chỉ cần tìm tên ở danh bạ điện thoại là đủ để khiến cả ngàn người tin vào năng lực siêu nhiên. Nhưng rồi chính bản thân tôi lại tin vào sự phi thường. Khi đó, chúng tôi đang diễn ở Pittsburgh như thường lệ. Sau một thời gian hì hục với mấy tấm bảng, sắp xếp nệm và gối, câu hỏi từ từ hiện ra.

Tôi đọc một trong các câu hỏi và sốc nặng. Câu hỏi là: "Henry Reichenbach đang ở đâu?" Tôi chợt nghĩ, hay là có ai trong gánh xiếc đang trêu mình. Nhưng đâu có ai trong gánh hiện tại biết tôi là "Henry" đâu. Ngay từ giai đoạn bước vào thế giới tự do, tôi đã đổi tên thành "Harry" cho có vẻ "quốc tế" hơn. Vậy chắc trong hàng ghế khán giả phải là anh chị em tôi, đang tìm thằng anh em thất lạc chân trời góc bể bấy lâu. Khi nhìn kỹ lại, tôi phát hiện ra nét chữ có gì đó quen quen. Là nét chữ của cha tôi.

Tôi dạt nhà ra đi tám năm rồi. Lâu thật lâu tôi mới liên lạc với gia đình, và rất hiếm khi tôi có tiền gửi về nhà. Kể từ khi đi theo Reynard, tôi chưa bao giờ kể cho nhà nghe tôi đang làm gì. Tôi đang nghĩ, hay là mình đợi để làm nhà bất ngờ. Tôi sẽ về Cumberland khi có tiền có cửa, với hình ảnh đứa con lưu lạc trở về vinh quy bái tổ. Giờ thì cha đang ngồi dưới đó, chỉ đơn giản đang thật sự tin vào năng lực tâm linh của cô đồng Reynard. Để tìm tôi.

Tôi đưa câu hỏi cho Reynard Vĩ Đại. Mắt ông sáng hẳn lên. Đây là một cơ hội quá đặc biệt. Ông định đưa tôi lên sàn diễn, tuyên bố rằng vợ ông đã dùng sức mạnh siêu nhiên mang tôi về với gia đình. Nhưng tôi không chịu. Tôi bảo: “Cứ để cô chủ bảo rằng: ‘Đừng lo. Đêm mai con ông sẽ về nhà.’”

Ngồi giữa sàn diễn, thần thò như ma nhập, mắt bị bịt chặt, cô đồng Reynard nói với đám đông khán giả đang lặng người, nín thở lắng nghe: “Ta thấy một người cha đang lo lắng. Ông ấy không biết đứa con thất lạc của mình đang ở đâu. Đứa con đang ở trước mắt ta. Nó trả lời tên nó là Henry—Henry Reichenbach. Nó đã đi xa, nhưng đang trên đường về nhà nghỉ. Đúng. Đêm mai nó sẽ về nhà. Hình ảnh đang dần mờ đi trước mắt ta rồi...”

Đêm hôm sau, tôi lặng yên bước từng bước trên những con đường ở Cumberland. Tôi về trong bóng đêm, không một người nào thấy và nhận ra. Đây không phải là một cuộc vinh quy bái tổ như tôi đã dự tính, tôi về để đảm bảo rằng cô đồng Reynard là nhà tiên tri duy nhất trên trái đất này. Vì một lý do không thể giải thích, tôi tin vào tâm linh, vào siêu nhiên và các hiện tượng dị thường. Tôi biết tất cả chỉ là trò dối trá, chỉ là thứ mà chính tôi đã nhả cho đám đông ngây thơ ấy tin suốt bao nhiêu năm nay và biến những thứ này thành hiện thực với đủ mảnh khoe lừa gạt. Thế mà đêm nay tôi lại muốn tin rằng mọi thứ—từ ông già Noel đến bày quỷ lùn và đôi hài bày dạm—là sự thật. Những thứ diệu kỳ đã xảy ra với chính bản thân tôi.

Cha tôi đang ngồi gần lò sưởi, miệng ngậm tẩu thuốc, trông như đang mơ màng bên ánh lửa. Mẹ tôi đang ngồi gần chiếc đèn và may vá. Anh chị em tôi ngủ cả rồi. Khi tôi bước vào nhà, cha tôi cười rạng rỡ với một niềm tin đã được xác nhận bằng sự thật: “Mẹ nó oi, tôi đã nói gì nào, bà tin chưa?”

Cha vẫn ngây thơ tin tưởng, cứ như ông đã biết chắc tôi sẽ về. Mẹ tôi buông hết đồ đang cầm trên tay, òa lên khóc. Tôi chẳng thể nói gì cả. Tôi chỉ đi lại bên mẹ, quỳ xuống khóc trên đùi mẹ như một đứa trẻ. Tám năm hội hè, với những gánh xiếc và trò lừa ảo thuật tan biến nhanh trong khoảnh khắc. Tất cả chỉ còn lại sự lãng mạn của trẻ thơ với những điều thần tiên trong cổ tích.

CHƯƠNG VI

Phiêu lưu cùng nhà ảo thuật

Cả ngày hôm sau là những âu yếm, ép ăn, và đủ câu hỏi xoay vòng vòng. Con đã đi đâu? Sao con không viết thư về? Là con cao nên nhìn ốm, hay là về nhà không vui nên con ốm? Con ăn thêm thịt gà không?

“Cả nhà biết là con sẽ về.” Cha tôi nói với vẻ hào hứng pha chút bí ẩn, rồi mô tả chi tiết quá trình ông hỏi cô đồng Reynard về đứa con thất lạc, và cách mà cô đồng trả lời cha.

Mẹ tôi thì nói: “Giờ Henry, con ở đây với nhà đi. Con đi đủ lâu rồi. Con phải nghĩ tới tương lai. Anh Thomas có mở một cửa hàng ăn nhỏ làm ăn cũng được, con tới đó làm đi.” Lẽ ra mẹ phải biết ý tưởng về tương lai này không có tác dụng với tôi lắm, vì rõ ràng kèm theo đó là ẩn ý: “Mẹ không để con đi nữa đâu, Henry!”

Giờ làm sao tôi nói được với mẹ là Reynard Vĩ Đại chỉ cho tôi nghỉ một hôm, và mai tôi phải đi rồi đây? Có thể ngay lúc này ông đang rất căng thẳng vì sợ có một tay ba lon nào đó lỡ còng tay ông bằng một loại còng lạ hoắc, hoặc lỡ tay đóng đinh vào cái hộp chắc quá mức cần thiết. Nếu tôi mà nói tôi là người

đứng đằng sau phép màu của nhà Reynard, thì tất cả những sự kỳ bí của đột về nhà này sẽ tan biến. Ít nhất nếu tôi không về với hào quang danh vọng, thì cũng phải cho tôi về với một ít sương mờ của nghệ thuật hắc ám chứ.

“À cha này, hay là con với cha đến Pittsburgh để cảm ơn gia đình Reynard vì đã dự cảm được cuộc trùng phùng của gia đình ta nhỉ?”

Mẹ tôi đồng ý: “Henry nó nói đúng đó. Phải thể hiện lòng biết ơn vì những gì họ đã làm cho mình.”

Khi tôi và cha tới Pittsburgh, tôi bảo cha đứng đợi ở sảnh rap, còn tôi thì đến sắp xếp để xin gặp nhà ảo thuật đại tài. Tôi chạy nhanh ra sau cánh gà, và giải thích tình hình cho Reynard. Tôi có nhắc thêm: “Trên hết là đừng làm cha tôi tan biến ảo vọng mà mình xây dựng bấy lâu nay.”

“Ai mà phá làm gì. Tao cũng cần giữ hình ảnh để làm ăn mà.”

Khi tôi dẫn ông ra gặp cha tôi, Reynard giả vờ không biết tôi. Cha tôi bảo: “Mọi thứ diễn ra giống như cô đồng Reynard đã dự báo.”

Giọng cha thì trầm, lòng vinh hạnh bắt tay với vị phù thủy trong thần thoại: “Đó một phép màu thừa ngài, và chúng tôi đến cảm ơn ngài.”

Reynard trả lời vẻ khiêm tốn: “Chúng tôi không đáng được cảm ơn. Dùng sức mạnh siêu nhiên để giúp đỡ loài người là nhiệm vụ của chúng tôi.” Rồi ông bỗng ra vẻ cảm thấy có thiện cảm với tôi, khiến cha tôi và tôi run lên vì sướng: “Ông biết không, ông Reichenbach, tôi nghĩ mình có thể thu nạp một thanh niên như con ông vào đoàn. Tôi đảm bảo là con ông sẽ có tương lai xán lạn với đoàn của tôi.”

Cha tôi thốt lên, nhưng giọng không giấu nổi vẻ mừng vui: “Nhưng một thằng nhóc ngây ngô như nó thì làm sao giúp gì được cho ngài chứ!”

“À, cậu chàng đã từng—ý tôi là có thể đã từng ngây ngô! Nhưng sau một thời gian, cậu chàng có thể đạt tới cảnh giới tri thức và tâm linh ngang ngửa tôi.”

Người cha chân thật của tôi chỉ còn biết lặng người đi vì sung sướng, và thúc tôi bắt lấy cơ hội này. Khi tôi có vẻ chần chừ, cha kiên quyết ép tôi. Rồi ông về với dáng vẻ của tướng vừa thắng trận, mang tin tốt đến cho mẹ tôi và cả Cumberland biết. Ông già Charlie Reichenbach lúc ấy trở thành người đàn ông tự hào nhất Maryland. Niềm tin và ảo vọng nhân tạo ấy chính là điều hạnh phúc nhất xảy ra trong cuộc đời ông mãi về sau này, dù trong tương lai ông lại phải chịu hàng loạt sự thất vọng và nhìn những giấc mơ của mình tan vỡ.

Thế là tôi tiếp tục đi với Reynard Vĩ Đại. Vì vị phù thủy đại tài đã giúp tôi mang niềm vui đến cho cha mẹ tôi, giúp tôi sưởi ấm trái tim của họ sau bao năm xa nhà, nên tôi sẵn lòng tha thứ cho mọi sự lừa dối của ông về sau này. Một thời gian dài biểu diễn ma thuật khiến vợ chồng Reynard tin rằng mình biết làm phép thật. Theo cái cách mà họ nói về phép thuật của mình rồi chờ tôi xác nhận nó là sự thật cho chính họ nghe, tôi nhận ra rằng nhiều thứ huyền bí cổ xưa hẳn đã trở thành lịch sử thật theo cách này: người lừa dối dần tin lời lừa dối của chính mình, và mọi thứ biến thành thứ được ghi chép lại trong sử sách.

Chúng tôi đi qua hết thị trấn này đến thị trấn khác, làm ăn cũng khá. Khi làm ăn không khá, thì chúng tôi lại lôi cái tù và cũ kỹ ra, thổi một hồi dài thu hút bà con đến xem. Để thu hút sự chú ý, Reynard sẽ đi đến ngân hàng lớn nhất thị trấn và ghi một tấm ngân phiếu 10.000 đô la cho A. B. J_____. Đó là tên

thật của ông. Tin đồn về sự giàu có của nhà ảo thuật bắt đầu lan đi, chẳng ai biết đó chỉ là một giao dịch rửa tiền, chuyển tiền từ túi trái sang túi phải mà thôi. Hoặc có thể chúng tôi sẽ bỏ vào cả ngàn bì thư ngân hàng mấy miếng lụa cho có cảm giác giống tiền, sau đó ghi rõ địa chỉ và dán kín, rồi đem rải khắp thị trấn. Khi người ta đi ngang qua, thấy bì thư, họ sẽ hồ hởi chạy vào một góc khuất để lấy tiền. Nhưng dĩ nhiên, khi bóc ra họ sẽ chỉ thấy dòng quảng cáo in trên miếng lụa. Tôi là người đầu tiên nảy ra ý tưởng viết quảng cáo bằng phấn trên mấy tấm gương của tiệm hót tóc và làm đẹp. Tôi cũng viết lên mấy cái chụp đèn, và thay vì dùng tờ rơi bình thường để người ta quăng mất, tôi đã khoét vòng tròn, để tờ rơi lọt gọn vào trong tất cả các tay nắm cửa của cả thị trấn.

Ở Rutland, Vermont, chúng tôi cần biện pháp mạnh hơn. Ở đó làm ăn tẻ đến nỗi tôi phải dùng mấy chiêu tâm linh ra biểu diễn. Tôi đến thị trấn trước Reynard để chuẩn bị sẵn, nhưng tay quản lý rạp khuyên tôi nên bỏ đi, vì suy thoái kinh tế khiến dân Rutland nổi điên hết rồi, và nhìn thái độ thì rõ ràng họ không muốn ai điên hơn họ. Tôi nghĩ: "Họ đã quá đắm chìm vào thế giới vật chất rồi. Lúc này cần cho họ một liều thuốc tâm linh."

Vài tiếng sau, có một người mẹ đến báo cảnh sát rằng con của cô bị lạc hay bị bắt cóc rồi. Người mẹ trẻ kích động đến loạn trí, khiến cảnh sát cũng rối theo. Một hồi chuông cảnh báo vang lên. Báo chí đưa tin, cả thị trấn bắt đầu tìm đứa trẻ và tay bắt cóc. Sau khi mọi người căng não ra suy luận từ từng dấu hiệu hay manh mối nhỏ nhất, tôi biết đã đến lúc ra tay. Tôi báo thị trưởng và cảnh sát trưởng là nên mời Reynard Vĩ Đại đến để dùng năng lực siêu nhiên của hai vợ chồng hóa giải vấn đề. Chỉ cần vị phù thủy bịt mắt và ngả người ra sau là mọi thứ sáng tỏ hết. Những con người lãnh đạo thị trấn này là người

thông minh, hay hoài nghi, nhưng sự tuyệt vọng của người mẹ buộc họ phải làm theo. Cầu nhàu về khinh thường, kèm theo một bãi thuốc lá pha nước bọt, cuối cùng họ cũng đánh điện cho Reynard Vĩ Đại ở Beaver Falls. Họ nghĩ, chả mất gì, cứ cho ông đến rồi tự làm bẽ mặt mình là được.

Báo chí bắt đầu loan tin về con người thần bí, và những con người rỗng túi ở Rutland cũng tìm mọi cách đến xem. Reynard bắt đầu nhá nhá cọc tiền, nhưng tôi bảo ông đây không phải chỗ khoe tiền: “Ông trợn mắt rồi thăng lẹ đi!”

Trước khi tôi kịp dứt lời, ông thầy phù thủy đã nhanh chóng giật giật. Đúng là dân chuyên nghiệp, diễn sâu dễ sợ.

Cảnh sát trưởng hỏi: “Chuyện gì vậy?”

Tôi đáp: “Thánh nhập đó.”

Thị trưởng hỏi: “Có bị lây không?”

“Không đâu, cái này là lực siêu nhiên đó.”

Reynard Vĩ Đại bồng hét lớn: “Khăn bịt mắt! Khăn bịt mắt!”

Khán giả rộ lên, vừa thích thú vừa kinh hoàng. Tôi giải thích: “Ngài phải che tất cả những thứ vật chất tâm thường trần tục lại để khả năng tâm linh tập trung vào đứa bé.”

Ông thị trưởng giờ tin hoàn toàn: “Lạ thật đấy!”

Sau khi bịt mắt và trói ông thầy phù thủy lại, chúng tôi đặt ông vào một chiếc xe. Tôi ngồi bên cạnh. Ở xe sau là ông thị trưởng và cảnh sát trưởng. Reynard la ó mấy từ vô nghĩa. Tôi giải thích: “Ngài nói rằng tất cả yên lặng đi theo.”

Reynard thì thầm: “Giờ mình đi đâu đây?” Tôi đáp: “Cứ rên rên mỗi khi tôi chọt ông, tôi sẽ chỉ đường cho.” Ông phù thủy dọa: “Mày chỉ đường sai một phát là tao thịt mày ngay!”

Thế là cả đoàn bắt đầu đi tìm đứa trẻ mất tích. Cả thị trấn bắt đầu rộ lên niềm tin và hy vọng. Một đoàn dài dằng dặc những xe những ngựa, ô tô, xe tay kéo nối đuôi nhau xuyên qua thị trấn rồi vào rừng. Tôi thúc Reynard một phát, và ông ta lại kêu to vài từ vớ vẩn, chẳng khác gì tiếng kêu của xác sống. “Ngài bảo là rẽ trái!” Tôi phiên dịch lại. Khi tôi thúc lần nữa, Reynard bắt đầu nói tiếng Latin. “Ngài nói lạc đường rồi. Hồn đang bị một đám mây mờ xuyên qua!” Tôi bất cẩn đá vị phù thủy một phát vào chân, ông hú lên. “Ngài lại thấy đường rồi!” Tôi kêu lên mừng rỡ. Trong lúc đó, Reynard thì thầm bên tai tôi: “Tao sẽ xử tội mày sau!”

Sau vài cú rẽ và ngừng lại, chúng tôi đã ở cách thị trấn ba dặm. Reynard phải được dìu ra khỏi xe. Ông phù thủy giật giật lông mày vài lần rồi chột cứng người lại. Có mấy bà mấy cô tưởng rằng ông bị xỉu và bắt đầu hét lên. Rồi với một cú gạt tay mạnh mẽ, ông giật hết dây trời và bùng tỉnh. Tôi ra dấu: “Rày nhào,” ám hiệu chúng tôi đã thống nhất trước, nghĩa là “Nhảy rào.” Ông leo qua hàng rào, theo sau là toàn dân Rutland. Xuyên qua bụi cây, Reynard đến một căn lều. Tôi ra dấu: “Cờ mưa.” Ông mở cửa với một cú đẩy rất kịch. Ở đó người ta thấy một bé gái ngủ trên võng. Chả ai có thể giải thích được làm sao mà đứa bé đến đó được, trừ người mẹ. Nhưng mẹ của đứa bé đã quá hạnh phúc với tờ 50 đô la tôi nhét cho cô ta mấy ngày trước, nên chẳng hé nửa lời.

Báo chí Rutland ăn theo sự kiện kỳ bí này suốt mười ngày rông rã, còn chúng tôi làm nhà hát opera ở Rutland chật kín những người đến xem trò lên đồng của Reynard. Đến hôm nay, ông vẫn còn được nhắc đến như thần tiên. Chính ông cũng tin mình là thần tiên thật, và cứ khẳng khẳng bảo là ông là người tự tìm ra đứa bé nhờ sự hướng dẫn của linh hồn, chứ không phải là nhờ tôi. Ông thật sự không nhớ là tôi đã ngồi kế bên

nữa. Môn đệ của Reynard cũng dần dần tin những điều thần bí mà tôi xây nên xung quanh ông, khiến tôi rất bất ngờ. Nhưng rồi sau đó, khi tôi làm quản lý cho các ngôi sao điện ảnh như Rudolph Valentino, Wallace Reid, Barbara La Marr và nhiều người khác, tôi nhận ra rằng đây chính là đặc điểm trớ trêu của truyền thông. Dù chính mình đã dùng những trò tình quái để đi từ diễn viên vô danh lên đỉnh cao danh vọng, những tay ấy lại bắt đầu tin những lời dối trá của mình, và anh bầu sô quản lý sẽ sốc khi phát hiện ra rằng những điều vi diệu lúc trước mình tô điểm lại được tất cả mọi người (kể cả tay diễn viên) tin là sự thật.

Tôi cho đăng các câu chuyện rằng Reynard Vĩ Đại đã được mời gặp bởi hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ, hoàng đế Ba Tư, *gaekwar* xứ Baroda, vua nước Anh, Tây Ban Nha. Rồi sau đó ít lâu, vào đêm nọ, Reynard ngồi, vừa xất củ hành bỏ vào ba chai bia, vừa kể cho tôi nghe những câu chuyện về những cuộc gặp gỡ những ông hoàng ấy, cứ như thật! Ông ngồi ngả người trên ghế, mặt hồi tưởng, thờ nhè nhẹ rồi kể thật chi tiết rằng hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ đã ép ông nhận một cái huân chương thế nào, rằng vua nước Anh đã cầu xin ông nhập tịch để phong ông chức công tước ra sao. Tôi biết là ông chưa bao giờ đi xa quá bờ đông Pennsylvania. Tôi, một người đã luyện tất cả những quyền tiểu thuyết hư cấu về Dick Merriwell, và đã kinh qua đủ loại gánh xiếc nay đây mai đó, cũng phải nghiêng mình trước khả năng hư cấu của Reynard Vĩ Đại: ông lừa được cả chính bản thân mình!

Trong suốt những chuyến hành trình từ Pierre đến Pernambuco, từ Mexico đến Úc, những tay vương công quý tộc duy nhất mà chúng tôi từng gặp là mấy con nhện hoàng đế ở Bahia và kiến chúa ở Para Clara. Ngoài những "ông hoàng" đó ra, thì chúng tôi chỉ toàn gặp dân địa phương, và chẳng ai có

máu vàng dòng dõi đế vương—dĩ nhiên là trừ mấy người máu bị mưng mủ vàng do côn trùng cắn.

Khi đi dọc sông Amazon, chúng tôi phát hiện ra là dân ở địa phương nghèo mạt này có cách phân giai cấp khá đặc biệt: những người không có quần (đẳng cấp thường dân) phải xem diễn ở ngoài hành lang, những người không có áo phải xem từ ban công, chỉ những người có đủ quần áo mới được ngồi ghế khán giả đằng hoàng. Ở Para Hyba, chúng tôi thuê được một rạp, nhưng chẳng có ghế. Khi phàn nàn với người đứng đầu thị trấn, ông cười: “Mình chỉ bán khoảng không thôi. Khách hàng sẽ tự mang ghế theo.” Khi màn rạp kéo lên, chúng tôi phải đối diện với một cảnh tượng không khác gì trại tâm thần. Dân địa phương chất trên lưng dê, lưng lừa một mớ ghế đủ cho cả nhà rồi cuời thẳng vào rạp. Nửa buổi diễn trôi qua, người dân vẫn lao xao tìm chỗ đặt ghế. Khi dân chúng đã ngồi yên vị, họ chẳng thèm xem diễn mà chỉ tập trung giành chỗ ngồi. Mấy đứa trẻ thì ngồi trên lưng gia súc, người lớn thì ngồi trên đùi nhau. Thế là thành ra phần hay ho đáng xem nhất của buổi diễn lại nằm ở hàng ghế khán giả.

Khi xuôi về Nam Mỹ, chúng tôi đã được giải trí dã dỗi. Ở Para Clara, tôi đã định mở màn với một đội kèn đồng. Tay chỉ huy quân sự địa phương bảo rằng, hoặc là thuê đội kèn của gã, còn không thì khởi diễn. Với giá năm *milreis* một anh thổi kèn thì cũng không quá đáng, nên tôi đồng ý. Đêm đó, gã cho một đội trống kèn 175 người đến. Nhạc cụ nhiều đến nỗi không còn chỗ cho khán giả ngồi.

Ở Natal, có một khán giả bước vào không thông qua người soát vé. Người soát vé nhả nhận yêu cầu xuất trình vé. Anh khán giả sốc với ý tưởng rằng mình phải mua vé, và quay đi. 15 phút sau, cảnh sát tới dẹp buổi diễn. Thì ra anh khán giả này

là con của thị trưởng.

Ở hầu hết các thị trấn, dân địa phương chom sạch poster của chúng tôi đem về nhà treo. Họ thích màu sắc của poster, và trên mỗi poster này đều có hình Reynard với đủ hoa hòe hoa sói.

Ở Rio, tôi có làm quen với một tay trẻ khá cứng người Brazil tên Rodrigo Vraima, con của phó thủ tướng. Hắn có tham vọng trở thành đô vật vĩ đại nhất mọi thời đại, nên cứ lâu lâu, bất chợt hắn ôm lấy tôi từ phía sau và tìm cách quăng tôi đi. Sau khi đã thân thân, tôi cũng bắt chước vật hắn lại thử xem sao, và đã khóa tay được hắn. Hắn bảo là tôi đã làm hắn bị thương, tổng tôi vào tù và phạt 25 *milreis*. Ngày hôm sau, hắn vẫn thân mật như không có gì xảy ra. Còn tôi, hờ hờ, dĩ nhiên là tôi đã xác định từ giờ thân ai nấy lo thôi.

Khi đến Bahia, đối thủ chính của chúng tôi là bệnh dịch hạch. Ở Para Hyba du Nord thì hạn hán xảy ra năm năm ròng rã rồi, nên nước được thu mua như đồ cổ vậy. Nghe người ta nói tay thị trưởng đã được thừa hưởng hẳn một ly nước từ ông cậu giàu có, nhưng chưa ai được tận mắt chứng kiến gia tài đó cả. Vùng ấy khô khốc, dơ bẩn, đầy bệnh dịch, và tôi thêm được tẩm muốn chết. Tôi phát hiện một cái xô ở trên cao, nên thử tìm cách chọt nó xuống tắm. Thay vì tắm bằng nước, lần đó tôi được tắm bằng đá cục và bụi. Đó là lần duy nhất tôi được tắm ở Nam Mỹ. Khi tôi phàn nàn với ông chủ trọ, ông ta bảo ở phòng trọ chỉ phục vụ nước cứng thôi.

Thứ duy nhất cứng và nặng hơn nước là tiền Brazil. Nó được làm từ một hợp kim chì, thiếc, đồng, đồng thau. Sáu đồng Brazil nặng 18 ký lô. Đêm nọ, sau khi khiêng tiền về phòng, tôi không còn chỗ ngủ, và phải ngủ ké phòng tay chỉ đạo âm nhạc. Tay này có tài chơi nhạc cả ngày khi ngủ. Bản nhạc ư

thích khi ngủ của hắn là một bài kéo gỗ rền vang tạo nên từ bia ủ năm 1902 uống vào lúc 2 giờ kém 19 phút đêm hôm đó. Tình hình khả quan đến nỗi chúng tôi phải về Mỹ, và khi về, gánh xiếc phải làm lại từ đầu để làm thân với mấy tay cảnh sát địa phương. Mấy tay này hình như có sở thích bỏ tù dân biểu diễn.

Ở đâu cũng vậy, người ta la ó khi bị lừa, nhưng thật bất ngờ là họ lại rất muốn bị lừa. Mỗi lần Reynard diễn trò thoát ngục hay gỡ còng tay, ông lại thấy mình như đang làm từ thiện cho xã hội vậy. Ông chỉ khó chịu một điều rằng, ông đã lừa tất cả mọi người ở tất cả mọi nơi, chỉ duy New York là ông không dám đụng tới. Cả Reynard lẫn tôi đều chưa một lần nhìn thấy thành phố hoa lệ ấy, chỉ được nghe kể đến. Đó là lý tưởng, là mục tiêu hướng đến của tất cả những tay lừa đảo và đạo sỹ thối. Chỉ khi có thể lừa được cả New York thì một tay lừa đảo mới được xem là lên được đỉnh vinh quang của ngành.

Vào năm 1905, khi đang diễn ở Hagerstown, Maryland, cũng là nơi sinh của Reynard, ông bỗng quyết một điều vô cùng hệ trọng: “Nếu Houdini cũng lừa được dân ở đó, thì mình cũng có thể thao túng Broadway như dân ở Yaptown thôi.” Thế là chúng tôi tiến đến thiên đường nước Mỹ ngay đêm đó. Trớ trêu thay, trong suốt bốn năm làm ăn cùng nhau, cả tôi lẫn Reynard đều không thừa nhận với nhau rằng mình chưa bao giờ đến New York. Thay vì vậy, cả hai đều dối rằng mình là dân gốc New York. Cả hai thường ngồi *chép gió* với gã còn lại về những câu chuyện ở siêu đô thị này, mỗi lần đều mở màn với câu: “Khi tôi còn ở New York....” hay “Ở đường Broadway tôi có quen...” Dĩ nhiên là cả hai người đều không thể biết người kia nói thật hay không.

Nhưng sau khi rời Hagerstown đi thẳng tới trung tâm thế giới, Reynard Vĩ Đại chợt nhún nhường thú nhận: “Harry này,

tao chưa bao giờ đến đó hết. Tao chỉ xạo mày thôi, vì sợ quê. Nhưng thật ra nếu thả tao một giờ đồng hồ ở New York, tao sẽ xoắn tới nổi co rúm người lại luôn. Nên đừng bỏ tao một mình ở đó nhé.”

Tôi nói giọng ăn chắc: “Đừng lo, có tôi đây! Tôi là thằng đã viết sách hướng dẫn du lịch ở New York đấy. Một khi đã được sinh ra ở Tammany Hall, sẽ chẳng ai có thể quên được nó đâu!”

“Hay quá!” Ông thầy phù thủy lí nhí như đứa trẻ: “Tao muốn được xem tận mắt, Harry ơi. Mày nhớ dẫn tao đến xem tượng Nữ thần Tự do nha!”

“Dĩ nhiên! Ở cạnh công viên trung tâm chứ gì!” Tôi nói như đang kể chuyện ở nhà. Cái tượng đó chắc loanh quanh đâu đó thôi.

Khi tôi đang nghĩ mông lung thì tay lơ lơ to: “Tiếp theo là trạm New York nhé!”

CHƯƠNG VII

New York

Lần đầu tiên nhìn New York từ bờ Jersey, tôi và vợ chồng Reynard cùng lặng người nhìn, cứ như vừa bị đẩy từ vùng quê Hagerstown đến thành phố thiên niên kỷ vậy. “Đây là New York,” tôi thông báo một cách bình lặng cứ như tôi là chủ của cả thành phố. Vợ chồng Reynard há hốc mồm như đang cố nuốt trọn đường chân trời New York. Tôi tiếp tục nói kiểu như đang giới thiệu tiết mục xiếc: “Vâng thưa các bạn, so với tất cả các thị trấn nhỏ khác, nơi đây vượt trội với cơ sở hạ tầng hạng nhất! Đây là thành phố Bagdad bên bờ sông Hudson mà quý vị đã nghe trong nghìn lẻ một đêm Ả Rập, nơi mà Haroun Al Raschid là thợ đóng giày, và nơi mà các vị đế vương đứng bán hạt hướng dương. Vâng, thưa quý vị, quý vị có thể ngậm miệng lại được rồi.”

Reynard nhẹ nhàng bảo: “Tao muốn đến Quảng trường Thời Đại, Harry. Bắt tàu nào đây?”

Có một chuyến đến trung tâm thành phố, chuyến còn lại đến đường Cortlandt. Và dĩ nhiên là tôi chọn nhầm chuyến. Trên đường đi ngang qua sông, tôi bảo hai vợ chồng công viên

Battery là Quảng trường Thời Đại, rồi chỉ một cái nhà băng và bảo là lăng của tướng Grant. Thế nhưng, đối với hai vợ chồng Reynard thì tôi đúng là một tay hướng dẫn viên bản địa loại xịn. Ở đường Cortlandt, tôi đảm bảo chắc ăn với họ rằng chỉ hai dãy nhà nữa là tới đường số 42, còn cách đây một dặm là đường số 1. Một tay cầm va-li, tay còn lại cầm máy đánh chữ Oliver đặt trong hộp kim loại, tôi lê lét đi. Đó là hai dãy nhà dài nhất trong đời tôi.

Đối với vợ chồng Reynard, đây chẳng khác gì tuần trăng mật. Cô vợ dừng lại ở mỗi cửa sổ cửa hàng, còn nhà ảo thuật đại tài ngược cổ nhìn những tòa nhà chọc trời đến suýt ngã ngửa. Tôi thì lê hành lý đi kể bên, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, lòng hoang mang vô cùng, không biết khi nào thì bị hành lý kéo ngã đập mặt xuống đường. Sau nửa giờ đi bộ không ngừng, ông phù thủy quay lại hỏi: “Quảng trường Thời Đại nằm ở đâu nhỉ?”

“Chắc sau lần tôi đến đây, họ dời nó đi rồi.”

Tôi giả vờ đang đi đường tắt, dẫn hai vợ chồng xuyên qua phố, đi vòng vòng, rồi cuối cùng lại đến nhà ga ở đường Cortlandt. Reynard gào lên, mắt long sòng sọc: “Sao lại đi vòng về chỗ cũ hả?”

“Không phải tại tôi! Tôi có xây cái thành phố này đâu!” Tôi nổi nóng để che giấu sự rối trí. “Đường ở đây cái nào cũng xây cong, nên mình có thể đi ngang một con đường vài lần! Đi tiếp coi!”

Cô vợ đề nghị nên bắt xe, nhưng ông chồng bảo là thôi đi bộ cũng được. Ờ, cũng được, dĩ nhiên, vì họ có phải một tay xách va-li, một tay cầm máy đánh chữ đâu! Khách sạn đầu tiên chúng tôi đi ngang qua là khách sạn Broadway Central ở

đường số 4. Lòng mừng khắp khởi, tôi thả hết đồ, nhảy ngay vào sảnh rồi hét: “Tới rồi!”

Khi vợ chồng nhà kia đi lên phòng để tắm rửa, tôi mua một quyển sách hướng dẫn du lịch và bắt đầu học thuộc lòng tên đường, tên công viên và các tượng đài. Rồi tôi đến hỏi anh nhân viên đứng ở cửa khách sạn xem có đúng không. Thì ra sách viết sai hết sạch. Ngay lúc đó, Reynard đi cùng vợ xuống, hào hứng: “Đi tham quan thôi!” Tôi dẫn họ đi quanh khu nhà hai tầng đồng hồ, vì sợ nếu đi xa quá tôi sẽ dẫn họ lạc đường về Hagerstown.

“Nói chung khu này là khu hay ho nhất thành phố rồi.” Tôi nói vẻ chắc chắn.

Reynard nhắc: “Tao muốn xem tòa nhà kho bạc.”

“Nó bị cháy rồi.”

“VẬY Á HẢ? VẬY THÌ XEM CẦU BROOKLYN.”

“Ồi lẽ ra mình phải tới sớm hơn! Nó vừa gây xong ấy!”

“VẬY LÀ CHẴNG CÓ GÌ ĐỂ LÀM À?”

“CÓ CHỨ! VỀ KHÁCH SẠN ĂN NÀO!”

Đêm đó, tôi thuyết phục vợ chồng Reynard rằng nên ở lại khách sạn và đi nghỉ sớm. Tôi xé tan nát quyển hướng dẫn, đi một đoạn dài và hỏi tất cả các tay cảnh sát mà tôi gặp trên đường. Vào ngày thứ ba, tôi đã thành dân New York chính hiệu. Vào ngày thứ năm, tôi đã bắt đầu tính trò thu hút đám đông đầu tiên để cái thành phố điên cuồng này biết rằng Reynard Vĩ Đại đang ghé thăm. Trò của tôi cũng đơn giản thôi, gồm một vụ mất nữ trang, một vụ cháy, một hành động cứu một cô gái đẹp của một anh hùng. Thế mà báo chí ở thành phố vĩ đại này lại khoái chí *táp* ngay.

Tôi có thấy đám cháy đối diện khách sạn Knickerbocker, và ở đó có một anh cứu hỏa suýt nữa bị chết cháy vì cố bế một cô gái ra khỏi tòa nhà. Tôi sắp xếp cho anh lính cứu hỏa này cầm một chiếc nhẫn của Reynard đến sở cảnh sát, báo rằng anh tìm thấy chiếc nhẫn trong đống đổ nát ở căn nhà cháy. Khi Reynard đến nhận nhẫn, ông sẽ khiêm tốn thừa nhận rằng ông mất nó khi đang cố cứu một cô bé trong đám cháy. Ông giải thích thêm là vì sợ báo chí làm ồn lên, nên ông đã lên đi. Báo chí tô vẽ thêm về quá trình may mắn tìm lại nhẫn, và chêm thêm rằng nếu không vì lấy lại nhẫn, thì hành động trượng nghĩa của Reynard đã không bao giờ được phát hiện. Nhiều năm sau, khi Reynard kể lại hành động anh hùng ấy, ông mô tả rõ ràng từng diễn biến, từ lúc quăng áo khoác ra một bên, lặn xuống sông Hudson rồi cứu cô gái đang chết đuối. Rồi ông kết với một kết thúc mở: “Nhưng rồi tôi không bao giờ hiểu tại sao một anh lính cứu hỏa lại có thể câu được chiếc nhẫn của tôi từ dưới đáy sông...”

Chỉ sau tuần đầu tiên, New York đã hòa vào tôi. Những ánh đèn hoa lệ của thành phố lớn đầy người và vật này ban đầu chỉ đơn giản là choáng ngợp. Nhưng rồi dần dần nó trở thành một thực thể sống, thu hút và chiếm lấy tôi. Tôi luôn xem những thành phố như con người bằng xương bằng thịt. Chicago là Diamond Dick với một chiếc mũ cao; Boston làm tôi nhớ lại John Quincy Adams sắt đá; Philadelphia là bức tranh bà mẹ của Whistler; Pittsburgh giống như một anh thợ mỏ đang diễn vở Othello; New Orleans là Jazzbo Brown đang đi trên nước; nhưng chỉ có một con người giống y hệt New York: đó là một người Mỹ đặc biệt, một người Mỹ quen thuộc: Benjamin Franklin.

Đối với tôi, New York là Ben Franklin phi thường, hiện đại, bất tử và thông minh, là nhà hiền triết đầy thông thái; người

dạy cách sống cần kiệm nhưng có thể chi tiền không tiếc tay; người cự tuyệt mọi trò khoe khoang nhưng có thể nắm trong tay tầng lớp đỉnh cao xã hội một cách dễ dàng; người có gu đặc biệt, có thể thưởng thức được những thứ thanh tịnh cho đến những thứ xa xỉ kiểu Paris. Đó là một biểu tượng vĩ đại của tấm lòng rộng rãi, tự do, sự thông thái, nhưng vẫn chứa đầy sự mâu thuẫn rất người và rất riêng, khiến ông càng dễ mến hơn. Thấu hiểu thông lệ, nhưng lại rất sáng tạo; trân trọng cuộc sống, tràn đầy niềm vui. Đó là New York trong tôi. Tôi không thể nghĩ ra được một con người nào khác phù hợp hơn, dù là Jefferson dân chủ, cho đến học giả Hamilton tấn tiến. Chỉ có Ben Franklin tốt bụng, thông minh và rất *người* là giống như New York: New York như cười nhẹ ở mọi nơi, gật gù cảm thông với cả những tay ma cô, và hiểu rõ từng góc ngách Broadway.

Thành phố là đây! Những lễ hội, những gánh xiếc chỉ là những cặp gậy cao lêu nghêu, còn các ảo thuật gia chỉ như con thiêu thân trong thành phố khổng lồ đầy những thứ thu hút sự chú ý này. Ở đây chẳng khác gì Bagdad trong truyện cổ, nơi mà những chiếc đèn thần Aladdin được bán đầy trên xe đẩy. Mọi tòa nhà là một thị trấn, mỗi con đường là một đường biên giới. Bạn có thể đi khắp thế giới mà không cần phải bước khỏi New York. Những thứ tôi đọc trong những quyển sách thần tiên đều có thể xảy ra ở đây. Bảy kỳ quan thế giới chỉ ngang ngửa vườn trẻ, và một đứa nhóc con trên đường còn hơn cả ông hoàng La Mã. Đây là nơi duy nhất ta có thể tin rằng trái đất quay tròn, nghĩa là nó quay với vận tốc cao chứ không phải là một chiếc đĩa nằm giữa một ao nước tù. Tôi nhận ra rằng giờ tôi không còn đối Reynard nữa. Chắc chắn tôi được sinh ra ở đây rồi. Mọi thứ tôi tưởng tượng khi trước hoàn toàn đúng. New York từ Bowery đến Broadway là vùng đất mẹ, là đất thánh của những đứa con trong ngành nghề đầy ma mị này!

Reynard Vĩ Đại thì không hào hứng lắm. Thành phố này quá hào nhoáng, khiến sự tự hào và cái tôi của ông bị đe dọa. Làm sao ông có thể đứng trước sở giao dịch chứng khoán và lấp ló cọc tiền ít ỏi trước mặt ông chủ hiệu kim hoàn Tiffany? Liệu viên kim cương đeo cà vạt của Reynard có làm Tiffany kinh hoàng được chăng? Cái mũ lụa hay áo choàng của nghệ sỹ opera mà ông mang có lờ được vùng đất nơi mà dân ăn xin cũng có tiền dư gửi ngân hàng, chưa kể đến kết sắt bí mật để ở nhà? Trò ảo thuật ông duy nhất ông có thể diễn ở đây là độn thổ biến mất. Và ông làm thế thật. Chỉ còn tôi ở lại.

Tôi thuê một văn phòng nhỏ ở tòa nhà Putnam, cho sơn chữ vàng lên cửa là "Harry Reichenbach—chuyên gia quan hệ công chúng." Chẳng có ai tới. Mỗi khi thấy bóng chủ nhà đứng trước cửa, tôi bắt đầu tự nói lớn một mình để hấn tướng tôi đang làm ăn ngon lành. Tôi đã quen sống giữa đám đông, dù là khi tôi đến những làng quê heo hút, vậy mà giờ đây giữa thành phố triệu dân, tôi lại một mình. Tôi bỏ hầu hết thời gian đi loanh quanh, làm quen, tìm bạn, nhưng chẳng có khách. Tôi phải bỏ phòng ở, nhưng không thể bỏ văn phòng làm việc. Ngủ trên bàn hơi khó, nhưng tôi đã tìm được cách trải báo lên nằm cho đỡ. Vậy là coi như tôi được nằm trên trang nhất rồi.

Ngày nọ, tôi gặp Walter Kingsley, chuyên gia quan hệ công chúng ở Broadway, đại diện cho Ziegfelds, Dillinghams và nhiều ngôi sao nổi danh trong giới nghệ sỹ. Tuy đang làm trong một ngành đầy sự cạnh tranh và xa cách, ông lại hỗ trợ tư vấn và làm bạn với tôi. Nhưng ngay cả ông cũng không kiếm được khách cho tôi. Rạp hát là thiên đường lý tưởng của bất kỳ tay đại diện, bầu sô nào, thế nhưng cửa của nó luôn có vài lớp khóa. Watler mời tôi một ly bia, nói chuyện một cách bình dị, không phân biệt tôi với những ngôi sao sáng lòa hay những con người đặc biệt. Đối với ông, tôi cũng ngang bằng với

những người đẹp đang ngồi ở văn phòng ông đợi được ông chú ý đến. Họ tranh nhau để gặp ông. Rồi sau khi ly bia cạn khô đến giọt cuối cùng, tôi ra về, mò xuống đường số 4, gặp mấy tay thợ in để tìm vài ba việc quảng cáo kiếm sống. Tiền thuê phòng hàng tháng của tôi chỉ 45 đô la, nhưng con số này có vẻ xa vời hơn cả chòm sao Lạp Hộ đang lấp lánh trên trời cao kia.

Tôi xin việc ở một cửa hàng nghệ thuật nhỏ. Cửa hàng này có một bức thạch bản hình cô gái khóa thân đứng trong hồ nước. Tranh loại này bán giá mười xu một bức, nhưng chả ai thèm mua. Tôi sẽ đủ tiền trả tiền thuê nhà nếu có ý tưởng tổng đi được 2.000 bức như thế đang tồn đến đóng mốc ở trong kho.

Tôi giới thiệu bức tranh sa ngã này cho Anthony Comstock, phó ban thuần phong mỹ tục, một thiên thần tối cao canh gác cho đạo đức con người. Ban đầu hắn từ chối không chấp lấy cơ hội này. Tôi điện thoại cho hắn vài lần, bảo hắn là tôi rất nhức mắt với bức tranh đang treo ở cửa sổ một cửa hàng hội họa (thực ra chính tay tôi treo chứ ai). Rồi tôi sắp xếp cho vài người tới đứng đó phản đối, cuối cùng là tới gặp trực tiếp hắn ta. Tôi bảo: “Bức tranh này thật là quá quắt! Nó làm tiêu tan đạo đức của giới trẻ!” Tôi dẫn hắn đến tận mắt xem.

Khi chúng tôi tới nơi, một đám choai choai (mà tôi thuê với giá 50 xu một đứa) đứng chỉ trỏ bức tranh, nói qua nói lại những lời quá lứa tuổi của mình với một ánh mắt sáng lòa. Comstock nuốt trọn cảnh tượng ấy, suýt nghẹn mà chết. “Gỡ bức tranh ra ngay!” Hắn đỏ mặt tía tai. Khi chủ cửa hàng tranh không chịu gỡ, vị quan chức của chúng ta kiện ra tòa.

Thế là bức tranh bỗng chống nổi lên trang nhất các tờ báo. Chỉ trong một đêm, bức thạch bản này—dù khi trước còn bị từ chối in lên lịch của một tay bán rượu—giờ đây thành vấn đề

sống còn quốc gia. Người ta viết nhạc về nó, diễn viên thì nhá nhá đến nó, mấy tay cái cách sĩ vả nó, và bảy triệu người mua nó với giá một đô la một bức, lồng kính, treo trên tường. Tên của bức tranh là *Bình minh tháng Chín*. Bức tranh này thì chẳng có gì trái đạo đức hay gợi dục, thực ra chỉ trong sạch như một bức tranh chụp em bé trong gia đình thôi. Đó là công việc hái ra tiền đầu tiên của tôi ở New York. Tôi kiếm được 45 đô la và được ngủ trên cái bàn làm việc thân yêu thêm một tháng nữa.



Bức tranh Bình minh tháng chín (vẽ bởi Paul Chabas)

Trò thu hút đám đông tiếp theo của tôi thì kiếm được nhiều hơn—tận 136 đô la sau khi trừ chi phí. Lần này tôi chơi chiêu với sách. Tôi không dụ được Comstock nữa, nên xoay qua ông trưởng ban.

Công ty Macaulay có xuất bản một quyển sách tên *Ba tuần*, của một nữ tác gia tên Elinor Glyn. Quyển sách chỉ được vài lời nhận xét ôn hòa, tầm tàm, doanh số thì còn tầm tàm hơn. Có vẻ như quyển sách sẽ rơi vào vực sâu chuyên chứa những quyển sách bị quên lãng. Thế là ông Wade tò mò hỏi tôi có thử nâng tầm quyển sách lên được không. “Tôi đã từng làm khi nổi tiếng, làm một cặp sinh đôi người Thái nổi tiếng, chuốt bút chì cũng nổi tiếng được, nhỉnh trẻ em cũng vậy, vậy thì sách cũng được chứ hả?” Wade cho tôi một bản sách *Ba tuần*. Tôi mang về nhà. Nhờ sự giúp đỡ tận tình của cả phê đen và khủng hoảng tài chính cá nhân, tôi đã thức cả đêm đọc hết sách. Quyển sách cũng bình thường như bức tranh *Bình minh tháng Chín*, nhưng đâu đó trong sách có kể về cuộc phiêu lưu “màu hồng” của Baby Paul trong tình yêu, và có một đoạn “yêu” (vâng, yêu trong ngoặc kép). Tôi nhất trí cao rằng không có cặp dấu ngoặc kép nào đáng giá hơn cặp ngoặc kép này. Chỉ mất ba tuần để biến *Ba tuần* thành quyển sách nóng nhất, có mặt trong mọi thùng hàng của bưu tá. Lúc đó, bưu điện bắt đầu thấy người ta đứng biểu tình chống đối quyển sách trên khắp cả nước. Giám đốc bưu điện cũng nhận thư phản đối. Cuối cùng tổng giám đốc ngành ban lệnh cấm giao sách qua dịch vụ chuyển phát. *Ba tuần* bắt đầu thành từ lỏng, từ cấm. Trẻ em thì trộm sách từ thư viện gia đình, chui vào tủ quần áo đọc lén. Sách bán được gần một triệu bản, mở ra cánh cửa mới đến chân trời vô tận cho vô số quyển sách nói về “chuyện ấy.”

Chỉ cần một vài vụ biểu tình phản đối để thúc ông tổng ra một lệnh cấm giúp tạo cả một trào lưu khắp nước Mỹ.

Nhiều người sau này hoang tưởng rằng chỉ cần có sản phẩm gì đó bị cấm đoán hay bị người ta chỉ trích là đủ để thành công. Họ dùng chiêu này như bài tử, xui thay có nhiều sản phẩm kém thật, xứng đáng bị cấm thật, và thế là họ phải tiu

nghe nhìn cả xã hội tẩy chay nó. Trong trường hợp của *Bình Minh Thảng Chín* và *Ba tuần*, cơ bản nó là một cái cười nhạo thẳng vào tư duy bảo thủ, canh giữ đạo đức một cách thái quá của giới công quyền, nên toàn nước Mỹ mới theo phe chúng tôi, biến nó thành trào lưu.

Tuy nhiên, chộc mấy “bà cô” ấy không phải là cách duy nhất để lên báo. “Tử cấm thành” trang nhất có rất nhiều cửa sau. Trong trường hợp con sư tử ở khách sạn Belleclaire và con khi ở Knickerbocker, tôi đã ứng dụng sự kỳ dị. Nhưng trong trường hợp của *Trinh nữ xứ Stamboul*, tôi lại thử gieo dăm Á Rập vào New York hiện đại. Đó là một trò có yếu tố New York điển hình, được lấy cảm hứng từ truyện O. Henry. Người ta thích nghĩ về New York như một thành phố có những viên kim cương trong những góc khuất tối tăm đời thường.

Năm 1919, hãng Universal sản xuất bộ phim *Trinh nữ xứ Stamboul*, một phim có sự tham gia diễn xuất của Priscilla Dean. Phim dựa trên một câu chuyện về một phụ nữ người Thổ, bị nhân vật phản diện Wallace Beery bắt cóc rồi được anh hùng Wheeler Oakman cứu. Oakman ngoài đời là chồng của Dean. Loại hình nghệ thuật này thời đó là bùa thần tài cho các phòng vé; cũng như phim nhạc kịch ngày nay vậy. Nhưng Universal lại sợ là bộ phim đầu tư phục trang đồ sộ này sẽ chẳng bù nổi chi phí... trắng phim.

Giai đoạn chuẩn bị cho chiêu trò quảng bá cũng kỹ lưỡng không thua gì giai đoạn làm phim. Tôi đi một chuyến đến khu Little Turkey (nơi ở của người Thổ) phía đông Quảng trường Chatham, và được biết rằng sau trận chiến của những nhà sản xuất trà, thì người Thổ ở đây đã bị thay thế bằng người Hy Lạp và Armenia. Tôi làm quen một tay người Assyrian tên Khalie Ossmun. Hắn hứa sẽ tìm cho tôi tám người Thổ, và làm thật.

Trông họ cứ như vừa độn thổ chui dưới cổng lên ấy. Hai trong số đó nguyên là thợ rửa chén, một người là thợ làm bánh, một là nhân viên giao hàng, hai người bán nước chanh nhà làm, rót từ một cái ấm đồng đeo sau lưng như mấy đứa con nít. Người thứ bảy là một tay Hồi giáo dữ dằn có một vết sẹo xấu xí cắt ngang mặt, còn người thứ tám là một ông già tóc bạc cứ luôn miệng lẩm bẩm rằng thằng em của ông là một tay có chức quyền, chuyên đề đầu cúi cổ người khác. Cuối cùng tôi phát hiện ra ông em có chức tước ấy thực ra là thợ cạo lưng cho khách đến tắm.

Anh bạn người Assyrian Khalie của tôi thông minh và giống người nhất, nên tôi cho hắn làm *Sheik*¹ Ali Ben Mohamed, người đứng đầu bằng nhóm hỗn tạp này. Tay người Thổ có sẹo (chúng tôi gọi hắn là Goom) đóng vai cánh tay phải của *Sheik*. Ông già tóc bạc hay lẩm bẩm trở thành *Đại Caliph Shafkrat*. Anh thợ làm bánh là *Effendi Houssein*, còn hai cạ rửa chén viên được phong làm *Tướng Hamedan* và *Tướng Rafkhat*. Mấy anh bán nước chanh làm tổng quản thái giám của dàn *harem*² của *Sheik*, tên là Jamil và Abdul Halsh.

Sau khi thoải mái ban phát chức tước, ngôi vị, tôi cho họ đi tắm một bữa ở một nhà tắm Thổ Nhĩ Kỳ. Đây chắc là lần đầu tiên họ được trải nghiệm cảm giác tắm. Nước đã biến một bầy ô hợp tám người thành những con người làm chính trị, ngoại giao đến từ vùng Levant, và đang thực hiện một nhiệm vụ bí mật. Một anh chuyên gia phục trang nhà hát cho họ những bộ

¹ Ở đây, Reichenbach sử dụng những từ dùng để chỉ các chức danh ở thế giới Hồi giáo (một phần để tăng độ huyền bí và tin cậy), dịch giả sẽ để nguyên không dịch, và in nghiêng.

² Hậu cung.

quần áo sang trọng, hoành tráng, từ tua rua tới lông đội đầu, từ quần dài màu xanh biển đến khăn quăn màu vàng chóe. Tiếp theo là dạy cho những anh người Thổ này cung cách và tập quán Thổ. Tôi thuyết phục được một người bạn tên Alexander Brown—người đã ở nhiều năm tại Constantinople làm trưởng đại diện cho Công ty American Licorice. Anh dạy họ cách hành xử như người Thổ thực thụ. Cả tuần anh dạy họ cách ăn uống trên bàn ăn, cách mặc áo quần, cách chào, và cả việc người hầu phải nể mủi thức ăn trước khi chủ nhân dùng bữa nữa.

Chúng tôi bỏ thêm một tuần nữa để *Sheik* học thuộc câu chuyện dùng để kể cho phóng viên, và những thành viên còn lại của cái băng hỗn tạp này thì học cách ngậm miệng lại trong lúc ấy. Trong suốt nhiều tuần, tôi ngồi với mấy anh Thổ này để tập dượt, hỏi họ bất kỳ câu nào tôi nghĩ phóng viên sẽ hỏi. Nhiệm vụ của đoàn tùy tùng chỉ đơn giản là trả lời tất cả các câu hỏi bằng một câu trả lời duy nhất: “Chúng tôi không được phép nói. Anh phải hỏi chủ nhân của tôi.” Anh chủ nhân thì học thuộc bài phát biểu, và cái gì không nhớ thì không trả lời.

Chúng tôi đã sẵn sàng cập bến New York từ Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi cho thư ký gọi đến khách sạn Majestic và nói: “Montreal đang gọi.” Tôi nói với Jack Heath, anh quản lý khách sạn bằng một giọng rất khó nghe, đại khái là: “Chúng tôi là một đoàn thực hiện nhiệm vụ từ Thổ Nhĩ Kỳ, đến đất nước các anh một cách bí mật. Xin cho phòng tốt nhất, không cho báo chí tiếp cận!” Hai ngày sau, đoàn khách hoàng tộc đến Majestic. O. O. McIntyre, đại diện truyền thông của khách sạn, sau này có nói tôi rằng “đoàn người không chỉ trông giống người Thổ, mà còn có mùi của người Thổ nữa.”

Vào bốn giờ chiều, đoàn người chính thức xuất hiện trước công chúng với đầy đủ vương miện, áo mào và đủ kiểu tua

rua. Họ đi đến phòng trà của khách sạn, làm theo đúng lễ nghi hoàng gia Thổ như đã được anh nhân viên Công ty American Licorice dạy. *Sheik* Ossmun diễn sâu cứ như có máy quay ở khắp các góc ngách vậy. Khi tôi đi ngang qua sảnh, tôi nghe John McMahon, nhà phê bình nghệ thuật New York, nói nhỏ với tôi rằng: "Tôi hiểu đây là một điệp vụ chiến tranh của nước Thổ."

McIntyre nhỏ giọt thông tin cho giới báo chí một cách vô cùng kín đáo, cứ như họ đang tham gia vào một phi vụ tầm cỡ quốc tế. Vào tối đó, đoàn khách tổ chức họp báo. Sáng hôm sau, báo chí khắp thế giới đã đăng hàng ngàn trang tin về nhiệm vụ kỳ lạ và tuyệt mật của *Sheik* Ali Ben Mohamed. Những bộ phục trang thuê đã phát huy tác dụng ngon lành trên các tờ báo. Tờ *Tribune* chụp ảnh anh chàng người Assyrian và viết như sau:

"Đây là *Sheik* Ben Mohamed xứ Hedjaz, nơi mà mọi học viên quan hệ quốc tế đều biết là một vương quốc mới ở Ả Rập. Quốc gia này đang xích mích với đế quốc Thổ, và đó cũng là lý do họ tuyên bố ly khai..."

... Áo khoác vừa vặn với một dải lụa vàng rộng có xen màu xanh, lúc ẩn lúc hiện càng làm rõ thêm sự quý phái của vị quân vương này. Chiếc áo rất hợp với dây vải lanh màu trắng bên ngoài, buông nhẹ ngang cổ. Tấm vải lanh được nối với bởi một chiếc khăn quần đầu có họa tiết màu cam, tiết lộ cho chúng ta biết rằng *Sheik* chính là một con người thượng đẳng."

Ngay cả bộ đồ mới nhất của hoàng tử xứ Wales chắc cũng không được tả kỹ như bộ đồ lòe loẹt của anh bạn tôi. Thế rồi với trí nhớ tuyệt vời, *Khalie* Ossmun đọc lại bài phát biểu đã được học ngay trên sảnh đường số 6:

“Thưa quý ông, tôi đến đất nước này, một đất nước mà với đôi mắt đã quen với sa mạc như tôi thì chẳng khác nào thiên đàng được viết trong kinh Koran, để tìm vị hôn thê đã hứa hôn của em trai tôi. Tên nàng là Sari, một tuyệt tác của tạo hóa, không nơi nào trên đất nước Thổ lại có người con gái đẹp như nàng. Người ta gọi nàng là *Trinh nữ xứ Stamboul*...”

Thế rồi đoạn tiếp theo là phần tóm tắt nội dung phim, nhưng mấy anh phóng viên cứ như nuốt từng lời để đăng tin vào sáng mai.

“Cha nàng rất giàu.” Sheik nói thầm thì, giơ một cánh tay mệt mỏi lên ngang đôi mắt thâm quầng. “Mẹ nàng cũng dòng dõi hoàng gia. Sari có một cô giáo người Anh. Lính Mỹ đến Stamboul. Họ thấy Sari. Và nàng đâm đuổi một người trong số họ. Họ nói chuyện với nhau, và nàng rất tự hào về vốn tiếng Anh ít ỏi của mình. Rồi nàng biến mất. Cùng ngày đó, đoàn người Mỹ ra đi. Ba tháng ròng, chúng tôi tìm khắp mọi góc ngách nước Thổ. Mẹ nàng chết vì đau buồn. Rồi cha nàng cũng ra đi. Chúng tôi đã tuyên bố rằng nàng chưa chết. Chúng tôi biết chắc rằng chính một cuộc tình là thứ khiến *Trinh nữ xứ Stamboul* biến mất.”

Mấy tay phóng viên chép lại từng chữ, từng chữ một. Thế rồi *Sheik* nói rằng văn phòng điều tra Burns & Val O'Farrell đã tham gia hỗ trợ điều tra phạm vi quốc tế. *Sheik* đã cho đăng thưởng 10.000 đô la cho bất cứ thông tin nào giúp tìm được Sari. Ngài nói rằng nàng là người thừa kế gia sản cả trăm triệu đô la. Ngài không quên thêm vào rất chi tiết rằng cô giáo người Anh của nàng sau một thời gian dài khóc hết nước mắt, đã trầm mình ở Bosphorus. Nói chung, chúng tôi cho toàn bộ gia đình nàng Sari ở Thổ Nhĩ Kỳ chết sạch, để phòng có ai đó chịu khó mò tới Thổ Nhĩ Kỳ tìm thông tin.

Ngay khi *Sheik* đã kể xong chuyện, mấy tay phóng viên hết tin tức lại quay sang mô tả quần áo của ngài. Ngay cả Boyden Sparkes, tay phóng viên được mệnh danh là cáo già khó tính, cũng bỏ nửa cột báo tả bộ đồ. Ông mô tả thanh gươm bạc có cán bằng gỗ mun, và chiếc áo choàng rộng che lấp lửng, bên trong màu xanh nhạt kết màu oải hương. Ông còn đặc biệt mô tả dải dây đeo gươm màu quả mâm xôi, và chiếc áo trong dệt bằng lụa tơ tằm với những đường màu vàng hoàng tộc. Tuy nhiên, sau này ông có nói với tôi, ông cảm thấy có chút nghi ngờ vì phía bên dưới toàn bộ những phục trang tráng lệ này, ông thấy lấp ló ở hai cổ tay bóng dáng của một cái áo sòn, có lẽ là được sản xuất ở Troy, New York.

Cho đến lúc này, *Sheik* đã diễn khá tốt. Tuy nhiên, cái cổ tay sòn *made in New York* đã làm Sparkes nghi ngờ. Ông hỏi vị chúa tể đất Thổ rằng ngài có biết người Mỹ nào không, và Ossmun ngay lập tức trả lời: "Tôi biết ông Henry Morgenthau. Tôi sẽ đi ăn tối với ông ấy." Tôi đã cho học câu hỏi và trả lời này vì theo thông tin tôi thu lượm được từ thư ký của Morgenthau, thì Morgenthau sẽ đi công tác vào lúc ấy. Do vậy dùng tên của Morgenthau là an toàn.

Khi cuộc phỏng vấn kết thúc, không một phóng viên nào nghi ngờ chuyện của *Sheik*. Họ chen nhau chạy vào sảnh điện thoại, đẩy nhau gọi điện về toà soạn để kể lại câu chuyện tình yêu số một của năm. Chỉ có Boyden Sparkes là có vẻ hơi lo. Ông ngáp ngừng, rồi đi vào phòng quản lý. Chúng tôi nghe ông gọi điện tới Morgenthau. Không thể tin được, Morgenthau trả lời ở đầu dây bên kia. Tôi biến ngay. McIntyre cũng vậy.

Ngày hôm sau, Sparkes viết rất chi tiết, đầy đủ về câu chuyện được nghe kể như những phóng viên khác, nhưng ở cuối ông thêm vào:

“Ông Morgenthau khẳng định rằng *Sheik Ben Mohamed* là lừa đảo. Ông Morgenthau còn nói thêm rằng phục trang của *Sheik* không thật. Ông còn nói thêm rằng ông sẽ không mời *Sheik* ăn tối cùng, và còn nói rằng *Sheik* là đồ giả. Tuy nhiên, có vẻ như không vì chuyện đó mà bộ phim tình cảm hành động *Trinh nữ xít Stamboul* ngưng trình chiếu.”

Nếu nghe xong các tuyên bố của Morgenthau, chắc mọi người sẽ nghĩ trò của chúng tôi đã tiêu tưng. Nhưng không. May mắn là chính nhờ những lời đó, câu chuyện trở nên hay hơn cả chuyện thực. Nó trở thành một chuyện lãng mạn và huyền bí. Chính lúc đó, công chúng và báo chí bắt đầu cảm thấy rằng nếu chuyện này không phải là sự thật, thì nó *nên* là sự thật! Thế là ngoài việc chiếm một hai bài ở tờ *Fox News Weekly*, tờ *Kintograms* và *Pathé Weekly*, chúng tôi còn khiến họ phải trả mỗi người 50 đô la để *Sheik* đến Công viên Trung Tâm chụp hình đăng báo. Rạp Hippodrome dành chỗ ngồi riêng cho các thành viên hoàng tộc này, và thậm chí còn trái thảm từ đường vào tận sảnh để những bàn chân hoàng tộc của những anh nhân viên rửa chén và bán nước chanh không phải chạm nền đất lạnh lẽo. Nhiều hộp đêm mời *Sheik* và bầu đoàn đến, một số còn hòng cầu cạnh, nhờ vả nữa.

Vài ngày sau, Sari được Val O'Farrell tìm thấy ở một nhà nghỉ trên đường Kenmare. Báo chí lại đăng ì xèo. Phóng viên chen nhau đến trước cửa phòng hoàng tộc ở Majestic, và được tận mắt thấy một cảnh tượng chỉ có ở phương Đông. Qua cánh cửa được mở rộng, họ thấy một cô gái đẹp tuyệt trần nằm trên giường, xung quanh là *Sheik* và năm người Thổ đang quỳ. Có một ông bác sỹ đứng bên cạnh, lâu lâu chích chích một cái (dĩ nhiên là vào nệm), phía sau lưng là một y tá đang ghi chú rất căng thẳng. *Sheik* đang rất nhiều cảm xúc và lo lắng, thế nhưng vẫn có thể ra ngoài và nói với cánh báo chí rằng Sari đã được

cứu, mọi người sẽ rời khỏi nước Mỹ vào thứ bảy trên tàu White Star Line. Trước mặt mọi người, ngài đưa mười tờ 1.000 đô la cho Val O'Farrell. Dĩ nhiên là anh này sẽ trả lại chúng tôi sau khi diễn xong. *Sheik* cảm ơn báo chí Mỹ đã hợp tác, và ông khẳng định rằng dân Mỹ là những con người thông minh nhất thế giới. Một anh nhân viên hãng White Star Line bước vào, tay cầm chín tấm vé khoang hạng nhất. Chẳng có gì đi sai kế hoạch cả.

Cô gái diễn vai Sari là một diễn viên, nhưng không thể nói tiếng Thổ hay tiếng Pháp, nên chúng tôi ngăn không cho bất kỳ ai phỏng vấn cô. Chúng tôi nói rằng nàng Sari đang không được tỉnh táo, nhưng cũng chịu khó dựng nàng dậy trong yên lặng để cánh phóng viên chụp được hình. Cánh báo chí kể lại từng chi tiết từ đầu đến cuối, và *Trinh nữ xứ Stamboul* trở thành kỷ lục doanh thu phòng vé.

Việc những anh phóng viên thông minh lại quá nhẹ dạ không làm tôi ngạc nhiên. Khả năng ngạc nhiên của tôi đã tan biến từ lâu rồi, bởi vì tám năm về trước, tôi đã từng thấy sự đơn giản và nhẹ dạ kinh khủng của loài người, khi mấy tờ phiếu trúng thưởng của tôi đăng trên một tờ nhật báo ở Nam Mỹ đã làm đảo lộn cả chính phủ trong suốt mười ngày.

CHƯƠNG VIII

Những cuộc chơi chính trị

Tôi nhớ có một cô nàng ở gánh xiếc Swanson đã ly dị chồng vì gã dám ăn bánh quy trên giường. Cả ngày cô nàng nằm ngon lành trên mũi kiếm bàn chông, thế mà tới tối lại không thể chịu nổi vụn bánh. Có cô khác chuyên cho ông chồng diễn trò đặt đá lên đầu cô nàng và đập vỡ bằng tay. Cô thích công việc này, nhưng rồi bỏ việc vì bị đá rơi vào chân. Có lẽ cùng vì kiểu lý do tương tự mà khi văn phòng nhỏ bé của tôi ở tòa nhà Putnam bắt đầu ăn nên làm ra, tôi lại tìm lý do để mình phải lo lắng, khó chịu. Và tôi tìm ra thật. Walter Kingsley mời tôi đưa một bộ phim của Sarah Bernhardt đến Nam Mỹ. Nhà phân phối phim sẽ trả tiền đi lại cho tôi, nhưng lương của tôi thì trả theo doanh thu. Một tuần sau, tôi bán cái bàn làm việc kiêm bàn ngủ thân thương, lên tàu S. S. *Tennyson* đến Buenos Ayres.

Ở Rio de Janeiro, tàu dừng một ngày, và tôi đánh điện cho báo chí ở Argentina rằng Sarah Bernhardt đang trên tàu. Khi đến Buenos Ayres, cả thành phố như đang đón chào. Cờ Pháp bay phấp phới bên cạnh cờ Argentina, hàng ngàn người đứng trên bờ, bến cảng rộn ràng tiếng súng chào, tiếng kèn và còi

động cơ. Một thành viên hội đồng chính quyền lên tàu chào đón Sarah thần thánh, và mời cô cứ hãy đi lại tự do trong thành phố. Ông thuyền trưởng cứ khẳng khẳng họ lên nhằm tàu: “Tôi không biết. Tôi sẽ tìm hành lý. Có thể cô ấy giả dạng khách thường.” Tôi bảo rằng không biết phải mấy vị này đang tìm bức ảnh Bernhardt đang diễn vở *Camille* hay không, nếu có thì tôi đang cầm. Mấy vị chức sắc rầu rĩ bỏ đi, kéo theo một đoàn dài phía sau.

“Ồi tôi biết rồi!” Tôi chột thốt lên, vẻ bất ngờ. “Mấy anh nhà báo ở La Noche, Rio chắc hiểu nhằm và làm sai lệch ý tôi rồi!” Mấy tờ báo địa phương cười cợt sai lầm này suốt hai ngày. Họ cười vì anh đánh điện đã bỏ rơi mất chữ “bức ảnh” và khiến mọi người nghĩ Sarah đang ở trên tàu (thật ra là bức ảnh của Sarah đang ở trên tàu). Cả thành phố mang đủ thứ cờ hoa đến để đón hụt cô diễn viên. Tuy nhiên cuối cùng tôi lại lãnh đủ. Té ra là một bản sao chép của bức *Camille* đã lọt ra ngoài, từ Barcelona chạy sang Argentina, và đã bán đầy các thành phố lớn. Chẳng ai rảnh mà đem trưng bày bức tranh của tôi nữa.

Tiền vé về Mỹ của tôi hết sạch sớm hơn dự kiến vì chi phí ăn ở quá cao, còn công ty thì không gửi thêm tiền. Tôi buộc phải làm tạm thời cho tờ nhật báo địa phương tên *El Diario*, nhiệm vụ chủ yếu là phỏng vấn người nổi tiếng. Mấy tay biên tập viên nghĩ rằng một anh người Mỹ sẽ có thể nói lên những ý kiến mà dân địa phương không dám nói, thế nên họ lợi dụng tôi cho mục đích chính trị. Bài phỏng vấn đầu tiên của tôi (và cũng là bài cuối cùng) là với Tiến sỹ V_____ de la P_____,¹

¹ Vì lý do chính trị, nhiều tên người, thời điểm và địa danh (kể cả tên quốc gia) trong chương này đã được chính tác giả thay đổi.

lúc bấy giờ là đương kim phó tổng thống Argentina. *El Diario* muốn đập tan tham vọng tranh cử tổng thống của ông này, và thúc tôi làm thẳng tay. De la P_____ là một tay to béo, gan hồng, suốt ngày cứ nhắc tới lá gan. Lá gan cũng đại diện cho toàn bộ suy nghĩ của lão. Khi tôi hỏi lão quan điểm về tình hình quốc gia hiện tại, lão so sánh với một lá gan hồng, và bảo rằng muốn trị phải dùng một liều lớn thuốc gan. Tôi tường thuật cuộc phỏng vấn hoàn toàn chân thật, và thêm rằng dân chúng không nên trao tương lai vào tay một người không thể tự lo cho bản thân mình. Tôi còn ghi rằng những người bị bệnh gan cũng thường là lãnh đạo kém.

Khi biên tập viên đọc bài của tôi, hấn bảo: “Đây là một tuyệt tác. Tốt nhất là anh nên lo mà rời khỏi đất nước này trước khi tôi cho đăng bài vào ngày mai!”

“Nhưng tôi đi đâu đây?” Tôi nói, có chút thất vọng vì đã viết quá tốt.

“Tôi sẽ cho anh đi Paraguay. Anh sẽ thấy dễ sống ở đó. Chỉ cần tung mũ ở quảng trường để cho thấy tinh thần cách mạng thôi!”

“Nhưng tôi đâu có muốn cách mạng gì đâu!”

“Anh sẽ thấy trò đó rất vui.”

“Không, không! Tôi chỉ muốn có đủ tiền về Mỹ thôi à.”

“Đừng có ngốc vậy chứ! Anh sẽ là một người có giá đối với những cuộc lật đổ chính quyền!”

“Cái gì?” Tôi bắt đầu run, tự ngẫm không biết bài báo đầu tổ ông phó tổng thống có khơi mào nội chiến Argentina không.

“Bài này của anh là vô giá! Nó sẽ đập chết thằng vô dụng đó! Và sau đó... ha ha ha!” Hấn bước một cách hào hứng ra

khỏi phòng, đến nổi căn phòng rung rung như đang giờ tay cảnh báo. Rồi hắn xoa tay trong sung sướng. “Nghĩ lại thì anh sẽ phí thời gian ở Paraguay. Chẳng còn bao nhiêu người ở đó nữa. Hầu hết đã bị giết tuần trước trong đợt bầu cử rồi. Anh sẽ có ích hơn nếu ở cùng bạn tôi tại Uruguay!”

“Anh bạn anh làm gì ở đó?”

“À anh ấy đang muốn đảo chính.”

“Có vẻ như cũng hấp dẫn nhỉ...” Tôi đánh liều.

“Đúng rồi, nhưng ở Uruguay thì không dễ đâu.” Hắn nói thêm, vẻ tiếc nuối. “Ông bạn Crispo tội nghiệp của tôi đã cố đảo chính suốt hai thế hệ, nhưng giờ ở đó chỉ toàn hòa bình là hòa bình thôi. Thật vô vọng!”

“Tôi không hiểu tôi giúp được gì.”

“Cứ viết vài bài như vậy cho anh ấy, anh ấy sẽ trả hậu cho anh.”

Hắn cho tôi một thư giới thiệu nồng nhiệt với ông bạn tiến sỹ Crispo, biên tập viên tờ *El Diario del Plato*. Trên đường tới Montevideo, tôi sợ chết khiếp, trong đầu tòa hình ảnh lô cốt dựng đầy đường Buenos Ayres, pháo, máu đổ, nội chiến, tất cả chỉ vì bài báo tấn công lão phó tổng thống mập. Sau đó tôi mới biết chuyện gì đã xảy ra. Bài của tôi xuất hiện và tạo ra rắc rối, nhưng là rắc rối cho chỉ tay biên tập viên. Hắn mất việc. Còn về De la P_____, thay vì mất cơ hội, thì bài báo khiến cả đất nước tội nghiệp lão vì bệnh gan, thế là nhờ đó lão được bầu làm tổng thống suốt hai nhiệm kỳ.

Ở Uruguay thì khác. Đó là một đất nước của những linh hồn đơn giản—là thiên đường của dân gánh xiếc. Nghe đồn là ở Santa Ana, một ngôi làng nhỏ, người ta vẫn còn mặc đồ

truyền thống Tây Ban Nha, và chú rể phải cưỡi ngựa đến rước dâu. Có một lần, anh chú rể ngồi trên con ngựa quá cao và không đi lọt cổng làng, khiến cả Santa Ana như náo loạn. Nếu chú rể leo xuống ngựa thì không được rước dâu, nhưng nếu ngồi trên ngựa thì không vào được làng. Làm gì đây? Nên đập vỡ cổng làng hay chặt đầu chú rể cho vừa? Cả những già làng Santa Ana cũng không biết phải làm gì trước hoàn cảnh trớ trêu này. Cuối cùng một anh Mỹ đi ngang làng và tìm ra cách giải. Anh chàng cho dựng một cái thang bắc lên cổng làng rồi leo lên. Khi chú rể cưỡi ngựa đi ngang qua, anh người Mỹ lấy chân đập đầu chú rể cho nằm rạp xuống, thế là chú rể đi lọt ngon lành. Nhờ sự thông minh này, mà anh người Mỹ nổi tiếng toàn Uruguay.

Montevideo, thủ phủ và cũng là thành phố duy nhất cả nước, nằm giữa sông Platte và vịnh, ở mỗi bên đều có những cánh đồng cỏ bay thẳng cánh. Khi người ta bắt đầu điện hóa đất nước, nông dân liền liên kết lại. Theo họ, nếu điện thay thế cho ngựa kéo, thì đâu còn con gì ăn bớt rom cho họ nữa! Suốt hai thập kỷ, không ai giải quyết được vấn đề ấy, nên người ta cấm dùng điện.

Sau đó ít lâu, một nhóm kỹ sư châu Âu đến, đút lót và nịnh hót một đám quan chức để họ duyệt cho làm đường ray xe lửa. Nhà làm luật ngay lập tức phủ quyết ý tưởng này: theo dự án của nhóm kỹ sư thì họ không xây đường hầm cho xe lửa. Nhà làm luật bảo: "Tất cả các nước văn minh đều có đường hầm."

Kỹ sư đáp: "Nhưng ở đây đâu cần đường hầm. Đất nước anh ở đồng bằng. Chúng tôi chỉ xây đường hầm nếu phải đi qua vùng núi thôi."

"Không đường hầm, không đường ray" là quyết định cuối cùng.

Thế là đám kỹ sư phải xây hàng trăm dặm đường ray đến những vùng đồi có thể đào xuyên qua. Khi tuyến đường sắt hoàn thành, có hàng trăm dặm đường ray nằm trơ ra chỉ để gió thổi cho mát, chạy xuyên qua hàng trăm đường hầm nằm ở những vùng núi heo hút người. Uruguay tự hào lắm.

Trong chính trị, người dân ở đây cũng đơn giản như vậy. Ngay khi bầu được tổng thống, đảng thua cuộc nổi quạu và bắt đầu làm cách mạng. Nhưng rồi họ không thực hiện được ý định, vì đảng cầm quyền tự nổi loạn chống lại người đứng đầu, và bắt ông tổng thống đi đày ngay từ ngày đầu nhậm chức. Nếu một người nào đó giết người, hắn sẽ bị tử hình; nhưng nếu hắn ám sát tổng thống, thì hắn sẽ bị khép vào tội chính trị và đi tù hai năm. Khi tôi đến, tiến sỹ Crispo bảo rằng suốt 20 năm nay, chính phủ chưa hề thay đổi vì gã cầm quyền đã kiểm soát và thao túng hết mọi cuộc bầu cử. Gã điều hành đất nước như điều hành công ty gia đình, thu hết doanh thu, tự chi luôn, không cần kế toán kiểm toán vì gã bảo rằng gã tin chính mình.

Crispo muốn làm đại diện cho cách mạng. Ông nghĩ rằng nếu người dân tỉnh giấc đi bầu, thì ông sẽ được bầu, lật đổ được kẻ độc tài. Vấn đề là làm sao làm họ tỉnh được.

“Làm họ giận lên. Gọi cử tri bằng từ gì thì dễ bực nhất?”

“Macaca.”

“Tôi không hiểu, nhưng nghe có vẻ ổn!”

Đòn đầu tiên trong chiến dịch là một bài dài bảy cột báo, tựa đề: “NGƯỜI DÂN URUGUAY, ANH LÀ NGƯỜI HAY LÀ MACACA?” Dưới tiêu đề, tôi viết một bài báo hấp dẫn, thêm bốn cột toàn các phiếu rút thăm trúng thưởng, ở trên lập đi lập lại vài câu hỏi và thách họ trả lời. Họ thích một chính phủ đại diện cho nhân dân, hay thích chính phủ cầm quyền? Trả lời

đúng đảng, đúng tên thì sẽ có cơ hội trúng thưởng. Chiều hôm đó, tôi đi ngang các quảng trường trong thành phố thì có vài người chào hỏi tôi bằng những hành động kỳ lạ.

Tôi hỏi Crispo: “Họ làm vậy nghĩa là gì?”

“Họ nổi quạu vì anh gọi họ là *macaca*. Đó là cách sỉ nhục cao cấp nhất. Từ đó nghĩa là ‘đồ khỉ!’”

“Nhưng tại sao họ lại giờ bàn tay trái chạm vào cùi chó phải?”

“Cùng ý nghĩa với hành động đưa nắm tay vào mồm của dân Sicily. Nó là dấu hiệu của cái chết. Họ muốn làm thọt anh.”

“Vậy đó hả? Chi tôi cách trốn ngay!”

Ông vỗ vỗ vai tôi khích lệ: “Đừng lo! Ta đã cùng nhau khởi đầu và sẽ vượt qua như những người lính dũng cảm!”

Sự dũng cảm của ông làm tôi vui lên và bắt tay ông, lòng đầy nhiệt huyết: “Những con người cách mạng vốn dĩ ban đầu chỉ là những con người bình thường mà thôi!”

Ngày hôm sau, có một dòng chữ viết hoa bên dưới tiêu đề bài báo của tôi. Crispo viết một thông báo của ban biên tập: “Tôi rất hiểu rằng cả tôi lẫn tờ báo không phải chịu trách nhiệm về những ý kiến hoang tưởng hồ đồ của anh phóng viên người Mỹ hung hãn kia. Anh ấy đã trả tiền để được đăng bài theo dạng bài quảng cáo, và những điều anh ấy nói đều là ý kiến cá nhân chủ quan không đại diện cho tòa soạn.”

“Thật là cảm ơn cách bảo vệ của ông!” Tôi quăng tờ báo vào mặt Crispo. “Tôi đi luôn đây!”

“Mang ý nghĩa ngoại giao thôi!” Ông nói, nắm tay tôi. “Hãy nhớ rằng, dù gì đi nữa anh cũng chỉ là một cá nhân, nhưng nếu

tôi bị khử thì cả phong trào tự do sẽ chết cùng tôi!”

Tôi bắt đầu đi, còn Crispo ôm lấy tôi: “Tôi sẽ tăng lương cho anh lên 750 đô la, trả bằng séc hoặc vàng!”

Tôi vùng vằng: “Đừng có mời gọi hay nài nỉ vô ích, tôi không cần mấy thứ vật chất phù du đâu. Nhưng tôi thích vàng hơn.”

“Tôi sẽ trả bằng vàng!”

Tôi tiếp tục viết một bài dài tám cột báo mỗi ngày. Mỗi bài đều là kết quả của việc gặng đào tất cả những gì những tay tự do chủ nghĩa trong lịch sử đã nói rồi xào lại. Bài của tôi được dịch sang tiếng Tây Ban Nha bởi một tay người Anh khoái nghiên cứu chủ đề tự do cho Uruguay. Hẳn đều phóng đại tất cả những gì tôi viết, ngoài ra còn thêm vài ý chống chính quyền của riêng hắn nữa. Dù gì thì tất cả những gì trong bài đó đều sẽ có chữ ký của tôi ở cuối bài chứ đâu phải chữ ký của hắn. Thế là ngày tàn của tôi dần dần lộ rõ. Tôi đi đâu cũng phải có vệ sỹ. Mỗi khi có một thứ gì đó đáng ngờ và nguy hiểm, đội quân vệ sỹ hùng hậu sẽ ngay lập tức núp sau lưng tôi.

Tuy nhiên trò tuyên truyền kiểu đánh bom liều chết này lại hiệu quả rất bất ngờ. Dân ông Uruguay tụ tập ở nơi công cộng bàn luận, phụ nữ thì tụ tập ở các bữa tiệc. Mấy món cốc tai, xà lách được đặt tên theo *El Yanqui*.¹ Cắt và sưu tầm các phiếu tuyên truyền trở thành trò giải trí quốc gia. Lần đầu tiên trong suốt 20 năm, đời sống nhân dân chiếm ưu thế thay cho cuộc đối đầu của những tay sừng sỏ. Đến cuối tuần đầu tiên, tờ nhật báo của Crispo bị cấm chuyển phát qua thư. Thiết quân luật được áp dụng. Khách sạn chỗ tôi ở bị lính tráng vây quanh.

¹ Từ này nghĩa là *the Yankee*, hay là *anh người Mỹ*, tức là chỉ Reichenbach.

“Anh có nghĩ hôm nay tôi sẽ bị xử bắn không?” Tôi hỏi tay người Anh sau khi nhìn qua cửa sổ.

“Rất có thể.” Hắn nói vẻ rất nghiêm trọng, vừa nói vừa uống quả dừa. “Chúng ta đã có một chiến thắng rất quan trọng. Chính phủ đã đồng ý tổ chức một cuộc bầu cử đặc biệt.”

Tôi nhìn những tòa nhà ở Montevideo, đầy những đám đông kích động. Có vẻ giống như cách mạng đã nổ ra. Nhưng không phải. Đám đông này thực ra chỉ tụ tập lấy mấy tờ phiếu trúng thưởng bỏ vào thùng phiếu được đặt trước cửa mấy quán cà phê và ở góc đường thôi. Tất cả người dân Uruguay đang hào hứng điền vào phiếu trúng thưởng để bỏ vào thùng.

Ngày bỏ phiếu vô cùng lộn xộn. Đường phố đầy những lính, và mỗi cử tri đi bầu đều được trang bị tận răng. Nhưng không có máu đổ. Cuộc chiến đã trở thành một trò chơi, thay vì là một cuộc trả thù. Có những người đã mê bỏ phiếu đến nỗi không chịu rời khỏi thùng phiếu. Họ cứ bỏ phiếu cho tới khi tái mặt vì mệt. Khi đếm tổng số phiếu bầu, người ta phát hiện ra nó gấp đôi số dân. Nhưng chả ai quan tâm cả. Ai cũng hiểu rằng ở cái đất nước Nam Mỹ này, bầu cử thì số liệu không bao giờ chính xác. Crispo chiến thắng thuyết phục.

Hành động đầu tiên khi trở thành tổng thống của Crispo là mời tôi tới. Ông trả tôi vàng và bảo: “Anh có 24 giờ để ra khỏi đất nước này.”

Tôi thì thầm: “Kiểu trả ơn gì vậy!”

“Đây đúng là trả ơn đấy. Nếu anh có thể lật đổ một chính phủ đã tồn tại suốt hai thập kỷ chỉ bằng phiếu trúng thưởng, tôi chắc chắn anh không nên ở đây nữa. Biết đâu tuần sau đảng đối lập lại thuê anh thì sao!”

CHƯƠNG IX

William Fox

Tin cổ tích là một chiêu trò thu hút đám đông hiệu quả, bao giờ cũng lên được trang nhất. Đó là loại tin hấp dẫn, kịch tính đến thắt tim mà bất kỳ anh biên tập nào cũng ước là có thật, như cổ tích vậy. Thậm chí có dạo người ta đồn rằng, dân quan hệ công chúng pha chế loại tin này trong các góc tối vì sợ bị lộ ra ngoài. Ngày nay thì một số báo lá cải không muốn dân quan hệ công chúng pha chế nó nữa. Mấy tờ lá cải tự làm luôn. Vào năm 1911, sau khi ở Uruguay về, tôi đã giật một tin cổ tích rất chuẩn, giúp một sô diễn âm nhạc bay ngay lên trang nhất suốt ba tuần liền bằng mười trò thu hút công chúng liên tiếp nhau.

Nhạc viện cũ kỹ tọa lạc trên đường số 14 lâu nay đã hôn mê sâu vì một mùa opera không có lợi nhuận. *Faust* và *Carmen* đã bị chôn vùi trong những ngôi mộ vô danh của làng nghệ thuật. Nghệ sỹ phải đi bán táo kiếm thu nhập. William Fox¹ nhận lãnh

¹ William Fox (1879 – 1952), người sáng lập hãng phim Fox vào năm 1915. Sau này, các công ty của Fox được Rupert Murdoch mua lại, và tên của Fox vẫn còn hiện diện ở nhiều hãng nổi tiếng, điển hình là 21st Century Fox.

nhệm vụ lấy lại niềm tin nơi công chúng cho nhạc viện bằng một sô diễn âm nhạc mang tên *Cô gái đến từ Brighton*. Tuy nhiên, thị hiếu đám đông hiện tại đang ở mức giao thoa giữa đại nhạc hội loại ba và hài kịch rẻ tiền, thế nên ngay cả một tác phẩm như *Cô gái đến từ Brighton* cũng có vẻ quá trí thức (và nhiều khả năng ế), trừ khi Fox có thể tô điểm thêm bằng những chiêu trò truyền thông đặc sắc. Anh trả tôi 50 đô la một tuần (lúc đó là một mức lương khá ngon cho đại diện truyền thông), đổi lại tôi phải làm cả thành phố rung chuyển.

Tin tức đầu tiên chúng tôi đăng lên là Fox sẽ tuyển một dàn hợp xướng với những cô gái chưa có kinh nghiệm diễn. 4.000 cô gái cùng các bà mẹ đọc tin, và ngày hôm sau toàn bộ lực lượng cảnh sát phải đứng quanh nhạc viện để ngăn sức mạnh của tham vọng phụ nữ làm sập cửa nhạc viện. Đó là sự kiện thi thố đầu tiên trong chuỗi vô số các sự kiện thi cử hấp dẫn, làm toàn bộ những cô phục vụ chạy bàn và nội trợ dọn nhà bắt đầu mua đồ bó của diễn viên về làm loạn những ngôi nhà đang yên bình. Lúc đó sự kiện kiểu này là thứ gì đó mới mẻ, và trong số khán giả theo dõi các buổi diễn của chúng tôi, nhiều người là những cô đã bị loại. Họ đến xem những kẻ thắng cuộc có hơn gì họ không. Dĩ nhiên là hơn, vì thực ra những người thắng đều là diễn viên múa có kinh nghiệm của chúng tôi.

Chúng tôi cho diễn một vở khá kịch tính vào đêm mở màn. Một cô gái trong dàn hợp xướng đã kêu người tới bắt một ông lão ăn xin vì đã níu kéo cô. Sau đó, ở tòa, cô phát hiện ra đó là người cha thất lạc bấy lâu nay của mình. Thẩm phán tòa cảm động đến nỗi đã chân thành mời người ăn xin vào làm việc. Dĩ nhiên là ông ăn xin từ chối. Lão chỉ cần cục tiền tôi hứa sẽ trả sau khi diễn xong trò cha con này thôi. Đêm tiếp theo, ngay giữa buổi diễn, một phụ nữ chạy thẳng xuống sàn diễn và khóc với một trong những diễn viên múa ba lê: "Marge ơi, con em

đang hấp hối rồi!” Marge ngay lập tức nhảy như bay vào đêm lạnh, trên người vẫn mặc bộ đồ diễn phong phanh. Ở bệnh viện, người ta thấy cô ngồi khóc hết nước mắt bên cạnh một chiếc nôi em bé, xung quanh là một rừng máy ảnh. Đó là cảm giác tình mẫu tử duy nhất trong đời mà Marge được trải nghiệm, và để có được cảm giác đó, chúng tôi phải tìm thuê đứa bé.

Ngày hôm sau, một trong số những người đẹp của chúng tôi đi dọc đường số 5, cố ý hé lộ rằng mình đang mang ở cổ chân một cái đồng hồ đeo tay làm trang sức. Vào sáng ngày thứ tư, khi tình hình hơi ế, chúng tôi thông báo rằng mọi người sẽ tìm thấy tiền dưới ghế ngồi. Tôi cho đổi 150 đô la thành tiền xu. Thế là khán giả chen nhau đến sớm để lục cho hết tiền dưới tất cả các ghế ngồi.

Tuần thứ hai, Cecil Cunningham, một ngôi sao của đoàn, mất một chiếc nhẫn kim cương có giá trị lớn (mà chúng tôi mượn từ một cửa tiệm kim hoàn nổi tiếng). Trò này cũ rồi, nhưng khi gieo vào đúng chỗ, nó lại được xuất hiện trang trọng cả một cột rưỡi trên tờ *Times*. Một người vô gia cư già, râu ria xồm xoàm được tín nhiệm mang chiếc nhẫn đến phòng đăng tin mất đồ của báo này. Ông ta không chịu đưa nó cho ai trừ cô diễn viên Cunningham, và khi cô nàng đến, ông già vô gia cư kể một câu chuyện đời làm rung động trái tim cô. Ngay lập tức câu chuyện lên báo. Đó là một chuyện đầy cảm hứng về sự chân thành, rằng một ông già vô gia cư đã có thể cầm luôn chiếc nhẫn, nhưng lại rất thành thật trả lại chỉ để nhận 1.000 đô la tiền thưởng. Cho tới khi chiếc nhẫn về chính chủ, chúng tôi đã thuê hai anh thám tử mắt cú vọ đi theo ông già mọi lúc mọi nơi, còn phần thưởng 1.000 đô la đó được trao dưới dạng một tờ séc (mà chúng tôi đã báo ngân hàng ngăn không cho rút tiền từ trước). Cuối cùng, ông già lời hai đô la.

Vào đêm khác, khi hội chợ nông sản đang diễn ra ngon lành ở Madison Square Garden, tôi gặp một ông nông dân nửa say nửa tỉnh đang ôm dưới mỗi bên nách một trái bí đỏ lớn. Ông đang nổi quạu vì một điều gì đó mà một gã nào đó đã nói về Roosevelt. Tôi đề nghị chỉ cho ông nông dân người đã xúc phạm tổng thống, rồi dẫn ông thẳng đến cửa sân khấu rạp ngay lúc ông đạo diễn Jack Mason đang mặc đồ dạ hội và cúi chào một quý cô. “Thằng đó đó!” Tôi chỉ cho ông nông dân. Ông nông dân thả mấy trái bí xuống. Jack Mason biến thành bánh bí đỏ luôn. Ông nông dân bị bắt, bị phạt, và tờ báo sáng hôm sau có một bài hài hước về chuyện một ông say rượu không thích buổi diễn nên đã lao vào đập đạo diễn. Tất cả đều là những câu chuyện thực tế nóng sốt, khiến *Cô gái đến từ Brighton* không bao giờ chìm vào bóng tối. Sau một thời gian, mấy tay phóng viên quen mùi rồi, và thay vì chờ có chuyện xảy ra để lấy tin, họ sốt sắng gọi thẳng cho tôi: “Này Harry, vậy tối nay sẽ có chuyện hay ho gì nào?”

Làm việc cho Fox mang lại cho tôi một cảm giác an toàn mà thời gian làm với các gánh xiếc và ảo thuật gia không bao giờ có được. 50 đô la mỗi tuần, và cơ hội có thêm 25 đô la ngay trước mắt. Fox rất hài lòng với tôi, và tôi cũng thấy vậy. Tôi giờ có thời gian nghĩ về Cumberland, Maryland. Cha mẹ tôi đã chịu khổ suốt mấy năm nay, còn cái thì không có tiền gửi về. Tôi quyết định chuẩn bị sẵn một căn hộ, không nói lý do và mời cha mẹ lên New York chơi một chuyến. Tôi sẽ dẫn cha mẹ đi tham quan, vào rạp Fox miễn phí, ăn ở nhà hàng thượng hạng, và khi họ chuẩn bị về với những ngọn đồi Cumberland heo hút, tôi sẽ dẫn họ lên căn hộ đã được sửa sang lại ngon lành bằng gỗ tử đàn, rồi nói: “Đây là của cha mẹ. Đã đến lúc cha mẹ được nghỉ ngơi rồi.” Tôi có thể thấy mẹ tôi khóc khô cả mắt, còn cha tôi sẽ giả vờ phản đối: “Con nghĩ con có thể cho

cha vào nhà kho dễ vậy à?" Vừa nói, ông sẽ vừa ngồi trên chiếc ghế bành êm ái để khẳng định quyền sở hữu.

Nhưng tôi đã chẳng thể gặp lại cha.

Tôi thuê một căn hộ rồi bắt đầu sửa sang bằng đủ chương trình trả góp mà tôi lòng sục được. Tôi nhắc Fox lại về khoản tiền lương tăng thêm và hấn hẹn đến sau khi khai trương hai rạp mới ở Bronx. Một ngày trước ngày tôi gửi vé tàu về cho cha mẹ, tôi lại nhắc hấn. Hấn hẹn: "Harry này, tôi thật lòng không nghĩ có nhân viên truyền thông nào trên thế giới xứng đáng nhận lương hơn 50 đô la mỗi tuần đâu. Với số tiền đó tôi thuê được tới sáu anh nhào lộn!"

"Vậy anh cứ cho mấy tay nhào lộn đó làm truyền thông cho anh nhé!" Tôi trả lời, cố gắng sao cho có vẻ ngon lành. Trước khi rời đi, tôi làm bộ làm tịch thêm để khỏi thấy hụt hẫng: "Và nếu anh có muốn tôi quay lại, thưa anh Fox, giá của tôi sẽ là 1.000 đô la một tuần!"

"Tôi không cần thuê anh lại cho tới khi anh đáng giá 1.000 đô." Fox nói, không có vẻ gì là nao núng cả. "Và nếu thực sự anh xứng đáng mức lương đó, tôi sẽ sẵn sàng và vui vẻ trả!" Hấn bồi thêm một cú nữa.

Tôi bước ra ngoài với vẻ tự phụ, đóng sầm cánh cửa lại. Thế nhưng khi quay về căn hộ nhỏ đầy những đồ nội thất chưa trả hết tiền cùng với những giấc mơ tan vỡ, thì tôi lại cảm thấy có chút yếu đuối. Có lẽ là tôi hơi xốc nổi quá. Hên là chưa viết thư về cho cha mẹ. Tôi sẽ đợi đến lúc có việc khác. Một tuần trôi qua, tôi vẫn lờ mờ. Tôi ngồi cả mấy tiếng đồng hồ ngắm nghía những đồ nội thất ngon lành trong phòng, lòng tự hỏi làm sao trả tiền hết bây giờ. Căn phòng nhìn ra công viên gần Morningside Drive, mặt phía nam hướng về Cumberland.

Một ngày nọ, Ed Vry hàng xóm của tôi ghé qua rồi hồ hởi kể: “Harry, vợ tôi Emma đang nghiên cứu tâm linh. Cổ giở lắm. Ghé qua xem vợ tôi di chuyển cái bàn khắp nhà nhé!”

Tôi nhạo, pha chút cay đắng: “Có gì hay đâu! Anh ngồi đây ít lâu sẽ thấy giường của tôi này, ghế của tôi này, bàn của tôi này, tất cả sẽ biến mất luôn cho coi!”

Và tất cả biến mất thật. Công ty cho mua trả góp đã đưa đít xe tải vào cửa khu nhà. Hai tiếng sau tôi đứng giữa một căn hộ trống trải rộng rãi chỉ có độc bốn bức tường.

Từ đó về sau, chẳng còn một dịp nào khác để tôi xây một căn nhà nhỏ cho cha mẹ nữa. Không hiểu sao tôi có đủ thời gian cho mọi việc, trừ việc ấy. Trong những bước chân mạnh mẽ tiến lên trong sự nghiệp, nhịp điệu êm ả nhưng đều đặn của cảm xúc mềm yếu có vẻ không phù hợp, thế là tất cả đều bị quên lãng dưới gót giày. Tiến lên dần dần đã quá được xem trọng, đến nỗi việc nhìn lại phía sau để ôm lấy những ký ức xa xưa lại hóa thành những trò hoang tưởng trẻ con. Tuy nhiên, khi đời đi về cuối, đó lại là những giá trị duy nhất còn tồn tại. Đúng là sau này tôi có gửi cho cha mẹ tất cả những gì họ cần, và còn nhiều hơn thế nữa, nhưng tôi và cha mẹ dường như đang sống trong những thế giới tách biệt, và căn hộ nhỏ nơi cả nhà có thể gặp nhau giờ đây trở thành nơi mãi mãi không thể đến. Thay vì được nghỉ ngơi nhờ sự thành công, thì trách nhiệm đến ngày càng nhiều, đến nỗi công việc đã làm chủ tôi, làm tôi quên đi tất cả những điều quan trọng khác. Ngay trước Thế chiến I, tôi lên kế hoạch đi Cumberland. Rồi chuyển đi bị vỡ kế hoạch vì một cuộc gọi khẩn từ Washington. Vào đêm tôi lên tàu ra tiền tuyến thì cha tôi mất.

Quay lại thời điểm vừa mất việc. Tôi phải chứng minh cho tay Fox thấy rằng tôi sẽ không thất nghiệp mãi kiếp. Tôi gặp

Sime Silverman, vị phù thủy xứ Broadway, sở hữu một tờ báo về ngành biểu diễn. Ông có lợi thế trong các sự kiện nội bộ ngành. Ông nói với tôi rằng S. Z. Poli,¹ một trong những người có ảnh hưởng nhất các rạp ở New England, đang cần một người làm truyền thông, và sắp xếp cho tôi nhận việc.

Poli nói với tôi: “Tôi có rạp ở New Haven, Hartford, New Britain, và cả Springfield nữa. Nếu cậu chứng tỏ được thực lực ở Bridgeport, tôi sẽ dùng cậu ở những chỗ khác.”

“Thực lực” được ông đánh giá bằng tốc độ triệt tiêu đối thủ. 20 năm trước, sự độc quyền không được tạo nên bằng các đợt sáp nhập, mà từ các đợt đè đập. Bí mật tiềm ngòi của Poli rất đơn giản: Ngay khi đối thủ cạnh tranh lộ đầu ra, ông sẽ dùng mọi thứ, ví dụ như búa hay cuốc, đè rồi đập ngay cái đầu đó.

“Tôi đã kiểm soát Bridgeport nhiều năm rồi, nhưng giờ có một người mới tới mở rạp ở đây.”

“Ai vậy?”

“Tôi không biết. Một gã nào đó tới từ New York thì phải. Tên là William Fox.”

“Hừm hừm!”

Poli trả tôi 60 đô la một tuần, và nếu tôi làm cho Fox co vùi về New York, tôi sẽ được thêm 25 đô la thưởng mỗi tuần.

“New York đủ lớn cho mười người, nhưng Bridgeport quá nhỏ cho chỉ một mình tôi. Đúng không?” Poli muốn nói vài câu cho lương tâm tôi khỏi cắn rứt. Làm như tôi có cắn rứt ấy!

¹ Sylvester Zefferino Poli (1858 – 1937), người Mỹ nhập cư gốc Ý, là cá nhân sở hữu chuỗi rạp hát lớn nhất thế giới vào năm 1916.

Đây không phải là kinh doanh theo cách nghĩ hiện đại. Đây là chiến tranh. Một kiểu chiến tranh du kích, sinh ra từ tâm lý cạnh tranh. Cách đầu tiên và hiệu quả nhất để hạ gục đối thủ là mở chiến dịch thăm thò. Bắt đầu có tin đồn ở Bridgeport rằng rạp Lyric của Fox xây không an toàn, và nền đất chỗ đó là cát lún. Máy gã thông thái nghe được tin này từ chuyên gia, chuyên gia thì quen ai đó có chức quyền ở sở xây dựng, tay chức quyền nghe đâu đó phong phanh rằng Lyric sẽ sập. Người ta không thể ngờ rằng một con người thông minh như Fox lại mua phải một tòa nhà tào lao như thế.

Đây là đòn tung hỏa mù và tấn công bằng hơi ga đầu tiên. Sau đó là xe tăng. Tôi nghe rằng Fox mở rạp với một công ty cổ phần do Eleanor Cleveland đứng đầu, và lão đã đặt hai vở *Divorçons* và *Dưới bầu trời phương Nam*. Ngày trước khi lão thông báo chính thức với báo chí địa phương, chúng tôi cho chạy một quảng cáo nửa trang báo, với một thông điệp từ Poli gửi cho những khán giả đi xem rạp. Ông viết rằng ông muốn cảm ơn những vị khán giả đã yêu cầu ông cho hồi sinh *Divorçons* và *Dưới bầu trời phương Nam* mùa đó, nhưng cả hai vở này đã quá cũ và diễn quá nhiều ở Bridgeport rồi, đến nỗi cả nửa cái thị trấn đều thuộc từng diễn biến. Vì lý do đó, ông không cho diễn nữa. Ngày hôm sau, rạp của Fox thông báo mở diễn vở *Divorçons* và dẹp luôn sau một tuần. Vở còn lại không bao giờ được diễn.

Để phản đòn, cô Cleveland đâm đơn kiện tôi, đòi đền bù 50.000 đô la. Theo luật Connecticut, tôi phải chịu sự quản thúc của cảnh sát trưởng cho tới khi có tiền thế chân cho khoản 50.000 đô la kể trên. Suốt hai ngày, cảnh sát trưởng bám riết lấy tôi. Hẳn ăn ngủ, còn tôi phải trả tiền. Chỉ trừ việc ngủ trên đùi tôi là hẳn chưa làm thôi. Rồi Poli từ New Haven về, cho đại diện đặc biệt đến gửi tiền thế chân. Ngay khi tôi đã được tay

cảnh sát trưởng ra, tôi đâm đơn kiện ngược lại Cleveland, đòi bồi thường 100.000 đô la. Thế là cảnh sát trưởng lảng vảng ở phòng ngủ cô nàng suốt đêm. Hắn đi theo cô nàng lúc ăn sáng, lúc đi dạo mua sắm, thiếu chút nữa là diễn thay cô nàng luôn. Cô nàng chịu không nổi, cho quản lý tới đàm phán với tôi rằng sẽ rút đơn kiện nếu tôi cũng rút đơn. Hai bên đồng ý, và người duy nhất chịu thiệt hại là tay cảnh sát trưởng: giờ hắn phải ngủ ở nhà và tự trả tiền ăn. Toàn bộ cuộc chiến được đăng đầy đủ trên báo, và bài nào cũng ghi rõ rằng rạp Lyric đang cho diễn những vở cũ rích. Cuộc xâm lăng của Fox chết yểu thảm hại.

Cuộc chiến kéo dài sáu tuần, còn tôi thì lãnh một khoản thưởng 150 đô la. Nhưng ngay khi Poli đẹp được lão Fox, thì mục tiêu tiếp theo của lão là tôi. “Cậu quá giỏi để lãng phí tài năng ở một thị trấn nhỏ như vầy Harry à. Nơi xứng đáng với cậu nhất là New York! Tôi báo cậu trước hai tuần rồi đấy nhé.” Giống hệt kiểu Crispo “mời” tôi đi khỏi Uruguay. Làm gì có sự thân thiện chân thành ở cái gánh xiếc đời!

Tôi bỗng nhớ lại trò quay bánh xe trúng thưởng ở sô diễn Bostock & Ferrari. Tay quay số làm như bao giờ cũng suýt trúng, nhưng thực ra hắn kiểm soát tất cả bằng một sợi dây gắn dưới bàn, có thể ngừng bánh xe chỉ bằng một cú đẩy bụng nhẹ. Cơ bản là hắn chỉ cần thở sâu một chút là xong. Kỹ thuật này được gọi là *quay mồi*. Nhà cái dễ dàng xén bớt tiền của người chơi, muốn xén bao nhiêu thì xén bấy nhiêu, và mỗi lần như vậy hắn chỉ cười nhẹ nhàng vui vẻ. Sau khi người chơi mất hết tiền mặt, đôi khi lên đến 600 đô, người chơi thường bắt đầu chơi bằng séc và mất thêm 300 đô. Nhưng rồi tay nhà cái tên Curly rút tờ séc ra khỏi túi và nói một cách vô cùng chân thành: “Anh chơi được, tôi thích anh. Anh mất tiền mặt đủ rồi, tôi không lấy séc của anh nữa đâu!” Và hắn xé tờ séc. Người chơi ra về, lòng biết ơn và cảm động vô hạn. Nhưng rồi sáng hôm

sau Curly chạy ngay đến nhà băng rút séc ra. Thì ra hần xé mấy tờ giấy vớ vẩn trong túi lừa mấy *thằng gà*. Tại sao hần phải làm như vậy? Vì nếu người chơi biết Curly đang cầm séc thật, họ sẽ ra ngân hàng và làm lệnh cấm rút tiền.

Tôi cảm giác Poli đang chơi trò quay mồi với tôi, nên tôi sẽ chơi một cú ăn theo Curly. Chủ nhật ấy tôi đi Springfield, giả làm đối thủ của Poli ở thành phố ấy và đánh điện về cho chính tôi. Nội dung bức điện như sau: “Anh có muốn điều hành rạp của chúng tôi ở đây không?—Goldstein Bros.” Rồi tôi gửi một bức điện khác, hẹn mười ngày sau mới gửi, nội dung là: “Chúng tôi đồng ý các điều kiện của anh. Khi nào anh báo cáo?”

Poli hay có thói quen đi dạo vòng vòng các rạp vào thứ tư, và trước khi lão đến, tôi cẩn thận đặt úp cả hai bức điện trên bàn, dưới một lọ mực. Tôi lấy lý do rời văn phòng, khi về thì phát hiện cả hai bức điện vẫn lập úp, nhưng lọ mực đã bị lệch đi. Lão đọc rồi. Lão bắt đầu nói chuyện kiểu bình thường với tôi:

“Harry này, cậu sẽ làm gì sau khi rời đi?”

“Ồi đừng nhắc đến thì hơn.”

“Tôi nói rồi, cậu thuộc về New York.”

“Tôi chả biết nữa. Tôi không quyết được. Tôi được mời đến New England và cả St. Louis nữa.”

Đúng là tôi có nhận được lời mời đến St. Louis từ Dan Fishel, một người làm gánh xiếc lúc trước. Tôi đánh điện lại bảo rằng tôi muốn lương 100 đô la một tuần. Ông ta trả lời “OK” nhưng lại chết ngay ngày hôm sau. Ban đầu tôi nghĩ rằng cái mức lương tôi đề xuất làm ông ta đột tử, nhưng sau đó thì biết là ông bị tâm thần nặng. Suốt thời gian ấy ông chỉ làm mỗi

việc viết thư mời tất cả bạn bè cũ về làm việc với mức lương trên trời.

Poli cứ khẳng khẳng là New York cần tôi. Lão mời tôi đến một căn nhà sang trọng ngoại ô, cho tôi ăn, nịnh nọt tôi, cho tôi khi tôi thừa nhận rằng Goldstein Brothers mời tôi làm sáu tuần với mức lương 75 đô la mỗi tuần. Lão mừng lắm, và đã cảm thấy an toàn: Lão có thể trả tôi mức lương đó để làm mỗi một việc là về nhà ăn no ngủ kỹ.

“Nhưng còn chi phí dòi đi 35 đô la của tôi?”

“Tôi trả luôn!”

“Còn vé tàu tôi mua rồi?”

“Tôi trả hết!”

Lão viết séc 500 đô la, đủ số tiền mà lão nghĩ tôi sẽ kiếm được ở Springfield.

Lão thì thầm, nháy mắt: “Cậu thấy đó, tôi không muốn có bất kỳ bãi cát lún nào dưới rạp của mình đâu!”

Tất cả những chuyện này diễn ra trong một thời đại thông minh và nhạy bén—năm 1911.

Bảy năm sau, tôi gặp lại William Fox ở khách sạn Astor. Hắn vừa mới chiếu một bộ phim tên *Trên ngọn đồi đến trại tế bần* và mời tôi đến xem: “Xem thử rồi gọi tôi.”

Đêm đó tôi dính vào một vụ ẩu đả, nhưng vợ tôi có đến xem. Nàng nói: “Hấp dẫn đó, có thể sẽ đột phá.” Ngày hôm sau, tôi gọi Fox.

“Rồi anh nghĩ sao?”

“Hấp dẫn đó, có thể sẽ đột phá.”

“Chính xác là thứ tôi muốn nói!”

Tôi đến văn phòng hắn, và hắn chỉ vào cái bàn đối diện: “Harry này, bàn của anh đó. Anh sẽ nhận 500 đô la mỗi tuần, và việc của anh là làm bộ phim đột phá như anh nói.”

“Xin lỗi anh Fox. Nhưng lương của tôi sẽ là 1.000 đô la.” Suốt tám tháng trước đó, tôi đã có mức lương đó thật.

“Hả?” Hắn đứng dậy, kiểu như cuộc phỏng vấn đã đi đến hồi kết.

Tôi nói nhẹ nhàng: “Nếu anh nhớ lại khi chúng ta có một cuộc cãi nhau nho nhỏ vài năm trước, tôi đã nói rằng nếu quay lại thì tôi sẽ lấy 1.000 đô la. Anh nói nếu anh mời tôi về thì anh sẽ trả mức đó.”

“Nghe này Harry,” hắn đáp, gõ gõ lên bàn lấy sự tự tin, “nếu tôi đủ điên để trả anh 1.000 đô la một tuần, thì chắc anh phải thuê cho tôi một phòng ở cửa hàng tạp hóa Bloomingdale’s để ngủ qua đêm luôn đấy!”

“Ừm, nếu tôi không đạt được chỉ tiêu, tôi sẽ ở chung với anh luôn.”

Chúng tôi giành qua giật lại từng câu từng chữ, từ gõ nhẹ đến đập ầm ầm trên bàn ghế cho tới khi cả hai khan cổ và ướt đầm mồ hôi. Cuối cùng hắn đồng ý trả 1.000 đô la mỗi tuần suốt sáu tuần, và sau đó hắn gia hạn hợp đồng thêm 27 tuần.

Vấn đề cốt lõi của *Trên ngọn đồi đến trại tế bần* là chỗ ngồi trên ban công thì đông nghịt, nhưng chỗ ngồi chính thức lại chả có ai. Vấn đề thường gặp của Broadway là làm đầy khu vực ban công chứ không phải là chỗ ngồi chính thức giá cao. Nhưng đối với phim này, nó lại không thu hút tầng lớp khá giả. Đề xuất đầu tiên của tôi là thu gọn tiêu đề lại còn *Trên ngọn*

đôi và bỏ đi phần trại tế bần. Bước tiếp theo là đập dồn dập các chiến dịch quảng cáo để thu hút người khá giả bằng các lời nhận xét tốt từ những cái tên nổi tiếng. Bước thứ ba là một sê-ri sự kiện đường phố rẻ tiền.

Tôi cho hai anh da đen “vô tình” làm vỡ một bức tranh *Trên ngọn đồi* đóng khung kính ngay trước cửa khách sạn Astor. Đám đông bu quanh suốt một giờ đồng hồ nhìn một anh cảnh sát bắt hai anh da đen nhặt từng mảnh vụn kính cho đến hết. Anh da đen khóc ròng cứ như sắp bị mất việc đến nơi. Thế là người qua đường quyên góp cho anh. Một lần khác, lại hai anh da đen đó “lỡ tay” làm sút dây và rơi 5.000 đô la tiền xu ra đường. Ai ai cũng biết đó là tiền vé rạp của phim *Trên ngọn đồi*. Nhưng chiêu thu hút đám đông cuối kết hợp với quảng cáo mới là hiệu quả nhất.

Cứ mỗi đêm lại có 12 cặp đôi mặc đồ dạ hội, đứng thành nhóm ba cặp, mỗi cặp đứng ở một góc ngã tư quanh rạp hát, khu vực giao giữa đường số 42 và đường số 15. Những người này đều xinh đẹp và thu hút, với lựa là gấm vóc của tầng lớp đỉnh cao New York. Họ ra về đang chọn phim để xem. Mỗi nhóm đều diễn đi diễn lại một trò: Ở mỗi trung tâm đông người, họ sẽ bàn thảo lớn giọng hết mức có thể rằng nên đi xem phim *Sally* như Ethelbert đề xuất, hay đi xem phim *Trên ngọn đồi* theo ý của Millicent, một bộ phim mà anh chàng này cho rằng là tuyệt tác số một thế giới. Cuộc tranh luận bắt đầu nóng dần, và nhóm này khiến đường phố kẹt cứng hàng trăm người đứng quanh theo dõi. Họ chẳng bao giờ đi đến thống nhất cho tới khi một anh cảnh sát len lỏi vào trong và thốt lên: “Trời ơi, đi chỗ nào đó khác để đường sá thông thoáng coi!” Rồi họ đến góc ngã tư tiếp theo tranh luận tiếp.

Khi mấy người này đến rạp Lyric (nơi đang chiếu *Trên ngọn*

đôi), thì cả ngàn người đã nghe chuyện, và cũng vài trăm người đi theo. Họ vào rạp, lên ra cửa sau, mỗi người mỗi ngã. Sau khoảng ba chuyển như vậy, họ đổi vai thành người mua vé. Họ gọi đến đặt một lượng lớn vé từ mười đến 16 ghế. Mỗi khi có đơn hàng như vậy, rạp nhận ra dấu hiệu và trả lời: "Xin lỗi, chúng tôi không còn đủ vé nữa." Mấy anh trí thức buôn vé kia sẽ giả vờ không muốn xem phim nào khác, và lớn tiếng thông báo rằng nếu hôm nay không xem được, thì họ sẽ nhất quyết phải xem cho được *Trên ngọn đồi* vào một buổi khác.

Đôi lúc, tôi sẽ cho một quý ông có tuổi đi theo đoàn. Ông mang máy trợ thính bên tai, và một cô nàng xinh xắn cứ luôn miệng hét lớn: "Cậu ơi, mình đi coi *Trên ngọn đồi* nha!" Ông cậu không nghe cô cháu gái nói gì, nhưng tất cả mọi người khác đều nghe rõ từng chữ. Đó là chiêu gieo ý tưởng khởi nguồn đơn giản nhất vào đầu đám đông công chúng, và hiệu quả bất ngờ. Từ mức doanh số dưới 300 ghế VIP hàng tuần, chỉ sau một tuần con số này nhân đôi, và sau đó các ghế đều chật kín. *Trên ngọn đồi* chiếu suốt hơn một năm ở New York và trở thành bộ phim mang về doanh thu nhiều nhất trong năm.

William Fox giờ đã biết được rằng ngôi sao điện ảnh không phải là những người duy nhất có thể hôm nay nhận lương ba đô la và ngày sau đòi lương 1.000 đô la. Nhưng trước khi tôi có vinh hạnh trở thành tay truyền thông được trả lương cao nhất thế giới, thì phép màu phải xảy ra đã. Đó là phép màu biến ngành điện ảnh từ máy chiếu bóng với đủ thứ kính ống kính trở thành những cuộn phim gelatin có thể khiến hình ảnh nhảy múa trên màn bạc. Trước khi có điện ảnh, tôi đơn giản là chỉ sống như bao người. Sau khi ngành điện ảnh được khai sinh, tôi bắt đầu có sự nghiệp của riêng mình.

CHƯƠNG X

Thuở ban sơ của ngành điện ảnh

Ngày xưa ngày xưa có một người đi dọc bờ biển dài vô tận để tìm kiếm giữa vô vàn những hòn sỏi một viên đá phù thủy có khả năng biến kim loại thành vàng. Người này mang một vòng dây xích bằng sắt quanh cổ, và cứ nhật được viên đá nào, ông lại chạm vào vòng cổ để xem liệu phép màu có xảy ra hay không. Từ sáng đến đêm, qua bao nhiêu năm, người ta thấy bóng ông trên nền trời đổi sắc, không ngừng nhật đá, thử nghiệm rồi lại thất vọng ném sang một bên. Không một viên đá nào có tác dụng với vòng sắt cả. Thế nhưng ông vẫn cứ tiếp tục, không bước đi nữa, mà bò bằng bàn tay và đầu gối; chỉ nhìn, không còn suy nghĩ nữa; cứ tiếp tục cúi người, kiểm tra, ném sang một bên, vẫn hào hứng đến gần như điên loạn. Cuối cùng, khi ông đã quá mỏi mệt, thất vọng và chuẩn bị quay trở về nhà, thì ông chợt phát hiện rằng vòng dây của mình đã hóa vàng tự bao giờ. Nhưng oái oăm thay, ông không thể biết hòn đá nào trong hàng triệu triệu hòn đá trên bãi biển đã tạo nên phép màu này.

Đó cũng là câu chuyện của ngành phim ảnh. Nhà sản xuất

và các ngôi sao bắt đầu với một vòng xích sắt, cuối cùng vòng sắt ấy biến thành vàng, nhưng chẳng ai hiểu vì đâu.

Vào năm 1913, tôi đến văn phòng một công ty phim ở toà nhà Times để ứng tuyển làm nhân viên truyền thông. Văn phòng chỉ là một căn phòng nhỏ, với một cái cửa kéo nhỏ chia phòng ra làm hai, một bên đặt bàn của giám đốc, một bên là lối vào và tiếp khách. Giám đốc không có thư ký, không có tiếp tân hay trực điện thoại, anh ta chỉ việc kéo cái cửa ra một bên là có thể tiếp khách luôn. Anh là một người nhỏ con, lịch sự, tóc ngắn, mắt sáng ngời. Khi tôi nói rằng công việc trước của tôi cũng là nhân viên truyền thông, thì giọng anh có vẻ lo lắng:

“Lương anh muốn bao nhiêu?”

“Tôi chỉ lấy 100 đô la một tuần thôi.”

“Vây là còn nhiều hơn lương tôi nữa!” Anh cười to. Với một cú rung vai, anh biến mất ngay đằng sau bàn làm việc. Rõ ràng là 100 đô la một tuần đối với anh là một khoản tiền viễn vông mà chỉ có giám đốc ngân hàng mới cầm được. Ngành điện ảnh lúc đó còn nhỏ bé hơn kinh doanh sân gôn mi-ni nữa. Cuộc phỏng vấn kết thúc chóng vánh, và tôi bỏ về. Nhưng tôi chợt nghĩ, nếu chẳng còn gì khá hơn, ít nhất cũng nên nhớ tên của người này, nên đã cầm danh thiếp về. Trên danh thiếp ghi: “Công ty Dân Chơi Nổi Tiếng¹—Adolph Zukor,² giám đốc.” Tôi rất bất ngờ với cái danh xưng nổ lụp bụp này, vì công ty chả nổi tiếng mà cũng chẳng có dân chơi nào cả.

¹ Công ty Famous Players Film, thành lập năm 1912 bởi Adolph Zukor. Năm 1916, Công ty Famous Players Film hợp nhất với công ty của Lasky bên dưới, là tiền thân của hãng phim Paramount Pictures ngày nay.

² Adolph Zukor (1873 – 1976), ông trùm điện ảnh Mỹ, một trong những người sáng lập ra Paramount Pictures.

Ngay sau đó, tôi kiếm được một chỗ làm lương 60 đô la một tuần ở công ty của Lasky,¹ đối thủ của Zukor. Văn phòng cũng khiêm tốn chẳng kém. Nhân viên của Lasky² gồm chính Lasky, tôi, và ông em rể Sam Goldwyn (người sau này trở thành linh hồn của hãng Goldwyn). Jess Lasky trước đó kiếm cũng khá nhờ một vở đại nhạc hội tên *The Pianophiends*, gồm tám tay nhạc công đàn piano đập ầm ầm trên một sàn diễn toàn phím ngà. Không ai biết vì sao anh chàng lại bỏ một ngành ăn nên làm ra để đầu tư hết tiền tiết kiệm 10.000 đô la vào phim ảnh. Khi tôi vào làm thì công ty đang tiến hành sản xuất phim đầu tiên tên *Chàng da đỏ*. Bộ phim hứa hẹn sẽ nhanh chóng làm nhà sản xuất tàn đời. Phim được quay ở một chuồng ngựa sơn màu trắng trên Đại lộ Hoàng Hôn, Los Angeles. Đạo diễn phim là một anh chàng lính mới tên Cecil De Mille,³ chả biết tí gì về phim ảnh. Hắn đã cho quay phim bằng hai loại cuộn phim khác nhau cả về chủng loại lẫn kích cỡ. Khi phim được dựng xong, người ta thấy cảnh lúc thì bay xuống dưới đất, rồi lúc thì bay ngay lên trên trần nhà, chỉ duy màn bạc ngay chính giữa thì nó không chiếu trúng được mấy lần. Ngoài sai lầm nho nhỏ này thì hoạt động đạo diễn của De Mille rất ổn. Từng đồng Lasky tích góp được có vẻ như đã được De Mille đốt rất sạch sẽ. Trừ khi Lasky tìm ra cách gọi vốn thêm được 3.000 đô la để hoàn thành phim, sai thì sai mặc kệ, sau đó chỉnh sửa lại sau, còn không thì mọi công sức coi như đổ sông đổ bể hết.

¹ Công ty Feature Plays, sáng lập năm 1913.

² Jesse Louis Lasky (1880 – 1958), ông trùm điện ảnh Mỹ, một trong những người sáng lập ra Paramount Pictures.

³ Cecil Blount DeMille (1881 – 1959), nhà sản xuất, đạo diễn, biên kịch, diễn viên nổi tiếng người Mỹ. Do đây là thời mà phim ảnh mới ra đời, nên cũng dễ hiểu vì sao De Mille mắc nhiều lỗi khi quay.

Tôi chạy vòng vòng New York tìm cách gọi thêm tiền. Lasky sẵn lòng bỏ phần lớn cổ phần công ty để có 3.000 đô la này. Tôi nghĩ rằng nhóm nhà sản xuất phim và vở diễn các loại là phù hợp nhất để góp vốn. Tôi tiếp cận Arthur Hopkins và Sam H. Harris. Họ từ chối ngay lập tức với vẻ khinh thường rằng họ không muốn dính dáng tới mấy bộ phim mì ăn liền. George M. Cohan và B. F. Albee bảo việc mấy nhà sản xuất các ngành ăn xối ở thì phá sản không phải việc của họ. Hồi đó phim ảnh được xem là ngành ăn xối ở thì. Những rạp lớn nào dám chiếu phim trên màn bạc chỉ ba phút thôi, là bảo đảm khán giả tẩy chay luôn.

Đối diện văn phòng của chúng tôi là văn phòng của Harry Frazee, lúc đó đang ở thời hoàng kim với những buổi diễn có sự tham gia của *Madame Sherry*. Nghe đề xuất của tôi xong, hắn phản ứng theo cách phũ phàng hình: “Tôi chẳng muốn dính với mấy thằng điên đâu.”

Cuối cùng thì tôi thuyết phục được một người: Harry Cohen,¹ giờ đang làm cho hãng Columbia Pictures.² Anh ném vào đó 3.000 đô la tìm vận may. Bốn tháng sau, anh bán hết cổ phần với giá 55.000 đô la, thở phào nhẹ nhõm và chắc chắn là có tự hào rằng mình thông minh quá, nhìn xa quá. Nhưng nếu anh đợi thêm sáu tháng nữa, thì đồng cổ phần đó chỉ ít cũng cả triệu đô la...

Cú giải thoát cho bộ phim *Chàng da đỏ* đã đánh dấu sự khởi

¹ Harry Cohen (Harry Cohn; 1891 – 1958), nhà sáng lập, tổng giám đốc, nhà sản xuất và đạo diễn sản xuất của hãng Columbia Pictures.

² Columbia Pictures, sáng lập năm 1918 bởi Harry Cohen, Jack Cohen, và Joe Brandt với tên Công ty CBC Film Sales. Ngày nay, Columbia thuộc sở hữu của Sony, và Columbia Pictures nay được biết đến với tên Sony Pictures.

đầu sự nghiệp của Lasky. Tuy nhiên gọi được 3.000 đô la chỉ là bước đầu. Vào lúc đó, nhà sản xuất phim không có đại lý trực tiếp cận công chúng. Họ phải bán quyền theo vùng địa lý cho các đại lý cấp một ở mỗi bang. Lasky đã ký hợp đồng, buộc phải giao phim vào đúng thời hạn, nếu không thì hợp đồng sẽ bị hủy. Tuy *Chàng da đỏ* không hoàn hảo, đôi chỗ còn lộn chột, nhưng đó không phải là vấn đề chủ yếu: vấn đề bây giờ là phải giao đúng hạn chót, còn không thì phải trả hết tiền cọc cho họ. Mà tiền cọc thì chúng tôi đốt làm phim hết rồi.

Tôi thức cả đêm ở sân ga Jersey để đợi phim chuyển về. Đó là một đêm đông lạnh giá tháng Hai, dây điện tín bị tuyết thổi hỏng, đường ray nằm sâu một mét dưới tuyết. Cay một nổi, tuyến tàu Erie, con tàu đang chứa mấy cuộn phim, đang bị vùi hẳn dưới tuyết. Không phần nào trong phim *Chàng da đỏ* hồi hộp, đau tim và hấp dẫn bằng giai đoạn gọi vốn, sản xuất, và giao phim cho đại lý. Cả ngày lẫn đêm thứ hai, tôi đợi dưới sân ga, trông mong có dấu hiệu một con tàu nào đó xuất hiện. Mỗi giờ bị hoãn mang chúng tôi lại gần hơn vực sâu thảm bại. Rạng sáng ngày thứ ba, khi có vẻ như tuyến Erie đã quyết định đợi tới hè mới chạy lại, thì bỗng một khối băng rực rạch di chuyển, kèm theo là một đám khói đen. Con tàu chạy tuyến Erie thò khò khè rồi rú một hồi dài chiến thắng trước những tảng tuyết. Khi đó tàu mới chỉ trễ 72 giờ. 20 đô la trao từ tay tôi sang tay một người nào đó, ngay lập tức toa chở bưu phẩm rời ra, hộp đựng phim được dỡ xuống ngay. Tôi đem giao đến rạp Loew ở Broadway, nơi những đại lý đang hào hứng tập trung chuẩn bị chờ chúng tôi trễ hạn rồi rủ nhau gọi luật sư đi kiện một lượt. Năm tuần sau, các bản phim được đổi lại. Bản phim mới là do nhà sản xuất Lubin đến từ Philadelphia dựng lại từ đầu, cho diễn lại các cảnh bị chê và xóa hết những phần quay lỗi. *Chàng da đỏ* đạt doanh thu khủng và cứu mạng Lasky. Anh tiếp tục

với phim *Triệu đô của Brewster* và dần dần tự kiếm cho mình được gần triệu đô thật.

Chỉ trong vòng chưa đầy hai năm, sau một chiến dịch cạnh tranh khùng khiếp chả đi tới đâu, thì Lasky và Zukor lại về với nhau. Họ tung đồng xu để quyết định xem tên của công ty sau sáp nhập là “Dân Chơi Nổi Tiếng-Lasky” hay “Lasky-Dân Chơi Nổi Tiếng.” Lasky chọn sáp và nó ra ngựa.¹ Nhờ sức mạnh của phi vụ sáp nhập khùng này, văn phòng công ty tự động mở rộng thành hẳn hai phòng, nhân viên gồm có tôi, lúc này lương được nâng lên 100 đô la một tuần. Samuel Goldwyn và tôi lẽ ra phải cưa đôi việc, nhưng hẳn đập hết cho tôi. Suốt cả ngày, tôi sẽ làm thư ký cho tất cả mọi người; vào buổi tối, tôi trở thành nhân viên giao hàng, chuyển mọi thứ từ thư từ, hợp đồng cho đến vật phẩm truyền thông. Sau một thời gian, công việc làm ăn khá khẩm đến nỗi họ thuê hẳn một cô nhân viên viết tốc ký.

Một sáng nọ, tôi đang ngồi ở bàn làm việc ở phòng ngoài thì nghe một tiếng *buzz*. Tôi sang phòng bên và thấy Goldwyn đang ngồi bệ vệ và khó chịu trên ghế giám đốc.

Tôi hỏi: “*Buzz buzz* là sao đó?”

Hắn nói giọng nghiêm nghị: “Ở đây cần làm việc có năng suất. Bây giờ một tiếng *buzz* là tôi muốn em nhân viên kia cầm

¹ Thực ra mọi chuyện diễn ra như sau: Công ty của Zukor và của Lasky ký hợp đồng phân phối với hãng Paramount Pictures với tỷ lệ ăn chia 65-35 (nhà sản xuất nhận 65%, Paramount phân phối và nhận 35%). Sau đó, Zukor và Lasky nhận ra rằng mình có thể tăng lợi nhuận bằng cách thôn tóm Paramount. Họ tiến hành thôn tóm thù địch, và sau khi hoàn tất, hai hãng Famous Players (Dân Chơi Nổi Tiếng, theo như cách gọi của Harry) và hãng của Lasky sáp nhập, lấy tên Famous Players-Lasky. Vào năm 1927, hãng đổi tên lại thành Paramount Famous Lasky, sau đó đổi tên thành Paramount Pictures. Paramount Pictures hiện thuộc sở hữu của Viacom.

hồ sơ sang, hai tiếng *buzz* là anh phải sang.”

Tôi nhìn hắn, không nói gì và đi ra. Sáng hôm sau vào đúng tám giờ sáng, tôi vào văn phòng với một anh thợ điện, tháo cái chuông ra và chuyển nút bấm lên bàn tôi. Vào lúc mười giờ, khi Goldwyn đi vào văn phòng bên trong, tôi *buzz* một phát. Hắn đi ra, vẻ khó chịu và bối rối.

Hắn hỏi: “*Buzz buzz* là sao đó?”

“Ở đây cần làm việc có năng suất. Vì tôi làm hết việc luôn rồi, nên nếu có ai *buzz* thì anh sẽ chạy ra trả lời chứ không phải tôi, vậy nhé!”

Hắn xem như đây là một trò đùa vô hại giữa đồng nghiệp với nhau, và hai bên quyết định bỏ luôn cái chuông.

Đó là những năm bản lề của ngành công nghiệp phim ảnh. Mọi người cùng mò mẫm. Không ai biết thứ gì cả. Những tay sừng sỏ ở rạp hát đều đoán sai về phim, thế nên hắn là những tay sừng sỏ ngành phim sẽ đoán sai về tất cả những gì xung quanh ngành chính của mình. Lasky hứa cho tôi một mớ tiền thưởng ngon lành cho mỗi diễn viên có tố chất thành sao mà tôi tìm được. Ứng viên đầu tiên của tôi là một anh diễn viên kịch, nhìn chung là vô danh nhưng trông khá hứa hẹn với tôi. Tôi sắp xếp cho anh gặp Lasky và Goldwyn. Lasky không nghĩ anh này đóng phim giỏi, nhưng cũng muốn thử. Tuy nhiên Goldwyn phủ quyết luôn vì anh này có vết chàm ở má, cho nên sẽ không ăn ảnh. Hai năm sau, Lasky và Goldwyn trả cho chính anh diễn viên này 10.000 đô la một tuần. Tên anh là Douglas Fairbanks.¹

¹ Douglas Fairbanks (Douglas Elton Thomas Ullman; 1883 – 1939), diễn viên, đạo diễn và nhà sản xuất phim nổi tiếng người Mỹ.

Lựa chọn tiếp theo của tôi là một diễn viên sân khấu nổi tiếng nhưng đang lưỡng lự không biết nên đóng phim hay không. Cô nói rằng từ trước đến nay cô chưa từng xem được một bộ phim nào ra hồn. Tôi cũng thế thôi, nhưng tôi cũng muốn lãnh thưởng nữa. Tôi đề xuất một mức lương hấp dẫn: 750 đô la một tuần, cam kết trong suốt 15 tuần. Cô chỉ nhận 400 một tuần khi diễn sân khấu, nên đề xuất này hấp dẫn lắm. Tuy vậy, Lasky và Goldwyn thì không có cùng sự hứng thú ấy. Họ không chịu phần cam kết trả suốt 15 tuần, nên hợp đồng không đạt. Sáu tháng sau, tôi cho cô ký hợp đồng với Zukor. Bộ phim đầu tiên của cô, *Cô gái chặn ngõ*, ngay lập tức bay cao. Cho tới khi nghỉ đóng phim, Marguerite Clark¹ đã nhận lương 6.000 đô la mỗi tuần.

Lần thứ tìm phần thưởng thứ ba và cũng là cuối cùng của tôi là một cô gái trẻ vô danh tôi đã thấy diễn trong một vở hài của hãng Vitagraph² tên *Lòng tốt thanh tao*. Khi đó cô đang nhận 50 đô la một tuần, và sẽ vào làm ở hãng của Lasky nếu được tăng thêm 50 đô la. Nhưng Lasky không chịu tăng. Từ từ Zukor mời cô về với mức lương 7.000 đô la một tuần, cộng thêm 25% lợi nhuận. Cô gái trẻ này, Clara Kimball Young,³ trở thành một trong những con người tài năng nhất mà ngành điện ảnh từng có.

Thật tức cười khi những nhà tiên phong ngành phim ảnh chẳng biết chút gì về công chúng nhưng vẫn xem mọi thứ như

¹ Marguerite Clark (Helen Marguerite Clark; 1883 – 1940), diễn viên nổi tiếng người Mỹ, một trong hai nữ diễn viên hàng đầu thời bấy giờ.

² Công ty American Vitagraph, sáng lập năm 1897 bởi J. Stuart Blackton và Albert E. Smith. Năm 1925, hãng này bị Warner Bros. mua lại.

³ Clara Kimball Young (1890 – 1960), một trong những diễn viên hàng đầu thời đại phim câm ở Mỹ.

một trò đùa. Khi tôi đi quanh các văn phòng tòa soạn để thu hút sự chú ý cho một bộ phim mới, suýt nữa thì tôi bị người ta cười vào mặt, văng từ tầng tám xuống đất. Phim ảnh lúc bấy giờ không phải là một thứ ngớ ngẩn, mà là thứ ngớ ngẩn hơn cả ngớ ngẩn. Tuy nhiên may mắn sao, một số công ty lớn nhất nước cũng khởi đầu như một trò hề. Và rồi cuối cùng, chúng tôi cũng vượt qua và khẳng định mình bằng chính những trò hề.

Hãng tàu Erie luôn in những câu tự trào phía sau bảng hành trình. Nhân viên Erie hay nói với nhau kiểu: “Anh nghe tin gì chưa? Không ai muốn gửi một cái xác theo tàu này, vì sợ cái xác không đến được ga đến trước ngày hồi sinh!” Người còn lại sẽ nói kiểu: “Sao chứ hả, tôi có đọc là một hành khách kia đợi tàu Erie đến chết đói luôn ấy!”

Trong số những câu đùa về Erie, có một câu chuyện nổi khắp thế giới. Chuyện là có thông báo rằng ở Corning, New York, có một chuyến tàu đến đúng giờ vào buổi trưa. Chủ tịch hãng tàu bắt đầu điều tra tin đồn. Cuối cùng ông cũng phát hiện ra tin đồn là đúng, chỉ sai một chi tiết thôi. Tàu đúng là đến đúng giữa trưa, nhưng là trưa ngày hôm sau, trễ đúng một ngày. Những câu đùa này tuy vậy rất có hiệu quả với doanh nhân. Người ta hiểu rằng Erie chở khách chậm, bởi vì nó ưu tiên chở hàng nhanh. Đường ray tàu cũng được thiết kế chủ yếu để chở hàng nặng. Đó là một chiêu khá hay, biến một điểm trừ thành điểm cộng trong tâm trí công chúng bằng những câu tự trào.

Hãng Ford cũng làm tương tự. Người ta kể rằng bạn có thể mua các chi tiết xe ở các tiệm tạp hóa Woolworth's, hay rằng xe chạy được bằng sữa. Những câu đùa này khiến người ta có ấn tượng rằng xe Ford dễ lái, không đắt tiền. Ngành phim ảnh

cũng đùa, nhưng tình hình có hơi khác. Mấy câu châm chọc luôn là châm chọc nhà sản xuất và nhân viên truyền thông. Dĩ nhiên tại tôi không cười nổi. Trước năm 1916, chẳng tờ báo nào chịu đăng nhiều hơn hai dòng về một bộ phim hay ngôi sao điện ảnh. Vào năm đó, khi bộ phim *Những tay đạo đức giả* trình chiếu ở rạp Longacre, tôi đã cố thuyết phục truyền thông bằng quảng cáo. Tôi muốn họ giả bình luận bộ phim như đang bình luận một vở kịch. Mấy tay biên tập nghe xong liền nở nụ cười khinh bỉ có thể làm mặt họ xấu suốt đời. Nhưng rồi tờ *Post* làm theo sự gợi ý của tôi, và đó cũng là tờ báo đầu tiên có ban điện ảnh. Dĩ nhiên là ngày nay phim ảnh đã được bình luận với kiểu cách không khác gì các vở diễn; và phần phim ảnh trên báo cũng vượt chuyên mục bình luận kịch rất nhiều rồi.

May mắn là ở giai đoạn sơ khai, chúng tôi không bao giờ tiếp cận trực tiếp công chúng, mà chỉ tập trung hoàn toàn vào các nhà phân phối. Thời đó, truyền thông và quảng cáo chỉ giới hạn ở các tờ tạp chí và qua thư mà thôi. Nhưng theo cách này, chúng tôi lại gặp vấn đề mới. Làm sao để một rạp chịu chiếu phim này thay vì phim kia, khi mà hai phim đều dở như nhau? Hơn nữa, vào thời này các rạp đều dùng phim với mục đích giải trí giữa giờ. Do đó, họ chả thèm đọc quảng cáo hay mở thư quảng cáo ra xem. Đối với họ, phim ảnh chỉ là thứ bánh kẹo ăn lúc giải lao, ăn cũng được, không ăn cũng chẳng sao. Tôi đã làm một trò độc qua thư, khiến hàng trăm rạp ăn không ngon ngủ không yên suốt hai ngày hai đêm.

Mỗi nhà quản lý rạp nhận được một bức thư riêng viết trên giấy của khách sạn, viết tay bằng chữ phụ nữ, xưng hô thân mật lắm. Có đoạn viết như sau:

“Em biết anh không nghĩ là lại nghe tin từ em, anh yêu à, nhưng em không thể tự ngăn mình lại được. Em gửi cho anh

chiếc chìa khóa này, và vài ngày sau, anh sẽ nhận được một chiếc hộp để dùng chìa mở ra. Hộp này là một thứ rất quen thuộc và gần gũi với cả hai ta. Em biết khi nhận được chiếc hộp, anh sẽ hành động như một người đàn ông đích thực. Chờ anh ngày đó, Natalie của anh."

Phản ứng của người nhận đối với bức thư kỳ bí này rất hài. Một người gọi ngay luật sư vì sợ bị tống tình. Một người khác ngồi nhớ lại xem Natalie là ai, cuối cùng thú nhận đã ngoại tình ở Anh nhiều năm trước. Có trường hợp, người mở thư là vợ ông chủ rạp, và đã đập một cây dù lên đầu ông chồng tội nghiệp. Ở câu lạc bộ điện ảnh, không ai thú nhận nỗi lo cho người khác, mà nếu có thì chỉ bằng vài lời hỏi bóng nói gió để xin lời khuyên. Cả câu lạc bộ mặt như đưa đám.

Vào ngày thứ ba, bí ẩn được lộ rõ. Tôi cho chạy một quảng cáo hai trang ngay giữa một tờ tạp chí điện ảnh. Tôi dán tất cả những trang khác lại với nhau, nên tờ tạp chí chỉ mở được trang giữa. Sau đó tôi đục một lỗ xuyên qua bìa, khóa lại. Ở trang bìa một ghi "Natalie thương nhớ." Thế là những ông chủ rạp vội vã mở khóa để xem bí mật về quá khứ của chính mình. Đó là quảng cáo duy nhất mà người trong ngành chịu xem. Thực ra, "Natalie" là cách gọi thân mật của hãng phim National Pictures. Trò độc này khiến cả ngành bàn luận suốt một thời gian dài. Hơn hết là nó đã giúp rất nhiều tâm hồn tội lỗi thở phào nhẹ nhõm.

Giữ được sự chú ý ở kênh thư là một nhiệm vụ khó khăn. Suốt Thế chiến I, doanh nhân nhận được nhiều thư đến nỗi tất cả thư từ giao đến buổi sáng sẽ được đổ ngay vào sọt rác không cần suy nghĩ. Vậy thì loại thư gì mới được giữ lại và mở ra xem? Tôi chuẩn bị một phong bì lớn có đóng dấu từ chối nhận từ nhiều nước. Có vẻ như bức thư này đã du hành khắp thế

giới để tìm đến duy nhất chỉ một ông chủ rạp này. Có vẻ thư được gửi từ đại sứ quán Mỹ ở Paris. Rồi thư được chuyển sang đại sứ quán ở Constantinople, rồi Madrid, rồi Tokyo, rồi cuối cùng mới đến địa chỉ chính xác của ông chủ rạp ở New York. Nó có ghi “Đã được mở kiểm duyệt” và tất cả các địa chỉ trừ địa chỉ cuối cùng đều có người gạch ngang như muốn bỏ đi. Bức thư làm dậy lên cảm giác phiêu lưu và lãng mạn trong mắt chủ rạp, thế là ông chọn giữ lại, mở ra và đọc. Khi mở ra, chủ rạp sẽ biết được là chúng tôi vừa đổ một xô quảng cáo vào mặt ông. Quảng cáo là về bộ phim *Người cả Chúa cũng muốn diệt trừ*. Phản ứng sẽ như kiểu, “ừ nếu phim hay như trò quảng cáo mình sẽ thử coi sao.” Tuy nhiên, bức thư có vẻ còn nổi hơn cả bộ phim, vì nó đã được ngợi khen trên các tờ nhật báo.

Một dịp khác, để quảng cáo cho bộ phim *Trúng lộc*, tôi cho lộc cả tá trứng, ghi địa chỉ các biên tập báo địa phương, dán dấu từ chối nhận lên quả trứng, rồi cho người giả làm nhân viên bưu điện đến gửi. Các biên tập báo khi nhận có cảm giác là trứng được gửi qua đường bưu điện.

Tuy nhiên, công cụ quảng cáo quan trọng nhất tôi nghĩ ra là sách quảng cáo (catalog) đính kèm theo phim gửi cho chủ rạp. Sách này là những bài quảng cáo giới thiệu các sản phẩm mới, tóm tắt nội dung, và các đề xuất cho các chủ rạp cách giới thiệu và quảng bá bộ phim ra công chúng. Quyển đầu tiên của tôi chỉ là một quyển mỏng dính 12 trang, nhưng bây giờ quyển mới đây nhất chuẩn bị cho phim *Con thuyền nghệ thuật* dày gần 200 trang, tốn mất 8.000 đô la để sản xuất. Louis B. Mayer,¹ giờ là

¹ Louis Burt Mayer (1884 – 1957), một trong những người đóng vai trò quan trọng nhất trong đợt sáp nhập các hãng Metro, Goldwyn, Mayer thành Metro-Goldwyn-Mayer vào năm 1924.

người đứng đầu hãng Metro-Goldwyn-Mayer,¹ lúc đó là chủ rạp địa phương, là người đầu tiên nhận ra giá trị của các quyển sách quảng cáo này. Giờ đây đây là phương pháp quảng cáo vô cùng phổ biến trong ngành điện ảnh.

Sau thời gian đầu sự nghiệp với Lasky và Zukor, tôi được mời về làm việc ở một công ty mới của Al Lichtman (giờ là giám đốc bán hàng của hãng Paramount). Công ty ấy gọi là Alco, cũng là công ty đầu tiên của anh này. Công ty Alco có tiềm năng, được công chúng chú ý, nhưng lâu nay lại không sản xuất được phim. Tôi nhớ có ngày nọ, khi đang đứng ở khách sạn Astor, một ông chủ rạp xông xáo tới hỏi tôi: “Alco sẽ tung ra sản phẩm gì nhỉ?”

Tôi đáp: “Tôi nghĩ công ty sẽ tung hết nhân viên và đồ đạc của họ ra khỏi công ty.”

Tuy nhiên, một việc đáng chú ý đã khiến Alco trở thành một cột mốc trong sự phát triển ngành điện ảnh. Lichtman đã tìm được cách sở hữu một bộ phim hài dài năm cuộn phim.² Bộ phim ngay lập tức giúp sáu ngôi sao lần đầu tiên tiếp cận thế giới điện ảnh. Và một trong số họ đã trở thành người vĩ đại nhất. Chúng tôi đặt tên phim là *Cuộc tình sét đánh của Tillie*,

¹ Quá trình hình thành Metro-Goldwyn-Mayer diễn ra như sau: Marcus Loew (chủ chuỗi rạp Loew) bắt đầu mua lại các hãng sản xuất phim để ổn định nguồn cung phim cho rạp của mình. Ông mua hãng Metro năm 1919, hãng Goldwyn năm 1924. Tuy nhiên, ông cần một người có thể quản lý các công ty con của mình. Do vậy, ông tiếp cận Louis B. Mayer và đề nghị mua lại hãng Mayer, từ đó thành lập nên công ty Metro-Goldwyn-Mayer với Louis B. Mayer làm người đứng đầu.

² Ngày đó người ta còn quay phim bằng phim cuộn (giống như máy ảnh chụp bằng phim vậy). Mỗi cuộn phim trung bình dài khoảng 11 phút đến 22 phút tùy vào thiết kế và loại phim.

diễn chính bởi Marie Dressler, cùng dàn diễn viên phụ gồm Chester Conklin, Mack Swain, Mabel Normand, Mack Sennett, và Charles Chaplin. Công ty Alco ngay sau đó cũng bị sét đánh sập luôn, còn tôi thì dạt sang một công ty phim mới đặt theo tên một tuyến xe điện ngầm.

Richard Rowland đã từng đến châu Âu và khá ấn tượng với cái cách mà người Pháp gọi xe điện ngầm: họ gọi là *metro*, thế nên anh gọi luôn công ty mới là Metro. Cũng như Alco, công ty này chả sản xuất được phim, khỏi sự trong một tòa nhà cũ kỹ trên đường số 61 Tây. Một cô gái xinh xắn tên Mary Shelby được giới thiệu đến, thế là Rowland cho cô diễn ngay một bộ phim: *Mãi mãi trên đường*. Chưa từng có bộ phim nào trên đường lâu đến vậy. Nó kéo dài đến nỗi không ai biết nó bắt đầu khi nào và khi nào thì xong. Cuối cùng, Công ty Metro làm thêm hai bộ phim dựa trên phim này, và cả hai đều tiếp tục “trên đường.” Thực ra bộ phim thứ hai được cắt ghép lại từ những thứ đã quay ở bộ đầu, và được gọi là *Thành phố lớn*, một tên phim rõ ràng là được lấy cảm hứng từ kịch cỡ cuộn phim. Thứ duy nhất đáng chú ý ở mấy lần đẻ hột này là Mary Shelby dần trở thành ngôi sao điện ảnh với nghệ danh Mary Miles Minter.

Trong suốt một thời gian dài, Metro có vẻ như chẳng có ý định sản xuất phim hay đạt bất kỳ mục tiêu nào. Tôi ký hợp đồng với một số ngôi sao đầy hứa hẹn cho Rowland, trong đó có Francis X. Bushman và Elsie Ferguson. Khi chủ rạp bắt đầu đòi hăng phải có gì đó mới, tôi đã cho dựng một cột cờ ở Quảng trường Thời Đại, đổi tên thành Quảng trường Metro, nhưng phim vẫn không thấy đâu. Đến khi tôi được mời về hãng Equitable Pictures, một công ty mới sáng lập bởi Felix Feist, thì Rowland cũng khuyến khích tôi nhận lời vì lợi ích và tương lai của chính tôi. Nếu về đó, thay vì mức lương 100 đô la

một tuần mà lâu lâu tôi mới được cầm một lần, thì tôi chắc chắn cầm 300 đô la mỗi tuần.

Toàn bộ nhân sự hãng Equitable gặp nhau ở bữa tối trước khi chính thức chạy. Mọi người đều có đôi lời phát biểu về tương lai xán lạn của công ty. Tôi nhìn quanh xem xét các cộng sự mới của mình và chợt thấy có chút bất an. Tôi điếm mặt và thấy họ chính là tám người đàn ông đã từng làm sập kha khá công ty phim, và chắc là công ty này cũng chả khá hơn đâu. Tôi nghĩ có lẽ là nên vui vẻ cảnh báo về những sai lầm trước đây để anh em nhìn nhận cho nó thực tế một chút. Sau đó tôi trở thành cái gai trong mắt cả công ty. Mà đúng là tôi có nói sai thật. Tám con người đó làm tôi thật sự ngạc nhiên: Họ làm sập công ty còn nhanh hơn tôi dự đoán.

Trong lúc đó, sau vài tháng có vẻ như đâm đầu vào đá tảng, thì Metro có một cú áp phe ngon lành, đặt nền tảng cho hãng Metro-Goldwyn-Mayer ngày nay. Để tỏ sự trân trọng công lao của tôi khi trước, Rowland đã gửi tôi một món quà 2.000 đô la bằng vàng, cùng với một hộp đựng xì gà vàng. Tôi rời một con tàu đắm để về tàu cứu hộ. Thế mà tàu cứu hộ lại đâm vào băng rồi chìm, trong khi con tàu đắm cuối cùng lại cập bến ngon lành. Thật là một ngành kinh doanh chả ai lường trước được điều gì.

CHƯƠNG XI

Điện ảnh: cơn sốt vàng

Vào năm 1917, không khí khắp mọi nơi đầy mùi phim nhựa. Từ “phim” trước đây nghe mờ mịt biết bao nhiêu, le lói biết bao nhiêu, giờ lại hóa thành bảy sắc cầu vồng—nào là phim ảnh, nào là minh tinh, nào là triệu đô la! Những ảo vọng mơ hồ nhất, những hy vọng kỳ quái nhất mà những hình ảnh chiếu bóng mang đến, trước đây nghe điên rồ đến đâu thì nay lại đơn giản và hợp lý đến đó. Đó là cơ hội. Cứ mười nhóm ba người gặp nhau ở góc đường, thì sẽ có một nhóm đang bàn chuyện lập công ty điện ảnh. Tôi vừa chạy khỏi ba người đang ở trên con tàu đấm Alco thì lại trúng ngay ba gã khác đang lập Công ty Paralta. Họ gặp tôi và hỏi: “Anh đề xuất bao nhiêu cho vị trí nhân viên truyền thông ở công ty chúng tôi?”

Tôi bảo ngay: “500 đô mỗi tuần!”

Tay chủ tịch cười rử: “Cái gì? Chủ tịch công ty lương chỉ có 350 thôi!”

“Nhiều thế! Anh còn hơn cả Zukor lúc khởi đầu, vậy nhưng chắc trong tương lai anh lại chẳng đuổi không kịp anh ta đâu!”

“Nghe này, Harry, hôm nay anh gặp may đấy!” Hấn ngừng một lúc lấy hơi rồi nói tiếp một câu liên quan chết liền: “Tôi sẽ trả anh hần 50 đô la một tuần!”

Thế là vị chủ tịch của chúng ta tự kiêm nhiệm luôn vị trí truyền thông. Trong suốt bốn tháng, tôi cứ thấy quảng cáo hàng tuần trên tạp chí điện ảnh của hấn, chỉ rất một dòng chữ to bự, in đậm đầy đe dọa: **“CHỜ MÀ XEM KẾ HOẠCH PARALTA!”**

Ngày nọ, hấn gọi tôi: “Nào Harry, anh có theo dõi quảng cáo của chúng tôi không?”

“Tôi có nghe anh nói gì đó về Kế hoạch Paralta. Nhưng cụ thể là kế hoạch gì?”

“Chính xác!” Hấn hô to mừng rỡ, rồi tiếp: “VẬY anh lấy lương bao nhiêu?”

“1.000.”

“Đồng ý!”

Chuyện này làm tôi nhớ có một anh biên tập viên một tạp chí khá nổi, chả có ý tưởng gì nên suốt ngày cứ mua đồ ăn cho tôi để hồng moi ý tưởng của tôi về làm.

Điện ảnh giờ đây như trò xếp bài Solitaire, người ta châu đầu vào nó như dân gánh xiếc bu vào các lễ hội vậy. Thế giới điện ảnh giờ có không khí chả khác gì những túp lều xiếc, còn những nhà sản xuất phim cứ đánh trống từng từng, cứ như mấy tay lang băm bán thuốc chữa bá bệnh vậy. Sau hai năm, có vẻ như toàn bộ những chủ đề có thể khai thác đều đã bị khai thác hết. Người ta cần một thể loại phim mới, thế là phim dạy đời ra đời. Ivan Abramson hóa thân thành Laura Jean Libby của ngành điện ảnh, chuyên sản xuất những bộ phim có thông

điệp, kiểu như *Vì sao con gái bỏ nhà ra đi*, *Luật chung cho cả hai thế giới*, *Khai sáng cho con gái của bạn*...

Suốt một thời gian, tôi làm trong cái tháp ngà đạo đức này, gồm một văn phòng xiêu vẹo ngăn ra bằng các tấm thạch cao tróc sơn loang lổ, cộng với một phòng họp to. Thực ra phòng này được gọi là phòng họp vì đó là chỗ ngồi thường xuyên của các ông chủ công ty. Nhóm cổ đông này gồm bốn người, Chadwick, Samwick, Pergossen và Abramson. Mỗi khi họ tụ lại phía sau tấm thạch cao để họp mặt, chất giọng opera của họ gần như vang khắp Broadway. Sau đó, Abramson sẽ đi dạo trên đường và bị người ta hỏi: "Tôi nghe là anh sắp làm phim *Danh dự của cô hầu hạ*?" Rồi anh sẽ nói kiểu ngây thơ: "Sao anh biết được? Đó là thông tin nội bộ mà?" Không phải nói khoác chứ phòng họp mặt của anh chàng chính là đài phát thanh đầu tiên trên thế giới này không chùng.

Tuy vậy, hầu hết các cuộc họp cổ đông là để tranh luận xem ai nên làm sếp. Mọi người thay phiên nhau nêu lý do vì sao hẳn nên đứng đầu. Một ngày nọ, một tay người Ý nóng máu rút ra từ quần một cây dao bố dứa to, chạy tới văn phòng của chúng tôi, đập cửa phòng họp xông vào và hét lớn: "Thằng nào là sếp ở đây?" Thế là cả bốn ông sếp đồng thanh đồng lòng chỉ vào tôi: "Nó là sếp!" Tôi ngay lập tức bay xuống hai tầng lầu chỉ bằng một bước chân, vừa chạy vừa hét với lại: "Tụi nó nói láo! Tụi nó mới là chủ công ty! Giết hết tụi nó!" Rồi tôi biến mất luôn không về công ty nữa. Đó là hồi kết của những bộ phim luân lý. Tay người Ý này đến để trả thù cho cô con gái. Người ta bảo là cô con gái đã mất hết lý trí rồi làm những điều mù quáng sau khi xem phim *Luật chung cho cả hai thế giới*.

Những hợp chất kỳ lạ đang được xào loạn lên trong cái nồi luyện đan. Một anh nhập cư ngày hôm nay có thể là đạo diễn

ngay ngày hôm sau. Những người viết không đúng chính tả vẫn có thể trở thành sếp công ty phim. Những võ sỹ giải nghệ không biết CXIX là số La Mã trở thành biên kịch cho bộ phim dài tám cuộn. Người bán lông thú, bán bao tay, nhân viên trực cửa hàng... tất cả những ai tiết kiệm được một ít tiền đều muốn đổ vào làm phim. Tất cả những kẻ thất bại vô dụng trong tất cả các ngành khác đổ xô về từng bầy, mong trở thành ông trùm của ngành điện ảnh.

Rất nhiều người mất hết tiền tiết kiệm cả đời. Có người vẫn không chịu ngừng lại cho đến khi gia đình dòng họ phá sản chung với mình. Đối với một số người khác, thì thành công đến bất ngờ đến nỗi họ tưởng sự ngu ngốc của mình chính là thứ giúp kiếm ra tiền. Một số người đang ôm lấy sự tuyệt vọng khóc thầm bỗng gặp hên được vài cú, rồi nghĩ mình thành công là nhờ cảm hứng và lòng đam mê. Tuy nhiên, dù cả thế giới có hỗn loạn và rối rắm, có đổi thay vô định, thì tất cả đều có một nhân tố chung: Khi ngành điện ảnh ngày càng hấp dẫn hơn, các ngôi sao bắt đầu mọc cánh, thì tất cả mọi người từ nhà sản xuất đến thợ quay phim đều nhận ra rằng thứ mang đến sự sống cho ngành chính là truyền thông. Chính nó là thứ cứu cả ngành khỏi những sai lầm của những tay mơ, những nhà mạo hiểm và những kẻ mộng mơ. Suốt một thời gian dài, chính truyền thông đã vượt lên trên cả sản phẩm, và đặt một dấu mốc để cả ngành vươn đến.

Khi tôi vào làm ở hãng Equitable Pictures, ngành quảng cáo đã qua giai đoạn quảng cáo trên báo chuyên ngành. Các ngôi sao muốn hình ảnh của mình xuất hiện trên nhật báo, còn các nhà sản xuất thì có sao cung của riêng mình. Sau khi Equitable ho ra máu và sáp nhập vào hãng World Films, thì dưới trướng hãng này là những cái tên lẫy lừng như Clara Kimball Young, Alice Brady, Robert Warwick, và Holbrook Blinn. Nhưng rồi

một ngày nọ, người đứng đầu hãng phim gọi tôi vào phòng riêng rồi nói: “Nghe này Harry, bỏ hết mấy người khác đi—tập trung vào Gail Kane mà lãng-xê!”

Tôi hỏi một cách ngây thơ: “Mà đó là ai vậy?”

“Đó là một minh tinh vĩ đại!” Ông chủ tịch Spiegel nhúm mày.

Tôi buột miệng: “Vậy à? Vậy mà tôi chưa bao giờ nghe tên, hay thật!”

Ông sắp ra lệnh một cách lạnh lùng: “Tôi nói gì thì cứ làm theo đi!”

“OK sếp, tôi sao cũng được!” Tôi nhún vai, rồi đi tìm hiểu về Gail Kane bí ẩn. Cuối cùng tôi phát hiện ra là cô nàng đã đóng một bộ phim xứng đáng ăn cà chua, và đang ấp ủ một bộ phim khác về đề tài sa mạc. Tôi thầm nghĩ: “Nếu rạp nào chiếu phim này, rạp đó hóa sa mạc luôn. Cổ phần của mình trong công ty này chắc không phải là ốc đảo rồi, bảo đảm trăm phần trăm giá trị của nó sẽ bằng nước lã!” Tôi có cổ phần 50.000 đô la, nhưng sau này đã nhanh tay bán lại cho công ty với giá 5.000 đô. Ít lâu sau, có người bạn hỏi: “Cổ phiếu lên sàn chưa?” Thực ra lúc đó thì toàn bộ cổ phiếu nằm dưới cồng hết rồi.

Tuy nhiên, với vị trí nhân viên truyền thông, thì việc của tôi không phải là tìm kiếm ngôi sao tiềm năng, mà tôi phải tin rằng họ sẽ thành sao, chỉ cần tận trang lại. Tôi cho cô nàng Kane làm dáng trước mọi tay thợ săn ảnh biết chỉnh ống kính. Tôi bỏ cả trăm đô cho in ảnh màu to, và cho người vẽ tranh sơn dầu rẻ tiền. Tôi cho phát cả ngàn bịch bột làm quà tặng, trên bao bì in hình Kane. Một chuỗi bài tiêu đề “*Trò chuyện cùng những cô gái trẻ muốn lập nghiệp trong ngành điện ảnh*” được đăng trên đủ loại báo, ở dưới có chữ ký của cô nàng. Tôi liên kết bức ảnh sa mạc

của cô với một trận bão tuyết kinh khủng đánh ngang Texas và Arizona, thế là suốt một tuần các tờ báo toàn chuyện của Gail Kane. Họ đăng rằng Kane đã anh hùng mạo hiểm tính mạng của mình để chụp được những tấm ảnh sa mạc chân thực nhất. Báo đăng là cả công ty đều mất tích trong trận bão, cả cô mình tình lẫn vị đạo diễn dũng cảm E. Mason Hopper đều được cho là đã chết. Thế nhưng họ lại hồi sinh đúng lúc để báo đăng thêm tin mới. Vậy là Gail Kane trở thành người của công chúng, đứng trên đỉnh cao danh vọng.

Chẳng may cho cô nàng, người hâm mộ và ủng hộ nhiệt thành nhất của cô—ông chủ tịch Spiegel—đột tử không xin phép. Ngay sau đó, William A. Brady, chủ tịch mới, gọi tôi vào và nói giọng chắc ăn: “Nghe đây, anh phải biết công ty này chỉ có duy nhất một ngôi sao quan trọng, và tôi chắc chắn cần nói cho anh biết đó là ai!”

“Dĩ nhiên, thưa sếp, đó là Gail Kane!”

“Ai?” Mặt sếp đổi sang màu tím, cổ phồng to. Ông nói ngay, giọng sắc lạnh: “Chàng trai trẻ à, anh phải biết là con gái tôi tên Alice Brady chứ!”

Sau đó Gail Kane tan biến như bọt xà phòng. Trò úm ba la xì bùa lại bắt đầu lại từ đầu—lần này là dành cho Alice Brady. Tôi lại cho chụp ảnh, cho vẽ tranh sơn dầu, và lại tặng mấy bịch bột. Một chuỗi bài xuất hiện trên tờ *Evening Mail*, tiêu đề “Tôi đã trở thành ngôi sao như thế nào—viết bởi Alice Brady.” Câu chuyện đi sâu vào cuộc đời đầy nỗ lực của cô, về chuyện cha cô đã từ chối sử dụng ảnh hưởng của mình để giúp con gái leo lên nấc thang danh vọng ra sao. Tờ *American* chạy một chuỗi bài về những bộ đầm độc đáo của Alice Brady. Ở Chicago, cô được mời đến trả lời các câu hỏi cho nhà đài, và bất kỳ cô gái nào cắt một phiếu khuyến mãi trên tờ *Herald* đều sẽ có cơ hội được

tham dự buổi phỏng vấn vô giá này. Louella Parsons, nay là biên tập mảng phim của tờ *American*, đã cố hết sức tìm người ngồi cho đầy hàng ghế trống khán giả bên dưới. Dù tôi không thể liên kết cô nàng với bão sa mạc nữa, nhưng tôi lại có thể liên kết với một vụ cháy ở Pensacola. Các tờ báo ngay lập tức mô tả những sự cô đơn và khó khăn cô cùng công ty đã phải vượt qua trong vụ cháy, dù công ty cách xa nơi đó cả mười dặm. Họ kể rằng cả công ty phải bỏ mấy tuần liền để quay lại những cảnh đã bị vụ hỏa hoạn làm hỏng. Khi Brady quay trở lại, báo chí một lần nữa kể về những trải nghiệm kinh hoàng, và cả câu chuyện cô cùng đội ngũ công ty phải đi bộ xuyên qua lửa khói suốt 20 dặm để đến nơi an toàn ra sao.

Trò độc chủ chốt nhất của cô nàng là ở buổi công chiếu phim *La Bohème*. Tuy Brady có vẻ như dần chứng minh thực lực của mình, rằng nàng giỏi hơn những gì người ta đã dự đoán, nhưng trong phim này có vẻ như cô không thích hợp lắm với vai diễn được chọn. Thân hình tròn trịa tự nhiên của nàng không ăn nhập gì với vai Mimi nhợt nhạt đói khổ. Sự bất hợp lý của cảnh chết cuối phim rõ ràng đến nỗi ngay cả những nhà phê bình cũng thấy. Thay vì cảm thấy bị xúc phạm hay xấu hổ, cô Brady đã viết một bức thư với tinh thần cao cả, khen ngợi khả năng quan sát của những nhà phê bình. Dù sao thì chúng tôi đã tìm ra cách che hết tất cả những sự bất hợp lý của bộ phim bằng một cái băng-rôn treo dọc Broadway, kéo từ rạp New York đến tận khách sạn Astor—một cái băng-rôn cao 20 mét, rộng 25 mét, với tên của Brady viết ở cỡ chữ cao bảy mét. Treo cái băng-rôn này là cả một vấn đề. Chúng tôi cần phải xin phép Hội cao niên, Cục xây dựng, và Cục cao tốc. Nhưng bù lại, không ai trong phạm vi một dặm quanh Quảng trường Thời Đại có thể không nhìn thấy nó, và để đảm bảo cả thành phố phải nhìn, chúng tôi cho dán thông báo sau:

HÃY ĐỨNG Ở GÓC ĐƯỜNG SỐ 42 VÀ ĐƯỜNG BROADWAY VÀO THỨ HAI TUẦN SAU, NHÌN LÊN PHÍA BẮC, HOẶC ĐỨNG Ở ĐƯỜNG 46 VÀ NHÌN VỀ PHÍA NAM. BẠN SẼ BẮT NGỜ.

Tôi tiếp tục bằng cách gửi cho mỗi chủ rạp một cặp kính, đồng thời khuyên họ rằng thứ Hai tuần sau nhớ mang nếu mất yếu. Tuy *La Bohème* là một tác phẩm tầm thường, nhưng các suất chiếu lại đạt công suất tối đa, lượng vé đặt vượt xa tất cả các phim khác của chúng tôi từ trước tới giờ.

Ngoài việc che mờ hết tất cả những điểm dở trong phim, cái băng-rôn to ấy cũng giúp tôi thỏa mãn chính mình. Trước khi tôi nhận lăng-xê cho Brady, Thomas Ince cũng chuẩn bị công chiếu phim *Nên văn minh* ở rạp Criterion, và mời tôi về làm.

Ince hỏi: “Anh đề xuất lương bao nhiêu cho một cú quảng bá chất lượng cao?”

“500 đô la một tuần.”

“Khi ra về đừng có đóng sầm cửa nhé. Và nhớ là cẩn thận, đừng nóng giận quá khi đi trên hè. Vía hè hơi trơn đấy.”

Cái băng-rôn của Brady xuất hiện ngay ngày công chiếu phim của Ince, và hoàn toàn chắn hết lối vào rạp của hẻm từ cửa phía Bắc, chặn hết mấy tấm bảng quảng cáo điện, và tầm nhìn rạp Criterion từ tầng một trở lên cũng hoàn toàn bị che khuất.

Trò lăng-xê là con dao hai lưỡi. Nó không chỉ tạo nên hào quang cho ngôi sao, mà cùng lúc đó cũng tạo nên một cái bóng đen đủ chôn vùi đối thủ. Trải nghiệm đặc biệt nhất của tôi về hai lưỡi dao này chính là với Francis X. Bushman và Geraldine

Farrar—hai kỳ phùng địch thủ, cùng tranh giành hào quang trang nhất.

Khi đó tôi đang làm cho hãng Metro, và vừa viết xong 30 trang quảng cáo với khẩu hiệu “*Nhưng liệu họ có tiếp tục được hay không?*” Lúc ấy cả công ty đang ngồi nghĩ xem chúng tôi đang tiếp tục cái gì. Công ty chưa sản xuất được một bộ phim nào, và đã đến lúc phải cho các chủ rạp xem một cái gì đó rồi. Tôi lên tàu đi California với niềm hy vọng mong manh rằng Triển lãm Panama-Pacific sẽ có ích gì đó cho công ty.

Hội đồng quản lý của triển lãm đã đồng ý cho chúng tôi mở một ngày gọi là Ngày Metro, với điều kiện là Francis Bushman, ngôi sao của công ty tôi, có thể thu hút càng nhiều người càng tốt vào ngày tiếp theo, cứ như là tổng thống Roosevelt ấy. Chúng tôi thuê Art Smith viết chữ “Metro” đầy trời, lên kế hoạch cho một ngày hấp dẫn với Bushman là trung tâm của hệ mặt trời. Vào cuối ngày, anh chàng sẽ dẫn đầu điệu nhảy mở màn ở buổi dạ hội của hội nghị điện ảnh quốc gia. Đây sẽ là một thành tựu đáng tự hào của Metro vì tất cả những minh tinh, chủ rạp và nhà sản xuất sẽ tham dự sự kiện này. Mọi thứ đã sẵn sàng để Bushman từ New York xuất hiện hoành tráng, thì bỗng có tin rằng Jesse Lasky đã ký hợp đồng với Geraldine Farrar, mời cô đóng một loạt phim, và rằng cô sẽ đến San Francisco ngay buổi dạ hội, che mờ hoàn toàn Ngày Metro.

Nếu ngày xuất hiện của Bushman mà anh lại bị Farrar loại khỏi cuộc chơi trên trang nhất báo, thì anh này sẽ vô giá trị ở triển lãm, và chắc chắn rằng độ nổi tiếng của cô diễn viên sẽ vượt xa gà nhà của chúng tôi. Bushman đến nơi lúc 7:00 ở khách sạn St. Francis. Vào lúc 6:15, một người đẹp tóc vàng bước vào sảnh với một hộp quà. Địa chỉ người nhận là Bushman. Cô gái nhờ lễ tân gửi cho anh diễn viên khi anh đến

nơi. Mười phút sau khi mỹ nhân đi, có tiếng xì xèo và khói đen xịt ra khỏi hộp, xả đầy sảnh. Khách khứa bắt đầu hoảng, chuông báo động vang liên hồi, nhân viên khách sạn chạy vòng vòng. Cuối cùng có một người tỉnh táo thấy hộp quà vào bồn tắm rồi xả nước. Đội đặc nhiệm xử lý bom ở sở cảnh sát sau khi điều tra kỹ bảo rằng nếu bom không bị xả nước thì nó đã nổ tung cả khách sạn rồi. Người ta bắt đầu tra hỏi. Thanh tra cảnh sát hỏi cung bất kỳ ai họ thấy, và lễ tân ngay lập tức nhớ ra là mỹ nhân tóc vàng có gửi kèm một lá thư. Thư như sau:

Anh Francis thương mến,

Em đã viết cho anh nhiều lần, nhưng anh không hồi đáp. Em vẫn yêu anh, và khi em đọc được tin anh đã mất, ngay lập tức em sẽ tự tử để chúng ta có thể bên nhau mãi mãi trên thiên đường.

Em của anh, mãi mãi của anh,

L. M.

Suốt ba ngày liền, câu chuyện chêm chệ trên trang nhất các báo. Báo chí quyết theo tới cùng vụ này, tìm mọi cách phỏng vấn Bushman, lục nát quá khứ của anh này, cố suy ra tất cả mọi khả năng. Người ta bắt đầu tìm kiếm cô gái, nhưng sau đó phát hiện ra quả bom thực ra làm từ bột giặt pha ít lưu huỳnh. Chuyện chấm hết ngay tại đó. Trong thời gian ấy, Geraldine Farrar đã đến nơi, chả ai để ý. “Quả bom gửi Bushman” là tit báo phổ biến nhất lúc ấy. Sự huy hoàng của anh diễn viên ở triển lãm càng làm tăng thêm hiệu quả của trò này, Metro thì nhận giải vàng cho bộ phim hay nhất năm.

Có một chi tiết nữa để làm mọi chuyện hoàn hảo. Vào ngày tổ chức dạ hội, có một cuộc tranh cãi nổ ra giữa đại diện của Geraldine Farrar và tôi, xem ai nên là người dẫn đầu đợt nhảy

mở màn. Trong cái thế giới điện ảnh này, nguyên tắc nổi tiếng như sau: cuối tức là nhất. Thường thường ở mấy buổi tiệc này, những chiếc Rolls Royces cứ nhường nhau đi trước hàng dãy dài dằng dặc, hy vọng ngôi sao của mình sẽ là người đến sau cùng. Do vậy, thường tới giờ chót thì các sao mới tới. Sao nào cũng hy vọng rằng lối vào sự kiện hay phòng họp của họ sẽ được chuẩn bị ngon lành y như trên màn ảnh vậy. Thế là tôi cố tranh vị trí nhảy đầu cho Bushman, nhưng cố tình để cho tay kia thắng. Khi Geraldine bước một cách tự hào vào sàn nhảy trung tâm trong tay thị trưởng James Rolphe, tất cả sàn nhảy long lanh tráng lệ bỗng... tắt điện tối om. Người quản lý không biết biến đâu mất, người ta không thể mở lại đèn cho đến khi các bên đồng ý rằng... thị trưởng sẽ đi vào, một tay nắm tay Bushman, tay kia là Farrar.

Giới thượng lưu điện ảnh có lẽ là giới thượng lưu nhanh quên xuất thân bần hàn của mình nhất. Sự kỳ diệu của quảng cáo và quan hệ công chúng đã thay đổi diện mạo chỉ trong một đêm, từ những xô diễn ở cửa hàng, máy quay cùi bắp và những túp lều tạm bợ trở thành những ngôi đền lộng lẫy giàu có nhất thế giới. Từ những biển hiệu bằng vải dầu sơn tay, những tờ rơi rẻ mạt, hệ thống truyền thông của ngành điện ảnh giờ trải dài từ báo chí, tạp chí, viết chữ trên trời, poster, bảng điện, đến các chiêu trò kỳ quặc và những tuyệt kỹ khó lường mà chưa ngành nào dùng đến. Ngành điện ảnh bắt đầu tăng trưởng kinh hoàng nhờ truyền thông, ngành truyền thông cũng phát triển những công cụ hiệu quả thông qua quá trình phục vụ ngành điện ảnh. Ví dụ, một trò kỳ dị tôi dùng để quảng bá cho một bộ phim kém sau này lại trở thành ý tưởng tuyên truyền khắp dãy Alps, tấn công vào quân đội Áo trong Thế chiến I.

Hãng Equity Pictures nhận được từ studio ở Los Angeles một bộ phim của Clara Kimball Young tên là *Người đàn bà bị*

cấm đoán. Tôi nghĩ người ta đặt lộn tên phim rồi. Lẽ ra phải gọi là *Bộ phim bị cấm đoán* thì chính xác hơn. Thứ vĩ đại duy nhất của bộ phim chính là chi phí sản xuất. Còn lại thì phim không có cốt truyện, rời rạc, không ý tưởng, không kịch tính, không có hoàn cảnh tình tiết hay cao trào gì sất. Do vậy, người ta buộc phải tạo tiếng vang cho nó ở New York rồi đem đi chiếu ở các bang xa xôi. Nhưng chả có hãng nào ở Broadway muốn chiếu bộ phim này dù chỉ một ngày. Lúc đó, các rạp lớn gồm Capitol, Strand, Rivoli, và Rialto.

Suốt 18 ngày, tôi chạy một quảng cáo trên bốn tờ nhật báo, thay đổi giữa báo buổi sáng và chiều. Quảng cáo viết rằng:

HÃY NHÌN LÊN BẦU TRỜI ĐÊM 21 THÁNG 2!
NẾU MÀU XANH LÁ—HÃY ĐẾN RẠP CAPITOL
NẾU MÀU ĐỎ—HÃY ĐẾN RẠP RIVOLI
NẾU MÀU HỒNG—HÃY ĐẾN RẠP STRAND
NẾU MÀU XANH DƯƠNG—HÃY ĐẾN RẠP RIALTO
BẦU TRỜI ĐÊM 21 THÁNG 2 SẼ NÓI VỚI BẠN BỘ
PHIM HAY NHẤT SẼ ĐƯỢC CHIẾU Ở ĐÂU!

Quảng cáo này được rất nhiều người chú ý, và hãng Selznick Pictures tìm cách ăn theo bằng cách gắn nó với bộ phim của họ. Biết kế hoạch này, tôi tìm cách ngăn chặn. Tôi cho chạy một quảng cáo lớn rằng bất kỳ bộ phim nào tuyên bố ăn theo chiến dịch màu trời sẽ là một bộ phim kém, chiếu chỉ để xả tồn kho, vì bộ phim thật sự sẽ chỉ công chiếu vào tuần sau. Thế là hãng Selznick hết chơi chiếu.

Trong lúc đó, thiếu tá Bowes, giám đốc của rạp Capitol, hỏi tôi xem có biết ai đang chơi trò màu trời không. Tôi nói là tôi biết. Ông quan tâm ngay, và muốn xem thử phim *Người đàn bà*

bị cấm đoán. Tôi kể qua bộ phim để ông không quan tâm quá nhiều đến nội dung phim, mà luôn nghĩ đến bầu trời. Thế là ông đồng ý chiếu phim này một tuần.

Trò “xem trời” đã tiến triển, vì lần này chúng tôi đã biết sẽ chiếu phim ở đâu. Vào đến 21 tháng 2, chúng tôi cho đặt các đèn pha lớn ở các tòa nhà cao khắp thành phố. Khi đêm xuống, đèn pha sáng tổng cộng 10.000.000 cp chiếu thẳng vào trời đêm. Cả thành phố có thể nhìn thấy màu xanh lá, và nhờ một trận tuyết lớn, New York được chiếu dài một bữa tiệc hình ảnh rực rỡ, trắng lệt vô cùng. Bầu trời màu xanh lá, vậy là mọi người đổ xô đến rạp Capitol.

CHƯƠNG XII

Những kẻ tạo trào lưu

Truyền thông chính là hệ thống thần kinh của thế giới. Thông qua mạng lưới báo đài, truyền thanh, phim ảnh và ánh sáng, một ý tưởng có thể lướt quanh thế giới ngay khi nó vừa được sinh ra. Và bằng phương thức tinh tế, nhanh nhạy và hiệu quả này, 50 con người ở đại đô thị New York hoàn toàn có thể thao túng toàn bộ phong tục tập quán, xu hướng, suy nghĩ, sở thích và quan điểm của cả một đất nước rộng lớn 120 triệu người.

Từ lệnh cấm rượu cho đến kiểu tóc, từ chính sách hòa bình quốc gia đến trào lưu làm điệu kiểu bữu môi chu mỏ của các cô nàng, đám đông công chúng luôn là tấm gương phóng đại của một vài người. Mary Pickford giới thiệu kiểu tóc xoăn, và trong vòng chưa đầy một năm, 50 triệu phụ nữ đều để tóc xoăn, không cần biết kiểu tóc này có hợp với mình hay không. Thế rồi Irene Castle chơi tóc ngắn, và chỉ trong chớp mắt, toàn bộ những cái đầu xoăn đều hóa thành đầu cắt ngắn. Sau đó, Alla Nazimova xuất hiện với đầu xù hoang dại, và toàn thể giới nữ đều ngay lập tức xù hoang dại theo.

Tất cả những thứ khác, dù nặng hay nhẹ hơn tóc, đều diễn ra theo cùng một kiểu như vậy. Lindbergh làm mọi người chú ý đến không gian. Vào đêm anh cất cánh, điện đài báo chí đã giúp một tỉ rưỡi người cùng bay với anh qua Đại Tây Dương. Chỉ trong một đêm, hầu như bất kỳ thanh niên nào trên thế giới cũng đều phấn đấu theo gương anh. Chỉ một con người như W. C. Durant đã có thể đại diện cho xu hướng lướt sóng chứng khoán. Những trò thao túng kỳ ảo của anh đã biến giấy thành tiền, và hàng triệu người bắt đầu bắt chước làm theo với đủ phong cách, quy mô và cấp độ. Ở chiều ngược lại, một hình tượng như J. P. Morgan lại đại diện cho tài chính bảo thủ và sức mạnh của tiền tài. Ở mọi ngôi nhà ở đất nước này đều có một con người muốn mình giống được Morgan một chút: họ tiết kiệm đầu tư thông minh, giàu lên từ gia sản nhỏ, và cố gắng thành chuyên gia ở những thứ anh ta nghiên cứu. Một ngày nọ, từ trên trời rơi xuống một khoa học gia tên Albert Einstein với thuyết tương đối chả liên quan gì đến ai. Thế là ngay lập tức tất cả những công dân Mỹ bắt đầu lo lắng về hình dạng của vũ trụ này.

Rất nhiều người đã thay đổi diện mạo thế giới. Bá tước Northcliffe làm hàng triệu người mê muội báo lá cải. Rudolph Valentino bắt đầu khiến thanh niên dùng keo xịt, chải ngược để ép tóc lảng mượt về sau, còn Al Smith thì khiến cả nước Mỹ tin rằng những lễ đường New York thật là đặc biệt. George M. Cohan giới thiệu phương pháp hát giọng mũi, và thế là cả một thế hệ không ai thèm hát bằng miệng. Lon Chaney khiến người ta bắt đầu thích kiểu đàn ông lạ lùng, hấp dẫn một cách kỳ bí, thay vì kiểu mày râu nhẵn nhụi, mặt búp bê. Lillian Gish giới thiệu cách đánh son nửa môi, Carrie Chapman Catt khởi đầu phong cách nam tính ở phái nữ, và Nell Brinkley khiến mọi người kẻ chì lông mày, lông mi thì dài cong vút.

Thử chọn một người bình thường, phân tích tâm trí, phong thái, thái độ của người này, bạn sẽ thấy rằng tất cả những ý tưởng, thói quen và xu hướng phục trang đều phảng phất bóng dáng của khoảng 50 người nổi trội trong xã hội. Ý tưởng giáo dục theo cách khoa học của anh ta thực ra bắt nguồn từ các bảng câu hỏi của Thomas Edison. Ý tưởng tiết kiệm của anh thực ra bắt nguồn từ việc Rockefeller tặng xu cho mọi người. Chuẩn về cái đẹp phụ nữ là từ các cô nàng của Ziegfeld Folies. Hiếu biết về âm nhạc của anh chịu ảnh hưởng từ Berlin. Ý tưởng về người New York đa sắc tộc là từ thị trường Walker. Ý tưởng về chủ nghĩa giết gân trong báo chí thì chịu ảnh hưởng của William Randolph Hearst.

Khi một người bình thường thảo luận về kinh tế, dự báo về tình hình tài chính, thì thực ra anh đang nói thay cho quan điểm của trường Babson. Nếu quan tâm tới tôn giáo, có thể anh là tông đồ của Aimee McPherson. Khoa học Cơ đốc giáo với vô số tín đồ là kết quả của chỉ một cá nhân: Mary Baker Eddy. Những câu khẩu hiệu thực ra là một cách thể hiện khác của phương ngữ Mỹ, và được khai sinh bởi Tad. Moody là người dẫn đầu phong trào phúc âm chủ nghĩa, còn Hoover đã trở thành một tù lỏng chỉ sự ăn uống kiêng khem.

Một vài thập kỷ trước cũng chẳng khác gì. Vào lúc đó, Edward VII thao túng phong cách ăn mặc, nào là quần dài áo khoác đội mũ hoành tráng. Giờ thì phong cách đó được tiếp tục bởi Công tước xứ Wales. Lillian Russell khiến ngực to trở thành lý tưởng, và giờ thì là kiểu sống xá láng trái ngược với truyền thống của John Held. P. T. Barnum sáng lập trường phái tà đạo của ngành diễn xuất, rồi Croker dẫn một quân đoàn chiếm lĩnh mặt tối của chính trị. Suốt ba thế hệ, khi một con người bình thường lắc đầu về thông minh và nói chuyện chính trị kèm theo một nụ cười khinh bỉ, thì thực ra anh ta đang bắt chước

Croker và Tweed. Theda Bara khởi đầu trào lưu trang điểm kiểu ma cà rồng. Giờ đây, hai thập kỷ sau, những cô ma cà rồng tóc đen, mắt to đã hóa hết thành những cô gái tóc vàng hoe chỉ vì quyển sách *Quý ông thích tóc vàng*.

Cả thế giới thời trang nằm trong tay ba người—Coco Chanel, Jean Patou và Vionnet. Ở Paris có câu, “Chanel đi đâu, cả thế giới theo đó.” Cả xã hội sẽ đảo điên chỉ trong một đêm nếu Henry Ford hay John Heflin nói vài lời. Đám đông không có ý tưởng gốc. Ngay cả váy ngắn giò dài cũng là ý tưởng khởi nguồn của một cá nhân. Sự đổi mới hấp dẫn này là của Lotta Faust. Mặt khác, một áo xẻ lưng sâu đã xuất hiện trước hai thế hệ. Vị thánh thần nghĩ ra kiểu áo ấy là Kitty Gordon. Xét về phương diện hình dạng cơ thể, thì Ann Pennington thêm một đầu gối hõm, còn Bernarr MacFadden khiến cả đất nước bắt đầu cường cơ bắp.

Mọi tín ngưỡng, mọi xu hướng, mọi một thời trang kỳ cục đều có thánh nhân của riêng mình, và những điểm đặc trưng của vị thánh này được phản ánh vô cùng vô tận trong đám đông công chúng. Trong vòng năm năm, nước Mỹ đã biến thành một đất nước phì phà khói thuốc chỉ vì mấy câu khẩu hiệu và giấy mực. Suốt Thế chiến I, chính phủ phải mất 50 triệu đô la để dạy mọi người phải tiết kiệm, để rồi sau chiến tranh, thương gia phải mất 200 triệu đô la để giáo dục mọi người chỉ mạnh tay lại như xưa. Ngày nọ, báo chí cho đăng chuyện một tên sát nhân tên Gerald Chapman, để rồi bỗng dung hắn thành hình mẫu cho những tên tội phạm cùng thời. Hắn trở thành tay ma cô vĩ đại, kẻ nổi ngôi cho Jesse James, và rõ ràng là đã tạo cảm hứng cho nhiều thanh niên đi vào con đường phạm tội. Rồi ngày hôm sau, bố già Al Capone Mặt Sọc lên trang nhất, và người ta bắt đầu tưởng tượng thế giới ngằm đầy uy lực, tổ chức quy củ, là một chính phủ vô hình giữa xã hội loài người.

Truyền thông là một thể lực lan truyền mù quáng, có thể hóa thành một nhà cải cách đầy cảm hứng, cũng có thể thành một tay chơi sa ngã. Và cũng chẳng còn nghi ngờ gì nữa, những tay du đăng ngoài việc trang bị những vũ khí hiện đại, cũng đã sử dụng thành thạo truyền thông. Ngày xưa, lũ trộm là những tay lôi thôi đeo mặt nạ, bịt khẩu trang. Ngày nay, hắn đã biết được sức mạnh của lá chắn bề ngoài, và trở thành những kẻ ăn mặc chín chu nhất. Hắn mang giày cưới ngựa, chọn súng sao cho hợp với phục trang. Hắn biết rằng, tiếng tốt rằng hắn là kiểu người toàn tâm toàn ý cho gia đình sẽ giúp hắn kinh doanh thuận lợi. Cuộc sống thường ngày của hắn sẽ được đăng lên báo chí cứ như hắn là ngôi sao điện ảnh hay cầu thủ bóng chày vậy. Và thế là hắn sống hạnh phúc trong một căn hộ hiện đại, sang trọng, bên dưới sàn nhà là súng máy và trên lò sưởi là một bộ sưu tập lựu đạn. Không chóng thì chầy, nhiều gia đình được tạo cảm hứng từ lối sống này sẽ bắt chước theo.

Những xu hướng thịnh hành kỳ dị mà từng cá nhân khởi xướng và đám đông theo sau sẽ không bao giờ có điểm dừng. Thật thú vị khi thấy ở bất kỳ thời đại nào, chỉ cần khoảng 50 lãnh đạo là đủ để điều khiển hàng trăm triệu con người. Suốt một thời gian dài, kiểu cách trang trí nội thất trong phim của Cecil De Mille đã tác động mạnh đến phòng khách và phòng ngủ của tất cả các ngôi nhà. Woolworth tạo ra trào lưu kinh doanh chuỗi cửa hàng, John J. Raskob trở thành hình mẫu trong ngành tốc ký, và Arrow Collars thiết lập định nghĩa cho sự điển trai.

Bằng cách liên kết sản phẩm với phong trào hay xu hướng đương thời, tôi luôn đạt kết quả cực kỳ tốt mỗi chiến dịch truyền thông. Vào năm 1921, tôi làm cho một bộ phim của hãng Universal Film, tên là *Bên ngoài pháp luật*. Đó là một bộ phim về

thế giới ngầm, Priscilla Dean thủ vai chính. Lúc đó, Hội Ngày của Chúa, một hội tầm quốc gia chuyên làm hỏng mọi cuộc vui, đã tung một chiến dịch nhằm đưa ngày Chủ nhật Xanh¹ vào lịch. Bộ phim của chúng tôi không hề liên quan gì đến cuộc thập tự chinh đạo đức của những nhà cải cách Chủ nhật Xanh, nhưng chả sao, kế hoạch vẫn được thực thi.

Hàng ngàn cột báo bắt đầu tập trung mô tả mục tiêu và lý tưởng của Hội Ngày của Chúa, rằng họ muốn có luật cấm chơi bóng chày, chơi gôn, xem phim, bi da và hầu như tất cả các hoạt động khác. Con người ta vào chủ nhật chỉ được phép ngồi trong nhà chẳng làm gì, có thể chỉ trừ chơi lô tô. Một bóng xanh tối tăm phủ khắp nước Mỹ. Thế là ở mọi thị trấn, những con người tội nghiệp bắt đầu bàn qua bàn lại xem, nếu luật được thông qua thì chuyện gì sẽ xảy ra, và ai sẽ là người thông qua luật đó.

Vào lúc này, các bảng quảng cáo ở các thành phố lớn bắt đầu xuất hiện hình ảnh những con người buồn bã. Những quảng cáo này đã khiến tất cả những tay chơi gôn, người hâm mộ bóng chày, những ông chủ rạp, diễn viên, chủ quán bi da và tất cả mọi người khác rầu thúi ruột. Bảng quảng có có mấy dòng chữ sau, với cỡ chữ cao khoảng 30 cm:

NẾU BẠN KHIÊU VŨ VÀO CHỦ NHẬT
BẠN ĐÃ Ở
BÊN NGOÀI PHÁP LUẬT

¹ Chủ nhật Xanh là ngày chủ nhật không có hoạt động vui chơi, thay vào đó là hoạt động tôn giáo.

NẾU BẠN CHƠI GÔN VÀO CHỦ NHẬT

BẠN ĐÃ Ở

BÊN NGOÀI PHÁP LUẬT

NẾU BẠN ĐI XE VÀO CHỦ NHẬT

BẠN ĐÃ Ở

BÊN NGOÀI PHÁP LUẬT

NẾU BẠN CHƠI BI DA VÀO CHỦ NHẬT

BẠN ĐÃ Ở

BÊN NGOÀI PHÁP LUẬT

Khi người dân Mỹ thấy những tuyên bố này với một con dấu có chữ "P. D." ở góc trên bên phải, họ tự hiểu rằng Sở Cảnh Sát¹ đã đồng ý tham gia vào vụ này, nghĩa là luật Chủ nhật Xanh sẽ được thông qua, và rằng làn sóng cải cách đầu tiên đã nhuộm xám địa phương của họ.

Broadway sôi sục. Sam H. Harris, hội trưởng Hội Kịch Nghệ đã triệu tập một cuộc họp để tìm cách chống lại trò tuyên truyền nguy hiểm này. Hội Khiêu Vũ, Hội Diễn Viên Mỹ và nhiều hội khác hào hứng tham gia, họ bắt đầu họp và gọi vốn để chống lại ý tưởng kinh dị này. Vào một tối ở khách sạn Congress, Chicago, Hội Những Nhà Sản Xuất Bàn Bi Da đã quyên được 25 ngàn đô la để chống lại những con quỷ màu xanh. Ở New York và Chicago, các tấm bảng quảng cáo ấy bị ném bùn, đốt, thậm chí là xé tan thành từng mảnh.

¹ "P. D." được người xem *tự hiểu* là "Police Department," tức là sở cảnh sát.

Tờ *World*, với chính sách đề cao tự do, đã dẫn đầu cuộc chiến chống lại Hội Ngày của Chúa. Họ chỉ định Van Ness Harwood, một trong những phóng viên hàng đầu, truy tìm nguồn gốc của những bảng hiệu trên. Harwood theo rất nhiều manh mối nhưng tất cả chả tới đâu. Ngày nọ, anh gặp tôi ngay trước tòa nhà Putnam ở Broadway và hỏi tôi liệu tôi có biết ai liên quan đến các quảng cáo này không. Tôi bảo anh chàng xem trên báo của chính anh vào tuần sau để biết câu trả lời.

Trong lúc đó, hãng Universal Films công bố một bức thư cho tất cả các hiệp hội giải trí trên toàn quốc, những hiệp hội đang muốn ở những chiến dịch đấu tranh tương tự. Sau đó, ở cùng những bảng quảng cáo đó, xuất hiện quảng cáo sau:

ĐỪNG NGHE NHỮNG TUYÊN BỐ DỐI TRÁ!

BẠN KHÔNG Ở

BÊN NGOÀI PHÁP LUẬT

NẾU KHIÊU VŨ VÀO NGÀY CHỦ NHẬT!

Những quảng cáo khác cũng khẳng định rằng không ai ở bên ngoài pháp luật nếu chơi gôn, chơi bóng chày, đánh bi da hay đi rạp vào ngày chủ nhật.

Sau loạt bảng quảng cáo mới khoảng một tuần, quảng cáo đầu tiên của chúng tôi xuất hiện trên khắp các báo ở New York, thông báo rằng *Bên ngoài pháp luật*, với diễn xuất chính của Priscilla Dean sẽ mở màn ở bốn rạp lớn ở New York vào chủ nhật tuần sau. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử ngành giải trí một bộ phim khởi chiếu cùng lúc ở bốn rạp khác nhau ở trong cùng một thành phố.

Chỉ còn duy nhất một điều khó hiểu về các quảng cáo này là chưa được giải đáp. Có một cảnh sát gặp tôi ở văn phòng

hãng Universal để tra hỏi vì sao tôi lại cho đóng dấu có chữ “P. D.” lên. Thực ra đó là chữ viết tắt của Priscilla Dean.

Truyền thông khoác tấm áo đạo đức là một món ngon không thể chối từ. Rõ ràng nó là thứ làm gọi lên cái tôi đạo đức trong lòng công chúng đến cực độ. Với một người từng thường xuyên thổi tù và ở rạp xiếc và ở lều những tay ảo thuật gia, thì chơi đùa với lương tri công chúng là một trò luyện tập hàng ngày. Tôi đã quá chai sạn và vô tình, đến nỗi không bao giờ nghĩ rằng mình cũng có thể đa sầu đa cảm. Tôi đã loại bỏ lương tri ra khỏi đời mình, thế nhưng—trong khi đang chơi đùa hết mình với lương tri của công chúng, cảm xúc của riêng tôi bắt đầu quặn vào đó. Ngay giữa một trong những trò độc quy mô lớn nhất đời mình, tôi bỗng nhận ra rằng mình đang yêu...

CHƯƠNG XIII

Lucinda

Lúc đó tôi đang ở khách sạn lớn nhất Peoria, thực ra là khách sạn duy nhất vào lúc ấy, trong căn phòng hạng sang với phòng tắm riêng. Tôi đang trên đường đi đến đỉnh cao, là chuyên viên truyền thông kiêm bầu sô quản lý sao, chả hiểu sao tôi lại chệch đường đến Peoria. Tôi tìm một tay viết tốc ký và quyết định gửi thư cảm ảm cho văn phòng chính vì đã bắt tôi đi thực hiện nhiệm vụ buồn chán này. Thế nhưng người con gái ấy xuất hiện, tay cầm sổ, tay cầm bút đứng trước mặt tôi, làm tôi tỉnh hẳn. Cô ấy không giống bất kỳ cô gái trẻ nào tôi đã từng gặp ở bất kỳ đâu. Nàng sắc sảo, nhanh nhẹn, có sức hấp dẫn riêng. Tôi quên luôn bức thư và giờ đầu óc chỉ chăm chăm tìm cách gây ấn tượng với nàng.

“Hãy gửi thư này đến Clara Kimball Young.” Trong mắt nàng bỗng có chút ánh sáng lấp lánh.

“Clara thân mến.” Tôi khởi đầu rất quyết đoán. “Tôi có thể tìm cho cô một hợp đồng 7.000 đô la một tuần, kéo dài 40 tuần. Ký tên, Harry.”

Nàng trông có vẻ không bị ấn tượng, chỉ hơi hứng thú chút

đỉnh. Nhưng rồi tôi đốt xì gà, bắt chéo chân và bắt đầu cho nàng “hít khói.”

“Gửi thư này đến Francis X. Bushman. Bushy thân—à ý tôi là—Francis thân, tôi đang đàm phán hợp đồng với Metro, sẽ giúp anh kiếm về hẳn một triệu.” Tôi hắng giọng và liếc nhìn nàng. “Ký tên, Harry.”

Tôi nói thêm: “Thực ra là trong tất cả những thư tôi đọc, cô có thể ký tên thân mật là Harry. Tôi chỉ cần viết một vài bức cho Gloria Swanson, Alice Brady, Dustin Farnum nữa thôi.”

Nàng cắn cắn cục tẩy trên đầu bút chì. Tôi nghĩ: “Nhiều đó sẽ làm cô nàng ấn tượng chút.” Sau đó tôi phát hiện ra nàng nhai cục tẩy là để khỏi phì cười.

Xong việc, tôi đi chốt một hợp đồng bản quyền phim với một người ở Peoria rồi quay về khách sạn. Cô gái trẻ đã gây ấn tượng với tôi đến nỗi trước khi rời thị trấn, tôi lại gọi cho nàng.

Tôi bắt đầu đọc một bức thư gửi Clara Kimball Young, làm như cô diễn viên đã trả lời bức thư trước của tôi. Nàng ghi lại không sót một từ. Cuối cùng, nàng nói: “Anh muốn tôi gửi thư này đến cô Young phải không?”

“Dĩ nhiên, đó là thư hồi đáp lại bức thư cô ấy đã trả lời tôi mà.” Tôi trả lời nhẹ như không, vẻ đứng đắn.

“Nhưng tôi chưa bao giờ gửi mấy bức thư trước của anh đi cả.” Cô nàng trả lời cũng nhẹ như không, kèm thêm nụ cười.

“Vậy, vậy hả?” Tôi lăm bầm, hớ hàng. “Cô lạnh đấy.” Tôi nói, vì chả biết nói gì nữa. “Tên cô là gì?”

“Lucinda Bacon.”

“Tôi nhớ rồi. Nếu có khi nào mà cô rời Peoria và đến New

York chơi, tôi sẽ dẫn cô tham quan vòng vòng.”

“Cảm ơn anh nhiều, nhưng tôi đã đi vòng quanh thế giới, đã đến Nam Mỹ và từng đi quanh nước Mỹ hai lần rồi.”

“Ồm...” Tôi chả biết nói gì luôn, nên chỉ bảo là rất vui khi làm quen với nàng, rồi lủi khỏi Peoria càng nhanh càng tốt để đỡ nhục. Cái thị trấn nhỏ này coi bộ cũng được đấy.

Thực ra ngay lúc tôi đang cố gây ấn tượng với nàng bằng những bức thư giả tưởng đến Clara Kimball Young, tôi cũng nhận được tin rằng hãng Equitable Pictures gọi tôi về New York để làm ở dự án phim mới của Clara tên *Trilby*, với Clara Kimball Young đóng vai Trilby và Wilton Lackaye trong vai nhà thôi miên Svengali. Khi bộ phim trình chiếu ở Rạp Đường Số 44, tôi sắp xếp cho một cô gái trẻ ngồi ở hàng ghế khán giả, giả vờ bị thôi miên cùng lúc với Trilby trên phim. Sau khi khán giả ra về hết, cô gái vẫn ngồi yên bất động ở hàng ghế. Người ta đưa cô đến bệnh viện. Bác sỹ khám hồi lâu. Sau 12 giờ đồng hồ giả vờ mê man (với giá hai đô la mỗi giờ), cô nàng bừng tỉnh và thốt lên: “Cặp mắt ấy! Hãy tránh xa tôi ra!”

Những nhà tâm lý học hàng đầu bắt đầu quan tâm, thay nhau viết các bài báo khoa học đăng lên báo khắp New York. Giáo sư Peck đến từ Princeton và Giáo sư Munsterberg ở Harvard là hai người nổi tiếng nhất nêu quan điểm rằng có khả năng những người đa sầu đa cảm, yếu bóng vía có khả năng bị thôi miên bởi một nhân vật trong phim hoặc một vật thể vô tri nào đó. Người ta gọi trường hợp này là “thu hút trực quan” và một bác sỹ gọi ca bệnh này là “kích thích tê cứng.”

Thực ra thứ duy nhất kích thích cô nàng là một sự nghiệp diễn xuất chói sáng tôi đã hứa hẹn nếu trò này thành công.

Chiêu thôi miên này rất hiệu quả và rất bất ngờ, ngay cả với

chính tôi, bởi vì năm năm trước tôi đã từng thử ở Chicago để quảng cáo cho phim *Cấp độ ba*. Tôi cũng cho một người bị thôi miên bởi trò tra tấn cấp độ ba trên màn ảnh, và cũng làm báo chí nổi sóng y như lần này, với những tay tâm lý học gia và chuyên gia y được tranh nhau lý giải cho hiện tượng này. Thật thú vị khi thấy tờ *Evening Telegram* ở New York đã tiến hành một cuộc tranh luận y như tờ *Tribune* ở Chicago năm năm trước.

Đã một năm kể từ khi tôi đến Peoria và gặp Lucinda Bacon. Ngày nọ, tôi ở Claridge ăn tối và thấy nàng đang ngồi với một cô khác. Tôi đến chào và lại mời nàng đi tham quan New York. Tôi quyết định rằng trong vòng hai ngày tôi sẽ giới thiệu nàng với Clara Kimball Young, Alice Brady, Francis Bushman và tất cả những minh tinh xa lạ khác. Thế nhưng chẳng có ngôi sao nào tôi quen đang ở New York vào lúc đó. Nhưng rồi dần dần tôi vẫn có cơ hội gặp cô gái đến từ Peoria này, với đôi mắt thông minh, dễ mến và biết cười. Từ trước tới giờ, chưa ai có thể khiến tôi cảm thấy muốn gây ấn tượng đến vậy. Tôi muốn cho nàng thấy tất cả những gì tôi có thể làm, nhưng cùng lúc đó lại bất lực, cứ như một đứa trẻ đọc thơ cho khách lạ mà quên mất câu đầu.

Chúng tôi trở thành bạn bè, và tôi phát hiện ra nàng cũng biết nhiều người như tôi biết. Thực ra là có một số bạn chung, và những người bạn này đã “dọa” đùa nàng rằng tôi là một gã thích bay nhảy, ngày hôm nay ở đây, mai ở Brazil rồi. Họ đùa rằng tôi có liên quan một cách mơ hồ với một công ty mơ hồ đang làm việc gì đó mơ hồ có liên quan đến ngành điện ảnh, nhưng chẳng ai biết tôi đang làm gì. Vâng, đại khái là kiểu đâm vào lưng đồng đội điển hình của mấy gã bạn thân, mỗi khi bọn hăn thấy bạn đang đi cùng cô gái mà bạn đang thầm thương trộm nhớ ấy mà.

“VẬY là em phải cẩn thận với anh rồi.” Lucinda nói, không có vẻ gì là ngại. “Thế nên gần đây em phải gặp anh nhiều hơn.” Rồi nàng nói thêm, hạ giọng một chút: “Anh nói thiệt xem anh làm gì mà bí ẩn thế?”

Tôi nghĩ đây là cơ hội tốt để làm rõ mọi chuyện: “Anh sẽ cho em thấy những việc anh làm để tung trò độc thu hút công chúng.”

“Trò độc à? Anh là nghệ nhân diễn xiếc à?” Nàng hỏi, giọng ngây thơ.

“Không! Anh cho chạy những trò độc để người ta được đăng báo.”

Ngay cả Lucinda, cô gái thông minh nhanh nhạy đã đi khắp thế giới này cũng lấy làm lạ với ý tưởng ấy: “VẬY là phải có chiêu trò mới lên báo à? Em cứ tưởng người ta để nó tự nhiên chứ.”

“CÓ những trường hợp em phải tự làm. Ví dụ, giờ anh đang làm truyền thông cho một phim tên *Vụ đắm tàu của những tên ăn thịt người*. Anh đang chuẩn bị chiêu trò, và anh sẽ chỉ em cách anh làm.”

“VẬY chiêu trò này mục đích là gì?”

“Anh sẽ làm cho tin tức của phim lên trang nhất khắp các tờ báo vào sáng mai!”

“Thật à?”

Nàng đã bắt đầu thấy thú vị. Đêm ấy, tôi dẫn nàng đi ăn tối. Sau đó hai người lái xe tới Tarrytown, New York. Tôi đã làm việc cật lực hai tuần liền sắp xếp trò này, vì bộ phim cần lên trang nhất mới có cơ hội gỡ gạc. *Vụ đắm tàu của những tên ăn thịt người* là phim kể về cuộc phiêu lưu của Edward F. Adler

qua vùng đất của những kẻ săn đầu người ở New Guinea. Dù phim nghe có vẻ hấp dẫn, nhưng lại thiếu kịch tích và ít diễn biến. Người ta có thể cắt phim từ sáu cuộn còn hai mà vẫn không ảnh hưởng, nhưng hãng Universal muốn giữ lại độ dài đặc biệt của họ. Thế nên tôi phải sắp xếp cho một nhóm những hậu duệ của bộ tộc ăn thịt người Karon xuất hiện ở vùng nông thôn thị trấn Westchester, rồi để họ làm việc.

Tôi tìm được một căn nhà hoang cách nhà của Florenz Ziegfeld khoảng nửa dặm. Ông không nghĩ là tôi tiến hành sản xuất ở một nơi gần nhà ông thế. Tôi thuê tám tay da đen to-cao-đen-hôi ở Harlem. Edward Laemmle, cháu trai của Carl Laemmle, người đã đi cùng Adler, hỗ trợ dạy cho những anh da đen này điệu nhảy đặc trưng của bộ tộc Karon.

Sau đó tôi mua sáu bộ xương từ bệnh viện Fordham, rồi vào đêm thứ Hai cho Phil De Amigo, một trong những người hỗ trợ tôi, chuyển về ngôi nhà hoang. Vào đêm tôi lái xe đến Tarrytown cùng Lucinda, De Amigo cũng lái một chiếc xe khác cùng tám anh diễn vai ăn thịt người. Tôi không nói gì với Lucinda về quá trình chuẩn bị này. Kết quả là những gì nàng thấy khiến nàng sợ ngủ không được.

Chúng tôi tới nhà của De Amigo khoảng sau bảy giờ chút xíu. Mấy anh da đen đã ra xe, còn tôi và Lucinda ở nhà Phil ăn tối. Nhà của anh chàng là một ngôi nhà lụp xụp đầy khói nấu mỳ Ý. Vợ của Phil, một cô tóc vàng to béo, nhìn chúng tôi khó chịu. Lucinda cũng bắt đầu thấy khó ở. Nàng cũng đâu biết tôi cũng chả thân quen gì gia đình này. Tám anh da đen đi cùng chúng tôi, De Amigo và bà vợ to béo khó chịu, cùng với không khí trống vắng u ám ở nơi xa xôi hẻo lánh này mang lại cho nàng một cảm giác rợn người và bất an.

Nàng hỏi, giọng ngờ vực: “Anh định làm trò gì?”

“Minh phải đợi tới giữa đêm đã.”

Sau một bữa tối mịt mờ kinh khủng, chúng tôi ngồi quanh hai căn phòng nhóp nhép chờ đêm xuống. Vào khoảng 11 giờ, chúng tôi bắt đầu đến ngôi nhà của những kẻ ăn thịt người trong rừng. Những anh da đen đã luyện tập điệu múa thổ dân Karon kỹ càng. Họ nhảy và trao đổi với một thứ tiếng Anh khó hiểu (nhưng vẫn có thể giải mã được để tôi còn ghi âm lại) về mười cuộc gặp trước, bàn về kế hoạch chiếm lĩnh khu da đen Harlem ở New York. Băng ghi âm còn ghi lại được rằng, những tay thổ dân đó cần phải có máu xương loài người để đến được “vương quốc của những vì vua” đã nói ở trên. Tôi hy vọng rằng mấy tay cảnh sát sẽ dần dần khám phá ra cuộn băng đi kèm với vài bộ xương, rồi tự tưởng tượng rằng những tay thổ dân này đã xử xong vài nạn nhân rồi. Câu chuyện rất ly kỳ và rùng rợn, nhưng có đủ tố chất để lên được trang nhất.

Chúng tôi tới gần nơi diễn, cách khoảng vài trăm mét. Tôi để Lucinda lại xe, rồi cùng De Amigo đến hướng dẫn cho mấy anh da đen. Lucinda không nghĩ chúng tôi đang diễn trò, mà nghĩ là tôi thuộc băng nhóm bí mật xã hội đen kỳ bí nào đó.

Tôi bảo mấy anh da đen rằng ngay khi chúng tôi đi khuất mắt, De Amigo sẽ đốt lửa làm hiệu để họ nhảy nhót hú hét đúng như bài tập. Họ sẽ tiếp tục nhảy cho đến khi nghe hai tiếng súng. Đó là dấu hiệu cho thấy họ phải chạy nhanh hết tốc lực, xuyên qua khu rừng theo con đường đã được đánh dấu son, đến bờ sông và thay quần áo. Chúng tôi đảm bảo rằng họ sẽ không bị bắt, vì chúng tôi đã giăng dây quanh chỗ họ chạy để ngăn không cho ai ngáng đường.

Những anh da đen có vẻ hiểu họ phải làm gì, và một cảm giác huy hoàng chợt dấy lên trong lòng tôi. Đó là cảm giác huy hoàng mỗi lần tôi tung chiêu, nhưng được nhân lên gấp bội.

Trò này không chỉ lên trang nhất, mà còn đập tan bức tường đá cẩm thạch ngại ngùng và ngờ vực giữa tôi và Lucinda. Đây chắc là một cách ngỏ lời rất lạ, khi mà thứ dùng để ngỏ lời là dòng tít giật trên báo vào sáng hôm sau.

Trong lúc đó, mấy anh da đen cởi đồ, và chúng tôi chuyển quần áo họ ra bờ sông. De Amigo đốt lửa và mấy anh thổ dân Karon vào nhà. Căn phòng thần bí đã được trang trí kỹ. Mấy bộ xương nằm trên tường ở những tư thế kinh dị, bên dưới nằm lẫn lóc một quyển nhật ký. Những kẻ ăn thịt người vào phòng qua một lỗ hổng trên tường. Tôi nói lời cuối: “Giờ thì hãy vào trong và diễn hăng lên nào!”

Tám anh da đen đến từ Harlêm bước vào và thấy một thứ họ chưa được chuẩn bị trước. Khi tận mắt chứng kiến đội quân xương người, 16 con mắt suýt nữa bay vọt ra.

“Má ơi! Óa óa óa!” Họ đồng thanh hét lên kinh hoàng, bay xuống gác, chạy vào rừng mất tiêu luôn.

Chuyện dàn diễn viên bỗng dưng chạy mất làm tôi đơ luôn. Nhưng ngay lập tức, tôi tìm cách cứu vớt. Chạy xuyên qua đường, tôi bắn một phát súng, năm phút sau một phát nữa. Ngọn lửa tiếp tục lay lắt trong căn nhà, tạo nên một cảm giác cực kỳ rùng rợn khi nhìn từ ngoài đường vào. Rồi Joe và tôi chạy ngay về xe, lái đến trụ điện thoại gần nhất. Lucinda lúc này run đến lạnh toát người.

“Mấy phát súng nãy là sao?” Nàng thì thầm, nắm chặt lấy tay tôi lo lắng. Tôi nghĩ, có khi nàng chẳng thích mình. Nàng hỏi: “Anh vừa giết ai à?”

“Không, không, trò diễn vậy là hết rồi.”

Ngay sau đó, tôi gọi điện cho sở cảnh sát Pelham rằng có chuyện gì đó kỳ lạ đang xảy ra ở căn nhà hoang gần nhà của

Ziegfeld. Tôi bảo họ rằng tôi thấy một tá da đen, có thể là thổ dân ăn thịt người, trần trùng trực nhảy nhót quanh đồng xương người. 15 phút sau, De Amigo và tôi tiếp tục gọi cho cảnh sát ở New Rochelle, Rye, Harrison và Tarrytown. Nhưng khi cảnh sát đến, dĩ nhiên không ai thấy anh da đen nào nữa. Tất cả chỉ còn mấy bộ xương và quyền nhật ký.

Chúng tôi quay trở lại nhà của De Amigo. Lúc đó đã một giờ sáng, quá trễ để về New York. Lucinda phải qua đêm với bà vợ mập, còn tôi thì ngủ trên sàn với Joe. Vào lúc đó, Lucinda chắc mẩm rằng nàng đã bị lôi kéo vào một vụ lùm xùm nào đó, và lẽ ra nàng nên sống an phận ở Peoria cho rồi. Nhưng tôi biết rằng những cái tí giạt trên báo sáng mai sẽ làm mọi hiểu lầm tan biến. Nàng sẽ biết ngay tôi là ai.

Ngày hôm sau, tôi và nàng lái xe về New York. Ngay lập tức, tôi mua hết sạch các tờ báo đang bày bán.

Tôi hơi ngạc nhiên chút khi không thấy tiêu đề *THỔ DÂN ĂN THỊT NGƯỜI XUẤT HIỆN Ở TARRYTOWN*, nhưng chỉ nghĩ rằng có khi nó bị đẩy xuống trang hai. Nhưng hóa ra là, chẳng có tờ báo nào kể về vụ này cả. Chiêu trò truyền thông này đã thành bom xịt. Tôi ngược lên nhìn Lucinda một cách ngu ngốc, còn nàng thì nhìn tôi kiểu đáng thương, tội nghiệp pha lẫn hối hận. Tất cả những thứ nàng nghĩ đều có vẻ như là thật cả. Giờ thì những trò tôi làm đâu phải chiêu trò truyền thông gì. Tôi trông chả khác gì một tay xã hội đen, đàn đúm với mấy nhân vật chả tốt lành gì. Nàng muốn tôi chở về khách sạn. Nàng giờ rất giận vì tôi đã chơi đùa với lòng tin của nàng dành cho tôi. Rõ ràng tôi là một thằng lừa gạt. Ngay khi đó, tôi nhận ra là mình yêu nàng biết bao nhiêu. Nhưng tôi đã mất nàng. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa.

Tôi vô cùng thất vọng, không hiểu vì sao báo chí không hề

đăng một dòng nào cả. Có lẽ là có chuyện gì đó không nằm trong kịch bản sau khi cảnh sát đến. Ngày hôm sau, Cảnh sát trưởng Pelham, Andrew O'Brien, gọi tôi, cười mỉa: "Nào nào, anh Reichenbach, anh muốn chúng tôi xử mấy bộ xương sao nào?"

"Xương nào? Sao anh nghĩ là của tôi?"

"À, bộ xương có cái móc ghi bệnh viện Fordham. Bên bệnh viện bảo là anh mua nó vài ngày trước. Lần sau có làm trò thì nhớ gỡ móc ra nha anh hai."

Tôi quên gỡ mấy cái móc bé tẹo ở ngón chân cái mấy bộ xương. Chỉ vì thế mà tôi mất trang nhất. Và cả Lucinda nữa.

CHƯƠNG XIV

Tuần trăng mật ở London

Trò ăn thịt người ở Tarrytown không phải là trò thất bại đầu tiên và duy nhất của tôi. Trong vụ làm cho phim *Nữ hoàng tội lỗi*, tôi cho làm một cái thi thể ướp muối, được một anh gác đêm phát hiện ra trong một khu đất bỏ hoang. Tôi muốn người ta nghĩ đó là xác ướp được phát hiện bởi một nhà khảo cổ người Anh đang ở Ai Cập. Cảnh sát đã chấp nhận rằng cái xác ướp này là một phát hiện lịch sử đáng chú ý, cho tới khi lưng của cái xác bị lỏng ra, toàn bộ rơm nhồi ở trong lòi ra ngoài. Tay làm hình nộm xác ướp đã làm không kỹ. Vài sợi dây, vài cái đinh thiếu đã làm tôi mất một trò hay. Tuy nhiên, trò thổ dân Harlem với vài cái móc còn làm tôi suýt mất cả hạnh phúc đời mình. Cô gái đến từ Peoria đã chắc chắn rằng tôi là một tay ma cô. Nàng đau buồn cũng nhiều như tôi vậy. Mọi nỗ lực gặp lại nàng đều thất bại, và tôi cũng không muốn dựa dẫm vào bạn bè để nàng miễn cưỡng gặp tôi. Tôi nghĩ rằng định mệnh giỏi làm ông tơ bà nguyệt hơn. Và đúng vậy, định mệnh ngay lập tức xen vào.

Bộ phim Tarzan thứ hai được công chiếu ở rạp Broadway.

Nó được hỗ trợ bởi một con sư tử đứng ngay trước cửa khách sạn, và dĩ nhiên báo chí toàn bộ đều đưa con sư tử lên trang nhất. Vào đêm công chiếu, tôi có xuất hiện trên sân khấu để giới thiệu Beckwith, nhà huấn luyện sư tử nổi tiếng đã giúp tôi diễn trò này, và ông đã dẫn con sư tử đi vòng quanh sân khấu.

Khi tôi xuất hiện, tôi nghe một giọng nữ ở hàng đầu, hỏi bạn đi cùng: “Ai vậy?” Tôi như ngừng thở vì nhận ra giọng nàng, và lắng tai nghe trả lời. May là người đi cùng nàng thì thầm với một âm lượng đủ làm tất cả mọi người ở rạp nghe rõ: “Đó là Harry Reichenbach, chuyên gia truyền thông vĩ đại nhất nước Mỹ.” Suýt nữa thì tôi nháy xuống dưới sân khấu hôn anh chàng luôn rồi. Anh chàng nói tiếp: “Tôi biết anh này rõ lắm.”

“Tôi cũng vậy.” Cô gái đến từ Peoria trả lời. Sau câu giới thiệu hoành tráng của anh chàng này, thì mọi thứ quanh tôi không còn ý nghĩa gì nữa. Tôi cũng chả biết anh chàng có nhận thức được tôi biết ơn anh như thế nào không nữa. Tôi cảm thấy đèn chiếu quay cuồng, cả rạp như đảo lộn. Tôi thầm nghĩ: “Vậy thì, cô gái đến từ Peoria oi, giờ em đã biết chuyên gia truyền thông vĩ đại nhất nước Mỹ chưa? Em có thấy bất ngờ chẳng?” Tôi phải công nhận là chính tôi cũng mừng khôn xiết.

Giờ giải lao, nàng tình cờ ở sảnh, và tôi đến gặp nàng. Nàng rất vui khi gặp tôi. Biểu cảm khó chịu đã biến mất, và nàng trở thành một cô gái trẻ xinh xắn nhất trần đời, người đến từ một thị trấn nhỏ và chờ đợi được Aladdin cho chứng kiến tận mắt thành phố mà chàng đã xây nên với sự giúp sức của thần đèn.

Hai tuần tiếp sau đó, ngày nào chúng tôi cũng gặp nhau ăn trưa rồi ăn tối. Có vẻ như những cuộc chuyện trò không bao giờ kết thúc. Chúng tôi nói đủ chuyện trên đời. Tôi nghe nàng kể chuyện quá khứ của nàng, và rồi nàng lại lắng nghe tôi. Nàng kể về di Jo, một người phụ nữ 70 nhưng vẫn trẻ trung đã

giúp thị trấn Peoria theo kịp thời đại. Lucinda đã tự lập từ nhỏ. Mẹ nàng mất khi nàng ba tuổi, và dì Jo nhận nuôi nàng. Dì Jo nhận nuôi tất cả những thứ dễ thương ở Peoria thì phải.

Chúng tôi đi dọc Broadway và tôi chỉ vào một chiếc Packard ngon lành trưng bày ở một trong những cửa sổ.

“Em sẽ trả bao nhiêu tiền để về Peoria trong chiếc xe này?”

Lucinda cười: “Làm vậy cả thị trấn sẽ quay cuồng luôn! Em tưởng tượng dì Jo sẽ đuổi anh tài xế ra và tự học lái luôn!”

Sáng hôm sau, Lucinda có điện thoại mời xuống dưới sảnh khách sạn. Người gọi điện bảo rằng anh là đại diện công ty xe hơi. Khi nàng xuống, nàng phát hiện ra rằng tôi chính là đại diện. Nàng hỏi, giọng hơi bực: “Lại là trò của anh à?”

“Có thể.”

Tôi dẫn nàng ra khỏi khách sạn. Và trước mắt nàng là chiếc Packard mới cấu, vừa được lái từ cửa hàng hãng ra.

“Cái gì? Đừng nói với em là anh mua rồi nha!”

“Không, anh chỉ mới lái thử một vòng thôi. Phải trả tiền nữa.”

“Sao anh trả được! Cả gia sản mới mua được đấy!”

“Đúng vậy. Nhưng trong khi mình lái một vòng, anh sẽ kiếm đủ tiền trả.”

“Hay à nha. Em giờ cũng biết anh rồi, nhưng chưa bao giờ thấy anh làm việc cả.”

“Đi nào!” Chúng tôi leo lên xe và khởi hành. “Trạm dừng chân số một: văn phòng của Sam H. Harris.”

Harris có nhắn tôi ghé qua viết một vài bài quảng cáo cho

vở *Nemesis*, với Holbrook Blinn và Irene Fenwick thủ vai chính. Trong vòng một tiếng đồng hồ, tôi đã viết một sê-ri 15 bài quảng cáo, nhận về 1.500 đô la. Dĩ nhiên là Lucinda nhìn thần phục lắm. Nàng nghĩ tờ séc tôi vừa nhận là kiểu cổ tức nhận hàng kỳ. Nàng nghĩ rằng có một nhà sản xuất phim luôn trả trước tiền công cho tôi. Kiểu như khi lăng mộ của vua Tut xứ Ai Cập được mở ra, có sẵn tờ séc của vua Tut ghi tên tôi, và đến đúng 3.000 năm sau là đáo hạn thì phải.

Trạm dừng chân tiếp theo là văn phòng Paramount. Ở đây tôi viết một quảng cáo đặc biệt giới thiệu cho bộ phim *Khải hoàn ca* (*Triumph*).

Tôi hỏi Lucinda: “Em đã bao giờ nghe chuyện anh người Scotland mua báo chưa?”

“Không, hẳn lượm tờ báo người ta quăng ở sân ga. Phải không?”¹

“Chính xác. Giờ mới tới phần hay nè. Anh sẽ viết một quảng cáo khiến một người Scotland mua bảy tờ báo khác nhau trong một ngành. Nghe hay không?”

“Nếu vậy thì sẽ còn hấp dẫn hơn chuyện đủ tiền trả chiếc Packard nữa.”

Tôi sắp xếp cho đăng mục đồ vui ở bảy tờ báo khác nhau, bốn tờ buổi sáng, ba tờ buổi tối. Ở mỗi tờ đều có ghi tên sáu tờ còn lại. Mỗi tờ có một hoặc hai chữ cái, ghép lại thành tên bộ phim. Độc giả nào ghép đủ bảy mảnh ghép đầu tiên và gửi về văn phòng Paramount sẽ nhận 100 đô la tiền thưởng. 250 người

¹ Người ta hay đùa rằng người Scotland rất... ki bo. Thế nên, hẳn sẽ chỉ lượm chứ không mua.

tiếp theo sẽ nhận vé miễn phí. Quảng cáo như sau:

TEA	ARE	EYE	YOU	EM	PEA	AITCH
T	R	I	U	M	P	H

Thật sự đó là một khúc khải hoàn dành cho tôi. Tôi được trả 1.500 đô la. Hàng ngàn bài đáp từ độc giả đã được gửi về cho văn phòng Paramount. Người ta đồn rằng những người gửi đáp án về toàn là dân Scotland.

Chúng tôi đến văn phòng thứ ba, nơi đang cố gắng quảng bá cho bộ phim *Bà hoàng thế giới*. Đó là một bộ phim kỳ bí nước ngoài. Thứ kỳ bí nhất là chả ai hiểu vì sao người ta lại sản xuất và nhập khẩu bộ phim này. Cần phải có một chiến dịch quảng bá thật bùng nổ mới mong moi lên được chút hứng thú từ khán giả.

Tôi bắt đầu viết, nghĩ về sự hào hứng mà tôi sẽ có nếu đủ tiền mua chiếc Packard: “Nếu sự hào hứng có thể làm rung chuyển trái đất, thì đây là tòa nhà Woolworth sau khi bộ phim *BÀ HOÀNG THẾ GIỚI* được chiếu ở rạp RIALTO.” Đối diện quảng cáo này, tôi cho họa sỹ vẽ tòa nhà Woolworth trông như đã sụp đổ hoàn toàn. Trong một quảng cáo khác, tôi tiếp tục trò tương tự, lần này đổi thành tòa nhà World. Ở chỗ khác là tòa nhà Flatiron. Tôi đã phải đập nát hết mọi tòa nhà ở New York để đủ tiền trả cho chiếc xe, và cuối cùng cũng hoàn thành nhiệm vụ.

Lô quảng cáo rung chuyển trời đất này hiệu quả đến nỗi ban quản lý tòa nhà Woolworth gửi thư cảnh cáo, khiến chúng tôi càng nổi tiếng và được bàn luận nhiều hơn nữa. Tóm lại, chuyển đi vòng quanh các văn phòng công ty với một cây bút chì mềm đã giúp tôi kiếm đủ tiền trả cho chiếc xe, và Lucinda

thì có cơ hội lần đầu tiên tận mắt thấy cuộc sống của người làm quảng cáo, cũng có thể gọi là đầy đủ.

Một tuần sau, chúng tôi thông báo lễ cưới sẽ diễn ra ở Ritz-Carlton, dưới sự chứng kiến của bạn bè. Chúng tôi muốn đi trắng mặt và Carl Laemmle rất sốt sắng giúp. Bộ phim *Bên ngoài pháp luật* của anh chàng đã quá thành công, đến nỗi nó bị đặt ngoài vòng pháp luật ở Anh luôn. Đội ngũ kiểm duyệt không chấp nhận cho phim lưu hành, và Laemmle đề nghị trả hết chi phí đi trắng mặt ở London cho tôi, cộng thêm 7.500 đô la nếu tôi có thể giúp *Bên ngoài pháp luật* chui qua được đợt kiểm duyệt của mấy tay người Anh.

Vậy là theo thỏa thuận này, tôi và Lucinda ngay lập tức phải đi trắng mặt. Đến London, tôi gọi cho T. P. O'Connor, trưởng phòng kiểm duyệt ở Anh. Tôi đã gặp anh này ở vài buổi tiệc ở Mỹ rồi. Tay Pay vĩ đại nhớ mặt tôi, mời tôi uống trà, nhưng hóa ra buổi tiệc trà là một cuộc thi hít thuốc. Cứ mỗi ngụm trà, Tay Pay lại mời tôi một liêu, và dĩ nhiên vì lịch sử tôi làm một phát. Khi ra về, tôi đã phê đến nỗi chui lộn xe taxi. Anh taxi ngồi đợi tôi buộc phải chạy nối đuôi theo về tới nhà, và tôi phải trả tiền cho cả hai chiếc. Thế nhưng cuối cùng thì *Bên ngoài pháp luật* cũng qua vòng kiểm duyệt nhờ anh cán bộ Tay Pay O'Connor với tư tưởng tự do; còn tôi và Lucinda cũng có cơ hội xả hơi ở London.

Nhưng vợ chồng tôi xả hơi không được lâu. E. W. Fredman, biên tập tờ *The Film Renter*, mời tôi ăn trưa cùng nhiều nhà sản xuất ở Anh. Sau món tráng miệng, thì mọi người bắt đầu tranh luận về công nghiệp điện ảnh ở Anh và Mỹ cùng các phương pháp quảng bá ở mỗi nơi. Một chàng trai trẻ đứng dậy và nói: "Thưa anh Reichenbach, tôi vừa mới làm xong một bộ phim và muốn mời anh tham gia quảng bá cho buổi công chiếu ở

London. Đó đơn giản là cơ hội thử nghiệm thủ thuật quảng bá Mỹ ở đất Anh xem có hiệu quả hay không." Người nói là Guy Newall, một nhà sản xuất kiêm diễn viên trẻ đầy triển vọng, và bộ phim mà anh chàng nói sau này được gọi là *Kẻ đào hoa*.

Sir Charles Higham, một nhà xuất bản, và là một trong những người đầu ngành quảng cáo ở Anh, ngồi dậy và bảo rằng làm vậy chỉ tốn thời gian và tiền bạc, vì ông biết rằng dân truyền thông Mỹ sẽ khó mà thành công ở Anh, vì dân Anh không quen với khẩu vị và phương pháp có phần thô kệch của dân Mỹ. Tôi bắt đầu thấy đầu bốc khói. Tôi ngay lập tức bác bỏ những lời Sir nói, và rằng phương pháp của tôi có vẻ lạ vì đó toàn là phương pháp mới, và rằng nếu anh Newall đây muốn trả lương tôi, thì tôi sẽ sẵn lòng nhận để cho mọi người có cơ hội đánh giá. Newall chịu chơi nhận lời, với mức lương của tôi là 250 bảng Anh một tuần, cộng thêm quyền sử dụng chiếc Daimler, nghĩa là tương đương thêm 50 bảng mỗi tuần nữa.

Vào lúc đó, mọi người đều rất muốn xem cuộc thử nghiệm sẽ ra sao, và Bob Lawson, một nhà truyền thông nổi tiếng ở London, đề nghị tôi nói thử xem chuyên gia Mỹ sẽ cho nước Anh già cổ xem cái gì.

Tôi cúi người xuống, vẻ bí mật: "Nếu mọi người ở đây chịu giữ bí mật và hứa không nói cho ai khác ngoài căn phòng này, tôi sẽ vui lòng mô tả kế hoạch của tôi."

Mọi người thề độc sẽ giữ bí mật đến cùng, và tôi nói: "Đầu tiên, tôi sẽ lấy một máy quay hai ống kính, chiếu một quảng cáo lên tường của điện Buckingham. Ngày hôm sau, cả London sẽ bàn tán về nó!" Đây rõ ràng là một quả bom.

"Cái gì? Quảng cáo trên tường cung điện hoàng gia à? Gã người Mỹ này điên à?" Thế là chẳng ai dám ngồi nghe chi tiết

thêm, vì sợ bị buộc tội đồng lõa mưu phản. Ngày hôm sau, tờ *Daily Express* đăng ngay một bài chi tiết về kế hoạch mà mọi người đã thề giữ bí mật cho tôi. Tờ *Cinema* cũng vậy. Tờ *Daily Mail* còn cử phóng viên đến lấy tin chi tiết hơn về kế hoạch phạm tội của tôi. Chả một người nào trong số những tay cứng cựa nhất ngành truyền thông Anh mảy may nghi ngờ rằng tôi nói xạo. Lúc đó tôi chả hề có ý chơi trò này, nhưng lại biết rằng bí mật là một thứ gì đó vô cùng thiêng liêng và vi diệu ở Mỹ cũng như ở Anh.

Bước đầu tiên trong chiến dịch thực sự của tôi hoàn toàn khác, và được thiết kế để làm *Sir Charles Higham* cùng những người bạn đa nghi của ông lo lắng. 300 người có vai vế nhất ngành điện ảnh ở London đều nhận bức thư sau đây, với chữ phụ nữ viết tay:

“Em biết anh không nghĩ là lại nghe tin từ em, anh yêu ạ, nhưng em không thể tự ngăn mình lại được. Em gửi cho anh chiếc chìa khóa này, và thứ ba tuần sau, anh sẽ nhận được một chiếc hộp để dùng chìa mở ra. Hộp này là một thứ rất quen thuộc và gần gũi với cả hai ta. Em biết khi nhận được chiếc hộp, anh sẽ hành động như một người đàn ông đích thực. Chờ anh ngày đó, I. D. của anh.”

Dĩ nhiên bức thư này các bạn đã quen—đó là thư tôi đã gửi cho mấy ông chủ rạp ở Mỹ. Kết quả tương tự: *Sir Charles Higham*, một giờ sau khi nhận bức thư kỳ bí này, đã gọi luật sư riêng và đổ hết cho ông này xử bức thư. Tôi không biết ở Mỹ hay ở Anh người ta đem bức thư cho luật sư nhiều hơn, nhưng ở đâu cũng vậy, đàn ông vẫn là đàn ông. Họ bỏ một tuần liền sống trong lo lắng, đợi gói hàng đến. Dĩ nhiên trong gói hàng là một số báo *The Film Renter* với hai trang quảng cáo phim *Kẻ đào hoa*. Mấy anh chủ rạp ức chế với ý tưởng truyền thông này đến

nổi họ cứ bàn luận về nó, khiến cho một thời gian dài người ta chỉ biết đến mỗi một chủ đề mà thôi. Chữ viết tắt I. D. dĩ nhiên là viết tắt cho tên của bạn đồng diễn của Newall, cô Ivy Duke.

Bước tiếp theo là dán hàng ngàn cái poster in ngược. Chúng tôi nhận được hàng trăm thư báo rằng poster bị lỗi, và một thành viên trong liên đoàn dán poster thậm chí còn đến thay mặt đồng nghiệp xin lỗi tôi. Bạn bè bảo rằng tôi bị phân biệt đối xử. Thế là bộ phim lại thành chủ đề nổi bật.

Sáng vài ngày sau đó, tôi phủ London với hàng loạt poster truy nã:

TRUY NÃ

Herbert Arnott, thường được thấy dưới dạng một quý ông người Anh, được người Pháp biết đến với mật danh *Kẻ đào hoa*.
Thưởng ngay 500 bảng cho ai bắt được gã.

MÔ TẢ

Cao—1,78 mét

Nặng—83 kg

Mắt—xám nâu

Tóc—xám nâu

Râu—dài, xám nâu

Nước da—sáng

Mũi—thẳng

Tuổi—khoảng 50

Thường mặc đồ vải ni, giày vàng nâu.

Nếu gặp Arnott, hoặc biết tin gì về nơi trốn của gã, hãy thông báo cho sở cảnh sát gần nhất.

Trong poster là hình Guy Newall trong vai kẻ đào hoa, râu ria xồm xoàm. Không gã nào để râu xồm kiểu đó lại yên lành trên đường phố London. Hai ngày sau, đại diện sở cảnh sát ở Scotland yêu cầu chúng tôi gỡ bỏ poster: “Anh chắc chắn sẽ ăn khá nhiều án kiện. Giờ ở đây người ta cứ kéo mấy ông già đến sở cảnh sát đòi nhận thưởng. Ngoài ra, anh bị phạt 5 bảng cho mỗi poster vì không ghi rõ tên người in.”

Chương ngại tiếp theo là báo chí. Quảng cáo tôi thiết kế bị tờ *Daily Mail* từ chối vì nó sẽ thu hút quá nhiều sự chú ý. Sau khi thiết kế lại, thì quảng cáo sẽ chẳng thể nổi bật lên được nữa. Bảng quảng cáo điện tử cũng gặp vấn đề tương tự. Người ta không cho chúng tôi treo lên vì nó sẽ... bị chú ý.

Có một hội nghị ngành điện ảnh diễn ra, và tôi muốn thuê chỗ treo banner ở sảnh khách sạn. Họ đòi tiền treo banner còn nhiều hơn tiền cho hội điện ảnh thuê cả cái sảnh nữa. Trong khi đó, một tay truyền thông Anh cũng thuê, và chỉ phải trả mức phí tượng trưng. Rõ ràng là tất cả đều im lặng đồng lòng muốn đập chết tôi ở mỗi bước đi.

Tôi phát hiện ra hội nghị kéo dài hai ngày này sẽ kết thúc bằng một bữa tiệc tối. Vài tiếng trước bữa tiệc, một thanh niên đến gặp bà quản lý khách sạn và nói: “Chị không cần cho bánh mỳ của khách sạn vào tiệc tối đâu. Hội đồng sẽ tự lo vụ bánh mỳ. Bánh sẽ được chuyển đến vào lúc sáu giờ.” Dĩ nhiên khách sạn rất vui vì tiết kiệm được chi phí.

Tối đó, 800 người có máu mặt ngành phim ảnh Anh vào tiệc. Linh mục Henry Russell Wakefield, Giám mục Birmingham, đọc lời tạ ơn xong, ban nhạc bắt đầu chơi bản *God save the King*.

800 vị khách đói khát giờ tay ra cầm 800 cái bánh mỳ. Đa số

đều đói đến mất kiên nhẫn, nên không thèm bẻ bánh mỳ ra mà cắn luôn. Thế là giữa miệng họ là một tờ giấy. Những người từ tốn hơn sẽ thấy đó là một tờ quảng cáo: “BỘ PHIM KÊ ĐÀO HOA CÔNG CHIẾU Ở RẠP ALHAMBRA THỨ HAI TUẦN SAU SẼ GIÚP RẠP CỦA ANH ĐẠT DOANH THU KHỦNG.”

Chả biết vì hào hứng hay vì háu ăn mà Giám mục Birmingham nuốt hết phân nửa tờ quảng cáo, và sau đó kiện tôi 150.000 bảng Anh, khiến bộ phim *Kẻ đào hoa* lại một lần nữa có cơ hội lên trang nhất. Tờ *Daily Graphic* khen ngợi chiêu trò truyền thông biến quảng cáo thành thức ăn. Còn người đã phê phán cách thức truyền thông bồ bã của Mỹ cuối cùng lại nuốt trọn tờ quảng cáo.

Kết quả cuối cùng, *Kẻ đào hoa* công chiếu với rạp chật kín ghế. Vé đều hết sạch suốt ba tuần ở rạp Alhambra. Nó lập kỷ lục mới, đánh dấu mốc đầu tiên trong lịch sử điện ảnh Anh quốc, khi mà lần đầu tiên một bộ phim hoàn toàn sản xuất ở Anh có thể đạt lợi nhuận theo cách có thể xem là “chính thống.” Tuy vậy, vẫn phải cần có một anh chuyên gia truyền thông Mỹ chống lại cả nước Anh để cho họ thấy cách chuẩn xác để bán sản phẩm Anh cho người Anh là như thế nào.

Thật là một chuyến trắng mắt hấp dẫn, nhưng Lucinda lại có vẻ thích hai vợ chồng ngồi lặng yên bên nhau trong sương mù hơn.

CHƯƠNG XV

Danh vọng hư ảo

Kể từ chuyến đầu tiên đến London, tôi và Lucinda hè nào cũng đi nghỉ ở nước ngoài, ở Paris. Tuy chuyến đầu tiên toàn là công việc, nhưng những chuyến tiếp sau đó chuyến nào cũng như trăng mật vậy. Chỉ duy có một đợt, muốn làm chuyến nghỉ hè mới mẻ một chút, tôi có nhận một nhiệm vụ, đến Paris và quảng bá cho bộ phim *Dưới đáy biển sâu*. Tôi cho một người ăn mặc lịch sự, đội mũ cao cà vạt các kiểu, ngồi bên bờ sông Seine câu cá. Khi một lượng lớn người qua đường dừng lại xem, thì anh chàng sẽ mở cuộn vải, trên đó là những dòng quảng cáo cho bộ phim. Đó là một quảng cáo luôn kết thúc bằng một tràng cười, và thường là kiểu quảng cáo hiệu quả nhất.

Tôi nhớ có lần khi quảng bá cho tác phẩm *Potash và Perlmutter*, tôi có chuẩn bị tờ rơi để phát vào trận đấu giữa Dempsey và Firpo. Tờ rơi khẳng định rất cứng: "Dempsey sẽ nốc ao Firpo vào hiệp thứ tư." Phía mặt sau là lý do: "Vì Firpo đã cười rũ người khi xem *Potash và Perlmutter* đến không còn sức nữa!"

Một trò hài hước khi quảng cáo có lần đã kéo cảnh sát đến,

nhưng lại chỉ tạo được những nụ cười gượng ở Broadway. Lúc đó tôi đang quảng cáo cho phim *Grass*, và tên phim được phô ra trên biển điện dài ba mét. Bất ngờ, hai chữ cái đầu (G và R) bị... mất điện. Mọi người bắt đầu xì xầm khi thấy chỉ có mấy chữ ASS¹ lơ lửng giữa không trung. Và dĩ nhiên cảnh sát gọi tôi tới lo khắc phục hậu quả ngay.

Không giống như ở London, những trò tôi làm ở Paris đều được hưởng ứng bằng tiếng cười và sự thành công. Những nhà truyền thông Anh không thích mấy trò úm ba la xì bùa của tôi, nhưng người Pháp thì xem nó như đùa vui. Tuy vậy, ở cả hai nơi thì công chúng đều phản ứng theo cùng một kiểu: họ không trân trọng nó. Chỉ có ở Mỹ thì người làm quảng cáo truyền thông mới có thể ước lượng được độ hiệu quả về mặt kinh doanh của những chiêu trò truyền thông. Đây là một công cụ hiện đại, một cỗ máy có thể xúng ngang hàng với những phát kiến động cơ, máy móc mới nhất của thời đại này.

Nhiều năm trước, khi tôi đang tìm cách đặt suất chiếu ở rạp Victoria của Hammerstein, nhà rạp nổi tiếng nhất thời đó, thì Hammerstein luôn ưu ái những người đang nằm trong mắt công chúng. Ông có thể trả 1.000 đô la một tuần cho bất kỳ ai có thể lên trang nhất bằng cảm xúc.

Có lần, một cô X bắn một người vào thứ sáu; thế là thứ hai cô nàng công chiếu ở rạp Victoria. X và bạn của cô—cô Y—lúc đó biểu diễn một tiết mục nghệ thuật cơ thể. Khi tôi sắp xếp đặt thêm một tuần diễn thứ hai với cô X, thì Hammerstein bảo tôi: “Đội cô nàng cầm súng ra ngoài giả bộ bắn ai khác đã.”

Để cô nàng có thể “lên sàn,” đồng thời để kiếm 1.000 đô la,

¹ “Ass” nghĩa là... cái mông.

tôi quyết định lôi cô nàng ra trước ánh đèn của công chúng lần nữa. Cô sẽ đi Juarez, Mexico, tìm cách gặp Pancho Villa vì thù hằn hay nợ máu gì đấy. Cô nàng sẽ ở đó cầu xin cho ông anh trai mất tích (người ta đồn rằng là bị bắt cóc). Mẹ nàng, bị kích động vì đứa con trai đã biến mất, nằm liệt giường luôn. Chúng tôi thuê một bà già đóng vai mẹ với lương năm đô la một ngày. Bằng cách thêm chi tiết rằng ông anh trai đã mất tích, chúng tôi khỏi phải thuê thêm người.

Tôi đến Utah House ở El Paso và diễn tập với cô X theo kịch bản. Cô được sắp xếp phải vượt biên vào Mexico vào 5:30, đi đến Juarez, sống trong nhung lụa ở khách sạn ngon nhất, và giải thích với mọi người rằng người anh giàu có của cô—một tài phiệt dầu mỏ—đã bị bắt cóc. Cô được sắp xếp đến gặp Villa, và rồi khi ông này không nhìn thấy, cô phải tự làm xước cổ tay bằng một con dao. Sau đó, cô phải giữ cổ tay có máu, chạy về khách sạn rồi ngất đi ngay giữa sảnh một cách tình cờ, dễ dàng và an toàn. Sau đó thì chắc chắn sẽ có tí: “Một cô gái Mỹ bị Villa tấn công!”

Chúng tôi ở nhà ngồi chờ tin từ cô X. Lẽ ra cô X phải báo tin về cho cô Y, nhưng chả ai nghe tin gì cả. Chúng tôi bắt đầu lo cho sự an toàn của cô X, thậm chí bà mẹ được thuê cũng lo lắng hơn cả mức mà bà được trả tiền. Vẫn chả có tin gì. Cuối cùng tôi liên hệ Hội Nhà Báo và nhờ họ tìm tung tích của cô gái trẻ ở Juarez. Hai ngày sau, chúng tôi được tin rằng một người trùng khớp với mô tả diện mạo cô X đang ở Juarez, luôn ở công ty của Pancho Villa, ăn tối với ông, đi chơi với ông như một cặp tình nhân, không rời nhau nửa bước. Đó là trường hợp duy nhất một diễn viên diễn quá mức yêu cầu. Rõ ràng là sự nghiệp của cô với rạp của Hammerstein kết thúc, nhưng một tương lai huy hoàng đang chờ đợi cô ở gia tộc Villa.

Báo chí và công chúng luôn hứng thú với những con người và sự vật cụ thể. Khi Gloria Swanson bị bệnh ở Paris vào tháng Hai, 1925, tên của cô lên trang nhất suốt ba ngày liền; trong khi một thảm họa hầm mỏ ở Đức khiến 500 người chết lại chỉ được một đoạn ngắn mà thôi.

Trong một lần đánh cược, tôi đã đưa một cô gái hoàn toàn vô danh, chỉ trong hai tuần, đã xuất hiện trên toàn bộ những biển quảng cáo điện ở Broadway và nhận lương cấp độ minh tinh. Chuyện là thế này.

Louis De Foe, một nhà phê bình phim và kịch hàng đầu, nói rằng: "Kỹ nghệ truyền thông sẽ chẳng làm được gì để đưa một diễn viên lên hàng đầu sân khấu kịch nghệ truyền thống đâu. Người ta chỉ có thể nổi tiếng nhờ truyền thông nếu bản thân đã có tài thôi!"

Lúc đó là giữa tháng Mười Một, 1913, ở câu lạc bộ Dutch Treat.

Channing Pollock, biên kịch; Wallace Irwin, tác gia; Irvin Cobb, nghệ sỹ hài, cùng nhiều người khác gật đầu đồng ý. Chỉ có mình tôi là không.

"Cứ cho tôi một cô gái nhìn xinh xinh một chút, tài năng thường thường, có một ít não, tôi sẽ đảm bảo cho cô ấy thành sao chỉ trong hai tuần."

"Tôi cược 50 đô la là không làm được!" De Foe nói cứng, và thế là cuộc đánh cược bắt đầu.

Tôi chọn một cô gái trẻ đã có gia đình và một con, bị chồng bỏ rơi, tình cảnh khá bi thảm. Tôi cho cô đứng ở xưởng Bowery, gần một cái máy may và hát bài *By the banks of the Wabash*. Cùng lúc đó, tôi lái xe ngang qua với Florence và Mary Nash. Chúng tôi dừng lại, đứng lặng người nghe giọng ca tuyệt

vời của cô. Caruso sau này nói: “Đó là một giọng hát vô cùng đặc trưng, đây là cô gái duy nhất có thể hát giọng trầm *baritone*!” Người ta phỏng vấn, tư vấn, chụp ảnh, và đăng đủ thứ về nàng, Nina Barbour. Và dĩ nhiên là nàng được mời diễn luôn ở rạp Palace. Để làm cú kết thêm hoành tráng, tôi mời giới chức Indiana—quê hương mới của cô—ăn mừng ăn theo sự kiện này. Nina được sắp xếp cho hóa thành cô gái quê Indiana, được đón chào nồng hậu bởi những người hàng xóm ở đây trong chuyến vinh quy bái tổ. Khi nàng đã diễn xong phần hát của mình, vài người hâm mộ đến từ Indiana ngồi hàng ghế sau vẫn ngẩn ngơ hỏi nhau: “Khi nào cô ấy mới hát?” Cô nhận 500 đô la một tuần, được đặt sô 20 tuần liên tiếp. Martin Beck, chủ sở hữu của Palace lúc đó, tình cờ đi ngang qua lúc cô diễn, nhìn Nina Barbour và ngay lập tức đòi tống tôi ra khỏi rạp. Ông bảo: “Tại sao rạp này lại trả 500 đô la một tuần cho con bé đó? Tháng trước nó ở đây trong đội đồng ca, lương 35 đô la một tuần. Mà thậm chí lương vậy vẫn còn cao ấy!”

Tôi thắng cược, nhưng Nina không tiến xa hơn được, vì chiêu trò truyền thông chỉ làm người ta hóa sao trong tức thời mà thôi, còn muốn treo lơ lửng trên trời lâu thì chắc cần phải liên tục đập chiêu khủng mới mong trụ được.

Rõ ràng là các trường hợp sao vụt sáng, dễ thấy nhất là trên màn bạc, đều giống trường hợp của Nina Barbour. Tôi đã phát hiện ra rằng, công thức tạo nên một minh tinh điện ảnh rất đơn giản—một ít kim tuyến óng ánh, một đợt gió và hàng ngàn cột báo. Dĩ nhiên, luôn tồn tại lơ lửng thảm kịch trong ngành này, vì một khi ảo vọng tan biến, bong bóng nổ tung, kim tuyến óng ánh sẽ ngay lập tức chìm trong bóng tối.

Thế giới của danh vọng hư ảo tràn đầy những bi kịch như vậy. Những điều tôi nói tôi đã tận mắt chứng kiến, bởi chiêu

trò truyền thông của tôi đã đóng vai trò quan trọng trong cuộc đời của Clara Kimball Young, Wallace Reid, Barbara La Marr, Francis X. Bushman, Charles Ray, Olga Petrova và Rudolph Valentino. Trong mỗi sự nghiệp thành công kể trên, đều có một cốt lõi chứa đầy bi kịch, sự vô dụng và thất bại. Chỉ cần bánh xe vận mệnh chuyển dời, một dải ngân hà đầy sao sáng ngay lập tức sẽ bị quét sạch, để nhường chỗ cho một dải ngân hà đầy sao của thế hệ mới nổi.

Trước khi tôi đưa Francis X. Bushman đến New York để ký hợp đồng với hãng Metro, anh chàng chỉ nhận 250 đô la một tuần ở Chicago. Tôi muốn tìm cách nâng lương của anh lên. Khi bắt đầu đi từ Grand Central, tôi cầm theo một túi đầy xu lẻ trị giá tổng cộng 2.000 đô la. Khi tôi và Bushman đi dọc đường số 42 để đến Metro, chúng tôi thả xu dọc đường. Ban đầu chỉ có trẻ con đi theo sau để nhặt xu, sau đó là cả người lớn, rồi tất cả mọi người đều tò mò theo đuôi. Tới khi đến hãng Metro, đường phố đã đen đặc người, cảnh sát phải đứng nhìn bất lực.

Khi người ở hãng Metro nhìn ra khỏi cửa sổ, họ nghĩ Bushman rất nổi tiếng vì có quá nhiều người hâm mộ theo sau. Thế là anh chàng nhận ngay 1.000 đô la một tuần, không trả giá. Thậm chí hãng Metro còn tìm mọi cách ngăn anh ra khỏi văn phòng công ty trước khi đặt bút ký hợp đồng nữa. Thực tế là, dĩ nhiên đám đông ở dưới lúc đó chả biết Bushman là tay nào cả. Họ không hâm mộ Bushman, họ hâm mộ mấy ông được in trên đồng xu thôi.

Những tình huống ngẫu nhiên như thế này giúp ích cho sự nghiệp của ngôi sao còn nhiều hơn hàng trăm giờ diễn xuất xuất thần. Có một dịp, Clara Kimball Young trở thành nhà từ thiện nổi khắp Chicago, được cả đất nước tôn thờ vì những hành động nghĩa hiệp; dù lúc đó cô không ở đó, và cũng chẳng

biết mình đã làm gì cho tới tận ba ngày sau khi thảm kịch đã xong.

Lúc đó tôi nghỉ ở khách sạn Congress ở Chicago, sắp xếp một số sự kiện cho bộ phim mới của Clara. Sáng nọ, tôi đang ngủ thì bỗng bị thổi bay xuống giường bởi một lực gió rất mạnh. Đó không phải là gió thường. Tôi gọi xuống khách sạn và được biết rằng khoảng một giờ trước, một trận lốc xoáy đã đi qua ngoại ô thành phố, khu vực Highland Park. Hàng ngàn người nghèo đã mất tất cả, kể cả nhà cửa. Tôi thay đồ ngay. Lúc đó là 8:00. Đến 9:30 tôi đã trên đường đến Highland Park, dẫn đầu một đội xe hùng hậu. Tôi đến những cửa hàng rẻ nhất thành phố, mua hàng ngàn hộp sữa, thức ăn đóng hộp và nhiều nhu yếu phẩm khác. Trên xe treo những dòng chữ thông báo rằng Clara Kimball Young đang đi cứu trợ người bị lốc xoáy. Tôi đi đến đâu thì đều giải thích đến đó rằng tôi là quản lý của cô, và đang mua thức ăn, nhu yếu phẩm bằng tiền của Clara để cứu trợ. Ai cũng bán giá gốc cho tôi cả. Tôi bảo báo chí đi theo, và tờ nào cũng cử phóng viên đến hiện trường. Ở đó, hàng trăm bà mẹ đang bỗng con đói, và rất mừng vì có bánh mì, sữa cứu trợ sớm. Phóng viên rất muốn phỏng vấn cô diễn viên, nhưng dĩ nhiên lúc đó Clara đang ở California. Tôi chỉ có thể thuê một cô gái đóng thế, ngồi trong xe, và bảo rằng cô minh tinh từ chối lên báo về hoạt động từ thiện này. Cô mang mạng che mặt để tránh phóng viên, từ chối trả lời phỏng vấn. Hành động vị tha và nghĩa hiệp ấy đã được trân trọng trên hàng ngàn cột báo. Bốn ngày sau, khi Clara Kimball Young đến, tôi “bắt cóc” cô để giải thích tất cả những hành động nghĩa hiệp cô đã làm ở đây trước khi đưng mặt báo chí.

Truyền thông không chỉ giúp ngôi sao lên đỉnh cao, mà cũng thường giúp sao khỏi rớt quá nhanh. Sau bộ phim

Monsieur Beaucaire, độ nổi của Rudolph Valentino có vẻ không ổn. Tôi phải làm gì đó, và thế là kêu anh... để râu quai nón.

Hiệp hội Thợ Cắt Tóc Mỹ đang họp ở khách sạn Sherman, Chicago. Tôi sắp xếp cho người ta nghĩ rằng, nếu Valentino để râu quai nón, thì giới trẻ sẽ bắt chước theo và mấy anh thợ sẽ mất khách. Thế là hội cắt tóc có ngay một buổi bàn rất hăng về vấn đề này, và kết quả là hiệp hội nhất trí rằng Valentino phải cạo râu, không thì họ sẽ tẩy chay hết phim anh diễn viên đóng. Đầu tiên, anh từ chối, nhưng sau đó bộ râu của Rudolph đã được cạo sạch trong một đợt xuất hiện trước công chúng. Mọi người rất hào hứng đến xem. Phần còn lại của bộ râu lịch sử ấy giờ đang nằm trong một bảo tàng với nhiều hiện vật của những con người nổi tiếng khác.

Bộ râu đã cứu vớt Rudolph bớt tuột dốc quá nhanh khỏi ngôi vị người đàn ông nam tính điển hình của nước Mỹ thời ấy.

Vấn đề duy nhất trong trò truyền thông cho sao chính là việc sao từ từ tin vào những lời dối trá ấy. Những thứ được tạo nên để lừa dối công chúng, giờ đây, quay sang lừa cả họ.

CHƯƠNG XVI

Bên kia đỉnh dốc

Thứ tai hại nhất đối với mình tinh chính là cái tôi luôn được tăng bốc quá đà. Thành công đổ đầy sự tự mãn vào mồm họ, thế là họ mất đi khả năng phân định rõ ràng. Họ đi trên bệ, ngồi trên ngai, và nằm vói vẻ kiêu kỳ. Sự tự cao mà họ thể hiện qua từng cử chỉ, bộ điệu làm tôi nhớ lại câu nói của Murphy Do Thái ở gánh xiếc: “Một con bò đực trông ón thấy bà, nhưng tao nghĩ trong mắt bò cái chắc nó điên trai lắm!”

Tôi gặp Rudolph Valentino lần đầu ở phòng trà khách sạn Alexander, Los Angeles. Anh chàng lúc đó đang là bạn nhảy nam cho các cô ở khách sạn, lòng trông mong một ngày nào đó tình cờ có đoàn phim đang đóng ở kế bên cần vai phụ. Tôi để ý thấy anh, và anh đến chào tôi, tìm cách tự giới thiệu, bảo rằng anh nghe nhiều tiếng tốt về tôi. May sao lúc đó Clara Kimball Young cần một chàng đẹp trai trong phim *Đôi mắt tuổi trẻ*—dạng như vai trai bao. Tôi bảo Herb Sanborn, quản lý của Clara, đến gặp Valentino thử. Đầu tiên Herb từ chối, vì tai trái của Valentino bị quéo, nhưng sau đó tôi bảo rằng không nhất thiết phải chụp hình Rudolph nghiêng bên trái, thế là Herb

đồng ý. Valentino không bao giờ đưa tai trái ra cho ống kính xuyên suốt sự nghiệp điện ảnh của mình.

Một tháng sau, Valentino chụp vài tấm ảnh, đưa tôi mấy cuộn phim, nhờ tôi tung vài chiêu trò truyền thông.

Tôi nói: “Nhưng đây mới là phim mà. Anh phải có hình đã rửa rồi ấy.”

“Không được. Tôi đâu có đủ tiền.”

“Để tôi lo.”

Lần tiếp theo tôi gặp anh là trong đợt đình công của Hiệp hội Diễn Viên ở Los Angeles. Tuy đã có cơ hội đóng chung với Young, nhưng anh chàng vẫn chưa lên nổi. Tôi đề nghị trả mười đô la để anh đi vòng quanh dán thông báo về cuộc biểu tình.

Anh chàng đồng ý ngay vì muốn lấy mười đô la.

Sau này, khi tôi gặp lại anh, anh đã là minh tinh. Anh đã xuất hiện trong phim *Tứ kỵ sỹ khải huyền* năm 1919 và leo lên hàng đầu. Năm 1925, tôi chịu trách nhiệm quảng bá cho các bộ phim của anh chàng ở văn phòng hãng Paramount.

Tôi đến studio Astoria gặp anh bạn cũ Valentino ngày nào, người tôi đã nâng đỡ khi mới chập chững vào nghề. Phòng thay đồ của anh chàng bị khóa, và khi tôi gõ cửa, thì một anh bồi xuất hiện.

“Anh cần gì?”

“Bảo Rudolph là có Harry Reichenbach muốn gặp.”

“Anh Valentino có biết anh không?”

“Tôi nghĩ là có. Anh chàng lúc trước có mượn tôi hai hay ba đô la gì đó. Nói vậy là biết.”

Anh bồi vào phòng thay đồ và quay lại:

“Anh Valentino đang nghỉ. Anh ấy đang mệt. Anh ấy bảo rằng anh hãy gặp vợ của anh ấy, giờ đó là người quản lý hết các vấn đề truyền thông.”

“Tôi hiểu rồi. Vậy hãy nhắn lại là nếu vợ của Valentino lo hết vụ truyền thông, thì khi cần thì đi mà tìm vợ của Reichenbach nhé.”

Tôi quay về văn phòng hãng Paramount, bảo rằng tôi sẽ không dính líu gì tới vợ của Valentino. Tôi đã nghe nhiều về cô này, đặc biệt là sự kiểm soát của cô nàng đối với chồng. Các lãnh đạo Paramount lại bảo tôi rằng trong hợp đồng của hãng với anh diễn viên, thì mọi quảng cáo về phim của Rudolph đều phải được anh chàng hoặc vợ duyệt. Vậy là chẳng còn cách nào khác ngoài chuẩn bị sẵn tài liệu truyền thông, rồi đợi Rudolph cử ai đó tới nói mấy tiếng OK. Khi vợ Valentino tới, tôi cho cô ả xem tài liệu. Cô ả phủ quyết hết, bảo rằng cô ả có quyền tự làm tài liệu truyền thông theo ý mình.

“Rồi, vậy cho cô tự làm.”

“Nhưng tôi không biết cách làm.”

“Vậy thì đừng đụng tới cái mà cô không biết cách làm.”

Tôi đã cảnh cáo cô ả, nhưng không may cho Valentino là cô ả không nghe. Tôi tin chắc rằng sự nghiệp của Valentino bị ảnh hưởng bởi thái độ của cô vợ. Như Fay King đã nói: “Rudolph Valentino rời bỏ nước Mỹ, từ bỏ vị trí người yêu của toàn bộ phụ nữ Mỹ để quay về làm nô lệ cho chỉ một người.”

Khán giả của phim *Monsieur Beaucaire* 80% là đàn ông, trong khi đối tượng khán giả chủ yếu của Valentino 90% là nữ. Bộ phim này được quản lý truyền thông bởi bà đầm độc đoán

kể trên, nên không lạ gì khi thất bại thảm hại. Bộ phim tiếp theo—*Ác quỷ thiên thần*—cũng cùng số phận. Vào năm 1923, hàng ngàn phụ nữ vây quanh khách sạn Ritz-Carlton chờ tôi đi ra cùng với Rudolph Valentino. Nhưng mười ngày trước khi anh chàng mất (chỉ tám năm sau, và lúc đó Rudolph Valentino ngày nào đã phải đội tóc giả), chúng tôi cùng đi xem phim *Scandals* của George White, và chả ai biết ngôi sao này đang ở trong rạp. Trong trường hợp này, cô vợ của Rudolph là một nhà phản-giả-kim, biến vàng thành sắt vụn. Cô ả kiểm soát việc chọn phim, kiểm soát chồng, kiểm soát luôn studio, bom cái tôi của chồng lên đến mức nó nổ tung.

Chính cô vợ cũng muốn được lên phim với nghệ danh Natacha Rambova. Tên thật của cô là Winifred O'Shaughnessy. Cô ả là con nuôi của Richard Hudnut nổi tiếng, một triệu phú buôn nước hoa. Cô đã mắc phước cảm Đông phương, chắc vì bị ảnh hưởng khi làm việc cho Nazimova. Cái phước cảm này nói dễ hiểu là cứ bị mê ăn vận và hành xử kiểu Đông phương. Sau đó, cô ả bắt tôi lo truyền thông cho mấy bộ phim của cô, nhưng mãi vẫn chưa lên phim xong. Trong trường hợp của Rudolph Valentino, tôi nghĩ cô ả đã gieo vào chồng một mớ ham muốn thầm kín của bản thân mình. Cuối cùng, cách duy nhất để Valentino có thể thoát khỏi sự quản lý tệ hại của vợ là lặn ra chết để có thể trở lại mặt báo lần cuối.

Trong sự nghiệp minh tinh, luôn có một điểm mà ngôi sao có vẻ như không thể rơi—mọi việc họ làm đều có vẻ là lẽ phải. Đó chính là nơi họ sẽ bị nghiền nát. Câu chuyện của Rudolph Valentino được phản chiếu mạnh mẽ hơn trong câu chuyện của một trong những diễn viên vĩ đại nhất màn bạc mọi thời đại—Clara Kimball Young.

Lần đầu tiên tôi thấy cô là ở vở hài kịch của Vitagraph tên

là Lòng tốt thanh tao. Khi đó cô mới kiếm được 150 đô mỗi tuần. Sau đó cô vào Công ty World Film. Ở đó, tôi lo truyền thông cho cô, và rồi cô bỏ sang hãng Selznick. Đó không phải là một vụ hợp tác ổn cho lắm, nhưng dù gặp nhiều chuyện, cô vẫn trở thành ngôi sao lớn nhất ngành điện ảnh.

Lúc đó, hãng Selznick còn có ba sao nữ khác là Elaine Hammerstein (cháu gái của Oscar), ngoài ra còn Norma và Constance Talmadge. Danh tiếng của Clara mạnh đến nỗi nếu một rạp muốn chiếu phim của Clara (phân phối bởi hãng Selznick), rạp đó phải mua chung phim của ba ngôi sao còn lại. Bằng cách này, một tay Clara cân hết cả công ty Selznick, giúp phát triển sự nghiệp của chị em nhà Talmadge. Sau đó, cô cũng kéo Olive Thomas lên theo cách này. Vào năm 1916, Clara nhận 1.000 đô la một tuần, một khoản tiền cực khủng đối với ngôi sao điện ảnh thời đó. Sau đó, hợp đồng của cô được bán cho hãng Equity Picture. Họ là bên sản xuất phim *Đôi mắt tuổi trẻ*-- bộ phim kiếm nhiều tiền nhất giới điện ảnh giai đoạn đó. Tôi cho chạy quảng cáo phim như sau:

EYES OF YOUNG

IN

EYES OF YOUTH¹

Chúng tôi chẳng bao giờ cần phải nói rõ họ tên của nữ minh tinh. Người hâm mộ ai cũng biết và yêu quý cô. Khi Clara, vợ tôi và tôi đi cùng, nếu không có một đội vệ sỹ cảnh sát dày đặc, chúng tôi sẽ không thể di chuyển. Đám đông đến

¹ "Đôi mắt trẻ trong *Đôi mắt tuổi trẻ*," chơi chữ: Young vừa là trẻ, vừa là họ của Clara.

ngàn người luôn vây quanh ngưỡng mộ, tôn thờ cô.

Một ngày nọ ở Detroit, trong một sự kiện từ thiện, cô gặp ông Z. Cô bắt đầu dính vào ông này, và sau đó Z bắt đầu quản hết chuyện làm ăn của Clara. Những cú chạm thần thánh của Z có vẻ như chả được trò trống gì, và sự nghiệp của Clara dần thụt lùi. Cô phải trả hãng Selznick 25.000 đô la một năm trong suốt mười năm để được ra phim, nhưng vẫn bắt đầu đuối dần và không đủ tiền trả. Mọi người bắt đầu gào: “Bỏ Z đi!”

Tôi gặp Selznick và anh này bảo: “Nếu cô ấy có thể bỏ Z, tôi sẽ cho kéo dài hạn nợ, muốn khi nào trả thì trả. Không thì tôi sẽ kiện.”

Một ngày nọ, tôi gặp Zukor ở hiệu cắt tóc ở khách sạn Belmont. Anh hỏi tôi: “Anh định làm gì với Clara?”

“Tôi chả biết nữa.”

“Để tôi chỉ cho. Tôi sẽ trả cô nàng 7.000 đô la mỗi tuần, cùng với 25% lợi nhuận trong vòng hai năm. Nhưng dĩ nhiên với một điều kiện: tay Z không được phép lộ mặt ở studio.”

“Tôi sẽ chuyển lời.”

Tôi gọi và trình bày với cô cả hai lời đề nghị.

“Tôi không đồng ý. Họ đâu thể chọn người hâm mộ giùm tôi!”

Thế là hết.

Selznick tiến hành kiện, và Zukor không ký hợp đồng. Z mở công ty với danh tiếng của Clara Kimball Young. Tôi vào làm, lương 1.000 đô la một tuần cộng thêm một khoản lợi tức. Tôi vào làm chỉ vì cá nhân tôi và Lucinda rất quý cô gái này, còn không thì đã từ chối rồi.

Z hay ngồi ở bàn với chúng tôi và đùa với Clara. Cô rất muốn mua phim *Lãng mạn*, và Z bảo ngay là hẳn mua rồi. Cô biết là Z đang đùa, vì hãng United Artists đã mua hôm qua. Cô biết, nhưng không để ai khác biết cả, và nói với vợ chồng tôi: “Anh ấy mua phim *Lãng mạn* cho tôi.” Thật bất hạnh cho Clara, cô ấy là một trong những người phụ nữ quá xinh đẹp để có thể sa vào thế giới của sự tính toán và thực dụng.

Trong những ngày mới vào nghề, cô ấy đã sống một cuộc đời vất vả, thế nên những điều cô đạt được giờ đây trở thành một thứ vô cùng diệu kỳ, phi thực tế, và cô sống trong trạng thái mê mẩn. Một thương gia Los Angeles, một triệu phú, đã tôn thờ những hạt bụi sau gót ngà của Clara. Ông này thậm chí còn mời cô về cửa hiệu, mặc bộ đồ mà cô mặc trong phim *Linh hồn của Rafael*, tất cả chỉ để làm quen với cô. Sau đó, cứ mỗi tuần trong suốt năm năm, ông lại cầu hôn cô một lần. Ông muốn mở một quỹ tín thác với tên cô, trị giá một triệu đô. Thế nhưng ông đã không chạm đúng dây đàn trong tim Clara, và cô từ chối.

Trong khi đó, công ty mới của chúng tôi đập đầu vào đá. Clara cầm hết trang sức để trả tiền. Studio bị đem đi thế chấp từ nóc xuống móng. Và họa vô đơn chí, cô bị viêm ruột thừa ở Terre Haute. Sau đó, cú lao dốc ngày càng đáng sợ, và có vẻ như mọi thứ đã hết. Clara níu kéo mọi niềm hy vọng nhỏ nhoi để có thể tồn tại trong mắt công chúng. Z tổ chức một buổi diễn cho Clara ở quê nhà Z. Đêm mở màn trông cũng hứa hẹn, nhưng sau đó thì ghế trống rất nhiều. Clara bệnh nặng hơn và về nhà ở Hollywood. Ba năm sau, tôi cố gắng thuyết phục Clara chuyển qua các vai mệnh phụ góa chồng. Tuy cô không bao giờ muốn bỏ đi vai diễn của tuổi trẻ trường tồn, nhưng sự nghèo đói đã khiến cô buộc phải chấp thuận. Tôi nói chuyện với người ở hãng Metro-Goldwyn-Mayer, và anh này hỏi Clara lấy lương bao nhiêu.

“700 đô một tuần.” Đây là một khoản giảm đáng kể từ mức 7.000 đô.

“Xin lỗi anh, với nhóm vai này chúng tôi có thể thuê vô số diễn viên với mức 200 đô.”

CHƯƠNG XVII

Bệnh ngôi sao

Người ta nói, cái tôi sẽ lồi theo cái chảnh. Và nó chính là phẩm chất đặc biệt mà những ngôi sao vụt sáng hay có trong người. Một trong những bộ sưu tập sao chảnh khủng khiếp nhất mà tôi từng chứng kiến chính là trong chương trình Three Star Show của Morris Gest tổ chức. Chương trình này còn khó quản lý hơn một cái gánh xiếc có ba lều diễn cùng lúc. Không một ai trong số ba nghệ sỹ này có tài năng xuất chúng, nhưng mấy thứ kèn trống tung hô xung quanh làm họ nghĩ rằng họ là tuyệt tác của tạo hóa.

Họ gồm ba bà: Polair, Gertrude Hoffman và Constance Stewart Richardson. Cả ba đều là diễn viên múa. Polair được Morris Gest mang về và xây dựng hình ảnh là người phụ nữ xấu xí nhất quả đất—đây là một danh hiệu mà bà này hoàn toàn xứng đáng, xấu vượt xa cả chuẩn xấu. Mặt bà thì góm ghềnh, dáng người y hệt cái vôi bình ga. Trong suốt bốn tuần liền, bà này giữ khán giả với màn thôi miên con rắn. sau đó, Gest gom bà lại với hai bà kia để diễn chung.

Mỗi mình tinh đều có một đại diện truyền thông. Vậy là có

ba anh đại diện, và tôi là đại diện cho Polair. Khi Polair mới xuất hiện, tôi cho người chụp hình bà với một cái khuyên trên mũi. Tấm hình làm tan nát cả thế giới. Sau đó, cạnh tranh giữa các đại diện truyền thông cũng như các ngôi sao càng ngày càng mạnh. Không sao nào cho phép tên của người khác nằm trên, thế nên mọi quảng cáo đều phải được thiết kế thành ba cột, để mỗi người mỗi cột. Khi các sao cúi chào khán giả trên sàn diễn, cả ba đều túm vào trung tâm; họ không muốn ai tranh giành vị trí đặc biệt này. Khi di chuyển, toa tàu xe phải có ba phòng. Không ai chịu nói chuyện hay ăn cùng hai người còn lại. Cả ba phải có ba bữa sáng riêng, ba bữa trưa riêng, và ba bữa tối riêng.

Một trong số các sao thích món súp hành, và sẽ ăn trưa trước. Mùi hành bay khắp xe, khiến hai người còn lại ăn không vô. Hơn nữa, cô ả còn đòi phải đóng cửa xe khi ăn. Khi đến thị trấn, chúng tôi phải dựng ba phòng riêng, cửa hướng nam, và phải đo đạc sao cho cả ba đều cách đều khu trung tâm.

Nate Spingold là đại diện cho Richardson, Abe Levy cho Hoffman, và như đã nói, tôi đại diện cho Polair. Người nào cũng cố gắng đim đối thủ, nâng sao của mình lên. Mỗi người sẽ tìm cách vào được phòng của biên tập báo cuối cùng, cố đim hai người kia. Thậm chí chúng tôi còn tìm cách quay lại phòng ông biên tập viên lần hai cho chắc.

Ba người đều tìm cách chơi nhau. Nếu tôi nói với Abe Levy là: “Gặp tôi ở Harrisburg,” hẳn biết tôi sẽ ở Altoona. Nếu tôi nói Spingold là ông biên tập viên báo địa phương đang muốn gặp hẳn, thì hẳn biết khu vực đó đã bị tôi chặn hết rồi. Sau bốn tuần với ba con ác mộng ở cùng với nhau, Morris Gest nổi điên và đẹp. Ông quản lý kết thúc chuyến đi ở bệnh viện vì suy nhược thần kinh; còn tôi về New York, miệng hay lẩm bẩm với

chính mình, đi đâu cũng tìm cách đo đo đạc đạc tìm điểm chính giữa mỗi phòng.

Kể từ ngày đó, Morris Gest không bao giờ có thể trở lại như xưa. Tôi còn nhớ những đêm dài dằng dặc anh chịu khó ngồi thuyết phục từng bà sao rằng bà là người quan trọng nhất trong ba người, hay rằng bà thích hành có thể ăn sớm vào bảy giờ sáng, dù rằng cái mùi này có thể bóp mũi toàn bộ đoàn đang say giấc và làm họ văng xuống giường. Kể từ đó, tôi luôn liên kết sự chảnh với mùi hành.

Chuyện này xảy ra từ 20 năm trước rồi, và tôi không nghĩ rằng sẽ lại được chứng kiến sao chảnh với tính nghệ sỹ ích kỷ như vậy. Nhưng rồi tôi phát hiện ra là, ở Hollywood thì cỡ như Hoffman, Polair và Richardson sẽ được liệt vào mức độ khiêm tốn. Ảnh hưởng của ngành điện ảnh đã làm sự tự cao trở thành một nghi lễ buộc có. Charles Ray trở thành sao dưới sự nâng đỡ của Tom Ince, và bỏ Tom để tự làm quản lý cho mình luôn. Charles tự xây cho mình một cái studio với một đường hầm ngầm đi thẳng về nhà, để không phải đi cùng với người thường. Chính ở đây, anh chàng cho ra bộ phim *Cuộc tình của Miles Standish* và tự đánh bay mất 500.000 đô la. Kể từ đó, người thường không muốn đi cùng anh nữa. Sau này tôi gặp Charles ở câu lạc bộ điện ảnh, anh nói:

“Cả đời tôi tôi luôn muốn gặp được anh!”

“Ồ không phải, chỉ từ khi anh ra khỏi cái studio anh mới muốn gặp tôi.”

Cái studio, cái hầm ngầm và căn nhà giờ đều ra đi hết rồi. Tất cả đã vào tay chủ nợ.

Những câu chuyện về cái tôi và cái chảnh ở Hollywood nghe thì khó tin, nhưng là sự thật. Gloria Swanson vào thời

đỉnh cao sẽ không bao giờ chịu đi 60 bước từ phòng thay đồ ra nơi diễn. Họ phải xây riêng một phòng thay đồ di động, và người ta phải đẩy cô nàng đi quanh chỗ diễn, còn cô thì nằm trên giường. Valentino sẽ không bao giờ đứng chờ máy quay. Anh sẽ thuê một người trông giống mình, gọi là “thế chân” để anh này chờ bên quay phim sắp xếp xong. Sau khi mọi người chỉnh hết, họ đánh dấu lại chỗ anh “thế chân” đứng, lúc đó Valentino mới đi ra, đứng vào chỗ đánh dấu và đóng phim. Kể từ đó, các ngôi sao khác bắt chước theo. Gần đây, khi đóng phim *Bánh quy hình thú* với diễn viên chính là bốn anh em nhà Marx, thì Zeppo—người em út—nói rằng: “Anh thế chân cho tôi còn đóng phim nhiều hơn tôi nữa.” Dù các sao có muốn gì, thì giờ “thế chân” là điều bắt buộc cho tất cả các sao.

John Gilbert điển trai, lãng mạn không biết tự lượng sức mình. Khi Charlie Chaplin đang có vấn đề với Lita Grey Chaplin, Gilbert đã nói: “Anh có đọc tin về Charlie chưa? Chuyện đó dễ gì xảy ra với tôi!”

Elsie Ferguson hành xử như bà hoàng, đến nỗi khi cô lấy một anh phó giám đốc nhà băng, tất cả mọi người ở Hollywood đồn rằng cô nàng đã ký hợp đồng không chịu gộp chung tài sản sau cưới với anh phó giám đốc. Tuy nhiên, kẻ tự cao nhất là Millard Webb với câu nói nổi tiếng với tư lệnh Byrd. Khi đó, Webb đang đạo diễn một bộ phim cho Paramount, và được đề nghị nói chuyện với Byrd (khi đó đang thăm hiểm Nam Cực) trên sóng Paramount. Webb nói: “Chào buổi tối, tư lệnh Byrd. Tôi hy vọng anh sẽ thành công được như tôi.” Chả ai cười cả.

Con virus chảnh không chỉ tấn công diễn viên, mà còn cả đạo diễn và nhà sản xuất. Cecil De Mille hay ngồi ở một văn phòng tối, chiếu một cái đèn nhỏ vào mặt người đối diện. Anh chàng thì ngồi trong tối, không bị ai nhòm ngó, trong khi người

còn lại phải ngồi dưới ánh đèn chiếu thẳng mặt khó chịu. Marshall Neilan có lần vào nói chuyện và chiếu ngược lại đèn vào mặt De Mille. Thế là hai bên khỏi nói chuyện luôn.

Carl Laemmle—gã trai nhỏ bé đáng yêu nhất thế giới điện ảnh, luôn trung thành với bà con họ hàng dòng tộc, và khiến cả hãng Universal chôn vùi cùng với nó—thường muốn tên mình hiện trên bảng điện càng to càng tốt. Khi tôi tiến hành truyền thông cho phim *Lời cảnh báo cuối cùng* của anh sản xuất (vâng, sản xuất chứ không có đóng), thì tên của Laemmle to đến nỗi người ta hỏi “Anh này diễn có hay không?” Khi quảng bá cho phim *Con tàu điện xuất*, tôi bảo rằng tên anh đã chiếm nhiều diện tích quảng cáo quá. Anh không trả lời, mà bảo tôi bỏ luôn tên của Ziegfeld ra để phóng to tên anh hơn.

Tuy nhiên Laemmle không đơn độc trong thế giới của những nhà sản xuất. Abraham Lincoln Erlanger cũng bị mắc phức cảm Napoleon, và thậm chí còn làm một bộ sưu tập Napoleon vì anh nghĩ Bonaparte giống mình.

Khi Tom Meighan diễn trong *Người Alaska* của Oliver Curwood, hợp đồng ghi là tên của Meighan phải to hơn tên của bộ phim. Tuy nhiên, nhà sản xuất hợp đồng với Curwood rằng tên của anh chàng phải to hơn bất kỳ thứ gì khác. Khi Meighan thấy quảng cáo, anh chàng lặng thinh, mặt tím hắc. Anh đi lấy thước đo từng chữ cái trên bảng quảng cáo rồi hét: “Đẹp! Tôi nghỉ!”

“Sao vậy? Tên anh to gấp đôi tên phim rồi còn gì?”

“Đúng. Nhưng Curwood là thằng nào?”

Hoi truyền thông là thứ khí duy nhất mà họ hít thở. Khi tôi làm cho Clara Kimball Young, chuẩn bị chụp hình đôi mắt cô để làm công cụ truyền thông, bỗng dung phòng của thợ chụp

hình nổ rất to. Người ta hét to: “Harold Lloyd chết rồi!” Xe cấp cứu đến, và anh này được chuyển đi. Tôi nghĩ rằng có một chiêu trò gì đó. Và đúng thật. Nhân viên của Harold Lloyd mang theo một quả bom giả để cùng nhau diễn trò lên báo. Ai dè quả bom chế không chuẩn, và nổ. Ngón cái và ngón trỏ của Harold Lloyd đã hoàn toàn bị nổ tan tành.

Nếu các sao chịu rủi ro, thậm chí chấp nhận bị giết hoặc thương tật vĩnh viễn để lên báo, thì thật dễ hiểu vì sao họ cũng hay dùng nhiều thủ đoạn nhỏ mọn. Người ta kể rằng khi Ethel Barrymore đang diễn ở studio của Metro, có một cô bé nhỏ tuổi diễn trong phim có tóc rất xinh. Ethel đã ra điều kiện là phải làm tóc cho cô bé kia xấu hơn mới được. Và Vera Gordon, khi diễn vai mẹ của Hope Sutherland, đã cố tình để tay che mặt diễn viên đóng vai con để máy không quay được khuôn mặt dễ thương ấy. Đạo diễn George Fitzmaurice đã chống đối từ Italy khi biết tin rằng tên của Goldwyn to hơn của anh ta. Các sao khi tham gia hội nghị hay sự kiện thường đậu xe chờ đợi bên ngoài nhiều giờ liền để được là người cuối cùng bước vào nơi diễn ra sự kiện.

Có thể bạn sẽ nghĩ rằng các sao sẽ học được nhiều bài học từ những sao khác. Không có đâu. Ai cũng nghĩ rằng mình là người được chọn, có trí thông minh của thần thánh, và người nào cũng thẳng hoa cùng một kiểu, chiếu sáng cùng một kiểu, và nổ tan tành vào đêm tối cùng một kiểu. Erich Von Stroheim là một cái tên đặc biệt. Hoặc ít nhất là Von Stroheim tự nghĩ vậy. Anh chàng là một sỹ quan Áo trong Thế chiến I đã xuất ngũ, và đang đau đầu tìm việc. Anh viết cho Carl Laemmle một bức thư, có đoạn: “Tôi đang bên bờ vực chết đói—tôi không có bạn ở Mỹ. Anh làm ơn cho tôi một việc gì đó ở studio, nhỏ nhỏ thôi cũng được! Tôi không cần biết việc là gì, chỉ cần đủ tiền mua đồ ăn thôi. Nếu anh giúp tôi, thưa anh Laemmle,

tôi sẽ không bao giờ quên ơn anh!”

Carl Laemmle lịch sự và phóng khoáng đã cho Stroheim một công việc nhận 75 đô la mỗi tuần. Laemmle không bao giờ nghĩ rằng 75 đô la đó sẽ làm anh mất trọn cả triệu đô. Khi đã vào hãng Universal, Von Stroheim viết một kịch bản và thuyết phục quản lý để anh tự sản xuất và tự diễn. Bộ phim *Những anh chồng mù quáng* này đã rất thành công.

Sau đó là *Những bà vợ ngốc nghếch*. Đến lúc đó thì Erich đã vượt xa mức có đủ tiền mua đồ ăn, và đã tới đẳng cấp nhưng lưa rôi. Stroheim đảm bảo là *Những bà vợ ngốc nghếch* sẽ là bộ phim vĩ đại nhất mọi thời đại. Anh dự kiến chi phí sản xuất là 200 ngàn đô la, gấp đôi chi phí của một chương trình loại đặc biệt. Nhưng Laemmle tin vào ngôi sao mới và đồng ý.

Sau một năm tiêu xài một cách ngốc nghếch, tổng cộng chi phí đội lên hẳn 800 ngàn đô la so với dự toán. *Những bà vợ ngốc nghếch* dài đến nỗi cần 200 cuộn phim¹ để quay, và người ta buộc phải cắt còn sáu cuộn. Tôi ngồi xem 30 cuộn trong số đó và suýt thì bị điên luôn. Một cảnh chiếu Von Stroheim ăn sáng sẽ phải quay mất đứt năm cuộn phim (*tôi thiếu* gần một tiếng đồng hồ). Cảnh khác Von Stroheim bắn vịt giòi, bốn cuộn. Tóm lại, 30 cuộn phim tôi phải ngồi coi cả ngày trời là một quyển nhật ký của tay này, bao gồm ăn, uống, và bắn vịt. Khi tôi vừa xong 30 cuộn, Von Stroheim hào hứng bảo tôi là đừng lo hết, phim còn 170 cuộn để xem nữa, xem thoải mái. Tôi chả hiểu sao anh chàng có thể cắt cái đồng phim này còn sáu cuộn nữa. Và đúng là Von Stroheim không cắt còn sáu cuộn. Hắn cắt còn 30 cuộn, có nghĩa là toàn bộ bộ phim sẽ gấp ba lần bộ phim *Vở*

¹ 200 cuộn phim tương đương thời lượng *tôi thiếu* khoảng 37 tiếng đồng hồ.

kịch kỳ lạ. Nói cách khác, phim dài hơn năm tiếng rưỡi. Chắc khi xem phim, ngoài việc phải mang đồ ăn theo, khán giả còn phải mang theo giường ngủ nữa.

Cuối cùng thì Laemmle cũng mất kiên nhẫn, đề đầu tôi bắt cắt bộ phim này thành độ dài tiêu chuẩn. Kế hoạch là phải xong để công chiếu vào Giáng Sinh ở New York. Lợi dụng khó khăn này cho mục đích truyền thông, tôi đã tuyên bố rằng Arthur D. Ripley ở phòng cắt phim sẽ được thưởng 15.000 đô la nếu có thể cắt phim của Von Stroheim từ 200 xuống còn 12 cuộn phim. Cứ mỗi ngày chúng tôi đều theo dõi sát sao số cuộn phim đã cắt được. Vào ngày 1/12, Ripley đã cắt xuống còn 28 cuộn. Chỉ còn sáu ngày nữa là tới hạn chết, vì thành phẩm phải được chuyển đến New York vào ngày 7/12.

Thế là chúng tôi sắp xếp cho đội cắt phim một chuyến hành trình xuyên nước Mỹ. Ripley cùng đồng đội sẽ phải ngồi trên xe vừa đi vừa cắt. Xe được thiết kế như một phòng thí nghiệm vậy, có đầy đủ động cơ, đồ cắt phim, máy quay, két chống lửa, máy chiếu phim, màn bạc và đủ thứ công cụ khác. Tất cả những minh tinh ở thế giới điện ảnh viễn Tây đều đến xem phòng thí nghiệm điện ảnh di động này. Ở Chicago, một đội hải quân đứng canh cho phòng thí nghiệm, và ở chặng cuối, thậm chí đại úy James E. Booth còn đi theo đoàn. Không biết các bạn có tin không, nhưng cuối cùng Ripley đã xong việc một cách xuất sắc và nhận thưởng.

Suốt ba tháng trước khi công chiếu, tôi quảng bá *Những bà vợ ngốc nghếch* từ mọi góc cạnh. Tôi cho chạy một sê-ri chuyện tên là *Những bà vợ ngốc nghếch trong lịch sử*, kèm theo đủ loại chiêu trò úm ba la xì bùa tôi có thể nghĩ ra. Phim này đã ngốn trọn một triệu đô la—có lẽ là bộ phim triệu đô đầu tiên trong giới điện ảnh—và niềm hy vọng được thấy tiền quay trở về

chắc cũng ngốc nghếch không thua gì bộ phim. Thế nhưng, dù tôi cố đến xi khôi, thì khi Stroheim gặp tôi ở New York, hắn lại bảo hắn bị vui dập và không được trân trọng. Hắn nói cho tôi một bí mật: hắn là thiên tài, và *Những bà vợ ngốc nghếch* sẽ chứng minh điều đó. Hắn bảo tôi là tôi không biết hắn thật sự giỏi thế nào đâu. Hắn bồi thêm: “Mà còn nữa, tại sao anh lại quảng cáo tôi kiểu này?”

“Kiểu nào?”

Hắn cho tôi xem một tờ báo buổi sáng. Trên đó có quảng cáo như sau:

Những bà vợ ngốc nghếch

sản xuất và diễn xuất bởi

ERIC VON STROHEIM

NGƯỜI MÀ BẠN RẤT MUỐN GHÉT!

Hắn nói: “Giờ thì nghe đây, nếu anh truyền thông theo kiểu tôi không thích, tôi sẽ đến văn phòng cắn nát họng anh!”

“Cho tới giờ phút này, tôi chưa hề có ý định làm gì ảnh hưởng đến cảm xúc của anh. Tuy nhiên, từ giờ phút này trở đi, nếu anh nói rõ anh không thích thứ gì, tôi sẽ chỉ làm những thứ đó cho anh thấy. Chào!”

Một tháng sau, Von Stroheim thể hiện lòng biết ơn đến Carl Laemmle bằng cách bỏ hãng Universal, qua hãng khác và nhận lương cao hơn một chút. Khi Laemmle biết chuyện, anh đã chép một bản thư “đủ tiền mua đồ ăn” của Von Stroheim rồi gửi cho hắn.

Trong dòng xoáy của thế giới điện ảnh, diễn viên chỉ là một cái bóng không mấy quan trọng. Chỉ tiếc là một vài người rất

giỏi lại bị mắc kẹt trong chính sự ảo tưởng của mình. Gloria Swanson rất xinh đẹp và dễ mến. Tôi gặp cô ở một buổi tiệc của Clara Kimball Young. Ở đó có một chàng diễn trai giàu có tên Crane Gartz đang theo đuổi cô. Cô lúc đó chỉ nhận 200 đô la một tuần với hãng Dân Chơi Nổi Tiếng, và mới xuất hiện trong phim *Đàn ông và đàn bà*. Tuy nhiên, thư người hâm mộ của cô đang dần tăng lên, và đang có dấu hiệu cô sẽ trở thành minh tinh.

Ở buổi tiệc ấy có Herb Sanborn, quản lý của Young, và là một trong những cột trụ của Hollywood. Anh là một tay lăng tú trong thế giới này, và có khả năng quyến rũ Pauline Stark cùng với Priscilla Dean, trong khi tôi chỉ đủ sức quyến rũ mẹ của hai diễn viên này. Herb bỗng thấy yêu Gloria vô ngần ngay lần gặp đầu tiên, và nhanh chóng ẩn danh trao quà, nữ trang các kiểu cho Gloria. Gloria thì nghĩ quà là của Gartz. Tôi có nhiệm vụ gặp và từ từ cho cô biết người hâm mộ bí ẩn đó là ai. Cô rất bất ngờ khi biết Sanborn nổi tiếng lại tặng quà cho mình một cách ẩn danh như vậy. Ngày hôm sau, tôi gặp Gloria ở công ty của Sanborn. Herb lôi tôi ra và bảo nhỏ: "Harry à, tụi tôi đính hôn rồi." Sau đó, họ lái xe đến Tia Juana và thành hôn bí mật. Hai ngày sau, Herb, Gloria, Lucinda và tôi đi tàu tới New York.

Herb đọc hợp đồng của Gloria với hãng Dân Chơi Nổi Tiếng, 350 đô la lương một tuần vào năm tới. Anh bảo rằng các điều khoản hợp đồng lao động này không có hiệu lực ở California, và anh sẽ trả nhiều hơn. Sau khi bốn người chúng tôi dừng chân ở Belleclaire thì công chúng mới biết họ đã lấy nhau.

Sanborn trả Gloria 400 đô một tuần, chi 600 đô một tuần để mua quà nữa. Cuối cùng, hợp đồng hóa thành 2.000 đô la một

tuần trong năm đầu, 3.000 vào năm sau, 4.000 năm sau nữa, và năm thứ tư là 5.000 đô la.

Gloria Swanson là một người mẹ đáng ngưỡng mộ. Suốt quá trình mang thai, cô chuyên tâm tìm hiểu Khoa học Thần giáo để giữ tâm hồn yên tĩnh, không tham gia sự kiện nào. Chỉ buổi đêm cô mới ra khỏi nhà đi dạo. Một bé gái ra đời và được đặt tên như mẹ: Gloria. Sau đó, cô bỏ Sanborn, li dị ở Paris và khi quay trở lại, cô đã đi cùng người mới: hầu tước xứ Falaise. Người ta kể rằng, khi mẹ của Gloria nghe con gái mình vừa thành hôn ở Paris, bà hỏi: "Hầu tước là cái gì?"

"Là khi đó."

"Trời ơi! Gloria đi lấy khi hả?"

Mọi thứ bắt đầu thay đổi khi Gloria thần thánh leo lên đỉnh cao danh vọng. Một lần nọ, tôi ăn tối với cô ở khách sạn Ritz và cô bảo: "Tôi muốn thuê chuyên gia truyền thông số một nước Mỹ. Anh nghĩ Arthur Brisbane lấy bao nhiêu?"

"Tôi không biết. Anh ấy ký hợp đồng mười năm với Hearst rồi."

Khi Gloria đến châu Âu, cô được đãi một bữa tối ở Park Lane với giá 35.000 đô la, một sự kiện chiêu đãi khác ở studio của Paramount với giá 35.000 đô la nữa. Người ta bàn về danh vọng của cô, người ta nhìn cô như nữ hoàng. Thế là cô tự nghĩ: "Nếu mình quan trọng đến vậy, chi bằng mình tự quản lý mình luôn."

Thế là cô nàng bỏ hãng Dân Chơi Nổi Tiếng, người đang trả cô 8.000 đô la một tuần. Tôi ăn tối với cô ở Ritz một lần nữa, và cố gắng nói lý lẽ và tình cảm với cô. Cô có vẻ hơi phân vân. Tôi bảo:

“Hãng Fox đang đề nghị một triệu đô la mỗi năm trong vòng hai năm, với đầy đủ quyền từ chọn diễn viên, chọn nội dung, đến cả chọn đạo diễn. Và nói thật với cô là tôi sẽ nhận 150 ngàn đô la hoa hồng từ Fox nếu cô chịu ký hợp đồng.”

“Không, tôi sẽ tự quản lý mình.”

“Nghe này, Gloria. Hãy suy nghĩ lại. Cô đang mắc nợ, và đây là cơ hội tốt để trả hết nợ, lại còn có cơ hội ngon nữa. Sau đó cô muốn làm gì cũng được.”

“Không.”

“Vậy tôi sẽ mua hai vé bù lỗ cho cô.” Tôi nói trước khi đi, còn cô thì cười to.

Cô hợp đồng để tự làm phim với hãng United Artists với tư cách đại lý phân phối. Cô tự tài trợ quá trình sản xuất. Cô dễ thương, cuốn hút thật đấy, nhưng quản lý thì quá tệ. Thế là tài chính gặp vấn đề. Cô cho ra một phim tên *Hoàng hậu Kelly*, chi phí 750 ngàn đô la, và phim thì dở ẹc. Một năm rưỡi sau, tôi gặp lại cô ở Plaza. Cô nói với một nụ cười: “Tôi nghĩ là giờ tôi cần anh mua ủng hộ rồi, Harry à. Tôi nợ ngập đầu rồi.”

Gloria đã xong phim với ngành điện ảnh. Tuy nhiên, may mắn sao, cô cũng là một trong những giọng nói truyền thanh xuất sắc nhất. Với sự thăng hoa của phim lồng tiếng, cô cuối cùng cũng tự cứu vớt đời mình.

CHƯƠNG XVIII

Cái chết của phim câm

Không nhiều người ở thế giới điện ảnh có thể sống cùng với sự giàu sang. Nếu tiền của không bơm họ đến nổ tung như ếch, thì nó cũng làm đầu họ xoay như cối xay gió. Ba nghệ sỹ hàng đầu đã phải đầu hàng rượu chè và thuốc phiện ngay trước mắt tôi. Barbara La Marr ngã quỵ giữa sàn nhà ở Texa Guinan's, bất tỉnh vì rượu. Mabel Normand là ngôi sao điện ảnh đầu tiên nhận lời mời uống trà từ Công nương Mary, nhưng lại xin đến nổi trễ hẹn. Khi tôi hỏi Wallace Reid sao trông xanh xao, gầy gò vậy, anh ta bảo tôi rằng người ta bào sức anh ta quá. Một năm sau anh chết vì thuốc lắc. Ba người họ là những người dễ mến, không giống như những sao chảnh mà ta hay thấy trong giới điện ảnh.

Tôi biết Wally Reid khi anh này còn nhỏ. Cha của Wally, ông James Halleck Reid, là cha đẻ của ngành nhạc kịch Mỹ, là người sáng tạo ra các sô diễn rẻ tiền 10-20-30 xu làm rung chuyển cả New York và nước Mỹ với những tiếng súng miền viễn Tây. Vở diễn Broadway đầu tiên của ông là vở *Thú tội*, kể về một câu chuyện giết người kỳ bí sồn tóc gáy liên quan đến

một cuộc thú tội trong nhà thờ và sự kiên định của vị mục sư. Paul Kelly cũng xuất hiện trong vở này khi còn là diễn viên nhí. Vở này là một trong những vở đầu tiên tôi làm nghề truyền thông. Tôi sắp xếp cho Halleck Reid bị bắn trên đường. Đầu tiên ông nhận được thư dọa bắn. Ông không hề biết trò của tôi và cả đêm không ngủ được. Tối hôm sau, một tay say rượu kiểm chuyện với ông trước cửa rạp hát, và xả một vài ổ đạn trống không vào ông. Người ta đồn là kẻ thù của Hal Reid trong ngành nhạc kịch đứng sau vụ này. Sau đó ông mừng hết cỡ khi biết chỉ là chiêu trò thôi, nhưng cũng đề xuất tôi là sau này nên hạn chế các trò bắn nhau khi làm việc với ông.

Nhiều năm sau, tôi gặp Wallace Reid ở Hollywood. Anh chàng đến nơi này để viết kịch bản phim, nhưng cuối cùng lại trở thành diễn viên. Anh là một cậu trai thông minh, nhưng thật bất ngờ là thành công lại ảnh hưởng đến anh như vậy.

Barbara La Marr ban đầu là một cô gái yên lặng và tinh khiết. Cô diễn một vai ma cà rồng trên màn bạc, và bắt đầu nghĩ xem mình nên diễn vai gì ngoài đời. Vợ tôi bảo rằng cô cứ dễ thương và ngọt ngào như bản chất của mình là được. Cô phản đối: "Không. Công chúng muốn sao phải tự đề cao mình." Thế là cô bắt đầu trang điểm diêm dúa, mặc đồ sắc sảo. Khi diễn trong phim *Thành phố vĩnh cửu* với Lionel Barrymore và Richard Bennett, cô uống rượu không ngừng.

Sau khi cô lảo ra bất tỉnh giữa đám đông, tôi đến nhắc nhở. Cô nói là sẽ không có lần sau. Kể từ đó, cứ mỗi buổi tối đến là "lần sau" lại xuất hiện. Cuối cùng tôi bắt cô ký bản ghi nhớ là không được uống rượu khi quay phim. Cô ký thì ký, nhưng uống thì vẫn uống. Sau đó, cô uống đến nỗi bay ra khỏi phim luôn. Cuối cùng, cô bị mắc lao cấp tính. Trong bộ phim cuối cùng, người ta phải xốc nách vì cô lão đảo tới mức không thể

đứng vững trước máy quay.

Mabel Normand cũng vậy. Tôi và Lucinda đi cùng cô ở Anh suốt năm 1921. Chúng tôi đi gặp Công tước xứ Wales, vậy mà Mabel say đến nỗi không thể đến dự. Chúng tôi phải xin lỗi thay, hy vọng cô có thể nghỉ ngơi và tỉnh dậy kịp lúc gặp Công nương Mary. Lúc bốn giờ, chúng tôi gõ cửa, nhưng cô không ở trong phòng. Cuối cùng chúng tôi phát hiện ra cô đang ngồi ở phòng bạn, uống suốt từ lúc chúng tôi đi đến giờ. Cũng như Barbara La Marr, cô bị rượu làm hỏng cơ thể và mắc lao.

Các ngôi sao bay ngang qua thiên đàng rồi rơi. Có rất nhiều người giữ lại sự tự trọng và luôn ngẩng cao đầu. Tuy vậy, đa số thì lại có cuộc đời xoay vần như phim vậy. Khi không ai ngờ đến, bỗng dưng toàn bộ ngành công nghiệp phim câm chúi mũi và hầu như biến mất. Phim lồng tiếng xuất hiện, và toàn bộ những minh tinh xuất chúng của phim câm ngay lập tức bị quét sạch khỏi bầu trời điện ảnh.

Hồi năm 1908, tôi được hãng Cameraphone thuê quảng bá cho ba bộ phim lồng tiếng đầu tiên của Mỹ. Đó là những bộ phim tệ hại nhất tôi từng xem. Tiếng và hình không khớp, và suốt buổi chiếu thì thiết bị cứ hỏng lên hỏng xuống, giọng thì rè rè. Một ông bác sỹ kể nhà gửi cho tôi một lời nhắn rằng ông là bác sỹ tai mũi họng, và bảo rằng nếu tôi có bị khàn giọng thì nên tới khám ngay. Những bộ phim của hãng Cameraphone là một câu chuyện ngắn kể bởi Irvin Cobb với một bài hát của Nora Bayes. Bài hát thì lè bè như đọc truyện, còn cốt chuyện thì vô nghĩa cứ như bài hát ấy.

Rồi sau đó là phim có tiếng động của Edison và phim lồng tiếng của DeForest. Trong phim *Con đường giấc mơ*, chúng tôi có ba đoạn nói và hát, và cả ba đều nghe như tiếng còi cứu hỏa kèm theo tiếng xe tông nhau. Một bà Belknap nào đó thuê ba

kỹ sư để điều chỉnh máy, và vào năm 1920, họ cuối cùng cũng đầu hàng sau khi đổ hơn nửa triệu đô la vào đó. Phim lồng tiếng trước giờ luôn là ước mơ của loài người sau thời gian xem phim câm trên màn ảnh. Trong vài trường hợp, người ta thuê một số nghệ sỹ nói búng đứng sau màn ảnh và lồng tiếng cho các nhân vật. Thường thì khi phim đã ngừng, những người lồng tiếng không để ý vẫn cứ tiếp tục nói.

Đến năm 1927 thì phim lồng tiếng mới có vẻ có khả năng trở thành hiện thực. Trước đó, Công ty Western Electric đã nghiên cứu ý tưởng này trong phòng thí nghiệm, với nguồn tài lực và trí lực dồi dào. Cuối cùng thì họ cũng sẵn sàng trình chiếu thử cho những ông trùm điện ảnh. Người ta kể rằng Adolph Zukor và Jesse Lasky là những người đầu tiên được thấy sáng chế mới. Hãng Western Electric đã thu lại hơn 30 mét phim có tiếng động của một cuộc thảo luận khoa học giữa các kỹ sư trong công ty. Chủ đề thảo luận trong phim thì chán, còn hình và tiếng ăn khớp không ổn, tới nỗi mà Zukor và Lasky bắt đầu nghĩ phim lồng tiếng là ảo tưởng. Dưới góc nhìn của họ, ngày tháng trước mắt còn quá dài, tiến bộ kỹ thuật chả khác gì thời của hãng Cameraphone. Công ty Western Electric quay sang dụ William Fox và nhiều đại diện công ty khác, nhưng tất cả đều cùng chung nhận định. Có vẻ như phim lồng tiếng sẽ chết ngay nơi nó được sinh ra: phòng thí nghiệm.

Chỉ có một nhóm người không được gọi tới và không từ bỏ phim lồng tiếng. Anh em nhà Warner¹ đã thất bại ba lần ở ngành công nghiệp điện ảnh, và đang ngồi bàn xem nên làm gì

¹ Ý nói hãng Warner Bros., thành lập năm 1923 bởi bốn anh em nhà Warner. Hiện nay, Warner Bros. là một trong những hãng phim hàng đầu thế giới.

tiếp theo. Một trong số các anh em—Sam—có nghe đâu người ta đã có phim lồng tiếng, và quyết định anh em nên đi xem thử. Niềm hy vọng cuối cùng giữa chuỗi dài tuyệt vọng đã đưa anh em nhà Warner đến với phim lồng tiếng. Họ cho chạy dự án Vitaphone, và trong vòng một năm, nó đã trở thành tiếng nói của cả thế giới.

Thế là bỗng dưng Mischa Elman và Cộng đồng Yêu Âm Nhạc New York bỗng trở thành sao màn bạc. Và cũng bỗng dưng một Al Jolson thất bại thảm hại lật được thế cò và trở thành tiên phong trong ngành điện ảnh mới. *Ca sỹ nhạc jazz* và *Thằng khờ biết hát* đã đưa phim lồng tiếng vượt lên trên mọi sự nghi ngờ. Các ngôi sao bắt đầu tự khám cổ họng. Bessie Love đang ế sô năm trước, thì năm nay thành sao sáng ở phim *Giai điệu Broadway*. Mọi thứ đều diễn ra hết sức bất ngờ. Một đội ngũ những người mới tràn ngập các studio và trường quay. Những người lồng tiếng, ghép tiếng, kỹ sư điện, kỹ sư thu âm, người viết đối thoại, các diễn viên biết nói, đạo diễn hiểu nghệ thuật sân khấu... chỉ trong một đêm, tất cả tạo nên một cuộc cách mạng lớn trong ngành công nghiệp khổng lồ này.

Phim câm ngay lập tức biến mất. Giờ nó chỉ còn là lịch sử, chỉ xuất hiện trong các thư viện và viện bảo tàng. Phim lồng tiếng cũng phá hoại toàn bộ những vở nhạc kịch hạng nhất. Giờ chỉ còn độc một rạp diễn nhạc kịch với tần suất hai vở một ngày ở Mỹ: rạp Palace. Thật là một sự tàn sát khủng khiếp, khi mà trước đó cứ mỗi thành phố lớn lại có một rạp, và ở New York có đến ba rạp. Phim lồng tiếng cũng ảnh hưởng ngành công nghiệp âm nhạc. Một nhạc công, ca sỹ hay diễn viên nhạc kịch có thể phổ biến các bài nhạc qua những vở nhạc kịch lớn nhỏ, và tiếp cận được hàng ngàn người. Tuy nhiên, chỉ cần là một bài hát trong một bộ phim thôi, người ta đã tiếp cận hàng chục triệu người chỉ trong một đêm. Một bài hát nền có thể bán

được nhiều bản hơn cả một catalog của công ty âm nhạc thông thường. Toàn bộ công ty nhạc hoặc là bị công ty phim lồng tiếng nuốt, hoặc là chết. Rồi bài hát trong phim bắt đầu xuất hiện nhiều quá, và phim nhạc kịch bị loại ra khỏi cuộc chơi. Tuy nhiên, đạo diễn biết kiểm soát âm thanh sẽ dễ dàng hơn sinh thể loại này.

Nhiều sự thay đổi lớn khác cũng xuất hiện. Phim lồng tiếng ảnh hưởng tới rạp hát. Công ty phim đã quay lại các sô diễn rạp để làm thành phim. Tương lai cả thế giới giải trí giờ đã được tái định hình: một bên phải dính với truyền thanh, truyền hình; bên kia phải dính tới phim màu 3D lồng tiếng.

Ngày 25/05/1929, George K. Spoor lần đầu tiên trình chiếu thành công kỹ thuật quay phim 3D. Anh đã nghiên cứu suốt năm năm, và máy của anh đã gần hoàn thiện. Eastman Kodak đã sản xuất phim đạt đến 14 màu tự nhiên. Phim ảnh trong tương lai gần sẽ là 3D với đủ các loại màu vô cùng tự nhiên, trông như thật. Chất lượng âm thanh sẽ đạt đến mức hoàn thiện sớm thôi, và lời thoại sẽ chuẩn đến mức khi khán giả cười hay vỗ tay, họ vẫn có thể nghe được lời thoại rõ ràng.

Quy mô ngành điện ảnh còn được mở rộng hơn. Nó mang những câu chuyện của biển cả đến người ở đất liền, những câu chuyện ở vùng cao đến những người ở bờ biển. Đó là nhân tố giáo dục tuyệt vời nhất, và có thể mang lại cho tư duy trẻ nhỏ những hình ảnh mà trẻ không thể nào quên. Tôi thực sự tin rằng sẽ đến lúc sách giáo khoa biến mất, thay vào đó là phim ảnh—công cụ giáo dục nhanh chóng, tiện lợi và hiệu quả hơn.

Nó cũng là công cụ mạnh mẽ nhất trong tuyên truyền. Phim về những dũng sỹ quyết thắng của Pershing đã giúp bán hết trái phiếu tự do. Suốt Thế chiến I, chính phủ Pháp đã không thể thuyết phục các bộ tộc phong kiến Bắc Phi hợp tác. Thế là

họ dùng phim để dạy cho dân bản địa về tình anh em, tình bằng hữu, sự thân thiện... và dần lấy được lòng tin của dân bản địa.

Ngay cả các tổ chức tôn giáo cũng nhận thức được sức mạnh của phim. Người dân bị tác động và giáo dục về niềm hạnh phúc khi nghe thuyết giáo. Câu chuyện về Cain và Abel, chuyện con lừa của Balaam... tất cả đều sống động và hiệu quả hơn khi thể hiện ra hình ảnh. Bên cạnh đó, sức cạnh tranh của ngành điện ảnh quá khốc liệt. Giáo dân có thể lần nữa mãi không quên góp 50 xu, nhưng chính anh ta sẽ sẵn lòng bỏ 50 xu để xem phim ở Roxy's. Ngay cả tín ngưỡng cũng cần phải được điều khiển bởi những sự đẹp để lãng mạn mà phim ảnh mang lại. Những ý tưởng viễn vông về phim ảnh bắt đầu lan khắp cuộc sống mọi người.

Tuy nhiên, với tôi, toàn bộ những ý tưởng ấy đã tan vỡ vào đầu hè năm 1917. Những bộ phim phi thực tế với bóng trắng đen biến mất, thay vào đó là sự thật phũ phàng và ghê gớm. Tôi được gọi nhập ngũ, phục vụ ở Hội đồng Truyền thông Công chúng dưới quyền George Creel. Chỉ trong vòng 48 giờ đồng hồ, tôi đã có hộ chiếu, visa, và được cho lên tàu *Chicago*. Lần đầu tiên trong đời, tôi được tham gia vào một chiến dịch truyền thông mà mỗi từ trong đó đồng nghĩa với sự sống và cái chết. Ở nơi này, bài truyền thông được in bằng máu.

Anh tôi đã theo Binh đoàn Bộ binh Tiên phong số 51. Cả nhà không nghe tin tức gì từ lâu, và mẹ tôi lo lắng. Tôi biết rằng nếu mình đến được châu Âu, tôi sẽ có thể xác định anh đang ở đâu, hay ít nhất là có chuyện gì xảy ra với anh rồi. Biết tin thì chắc mẹ tôi đỡ hơn, dù rằng tôi không thể giúp được gì cho anh, nhưng ít nhất thì cũng có thể thấy mặt anh vài lần.

CHƯƠNG XIX

Thế chiến

Lên tàu đi châu Âu vào năm 1917, tôi lại nhớ những quyển tiểu thuyết năm xu hồi còn nhỏ. Biển cả là những vùng đại dương kỳ bí, với rừng phun lửa và quái vật bốn đầu. Những anh lính trẻ ngủ cả ngày rồi thức cả đêm mà sợ. Không hút thuốc, không điem, không có tiếng động nào ngoài những tiếng thì thầm; và trong ánh trăng đêm, tất cả những dấu hiệu sự sống xuất hiện trên boong tàu luôn được liên tưởng với cái chết, khiến con tàu cứ như một tờ giấy đen hắt bóng trên ngọn đèn bàn.

Cứ mỗi đêm, một nhóm lính trẻ sẽ tụ tập chơi bài. Tôi nhớ lại những ngày sống trong gánh xiếc, khi mà mọi người hay tụ tập ở toa cuối, thường gọi là “toa gà.” Nếu có anh địa phương nào ngồi chơi ở đây và sạch túi, anh chàng sẽ ngay lập tức bị đá đít ra khỏi tàu khi gánh xiếc rời thị trấn. Lâu lâu tôi lại nghĩ, biết đâu chợt xuất hiện một chiếc tàu ngầm ngay phía sau, rồi một tay hải quân Đức với chất giọng khó nghe sẽ đá đít chúng tôi ra khỏi tàu giống như gánh xiếc hồi trước.

Cuộc chiến này sẽ rất giống với những cuộc phiêu lưu của

những người tôi đã biết ở gánh xiếc! Bác sỹ Crosby, người giới thiệu giỏi nhất ở cửa ra vào, chắc sẽ thích lắm khi nói chuyện với những tay ngoại giao đầy mưu mô ở Versailles! Và Windy Hughes sẽ dụ họ chơi trò đoán bài ba con (three-card Monte) và khiến cả đất nước vỡ nợ! Với đội quân gồm tôi, Hiki Blitz, Murphy “Do Thái” và Bill Swanson, tôi dám chắc mấy anh lính Đức sẽ thua cuộc hết số súng với trò quay số, và đội quân của tụi tôi sẽ có thể dựng lều của Wanda ở Berlin trước khi tới cuối tháng.

Tôi không biết vì sao viễn tượng về thể chiến lại mang tâm trí tôi về 20 năm trước chứ không phải những ngày gần đây. Tôi không khỏi nghĩ về việc, một tay lừa đảo có thể thổi kèn đánh trống để gây dựng một gánh xiếc ở quy mô nhỏ, thì ở quy mô lớn cũng có thể gây dựng cả một cuộc chiến. Và tôi không hề sai. Nhiều trải nghiệm đáng nhớ nhất của tôi trong cuộc chiến có liên quan đến những trò gạt ngày xưa ở gánh xiếc. Nhờ những trò này, có lần tôi hóa thành đô đốc hải quân, lần khác tôi chặn đứng hàng triệu tờ truyền đơn của quân thù trong vòng 20 phút. Tôi phát hiện ra rằng, lời nói của Jake Ruppert ở Pháp có trọng lượng hơn của Poincaré, vì cứ mỗi lần giấy tờ giới thiệu hay ngoại giao gì đó không giúp tôi qua cửa, thì chỉ cần xì mấy thẻ bóng chày ở giải quốc gia là xong.

Chuyến đi của lính mới tới châu Âu đầy hiểm rủi, nhưng lại không có sự kiện gì đáng chú ý. Chúng tôi bị chèn ép vào các khoang đầy người. Tôi phải thò chân ra khỏi cửa sổ để mang vớ vào. Thứ duy nhất giúp chúng tôi quên đi mọi thứ là chơi bài vào ban đêm, và thứ vui nhất trong trò này là đặt biệt danh cho một anh người Pháp bằng những cái tên mà chính anh chàng cũng không hiểu nổi. Tôi gọi anh chàng là “chân ếch,” hay “Frenchy” hay “Walrus” và thường cho anh chơi bài thay tôi (và bất ngờ là anh chàng chơi rất hay). Khi đến

Bordeaux, tôi gặp rắc rối với giới chức sắc vì tên tôi có hơi Đức. Người ta chẳng bao giờ nghĩ là nếu tôi là gián điệp, thì tôi đã lấy tên giả có hơi Pháp rồi, chứ lấy tên Đức làm quái gì. Thế là đi tới đâu họ lại kiểm chuyện tới đó. Tuy nhiên, anh bạn người Pháp kỳ cục của tôi lại được tôn trọng hết mực. Anh nói với họ gì đó bằng tiếng Pháp, và họ cho tôi qua ngay. Tôi xin cảm ơn trời phật tổ tiên vì anh chàng không phải là Mỹ gốc nên không hiểu hết ý nghĩa những cái tên tôi đặt ra nhạo anh. Tôi chột toát mồ hôi vì nếu anh chàng hiểu và thù tôi thì tôi coi như xong đời rồi. Tôi cố gắng thể hiện lòng biết ơn bằng một thứ tiếng Pháp dò dò ương ương. Thế là anh chàng nói lại: “Không sao đâu, anh Reichenbach.” Tôi suýt xỉu. Anh chàng nói tiếng Anh còn chuẩn hơn cả tôi.

Anh chàng nói tiếp: “Anh đã giúp chuyển đi của tôi vui hơn, vì tôi biết là khi cập bến và trước khi anh em chia tay nhau, anh sẽ biết là tôi hiểu hết những trò nhạo của anh!” Thì ra đó là phó bộ trưởng hải quân bí mật đi theo đoàn.

Cái tên có hơi Đức của tôi giúp tôi lãnh khá nhiều khó khăn. Mục tiêu của tôi là Rome, nhưng trong quá trình đi trên đất Pháp, tôi bị theo dõi và bám đuôi cứ như tôi là thống chế Hindenburg ấy. Ở Marseilles, tôi biết có ba tên đang đi theo. Khi tôi nghỉ, tôi thấy họ đứng bên kia đường, nhìn vào phòng tôi. Ngay khi tôi còi đồ và tắt đèn, họ đi. Đêm hôm sau, tôi tắt đèn mà không thềm còi đồ, rồi đi ra ngoài. Thấy họ chuẩn bị bỏ đi, tôi ngăn họ lại.

Tôi nói: “Mấy anh dễ dụ quá. Sao lại rời đi bất cần vậy. Tôi sẽ báo cáo tội bất cần không hoàn thành nhiệm vụ bám đuôi tôi lên cấp trên của các anh.”

Họ cười ngại ngùng. Có vẻ như tôi mới là người theo dõi họ.

“Mấy anh theo tôi làm gì?”

“Thế giới đang chiến tranh. Ai cũng phải làm gì đó. Và đây là việc chúng tôi phải làm.”

Tôi bảo họ là mai tôi sẽ đi, và phiên họ nhớ “theo dõi” tôi cho đến biên giới nước Ý luôn, vì tôi cần đủ bốn tay để chơi bài. Họ cười, nhưng khi tôi lên tàu đi, thì gã trưởng nhóm chun mũi chọc quê tôi. Tôi chọc quê lại, và coi như hai bên hòa.

Ở Rome, tôi gặp J. J. Josephs, một đại diện của chính phủ Ý mà tôi đã từng gặp ở Mỹ. Ông giới thiệu tôi với trung úy Di Lucca, một sỹ quan trẻ ở cục tuyên truyền, cụ thể là bộ phận tuyên truyền chống địch. Tôi phát hiện ra nước Ý tràn ngập tài liệu tuyên truyền của quân thù đến nỗi họ không còn khả năng sáng tạo ra tài liệu tuyên truyền của mình nữa. Di Lucca sau đó trình bày thêm nhiều vấn đề trọng yếu khác đang làm họ đau đầu.

Tinh thần quân Ý đang bị phá vỡ bởi tin sai lệch. Hàng triệu bức thư đã bị quân địch gửi đến lính ở tiền tuyến, bảo rằng vợ của họ đang cầm súng họ, và rằng người ta thấy vợ của họ hay đi với những gã đàn ông trốn nghĩa vụ. Những bức thư này thúc lính tráng hãy bỏ cuộc chiến vô vọng phi nghĩa này đi, rằng thay vì bắn vào những người anh em Áo thì hãy quay về, chĩa súng vào đôi gian phu dâm phụ ở quê nhà.

Nhiều nguồn tin không biết từ đâu đến lại nói rằng chính phủ Ý đang che giấu sự thật; rằng những người mẹ, vợ và vị hôn thê không nhận được tin báo tử của con trai, chồng và vị hôn phu của họ. Người ta đồn rằng quân Ý chết nhiều lắm, nhưng thông tin bị giấu đi hết, và rằng quân Hiệp ước đang lên kế hoạch hòa hoãn bằng cách đẩy nước Ý làm vật hiến tế.

Một số báo *Journal di Italia* khi đang trên đường chuyển ra

tiền tuyến ở sông Isonzo bị đánh cắp và thay bằng một số báo giả của quân Đức. Tiêu đề báo giả ghi rằng quân Mỹ đã bỏ Hiệp ước; và rằng Mỹ đang xoay sang phe Liên minh. Hàng trăm ngàn bản báo giả đã tới tay lính Ý. Hơn nữa, Di Lucca còn nói, hàng trăm ngàn tờ truyền đơn và thư giả cứ tuôn vào Ý mỗi ngày, đánh thẳng vào các gia đình miền Nam nước Ý, đến những người xã hội chủ nghĩa, những người bất mãn ở tiền tuyến, cố gắng gây ra cách mạng ở Ý và thuyết phục lính Ý buông vũ khí.

Tôi hỏi: “Anh không có kiểm duyệt thư tín à?”

“Duyệt thư gửi ra ngoài là đủ cực rồi, nên không có người duyệt thư từ ngoài gửi vào.”

Tôi phát hiện ra hệ thống kiểm duyệt của họ khá hoạt động gì. Thực tế là không một ai thèm đọc thư vào hay thư ra. Họ đơn giản chỉ giữ thư gửi ra suốt sáu tuần, sau đó thả cho đi, nghĩ rằng thông tin trễ sáu tuần sẽ chẳng còn giá trị gì nữa.

Di Lucca hỏi: “Làm sao ngăn thư đổ vào đây? Đó là một trong những điểm yếu của bộ phận thông tin quân đội.”

Tôi đề nghị rằng tất cả những hòm thư trên đường cách biên giới Thụy Sĩ trong vòng 100 dặm phải được niêm phong, vì đó là nơi duy nhất thư từ ngoài có thể được gửi vào Ý. Chúng tôi thông báo rằng từ đây về sau, thư ở khu vực này phải được tự tay gửi đến một bưu điện trung tâm, bì thư phải ghi rõ tên và địa chỉ người gửi và nhận. Hơn nữa, khi thư được gửi số lượng lớn, người gửi phải trình thẻ *Permite à Sojourn*, dạng như một loại thẻ căn cước do cảnh sát Ý phát hành. Ngay lập tức, thư tuyên truyền từ Đức và Áo chấm dứt. Đây là trò đơn giản thôi. Ở quán xiếc, chúng tôi luôn sắp người canh gác xung quanh để dân chúng không chui lỗ chó vào xem miễn

phí, và buộc mọi người phải vào bằng cổng chính. Đơn giản vậy đó, nhưng với mấy anh lính thông tin Ý thì có vẻ như đây là điều mới mẻ lắm.

Sau phát kiến động trời đó, tôi được mọi người tin tưởng hỏi ý kiến lắm. Di Lucca hỏi: "Làm gì tiếp đây?"

"À, sau khi ngăn cuộc tấn công tuyên truyền của quân địch, thì dĩ nhiên là tiếp theo mình sẽ tấn công tuyên truyền lại họ." Đây là một sự khai sáng, một bước tiến lớn của các anh lính Ý. Họ há hốc mồm cảm nhận chân lý chói qua tim.

Tôi cho đặt máy chiếu phim ở các lô cốt tiền tuyến Ý. Ý tưởng là chiếu phim giải trí cho lính Áo đang đóng cách đó chưa đầy 150 mét. Chúng tôi sẽ chiếu thẳng lên những bức vách trắng xóa của dãy Alps. Khi đêm xuống, tuy vách núi có hơi nhấp nhô so với màn bạc thường, nhưng nhìn chung cũng khá. Chúng tôi bắt đầu chương trình với một bộ phim hài, trong đó chớp nhá vài dòng tuyên truyền bằng tiếng Đức:

NƯỚC MỸ PHÁ VỢ QUAN HỆ NGOẠI GIAO VỚI ĐỨC,
QUÂN HIỆP ƯỚC TĂNG THÊM 100 TRIỆU NGƯỜI.

NƯỚC Ý VỪA PHÁT MINH RA HƠI GA CHẾT NGƯỜI,
NGÀY TÀN CỦA QUÂN THÙ ĐÃ ĐẾN!

NƯỚC Ý ĐÃ TUYỂN ĐƯỢC 700.000 LÍNH, SẴN SÀNG
TIẾN VỀ TIỀN TUYẾN!

Nhiều tin tức tuyên truyền tương tự cũng được chớp nhá giữa các đoạn phim. Tôi không thể biết chính xác những thứ này hiệu quả đến đâu, nhưng mỗi khi tới giờ chiếu phim thì bên quân địch không hề có một tiếng súng hay thậm chí một tiếng động ồn ào nào. Tất cả đều yên lặng ngồi xem.

Tình cờ làm sao, những thứ tuyên truyền nhằm đánh vào

quân địch lại giúp tinh thần quân Ý gia tăng. Tôi đề xuất với Di Lucca rằng nên cho dựng các tượng đại và hình ảnh về các anh hùng thời chiến của Ý ngay tại quảng trường thay vì những chỗ xa xăm dưới lô cốt để nâng cao tinh thần dân chúng. Trò này giúp tinh thần mọi người gia tăng, và hàng ngàn người vào dịp lễ hội thường đến đây để khuấy động tính anh hùng và tinh thần chiến đấu trong người lên.

Sau tám tháng ở Ý, tôi nhận lệnh báo cáo về cho Bá tước Northcliffe ở Crewe House, đường Curzon và nhận lệnh từ Northcliffe trong khi chờ James keeley (cựu biên tập báo *Tribune* và *Herald* ở Chicago) đến Anh. Keely được Hội đồng Truyền thông Tuyên truyền (CPI) phân bổ cho lãnh đạo Cục Tuyên truyền Ngoại quốc của chính phủ Mỹ. Ông là cấp trên của tôi, và là người lính đầy năng lượng, vị tha và tập trung nhất mà tôi từng biết.

Thế giới tuyên truyền rộng lớn chỉ mới mở ra trước mắt tôi. Với tôi, đây là một cuộc chiến giữa những con chữ hơn là súng máy. Thay vì chỉ một người giới thiệu ở lều gánh xiếc, ở chiến trường có cả 150.000 người như vậy, những người có thể biến đen thành trắng, biến đêm thành ngày, với những lời nói ngọt mà không hề lấp bắp một tiếng nào: “Đến đây nào hỡi nhân dân! Chiến tranh thế giới đã đến gần! Quân ta có khí ga cực độc, pháo công phá cực mạnh, hầm chông cực nhọn; tàu bay quân ta lên đến tận trời cao, thủy lôi đánh là trúng, lính tráng tinh nhuệ nhất thế giới! Và còn nữa, quan trọng nhất là quân thù hoàn toàn phi nghĩa!”

Sir Campbell Stuart (giờ đang là tổng biên tập báo *Mail* ở London) là trưởng cục tuyên truyền đương nhiệm, và đã điều tôi về làm việc dưới trướng S. A. Guest. Guest cho tôi một bài hướng dẫn dài những điều phải tuân theo khi tuyên truyền.

Ông cho tôi xem tài liệu tuyên truyền quân Anh đang dùng. Tôi thấy tất cả cứ kỳ kỳ, ngu ngu sao đó. Tôi thích xông vào đập ngay luôn, không cần quy tắc. Họ làm cứ như quân địch sẽ ngồi xem truyền đơn rồi bàn luận kiểu khoa học xem ai đúng ai sai ấy. Thực tế là nếu quân địch chịu ngồi đọc kỹ hết tất cả truyền đơn thì họ sẽ chẳng còn thời gian đánh nhau nữa rồi. Tuy vậy, những thứ quy củ công kênh này vẫn tồn tại, vì chẳng ai đủ trình độ dám truy vấn về sự hiệu quả của tài liệu và phương pháp tuyên truyền của quân Anh cả. Trong thế giới tuyên truyền rộng lớn này nhiều thứ vẫn tồn tại vì nó vẫn hiệu quả. Tôi chợt nhớ lại mình đã cố dạy người Anh làm truyền thông một lần rồi, và có vẻ như những điều tôi dạy quá nhỏ bé so với những thứ họ đã làm được. Họ không biết cách quảng bá phim, nhưng họ đã quảng bá và lôi kéo được cả thế giới theo phe mình trong thế chiến đấy thôi, không phải dạng vừa đâu!

Đêm đầu ở London, tôi sợ chết khiếp vì tiếng còi báo máy bay địch vang suốt. Tôi gọi bạn tôi Art Clavering ở Hampstead, một nơi cao hơn thị trấn, và anh giục tôi ra chỗ anh ở. “Chỗ này hoàn toàn yên ả. Anh sẽ thấy như đang ở New York ấy.” Tôi đến đó được một giờ. Ngay sau bữa tối, một cuộc tấn công chết người suýt nữa thì rơi ngay đầu chúng tôi. Đèn chiếu thiên quét dọc trời, súng phòng không bắn xối xả. Mảnh bom chất dầy gần nửa mét.

Tôi nhả mặt nói: “Rồi. Tôi sẽ về Pháp, ra tiền tuyến luôn. Chỗ đó còn yên ả hơn ở đây!”

Tôi nhớ có gặp một cậu trai có bốn vết sẹo. Tôi nói chuyện chơi và hỏi vì sao mà lãnh sẹo. Cậu nói: “Tôi bị thương ở Mons. Tôi bị mảnh bom cửa ở Ypres. Thế là tôi về nhà và bị đánh một đợt tấn công bằng máy bay gần Dunkirk. Tháng trước, tôi dính

một đợt tấn công khí độc ở tiền tuyến nữa.”

“Anh đang về à?”

“Đúng rồi, tôi về Landrecie-Le Cateau.”

“Không được đâu. Quân Đức chiếm chỗ đó rồi. Anh không đọc báo à?”

Cậu ta nói, hươu hươu tay: “Không. Tôi không quan tâm tới cái cuộc chiến này đâu.”

Tôi gặp một anh lính trẻ khác—Walter Rhino—khi đang thăm bệnh viện ngằm ở Anh. Tôi ấn tượng lắm. Anh là tình nguyện viên người Mỹ, đến từ khu Martha’s Vineyard, phục vụ ở bộ phận không quân Pháp. Anh đang định về Mỹ, và tôi đưa cho anh một bức thư gửi Albee, người đứng đầu rạp Keith. Walter Rhino là một trong những anh hùng xuất hiện sớm nhất trong thế chiến. Anh đã đánh gãy năm cỗ máy nguy hiểm trong trận, và là trụ cột của phi đội Lafayette của Pháp. Albee đặt anh diễn, trả 1.000 đô la một tuần. Ngày mà Rhino phải diễn thì hàm của anh tự nhiên sưng to đến nỗi không nói được. Sau khi hàm đã lành, thì vai bắt đầu sưng. Anh không thể tiếp tục, nhưng Albee vẫn trả 1.000 đô. Chàng trai này tuy không sợ gì trên bầu trời, nhưng lại có vẻ như sợ sân khấu. Anh bỏ đi Paris cùng lúc với tôi (lúc đó tôi đang đi với James Keeley và Walter Hewitt). Một tháng sau, tôi chứng kiến một trận không chiến kịch liệt giữa một chiếc máy bay Đức và một chiếc của quân Pháp ở St. Quentin. Chiếc của Pháp bất ngờ nổ tung. Ngày hôm sau tôi được tin rằng chiếc máy bay này chính là của Walter Rhino. Anh hy sinh trên bầu trời. Rõ ràng anh đã không còn e sợ sân khấu trên sàn diễn của chính mình.

Trước khi Keeley từ Washington sang, thì tôi vẫn còn dưới quyền Guest. Ngày nọ, ông hỏi: “Chúng tôi đang rất lo và cần

một người đến Thụy Sĩ thực hiện chiến dịch tuyên truyền chống lại đảng của Sinn Fein. Anh đi không?”

“Không. Tôi không ở đây để dính tới chiến tranh tôn giáo. Tôi ở đây giúp phe Hiệp ước, chứ tôi không muốn kiếm chuyện với mấy tay Ireland.” Guest bỏ qua.

Vài ngày sau khi Keeley đến, tôi cùng ông và Hewitt đến mặt trận phía Tây. Ở đây, cùng với đội quân tuyên truyền hùng mạnh, chúng tôi đã góp phần giúp rút ngắn cuộc chiến.

CHƯƠNG XX

Chiến trường không tiếng súng

Ai là người nổi bật xuất chúng nhất Thế chiến I? Có rất nhiều anh hùng nổi tiếng như Joffre, Haig, hay Pershing. Ngoài ra, cũng có nhiều chính trị gia nổi trội như Wilson, Lloyd George và Clemenceau. Ngoài ra, còn vô số bộ trưởng, ông hoàng, đô đốc, tướng lĩnh, nhà ngoại giao và vô số người khác. Tuy nhiên, trên thế giới này chỉ có một con người biết chính xác chuyện gì đang xảy ra khắp châu Âu, ngay lúc nó vừa xảy ra, hay thậm chí là trước khi chuyện xảy ra nữa. Chỉ có duy nhất một người luôn dự đoán kết quả chính xác tuyệt đối, khiến những vị tướng lĩnh và lãnh đạo trông ngơ nghếch như mấy cháu trai tuổi còn đi học. Và chỉ có duy nhất một người, không chỉ hành động chính xác vào đúng thời điểm để cứu lấy phe Hiệp ước, mà còn hành động chính xác vào đúng thời điểm để suy giảm sức mạnh phe Liên minh. Có lẽ công chúng đã không biết và sẽ không biết, nhưng tôi phải nói: người đó chính là Bá tước Northcliffe.

Tôi nhìn lại mọi chuyện với sự tự hào. Tôi tự hào vì đã được làm việc với (và dưới quyền) ông trong suốt một năm

ruồi, đi từ Crewe House ở London đến khách sạn Ritz ở Paris, làm đủ mọi chuyện từ củng cố tinh thần quân ta, lẫn thuyết phục quân định buông vũ khí. Ông chính là đầu não truyền thông của quân Hiệp ước. Ông không chỉ buộc Kitchener và những phương pháp lạc hậu của hắn phải nhường chỗ, mà còn tạo một mối dây liên kết chặt chẽ với Foch làm người đứng đầu. Tuy Bá tước Northcliffe, cha đẻ của báo lá cải, chỉ là một người làm báo, nhưng ông có hiểu biết sâu sắc về địa hình châu Âu hơn tất cả những vị tướng gộp lại. Ông có thể lên chiến dịch và thực thi chiến lược rất ăn ro với tổng chỉ huy, thậm chí còn ảnh hưởng đến quyết định của cấp tối cao nữa.

Ông dự đoán được tất cả những sự kiện trọng yếu trong trận chiến. Ông biết Thổ Nhĩ Kỳ sẽ đầu hàng trước cả hội đồng Hiệp ước. Ông biết quân Áo đầu hàng trước khi bất kỳ vị tướng nào nhận được tin, và ông dự đoán được ngày Hiệp ước và Đức ký hiệp định chấm dứt chiến tranh và nói cho Keeley, tôi, cùng một nhóm các sỹ quan dưới quyền năm ngày trước khi *Big 3*¹ nghĩ đến.

Keeley và tôi có thói quen gọi Northcliffe ở khách sạn Ritz mỗi sáng. Sau đó chúng tôi sẽ nghe báo cáo mới nhất từ tiền tuyến, tiến độ hành quân, những câu chuyện ẩn bên dưới với đầy âm mưu, có thể khiến cả châu Âu vui mừng khôn xiết hoặc run lên vì sợ, cùng với 1.001 câu chuyện chiến tranh mà chỉ Northcliffe mới biết. Ông rất thích Keeley, và thường ra khỏi khuôn phép, đối xử rất nhã nhặn với Keeley. Sau khi chia tay Northcliffe, tôi và Keeley sẽ về phòng ở khách sạn Edward VII. Ở đó chúng tôi và Oscar Hewitt (giờ là cây bút viết về chính trị

¹ Ý nói ba lãnh đạo ba đội quân chủ chốt của phe Hiệp ước, gồm thủ tướng Pháp Clemenceau, tổng thống Mỹ Wilson và Lloyd George của Anh.

ở tờ *Tribune*) cùng Joseph Kaufman (người đứng đầu Bộ phận Quảng cáo Liên bang) sẽ ngồi lên kế hoạch và viết tài liệu tuyên truyền.

Tài liệu sau khi viết xong được gửi in khoảng từ nửa triệu tới một triệu bản. Khi hoàn thành, các bản sao sẽ được đưa cho trung úy Chaiques, sỹ quan giao liên thuộc Cục Tuyên truyền Pháp, hoặc thiếu tá James của đơn vị thông tin Mỹ, rồi sau đó phân phối theo các kênh được định sẵn.

Trong số các tài liệu chúng tôi chuẩn bị có một biểu đồ so sánh cho thấy sự gia tăng lính Mỹ ở Pháp. Từ một anh lính nhỏ đại diện cho 50.000 người đầu tiên, chúng tôi kết bằng một anh khổng lồ thể hiện cho 2.700.000 lính. Chúng tôi trích dẫn lời phát biểu của tổng thống Wilson, rằng ông không chiến đấu với nhân dân Đức. Bằng các hình ảnh và số liệu, chúng tôi tìm cách chứng minh cho người Đức thấy họ sẽ vỡ trận. Chúng tôi được nói rõ rằng không được phóng đại số liệu, và phải trình bày chính xác sự thật. Tôi chưa bao giờ nói giảm trong rạp hát, và ở đây cũng vậy, không bao giờ tôi nói quá trong chiến tranh.

Đối với tôi, tài liệu tuyên truyền tôi thích nhất là một tờ truyền đơn. Truyền đơn này rải vào tiền tuyến Đức, và nói rằng nếu anh cầm truyền đơn và đi về lô cốt quân Hiệp ước để đầu hàng và giao nộp mình, anh sẽ ngay lập tức được nâng lên cấp sỹ quan. Nói cách khác, lính tự đầu hàng sẽ được xem như tù binh chiến tranh cấp sỹ quan, và được hưởng chế độ như sỹ quan. Ở phía sau, chúng tôi ghi ra những thứ mà tù binh sẽ được nhận: Cực nhiều bánh mỳ cho mỗi bữa ăn, cực nhiều thịt mỗi tuần, cực nhiều loại rau để chọn, và cực nhiều thuốc hút. Tuy nhiên, hai thứ dụ dỗ hiệu quả nhất đối với binh lính Đức là 24 miếng giấy vệ sinh mỗi ngày và một cái lược bắt chít.

Người ta dự đoán rằng có khoảng 45 triệu truyền đơn nói

trên được thả xuống các lô cốt của Đức và Áo. Cứ mỗi khi sắp có đánh nhau, thì một đoàn máy bay sẽ tập trung rải truyền đơn, nhờ gió mang cả chục ngàn tờ tới chiến tuyến địch. Khi khu vực này vào trận, khu vực kề cận sẽ được tuyên truyền; một đội máy bay thả bom sẽ đi kèm với một đội thả truyền đơn. Hàng ngàn lính Đức đã làm theo hướng dẫn, buông vũ khí, giơ tay và nói: "Ich bin ein freier mann." (Tôi là người tự do!) rồi tiến về doanh trại chúng tôi. Ở đó họ sẽ được trải nghiệm cảm giác thiên đàng với vô số giấy vệ sinh.

Một công cụ khác cũng khá hiệu quả đó là Kinh thánh, đã được điều chỉnh theo mục đích của chúng tôi. Chúng tôi biết rằng rất nhiều người Đức mang theo Kinh thánh bỏ túi, và họ xem đây là thứ thiêng liêng. Chúng tôi cũng được tin là hàng ngàn thợ Hà Lan ngày nào cũng vào Đức làm cho công ty Krupp ở các nhà máy sản xuất đạn tại Essen cũng như nhiều thành phố Đức khác. Những người thợ này sáng nào cũng bị lục soát trước khi được vào vị trí. Mọi thứ họ đem theo đều bị tịch thu, dĩ nhiên, trừ quyển Kinh thánh bỏ túi.

Vì mỗi ngày có gần 100.000 người Hà Lan đi ra đi vào nước Đức nên chúng tôi dự đoán nếu cứ sáu người có một người mang Kinh thánh theo, người ta sẽ không nghi ngờ. Chúng tôi sắp xếp trả cho mỗi người Hà Lan hai đồng florin, tức là khoảng một đô la cho mỗi quyển Kinh thánh đến tay thợ Đức. Tuy nhiên, ngoài ra anh thợ Hà Lan phải ghi lại tên, địa chỉ của thợ Đức đã nhận sách. Khoảng nửa triệu quyển sách bỏ túi như vậy đã nằm trong tay thợ Đức. Những quyển Kinh thánh này khác bản gốc một số chỗ: Tuy những trang đầu là đoạn nói về Khải huyền, cũng như những câu chuyện cổ xưa về quá trình hình thành thế giới, nhưng vào trang thứ mười, chúng tôi bắt đầu nói về quá trình hủy diệt thế giới của Chúa đã tạo ra của những người Đức thô lỗ, mù quáng và bạo lực—cụ thể là bằng

nhóm của Kaiser. Kinh thánh của các anh thợ là một vũ khí vô cùng mạnh mẽ, gieo mầm mống nổi loạn và kéo tụt sự hài lòng trong lòng địch.

Trong lúc đó, các tờ truyền đơn được rải đầy mặt trận phía Tây như tuyết rơi. Vì tình hình quân Đức ngày càng tuyệt vọng, cơ hội ngày càng mong manh, nên những tờ truyền đơn chiêu hàng này hiệu quả đến nỗi phe Đức sẵn sàng khử bất kỳ ai có ý định cúi xuống nhặt. Quân Đức ra luật rằng, nếu có lính nào nhặt một tờ giấy trên chiến hào, những anh lính khác có quyền bắn bỏ. Bá tước Northcliffe nói rằng, cứ mỗi anh lính được chiêu hàng thành công, nghĩa là chúng tôi đã cứu mười lính của phe Hiệp ước; và cứ một lính đứng súng máy đầu hàng, nghĩa là chúng tôi đã cứu được cả ngàn mạng. Ảnh hưởng khủng khiếp của tuyên truyền không chỉ làm lung lay phòng tuyến Đức, nó còn làm lung lay toàn bộ vị thế của phe Liên minh trong Thế chiến.

Vào những tháng cuối cùng, mọi thứ diễn ra rất nhanh. Một sáng nọ, tôi bị tiếng đấm cửa dồn dập làm thức giấc ở khách sạn Edward VII. Tôi nhom dậy khỏi giường và được ông Trosht (thông dịch viên của tôi) kể rằng tiến sỹ Trumbitch, người đứng đầu chính phủ Nam Tư, muốn gặp tôi. Ông muốn tôi sang khách sạn để truyền một thông tin tối mật về cho chính phủ Mỹ. Tôi rất ngạc nhiên, vì với vô số quan chức Mỹ ở Paris, ông lại chọn tôi. Trong thoáng chốc, tôi ngờ ngợ có gì đó không ổn. lát sau, tôi nhớ lại những thứ diễn ra gần đây, và mọi chuyện rõ ràng.

Vào đầu tháng Mười, 1918, Keeyley, Trosht và tôi vừa qua kênh đào Anh, đến Havre trong đêm bão lớn. Chúng tôi không tìm ra chỗ trú ở Paris, và phải đứng suốt cả đêm. Khi đang tìm cách giải quyết ở nhà ga gì sét, Trosht—một người có vẻ như

biết tất cả mọi người ở châu Âu—đã giới thiệu chúng tôi với tiến sỹ Trumbitch, một ông lão tóc trắng đã 75 tuổi. Ông tìm mọi cách giúp chúng tôi, nhưng cả một người như ông cũng bó tay. Ở tuổi đó, thức suốt một đêm giúp đỡ người mới quen đã là một nỗ lực đáng trân trọng lắm rồi.

Tôi chạy đuổi theo ông trưởng nhà ga, và ra vẻ như muốn nói với ông điều gì đó quan trọng và bí mật lắm. Ông dẫn tôi về văn phòng, thấp một cái đèn le lói. Tôi đi đến cửa sổ, đóng lại, rồi nhìn dưới bàn, trong tủ để đảm bảo rằng không có ai theo dõi hay nghe lén. Đến lúc đó, ông trưởng nhà ga đã cảm thấy có gì đó nguy hiểm, và tròn tròn mắt ra. Rồi với điệu bộ kỳ lạ như một nhà ảo thuật, tôi rút ra một tấm thẻ bóng chày cũ có hình chim đại bàng nhìn rất ngẫu, rồi bắt đầu nói với ông người Pháp bằng giọng trầm.

“Tôi đang lãnh một nhiệm vụ vô cùng quan trọng.” Tôi nói với thứ tiếng Pháp gãy lú khúc. “Trong nhóm thực hiện nhiệm vụ có cả tiến sỹ Trumbitch, người đứng đầu chính phủ Nam Tư. Chúng tôi đang đến Paris thực hiện điệp vụ mật. *Americain-savez? Americain?*”¹ Và tôi lại nhá nhá tấm thẻ hình chim đại bàng. “Chúng tôi đã thức hai đêm liền đàm luận với Lloyd George ở London, và chúng tôi không muốn ngủ gục khi gặp thủ tướng Clemenceau!”

Ông trưởng nhà ga nâng tấm thẻ bóng chày từ tay tôi, vừa xem vừa trầm trồ. Ông bậm môi lại, khiến bộ râu của ông như tràn khắp mặt, rồi nói: “Đợi chút, để tôi tìm cách.” Trong vòng mười phút, ông đánh thức bốn người, đá họ khỏi giường rồi cho bốn người chúng tôi nằm ở những chỗ ngon lành nhất.

¹ Tiếng Pháp bồi, ý hỏi: “Mỹ đó, biết không? Mỹ ấy?”

Tiến sỹ Trumbitch không bao giờ quên hôm đó. Ông cứ nghĩ tôi là tướng tá gì to lớn!

Do vậy, cũng dễ hiểu vì sao những thông tin mật liên quan đến nước Mỹ chỉ có thể được truyền thông qua tôi. Cái thẻ bóng chày thật là có giá trị! Tôi đến khách sạn Madison và nhanh chóng vào phòng của tiến sỹ Trumbitch. Lúc đó trong phòng có cả chục người Slav mắt to bặm trợn. Tiến sỹ Trumbitch mặc một cái áo khoác dày, vạt áo đựng đưa bên lò sưởi chưa được nhen. Khi Trosht và tôi vào, ông lão người Slave chào tôi bằng tiếng bản địa, và Trosht dịch cho tôi. Ông giới thiệu tôi với mọi người, đa số là mật thám và sỹ quan thông tin.

Tiến sỹ Trumbitch ngay lập tức nói cho tôi nghe tin mật: “Hôm nay vào đúng 12 giờ trưa, người của tôi sẽ đảo chính. Trước một giờ, chúng tôi sẽ bắt giữ toàn bộ hải quân Áo. Mọi thứ đã sẵn sàng!”

Tôi khá hào hứng và tò mò: “Nhưng ông sắp xếp làm sao?”

“À chúng tôi đã sắp đặt dấu hiệu.”

“Dấu hiệu là gì?”

Ông tiến sỹ nhìn tôi, ngập ngừng trong giây lát, rồi nói:

“Dấu hiệu là một bài dân ca. Bài dân ca này đang lan ở biên giới nước Áo. Và nông dân đang truyền tai nhau bài này. Khi ta đang ở đây nói chuyện, thì bài ca đang được hát đấy. Và lúc 12 giờ, bài hát sẽ truyền đến cảng Trieste, và đó sẽ là dấu hiệu!”

Trong tất cả những chiêu trò truyền thông tôi từng nghe, thì đây là chiêu đặc biệt và giàu hình ảnh nhất. Một vụ đảo chính, một cuộc cách mạng lan suốt một đất nước thông qua một bài hát mà nông dân hay chơi trên sáo và piccolo. Nó như

đốt lửa, bắt đầu được thấp rồi lan rộng, truyền từ người này sang người kia, thấp sáng dần rồi bùng nổ.

Tôi hỏi: “Nhưng tôi phải làm gì?”

“Tôi muốn anh giao nộp hải quân Áo đầu hàng cho chính phủ Mỹ như một cử chỉ thiện chí của người Nam Tư, cũng như là chiến phí bồi thường khi chính phủ đảo chính Nam Tư đầu hàng Hiệp ước.”

Tôi sững sờ. Tôi bảo ông rằng tôi không có quyền chấp nhận bất kỳ đề xuất gì từ bất kỳ ai, nhất là khi thứ được đề xuất là hải quân Áo. Tuy nhiên, ông hiểu sự khước từ của tôi theo ý khác.

“Tôi hiểu. Anh dĩ nhiên không muốn dính vào chuyện này. Tuy nhiên, tôi đảm bảo rằng Nam Tư sẽ có những yêu sách hợp lý. Anh thấy đó, các chính phủ phe Hiệp ước sẽ không thừa nhận chính quyền chúng tôi một cách chính thức, dù chúng tôi có thiện chí. Xin làm ơn nhận lấy!”

Tôi hứa sẽ cố giúp xem sao, và đến nói với Northcliffe. Ông bá tước cười rĩ rồi nói: “Ôi chàng trai, có khi anh là đô đốc hải quân trẻ nhất thế giới ấy chứ! Và chắc cũng là tay làm truyền thông duy nhất có nguyên cả hạm đội!” Ông bá tước đảm bảo là tôi không có cơ hội sở hữu cái hạm đội giao nộp ấy đâu, và ông nói đúng. Chả phe nào nắm được hạm đội, dù rằng vào ba giờ chiều ngày đó, báo chí Pháp tuyên bố rằng hải quân Áo đã nằm trong tay quân Nam Tư, và quân Nam Tư dự định cho hạm đội này rời cảng Trieste để giao nộp cho quân Hiệp ước.

Sáng hôm sau, tôi đọc được là một phần hạm đội “của tôi” đã bị quân Ý đánh chìm. Sau đó người ta đồn là quân Ý sợ rằng, nếu quân Nam Tư giao nộp được hạm đội này cho phe Hiệp ước, thì thiện chí hòa bình của quân Ý sẽ không được

đánh giá cao. Ôi, chỉ ít thì tôi cũng đã cố hết sức rồi đấy thôi (may là tôi không đụng vào)! Cuối cùng, tiến sỹ Trumbitch hồi hận rằng ông đã không cho tôi nắm hạm đội ấy sớm. Tôi cho Trosht gửi một bức thư tới cho Trumbitch, bảo rằng tôi xin lỗi, giải thích rằng nước Mỹ không thể sử dụng hạm đội này. Tôi bảo rằng tôi cảm thông sâu sắc, và nhân cơ hội này “tử chức” đô đốc hải quân luôn.

Tôi may mắn được bá tước Northcliffe mời đến phòng vào sáng hôm sau. Ông nói: “Đến lúc chín giờ sáng, tôi đảm bảo cậu sẽ có một bữa sáng thú vị.”

Khi tôi đến phòng của Northcliffe, ở đó có Pomeroy Burton, hiệp sỹ, và tổng biên tập báo *Daily Mail* ở London; Sayton Watson, một nhân vật quan trọng trong các vụ áp phe ở Trung Âu; James Keeley và vài người khác. Tất cả đều được giới thiệu với một vị tướng, *Sir Charles Vere Ferrers Townshend*. Ông vừa về từ Constantinople. Ông bị quân Thổ bắt ở thảm họa Kut-El-Mara, và làm tù nhân ở đó một thời gian. Khi phe Liên minh thất thế, quốc vương Thổ bắt đầu thân thiện hơn với tướng Townshend. Sau một thời gian, quốc vương tặng cho vị tướng cả một tòa cung điện. Tuy sỹ quan Đức ở Constantinople nhất quyết đòi bắt giam tướng Townshend và canh gác kỹ, nhưng quốc vương vẫn cho Townshend tự do như ở nhà. Thậm chí quốc vương còn tặng nguyên một đàn tỳ nữ cho Townshend, và dĩ nhiên vị tướng tôn kính của chúng ta từ chối. Cuối cùng, khi quân Thổ bắt đầu ngửi được mùi thảm họa đang đến gần, họ bắt đầu thân thiện hết mức có thể với Townshend, tạo dựng cái chết giả cho ông, rồi mang ông ra ngoài ngay dưới mũi lính Đức. Ông được giấu và chở tới Smyrna, sau đó cho lên một cái thuyền câu. Vài ngày sau, chiếc thuyền gặp quân Anh, ông được mang về một cảng biển Pháp. Ở đoạn kết câu chuyện hấp dẫn ly kỳ này, tướng Townshend

trình một số văn bản chính thức cho thấy chính phủ Thổ đã đầu hàng Hiệp ước, đề nghị hòa bình.

Townshend kể chuyện này cho Northcliffe trước khi nói cho Lloyd George hay Clemenceau. Tôi tin rằng quyển sách này là tài liệu in đầu tiên kể về cuộc gặp gỡ giữa tướng Townshend và Northcliffe.

Khoảng một tuần sau, Northcliffe tiết lộ cho tôi và Keeley rằng chúng tôi nên chuẩn bị đóng gói đồ đạc để về nước là vừa. Ông có báo cáo mật rằng quân Áo đã đầu hàng, và quân Đức đang đề xuất ngừng bắn. Vào thứ ba, khi cò trắng đã rũ ở chiến tuyến Senlis, bá tước Northcliffe cho tôi và Keeley quyền đi đến tiền tuyến để chứng kiến cảnh tượng kỳ vĩ nhất mà chúng tôi từng được chứng kiến—một sự yên lặng bao trùm cuộc chiến tàn khốc và đẫm máu nhất lịch sử loài người cho đến thời bấy giờ. Nhưng thay vì vậy, tôi bắt chuyến tàu đầu tiên đến Bordeaux rồi về Mỹ vào sáng ngày 12 tháng Mười Một, đúng vào ngày hiệp định đình chiến được ký kết. Tôi có lẽ là công dân Mỹ đầu tiên trở về sau cuộc chiến. Tôi đã hơi đau buồn và mệt mỏi với chiến tranh quá rồi. Cha tôi đã mất vào đêm tôi lên đường sang châu Âu. Và lúc đó, khi vừa đến Pháp, tôi cũng được tin anh tôi đã hy sinh rồi...

KẾT

viết bởi David Freedman

Là cộng sự và người chép tiểu sử cho Harry Reichenbach, tôi phải viết chương cuối cuộc đời của anh một mình. Khi chúng tôi đang chuẩn bị bản thảo cuối của quyển sách này thì anh bất ngờ ngã bệnh và phải nằm liệt giường lần đầu tiên trong suốt 25 năm trở lại đây. Trong suốt tám tháng ròng, anh đã đấu tranh mạnh mẽ chống lại căn bệnh ung thư thực quản. Suốt thời gian đó, anh vẫn tiếp tục giải quyết công việc của mình qua điện thoại trên giường bệnh, hút California Petits—một loại xì gà nhỏ—rồi nhả từng đọt khói ngắn. Anh vẫn tiếp tục lên kế hoạch cho các trò truyền thông, và vẫn liên tục giúp khách hàng của mình—từ ngân hàng, nghệ sỹ cho đến công ty điện ảnh—lên trang nhất thường xuyên. Anh đặt ngón tay lên động mạch của thế giới thông qua truyền thanh, báo chí, bạn bè; và những người đến thăm anh trong nửa giờ sẽ nghĩ giường bệnh của anh là văn phòng, rằng anh sẽ lại tiếp tục đứng ở những con đường truyền thông và điều hướng sự chú ý của cả thế giới. Những người đến để an ủi anh, khi ra về lại tự cảm thấy được an ủi và xốc lại tinh thần của chính mình.

Nhưng rồi căn bệnh ngày càng ăn sâu vào người anh. Nó

hút cạn năng lượng và sức mạnh của Harry. Lần đầu tiên trong đời mình, anh cảm thấy mệt mỏi với con người và bắt đầu dành thời gian cho riêng mình nhiều hơn. Chiếc đài phát thanh mà ban đầu anh tránh xa—vì nó có vẻ như chiếm lấy đặc quyền vươn ra thế giới vạn tay vạn mắt của anh—giờ đây trở thành niềm vui duy nhất. Rồi cuối cùng chính cái đài phát thanh cũng khiến anh mệt mỏi. Giờ anh đã ở trong bệnh viện, và chỉ có Lucinda cạnh bên. Anh muốn đọc báo. Anh vẫn muốn đặt ngón tay lên động mạch của thế giới. Và thứ cuối cùng anh bám lấy ở báo chí là chuyên mục bàn luận và tin đồn. Khi gần cuối đời, anh chỉ lắng tai nghe những lời của Walter Winchell. Thế rồi những tiếng vọng ấy phai dần trong vòng xoáy vô tận của bóng tối. Giờ anh không còn lắng nghe báo chí nữa. Mắt anh cũng nhắm lại, không còn lén nhìn thế giới qua khe cửa. Giờ anh chỉ còn những điều xì gà. Anh hút đến tận cùng. Có điều gì đó trong những làn khói tỏa vẽ nên hình ảnh thế giới của những danh vọng hư ảo trong anh. Thế rồi chính những lọn khói cũng biến mất trên đôi môi thâm tím. Mọi thứ dần tối. Tay anh mất đi sự sống, buông thõng khỏi đôi tay Lucinda. Ngày 3 tháng Bảy, vào tuổi 49, Harry Reichenbach qua đời.

Harry Reichenbach là người vĩ đại nhất trong thế giới quảng cáo và truyền thông của nước Mỹ kể từ thời P. T. Barnum. Trên nhiều phương diện, anh còn là một con người đầy màu sắc hơn, và ảnh hưởng của anh trong nghệ thuật bán hàng, quảng bá còn mang tính căn bản và rộng rãi hơn nữa. Tuy phương pháp của Barnum khá hiệu quả khi quảng bá cho chính mình và gánh xiếc của ông, nhưng Reichenbach thì không như vậy: anh không giữ lấy hào quang cho riêng mình. Anh luôn đứng sau hậu trường, ít được công chúng biết đến. Tên anh chính là chìa khóa cho mọi bí ẩn trong tòa nhà của danh vọng và sự giàu có, xây nên từ những câu chữ và chiêu

trò truyền thông.

Ngành công nghiệp điện ảnh sẽ không thể tồn tại như bây giờ nếu không có anh. Tuy anh không trở thành một ông hoàng điện ảnh, nhưng anh lại là người tạo ra những ông hoàng. Chính nghệ thuật tạo ra tin tức độc đáo và hấp dẫn của anh đã giúp ngành công nghiệp điện ảnh vươn lên đứng thứ ba từ những xô diễn ở các rạp giá vé chỉ vài xu lẻ. Zukor, Lasky, Goldwyn, Laemmle, Fox, Metro-Goldwyn-Mayer và hàng loạt ngôi sao hạng nhất thời kỳ đầu đều đã nương nhờ sức mạnh vô biên của những chiêu trò truyền thông của Harry. Thông qua những chiêu trò sáng tạo, anh đã giúp họ lên trang nhất, và rồi được thế giới chú ý đến.

Anh đã biết những nguyên lý ma thuật thô sơ của Barnum và nhiều nhà tiên phong gánh xiếc khác thành triết lý truyền thông. Anh biết những người giới thiệu ở các xô diễn gánh xiếc trở thành những nhà tư vấn quan hệ công chúng. Anh dạy cho doanh nhân cách gắn những chiếc loa quảng bá vào doanh nghiệp của họ, để những con đường của khách hàng được chuyển hướng thẳng đến cửa hàng của mỗi người. Tuy tin tức mà Harry tạo ra không dựa trên sự thật, nhưng nó quá hấp dẫn và gọi tưởng. Những dự án của anh không bao giờ bị tác dụng ngược, vì những chiêu trò mà anh thực hiện đều chứa đựng sự hài hước, luôn để lại sự ngạc nhiên khi thời gian qua đi.

Những trò truyền thông như chuyện con sư tử ở trước cửa khách sạn, con khỉ mặc áo quần ở sảnh Knickerbocker cùng giới thượng lưu, trinh nữ xứ Stamboul với nhiệm vụ của đoàn người Thổ ngay tại New York, tất cả đều có mùi vị tác phẩm của O. Henry: sau khi công chúng được tiết lộ những câu chuyện ấy chỉ là chiêu trò, báo chí vẫn tiếp tục theo để tìm đoạn kết hài hước. Anh đưa sắc màu kỳ diệu vào mạng lưới

cuộc đời, rồi viết những câu chuyện thần kỳ trên trang nhất của những tờ báo nghiêm túc và bảo thủ nhất. Anh mang lại chút lãng mạn cho quy trình bán hàng tầm thường, để rồi chứng minh rằng nguyên lý ấy không chỉ có thể ứng dụng ở các gánh xiếc và điện ảnh, mà còn trong những ngành công nghiệp kỳ cựu bảo thủ nhất nữa.

Ngoài giá trị thương mại cực kỳ lớn của những dự án anh làm, Harry còn có một sức cuốn hút và sự thông minh tuyệt vời, khiến anh trở thành hình tượng trung tâm của Broadway và đường số 42—nơi có thể xem là trung tâm của thế giới. Anh cũng là một diễn thuyết gia nhanh nhạy, một nhà diễn thuyết mà tất cả mọi đám đông nước Mỹ đều yêu thích. Anh là một quý ông ngọt ngào, lịch lãm nhưng vẫn chứa đựng bên dưới bản năng mạnh mẽ và sự lạnh lợi của dân gánh xiếc. Anh biết rõ từng góc ngách cuộc sống, và đã sống trọn vẹn đời mình.

Quyển sách này là di sản duy nhất anh để lại, là một bản ghi chép cuộc đời thay đổi dị thường như tắc kè hoa, với những suy nghĩ và hành động cực nhanh nhạy. Thật khó để diễn tả hết tất cả những điều này chỉ trong một quyển sách. Câu chuyện về Harry Reichenbach cũng là câu chuyện về một ngành công nghiệp mới của nước Mỹ, cùng với những chi tiết về cách mà doanh nhân Mỹ khai phá ra phương pháp đánh bóng sản phẩm và bán sản phẩm của mình cho thế giới. Phương pháp của anh thật đẹp và huyền ảo, không khác gì câu chuyện cổ xưa, khi một lái buôn Ả Rập bán một chiếc đèn lạ lùng cho Aladdin...

HẾT

BÓNG MA DANH VỌNG

Những chiêu trò tinh quái của huyền thoại truyền thông Harry Reichenbach

Tác giả

Harry Reichenbach & David Freedman

Biên dịch

Nguyễn Hạo Nhiên

Chịu trách nhiệm xuất bản

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Định

Biên tập

Lê Thị Diệu Phương

Trình bày bìa

Nguyễn Hạo Nhiên

Sửa bản in

Trương Thị Thu Nga

Mã số ISBN

978-604-922-515-4

Đơn vị liên kết xuất bản

Công ty TNHH Ecoblader

Địa chỉ: 168G Lưu Hữu Phước, Phường 15, Quận 8, TP. HCM

SĐT: 0983020991 - Email: contact@ecoblader.com

Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Số 279 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Website: www.nxb.ueh.edu.vn - Email: nxb@ueh.edu.vn

Điện thoại: (08) 38.575.466 – Fax: 38.550.783

In 2.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In Khuyến Học
Phía Nam. Địa chỉ: Lô B5-8 đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi,
Tp.HCM. Số ĐKXB: 1811-2017/CXBIPH/05-12/KTTPHCM. Số QĐXB:
109/QĐ-NXBKTTPHCM cấp ngày 18/09/2017. In xong và nộp lưu
chiếu tháng 10 năm 2017. Mã số ISBN: 978-604-922-515-4.